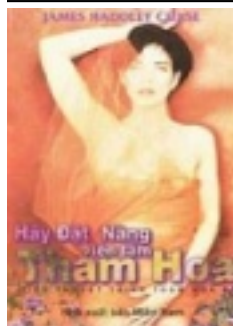


Hãy Đặt Nàng Lên Tầm Thảm Hoa

Contents

Hãy Đặt Nàng Lên Tầm Thảm Hoa	1
1. Chương 1	1
2. Chương 2	18
3. Chương 3	33
4. Chương 4	49
5. Chương 5	66
6. Chương 6	72
7. Chương 7	77
8. Chương 8	88
9. Chương 9	105
10. Chương 10	120
11. Chương 11	136
12. Chương 12	152
13. Chương 13	158
14. Chương 14	164

Hãy Đặt Nàng Lên Tầm Thảm Hoa



Giới thiệu

Một buổi sáng tháng bảy nồng nực vẫn có thể hứa hẹn với bạn nhiều điều thú vị nếu bạn được mặc c

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/hay-dat-nang-len-tam-tham-hoa>

1. Chương 1

I

Một buổi sáng tháng bảy nồng nực vẫn có thể hứa hẹn với bạn nhiều điều thú vị nếu bạn được mặc quần

tắm, sánh vai trên bãi biển với một cô nàng tóc vàng xinh đẹp; nhưng cũng là quãng thời gian đầy mệt mỏi nếu như bạn bắt buộc phải giam mình trong phòng làm việc như hoàn cảnh của tôi trong lúc này.

Tiếng xe hơi trên Đại lộ Orchid, tiếng ầm ì của chiếc máy bay đang bay dọc theo bờ biển, lọt qua khung cửa sổ căn phòng của tôi tiếng sóng biển rì rào. Máy điều hòa nhiệt độ nằm lẩn trong khe tường căn nhà cao tầng Orchid Buiding đang phải đương đầu với cái nóng mỗi lúc một tăng. Mặt trời chói chang chiếu những chùm tia rực rỡ lên tấm thảm do Paula sắm cho căn phòng làm việc của tôi, cốt để gây ấn tượng với khách hàng. Cái giá cắt cổ của nó làm cho chính bản thân tôi cũng ít khi dám đặt chân lên.

Tôi bày ra mặt bàn một số thư tín cũ, để nếu Paula bất chợt đi vào, sẽ nghĩ rằng tôi đang làm việc. Ly ụytki có khả năng làm bỏng cổ họng, được tôi giấu sau cuốn sách luật dày cộm. Mỗi lần nhắm nháp mũi tôi đụng cả vào mấy cục đá lạnh.

Tôi thành lập công ty Universal Services này đã được hơn ba năm rưỡi, một tổ chức nhận phục vụ bà con từ việc dạy chó tới việc tiễn một tay tổng tiền quá tham lam sang bên kia thế giới. Theo bảng giá phục vụ thì chỉ có mấy tay triệu phú mới có đủ khả năng nhờ tới công ty, nhưng nhờ trời ở cái đô thị Orchid này, số triệu phú cũng nhiều bằng số hạt cát trên bãi biển. Hơn ba năm rưỡi qua, công ty tôi cũng khấm khá, vớ được một số tiền, nhận được khối việc linh tinh kể cả việc điều tra vụ án.

Thời gian gần đây, hoạt động của công ty bỗng trở nên trầm lắng theo kiểu cô gái già ngồi bên bếp lửa.

Những chuyện lật vặt bình thường thì Paula cũng tự giải quyết được.

Bây giờ, chỉ có công việc nào cỡ quan trọng cực kỳ mới có thể làm cho tôi và Jack Kerman (cánh tay phải của tôi) thoát khỏi tâm trạng ừ lì này. Vậy mà chẳng thấy loại công việc ấy đâu cả, khiến cho tôi và Jack chỉ còn việc ngồi nhâm nhi và cố làm cho Paula tưởng rằng chúng tôi đang có món gì bỏ lăm. Jack ngồi chễm chệ trên cái ghế bành dành cho khách hàng. Cậu ta người dài, mảnh, nhanh nhẹn, có bộ tóc đen với một chùm tóc trắng nằm ngang, bộ ria mép vào loại “không giống ai”. Cậu ta đương cọt cọt ly rượu lạnh vào trán, bộ mặt đờ đẫn. Mặc bộ complê xanh ôliu, đeo ca vát kẻ sọc vàng, đi giày da hươu trắng có đường gân nổi màu xanh, nhìn cậu ta cứ như vừa ra khỏi tiệm may thời trang cho đàn ông vậy.

Ngẫm nghĩ chán rồi, cậu ta lên tiếng:

- Này, “mái” ấy cũng được chứ. Nếu bỏ đôi tay đi, khéo cô ta còn trội hơn cả pho tượng thần Vệ nữ ở Milô ấy.

Ngồi tọt vào lòng ghế, hần tiếp tục lải nhải:

- Ước gì có ai khử đôi tay cô ấy đi. Trời đất! Vậy mà tôi ngổ quá, cứ tưởng em dễ lắm...

- Thôi, rác tai! - Tôi vừa nói vừa với chai rượu - Biết rồi! Trời nóng như thế này mà cứ phải nghe những chuyện lằng nhằng của cậu thì thà đi nghiên cứu thánh kinh còn hơn.

- Sẽ mất thì giờ vô ích thôi, - Kerman nói giọng khinh thường - những chỗ hay trong cuốn sách đều viết bằng tiếng Latinh đấy.

- Ấy, đừng lạ. Có nhiều người đã học tiếng Latinh chỉ để hiểu những chỗ đó thôi đấy. Một công, đôi việc.

- Nghe vậy, tôi lại nhớ tới em tóc vàng của tôi - Kerman đuổi đôi cẳng dài - Hôm qua, tôi vừa gặp em ở tiệm Barney.

- Đây cóc cần để ý tới các em tóc vàng - tôi trả lời dứt khoát - Đáng lẽ ngồi mốc ra ở đây nói chuyện gái, cậu phải đi tứ phương mò ra việc mà làm. Nhiều lúc tớ cũng tự hỏi, trả lương cậu làm quái gì nhỉ.

Kerman có vẻ ngạc nhiên:

- Anh muốn có việc thật à? Tôi lại nghĩ, cứ để cho Paula làm, còn chúng mình chỉ việc ăn theo.

- Chẳng nên nghĩ như vậy mãi. Thỉnh thoảng nếu làm một việc gì đó đáng giá với một miếng bít tết cậu ăn thì cũng chẳng chết nào.

Kerman làm bộ yên tâm:

- Thỉnh thoảng thôi à... thế thì tốt. Tôi cứ ngỡ anh yêu cầu làm ngay.

Hắn làm thêm một tợp nữa rồi nhắm mắt lại:

- Này, cô em mà tôi nói với anh không phải là loại thường đâu nhé, tôi thề là đúng như vậy. Khi tôi đề nghị gặp lại nhau, nàng trả lời không phải là hạng người chạy theo đàn ông. Anh có hiểu tôi nói gì không?

- Không. Cái gì?

Hắn lại tiếp tục kể lại. Khổ một nỗi là nếu tôi không chịu nghe những lời tào lao của hắn thì rồi đây, lấy ai là người sẽ chịu chuyện của tôi.

Kerman lắc nhai:

- Tôi trả lời: “Thưa quý nương, có thể quý nương không chạy theo đàn ông, nhưng ở đời này có bao giờ cái bầy chuột lại chạy theo con chuột”. Câu này được đấy chứ, hả? Em chờ người luôn. Anh không nên bấu môi ra như vậy. Có thể, anh chẳng lạ gì câu nói đó, nhưng với nàng thì quả là có tác dụng.

Bổng cửa mở và Paula bước vào phòng, khi tôi chưa kịp giấu ly rượu đi.

Paula là một cô gái da ngăm ngăm, xinh đẹp, có đôi mắt màu sẫm, lạnh lùng và bình tĩnh, với một thân hình xứng đáng để mình phải quan tâm. Lại còn hoạt động, thông minh và chăm chỉ. Chính cô ấy đã khuyến khích tôi thành lập công ty Universal Services này, cho tôi vay tiền để sống qua sáu tháng đầu. Nhờ tài điều phối của nàng mà công ty đã có những thành công nhất định. Nếu ví tôi là bộ óc của công ty thì chính cô ấy là bộ xương sống. Có thể nói rằng, nếu không có Paula thì chỉ trong tám ngày là công ty của tôi sẽ giải tán.

Bây giờ thì cô ấy đang đứng trước bàn giấy, nhìn tôi với ánh mắt không đồng tình và hỏi:

- Anh không có việc gì để làm hơn là ngồi đấy mà nhắm nháp à? - Kerman vội lên tiếng tuy giọng nói hơi đuối.

- Thì làm gì hơn được?

Cô ấy lườm Kerman rồi hướng sang tôi đôi mắt xám long lanh. Tôi vội trả lời:

- Thật ra thì tụi anh cũng đang định đi ra ngoài để móc nối với khách hàng. Nào, Jack, coi chúng mình làm gì bây giờ.

- Phải đấy, nhưng đi đâu? Tới tiệm của Finnegan chẳng? - Paula hỏi móc chúng tôi.

- Ý kiến hay tuyệt đấy, bà già khó tính ă. Kerman nói: - Rất có thể, Finnegan sẽ tuân cho mình một việc gì đấy.

- Trước khi đi, có lẽ anh cũng nên biết tới cái này. - Paula đưa cho tôi một phong bì dài và nói tiếp:

- Người gác cửa vừa đưa cho tôi và bảo thấy nó trong túi chiếc áo mưa cũ mà anh quảng cho ông ta.

- Vậy hả? - Tôi vội đỡ lấy cái phong bì - Thế này thì lạ thật. Đã hơn một năm nay, tôi không mặc cái áo ấy.

- Anh hãy nhìn dấu bưu điện, thử coi - giọng Paula dịu dàng như tiết trời trước cơn dông tố - Cái thư đã được gửi đi cách đây một năm hai tháng. Tôi không dám nghĩ rằng anh quên nó trong túi. Có lẽ nào anh lại làm như vậy, phải không?

Chữ viết nắn nót trên phong bì là nét chữ của một phụ nữ.

- Anh không nhớ là đã nhìn thấy nó bao giờ?

- Anh thì có nhớ cái gì. Nếu tôi không tìm cách làm cho đầu óc anh tỉnh táo lại thì rồi đây, chắc anh còn làm tôi ngạc nhiên vì nhiều việc nữa - Paula đẩy nghiêng tôi.

- Này, này cô em xinh đẹp! Kerman lên giọng dịu dàng - Có ngày anh sẽ kiếm cho em một chàng dư sức đấu với em và còn cho em một trận nữa đấy.

- Cô ấy không ngán đâu (vừa nói, vừa mở phong bì) - tôi đã từng thử, nhưng chỉ có tác dụng làm cô ấy sôi sục thêm thôi. Tôi luồn hai ngón tay vào phong bì, lấy ra một lá thư và tờ năm trăm đôla.

- Trời ơi! - Kerman kêu và nhảy cẫng ra khỏi ghế - thế này mà anh đưa cho bố gác cổng hả?

- Ô, không phải cậu đưa là được rồi.

Tôi cao giọng đọc thư:

Crestways, Foothill Boulevard, Orchid City,

Ngày 15, tháng... năm, 19...

Xin ông đến gặp tôi ngày mai, lúc ba giờ tại địa chỉ trên. Tôi muốn bàn với ông về một vụ tổng tiền mà tôi là nạn nhân. Tôi chắc công việc này hợp với chuyên môn của ông. Đề nghị ông hãy coi bức thư này có tính cách khẩn và mật. Xin gửi kèm theo đây tiền chi phí trước là năm trăm đôla.

Janet Crosby

Không khí thật nặng nề. Kerman cũng chẳng biết nói gì. Chúng tôi thường trông vào mối quan hệ với những khách hàng cũ để dẫn tới những công việc mới. Vậy mà, giữ cái thư này tới mười bốn tháng, cả món tiền năm trăm đôla kèm theo mà không hề báo tin lại cho vị khách hàng tương lai của công ty biết rằng chúng tôi đã nhận được, chắc chắn rằng việc đó chẳng tốt gì cho uy tín của chúng tôi.

- Khẩn và mật - Paula lẩm bẩm - Vậy mà giữ trong túi áo mười bốn tháng, rồi quẳng cho người gác cổng để cho những người quen sơ sơ cũng biết. Rõ thật là đẹp!

- Thôi, dẹp đi! - Tôi gắt - Tại sao người phụ nữ đó không gọi giấy nói xem sự thể ra sao? Cô ta cũng đoán được lá thư có thể bị lạc chứ. Nhưng này, hay bà ta chết rồi. Chúng ta đã biết, có một người con gái nhà Crosby chết. Người đó là Janet chẳng?

- Ủ, tôi cũng nghĩ như vậy. Để tôi đi kiểm tra xem sao.

- Nhân tiện, em hãy mang lại cho anh tất cả các tài liệu của chúng ta có liên quan tới gia đình Crosby nhé.

Khi Paula rời phòng, tôi bảo Kerman:

- Nếu Janet đã chết, tớ nghĩ rằng mình phải gửi trả lại số tiền cho gia đình người ta.

Kerman có ý tiếc món tiền từ trên trời rơi xuống nên có ý kiến:

- Làm như vậy, bọn nhà báo nó đánh hơi thấy, chắc sẽ không có gì hay cho công việc của chúng ta đâu. Phải đề phòng, Víc ạ. Tốt nhất, ta cứ giữ tiền lại rồi im chuyện này đi.

- Không làm thế được. Về mặt công việc thì ổn đấy, nhưng về mặt lương tâm thì không xuôi.

Kerman vắn vẹo mình trên ghế:

- Ấy là tôi nghĩ mình không nên khuấy c. lên mà nghĩ thôi. Có phải nhà Crosby có chân trong ngành dầu lửa không?

- Đúng đấy, nhưng ông ta chết rồi. Cách đây mấy năm, trong một tai nạn, ông ta bị một viên đạn vào đầu.

Cầm con dao rọc giấy trong tay, tôi bực dọc chọc chọc xuống làm tờ giấy thấm lót tay thủng lỗ chỗ.

- Tớ vẫn chưa hiểu được tại sao tớ lại để cái phong bì đó trong túi áo mưa cơ chứ. Chẳng biết ra sao nữa.- Kerman hiểu rõ tính tình Paula nên cười với tôi, ra vẻ thông cảm:

- Nếu em cự nự quá thì anh cứ hét cho em mấy cái là xong ấy mà. Sau đó, cố mà gánh chịu. Cứ nghĩ tới anh lúc đó mà tôi thấy khoái.

Tôi tiếp tục chọc xuống tờ giấy thấm lúc Paula trở lại, với bao bì giấy đầy những bài báo đã được cắt ra. Paula nói:

- Janet Crosby bị chết vì một cơn đau tim ngày 15 tháng 5 năm ngoái, đúng ngày cô ta gửi cái thư ấy đi.

- Cho nên từ ngày đó tới nay, chúng ta không thấy ai dấn động gì tới việc này nữa thì cũng chẳng có gì lạ.

- Cơn đau tim à? Cô ta hồi đó bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi lăm.

Tôi đặt con dao rọc giấy xuống bàn và rút một điều thuốc:

- Trẻ như vậy mà chết vì bệnh tim đột ngột thì cũng hơi lạ đấy. Nhưng em biết được gì qua những tài liệu trong tập hồ sơ này nào.

Paula ngồi xuống mép bàn và nói:

- Cũng không có gì khác những điều chúng ta đã nắm được. Mac Donald Crosby đã thu được hàng triệu đô la trong vụ dầu lửa. Ông ta là một tín đồ quaker ít phóng khoáng, hai đời vợ. Janet là con vợ trước, hơn cô em Maureen, con người vợ thứ hai, bốn tuổi. Crosby đã nghỉ làm việc từ năm năm và tới ở Orchid City. Trước đây, ông ta ở San Francisco. Hai cô con gái khác hẳn nhau về mọi mặt. Janet là một họa sĩ say sưa với nghề; đã có nhiều bức tranh được trưng bày trong viện bảo tàng tranh mỹ thuật hiện đại. Là một cô gái có tài năng nhưng kín đáo và khó tính. Cô em Maureen xinh đẹp lại nổi tiếng vì tính lập dị và phóng đãng. Trước khi ông bố chết, cô ta thường được đăng ở trang nhất các tờ báo vì dính líu tới các vụ sù căng đàn.

- Loại nào? - tôi hỏi.

- Cách đây mấy năm, cô ta lái xe, cán chết một người. Có lời đồn rằng vì cô say rượu. Điều đó có thể đúng vì cô có khả năng uống như cái thùng không đáy. Ông bố đã chạy chốt sở cảnh sát và cuối cùng cô bé chỉ bị phạt một món tiền lớn vì lái xe quá tốc độ cho phép. Lần khác, có kẻ thách cô cưỡi truồng cưỡi ngựa đi diễn trên Đại lộ Orchid và cô đã thắng cuộc.

Kerman nhòm người khỏi cái ghế dựa, mắt long lanh, hỏi:

- Xin hỏi một câu vì tôi chưa hiểu kỹ. Vậy thì ai cưỡi truồng, con ngựa hay cô gái?

- Cô gái, đồ ngốc!

- Chuyện đó xảy ra bao giờ nhỉ, sao tôi không thấy?

- Cô ta mới đi được năm mươi mét đã bị chặn lại.

- Trời, nếu tôi ở đó, tôi đã đi kèm cô ta từ đầu.

- Thôi im đi, đừng nói dốt nữa?

Tôi có ý kiến:

- Xem như vậy thì quả thật cô ta là một con mồi béo bở cho bọn nặc danh.

Paula gật đầu:

- Các anh có biết ông Crosby bị chết như thế nào không? Ông ta ngồi ở bàn làm việc, lau súng, và bị chết bởi một viên đạn cướp cò. Một phần tư gia tài để ở một ngân hàng dành cho Maureen. Ba phần tư kia không có di chúc hướng dẫn việc sử dụng làm gì. Sau khi Janet chết, tất cả gia tài thuộc về Maureen và từ đó, không thấy tên cô ta trên báo chí nữa.

- Crosby chết từ hồi nào?

- Tháng ba năm ngoái. Hai tháng trước cái chết của Janet.

- Maureen lợi quá nhỉ.

Paula ngược lông mày lên:

- Đúng là cái chết của Crosby đã có ảnh hưởng rất nhiều tới Janet. Giới báo chí cho rằng cô ta không được khỏe vì cái tang của ông bố khiến cho cô ta bị một cú sốc.

- Có thể như vậy lắm, nhưng tôi muốn nhấn mạnh là sự việc xảy ra hoàn toàn có lợi cho Maureen. Hình như câu chuyện này có điều gì không minh bạch, Paula ạ. Có thể vì đầu óc tôi không được lành mạnh cho lắm, nhưng cứ thử coi lại mà xem: Janet viết cho tôi biết, có người muốn tung tin xấu về em cô. Sau đó cô vội chết để cho cô em hưởng trọn gia tài. Thật là một sự trùng hợp kỳ lạ...

Paula nhăn mặt, nói:

- Tôi chưa biết chúng ta nên xử sự thế nào vì chúng ta không thể thay mặt cho khách hàng đã quá cố.

- Được chứ (tôi bật ngón tay vào tờ năm trăm đô la). Nếu tôi không hoàn món tiền này cho người thừa kế nó, thì tôi phải làm việc để xứng với tiền công của khách hàng ứng cho tôi. Tôi chọn biện pháp thứ hai.
- Mười bốn tháng qua, đã lâu rồi đấy - (Kerman tỏ vẻ nghi ngờ) - Bây giờ tìm được dấu vết cũng khó.
- Nếu có dấu vết (Paula để thêm vào).

Tôi lùi ghế lại và trình bày thêm ý kiến của tôi:

- Mặt khác, nếu cái chết của Janet không bình thường thì thời gian qua đã đủ làm cho thủ phạm yên tâm. Khi cho rằng mình đã an toàn, hẳn dễ phạm sai lầm. Tôi sẽ đi gặp Maureen coi thử cô ta sử dụng món tiền được hưởng của cô chị như thế nào.

Kerman gầm gừ trong cổ họng: - Tôi cho rằng thời kỳ làm việc theo kiểu “dự đoán theo linh tính” như thế này đã qua rồi. Vậy tôi phải làm gì ngay bây giờ hay là đợi anh quay về.

- Đợi tớ về đã. Nhưng nếu cậu còn bận bịu về cái việc kia, cái vụ bẫy chuột gì ấy mà, thì hãy tìm người thế chân cho cậu đi.

II

Crestways, khu biệt thự của gia đình Crosby nằm sau dãy tường thấp bên trên có những cây leo. Sát tường là hàng rào sắt với những dây thép gai cuộn tròn. Lối vào có hai cánh cổng bằng gỗ, nặng nề. Cánh phải có cục sắt dùng để gọi cửa, hình đầu người.

Giữa đại lộ Foothill và sa mạc Crystal Lake có độ nửa tá biệt thự như vậy nằm cách nhau một khu đất cát, quãng nửa hecta, đầy cây gai và cỏ dại.

Ngồi trong chiếc Buick mui trần - kiểu từ thời tiền chiến - tôi nhìn những cánh cửa gỗ với vẻ thờ ơ. Biệt thự gia đình Crosby, chỉ khác biệt thự những nhà triệu phú khác ở tấm biển gắn vào tường mang tên: Crestways. Dinh cơ của tất cả cái bọn con trời này đều nằm sau những bức tường loại không thể vượt qua. Tất cả đều có những cánh cổng nặng nề đủ làm nản chí những kẻ định tới quấy rầy. Những dinh cơ đó đều nằm trong cảnh lặng lẽ đặc biệt, thoảng có những mùi hương hoa giống nhau, có những thảm cỏ được chăm sóc cẩn thận như nhau. Tuy không thể nhìn thấu qua những tấm cửa, nhưng tôi biết chắc chắn đằng sau chúng bao giờ cũng có cùng một loại bể bơi lỏng lẫ, cùng những bể cá, những lối đi giữa những giàn cây leo với những bụi hồng. Khi có một triệu đô la, thì người ta phải sống giống như những nhà triệu phú khác để người ta khỏi khinh thường. Sự đời bao giờ cũng thế và sẽ mãi mãi như thế, chừng nào vẫn có những nhà triệu phú.

Chẳng thấy ai buồn mở cổng, tôi ra khỏi xe và bám lấy cái chuông trên tường. Tiếng chuông bị che chắn nên chỉ vọng khê ra như tiếng người bị bịt miệng. Im lặng hoàn toàn. Tôi bị ánh nắng chiếu vào giữa đỉnh đầu. Cái nóng mỗi lúc một thêm gay gắt nên công việc đứng giật chuông đối với tôi cũng là một cực hình. Cánh cổng rít lên khi tôi đẩy ra để thò cổ vào bên trong. Trước mắt tôi là một cái sân đủ rộng để cho một chiếc chiến xa biểu diễn. Nhưng có lẽ không có ai cất cổ cả tháng nay rồi, có thể đã từ hai tháng cũng nên. Hai hàng bông hồng trồng viền hai bên lối đi chính trong vườn cũng bị bỏ mặc, không được cắt tỉa. Màu vàng bần của mấy chậu bông nổi lên giữa mấy cảnh tuy líp và mào gà khô héo còn sót lại. Những túm cỏ thừa mọc quanh sân, hoặc nhô lên giữa những viên gạch lát. Rõ ràng là cái sân đã bị bỏ hoang. Nó gây cho tôi ý nghĩ, nếu như ông già Crosby trông thấy cảnh này, chắc cũng phải lắc đầu chán ngán mà trở về nắm mộ của mình.

Căn nhà sừng sững ở cuối đường đi, có hai tầng lầu, mái ngói đỏ, các cửa sổ đều có chấn song cầu kỳ che chắn, rèm cửa màu xanh, nhìn ra một cái ban công rộng.

Tôi quyết men theo con đường nhỏ hai bên viên gạch màu, để cái Buick lại ngoài đường.

Tới gần giữa đường thì gặp ba tay Tàu đang ngồi chơi súc sắc dưới bóng một vòm nho. Họ chẳng thèm để ý gì tới tôi đang đứng thông tay nhìn họ cũng như họ đã bỏ mặc cái vườn này cả tháng nay rồi. Quần áo bần, họ hút thuốc quăn và có vẻ mặc kệ đời.

Tôi đi tiếp tới một bể bơi ở khúc quanh của con đường. Bể cạn sạch nước, cỏ dại mọc nhô lên ở các khe gạch. Các đường viền bằng xi măng quanh bể đều phủ một lớp rêu sẫm, nứt nẻ bởi ánh mặt trời. Những chỗ có sợi dây cột bị đứt chiếc mái che bằng vải mặc sức bay phấp phật theo chiều gió.

Ở góc nhà có nhiều gara với các cánh cửa đôi đóng kín. Một người nhỏ thó, mặc bộ quần áo chen bằng bông bần, đội cát kết kiểu tài xế, ngồi trên cái bi đông dầu trong nắng đang mài dũa một mẫu gỗ. Hắn ngược mắt nhìn tôi, vẻ không thân thiện:

- Có ai ở nhà không? - Vừa hỏi, tôi vừa móc tay vào túi lấy điều thuốc.

- Đừng quấy rầy, tôi đang bận.

Tôi thổi khói thuốc vào mũi hắn và bảo:

- Tớ cũng thấy vậy, nhưng biết đến bao giờ cậu rảnh?

Hắn nhổ trúng vào cái thùng bỏ lẩn lóc gần đấy có lẽ cả năm rồi, rồi lại tiếp tục dũa, gọt. Đối với hắn, chắc tôi cũng chỉ như cái cột, cái kèo gì quanh đó thôi. Biết chẳng thể hỏi được hắn gì hơn, trời nắng làm tôi thêm khó chịu, tôi đi về phía căn nhà, bước lên bậc và ấn hết sức mình vào núm chuông. Trong nhà im ắng lạ thường. Đợi lâu, nhưng tôi cứ đợi. Trong bóng râm, cái không khí hoang dại ở đây bắt đầu ảnh hưởng tới tôi như một liều thuốc ngủ. Nếu đứng thêm một chút nữa, có lẽ tôi thiếp đi mất.

Bỗng cửa mở và một người xuất hiện - có lẽ là tay quản lý ngôi nhà. Hắn nhìn tôi, mặt mũi tươi tỉnh như vừa bị đánh thức khỏi một cơn ngủ đầy giấc. Người cao, có bộ mặt như chim, gầy, má lõm, tóc xám, hai con mắt vàng của hắn sít lại quá gần nhau. Hắn bận chiếc áo chen kẻ sọc với cái quần đen mà tôi chắc hắn cứ thế mà đi ngủ. Hai cổ tay áo của hắn đang cần bà thợ giặt tới trở tài cấp cứu.

- Gì thế? - Hắn nhướn mày lên, hỏi tôi, kiểu cách xa vời.

- Cô Crosby.

Tôi để ý tay hắn có điều thuốc cháy dở dang.

- Cô ấy không tiếp ai trong lúc này cả. - Nói xong hắn định đóng cửa lại.

Tôi đã kê được chiếc giày của mình vào khe cửa.

- Tôi là bạn cũ chắc là cô ấy tiếp tôi. Anh đi báo có ông Malloy tới, rồi sẽ biết cô ấy xử sự như thế nào.

Tôi cuộc với anh là cô ấy sẽ bảo mang rượu sâm banh lên đấy.

- Cô Crosby đang bệnh - hắn nói giọng lạnh lùng - cô ấy chẳng tiếp ai cả - nhìn hắn giống như một tay hề hạng bét.

- Anh thuộc bài quá nhỉ. - Hắn chẳng để ý tới câu nói châm biếm của tôi.

Hắn lại định đóng cửa vào và ngạc nhiên khi nhận thấy cửa bị chặn. Trước đó, hắn chưa nhìn thấy bàn chân tôi.

- Ai sẵn sóc cô ấy? - tôi hỏi và cười dịu dàng. Hắn tỏ vẻ sững sốt. Đã lâu lắm hắn chưa gặp một trường hợp nào đặc biệt như thế này. Hắn đành trả lời:

- Nữ hộ lý Gurney.

- Vậy thì tôi muốn gặp cô Gurney - nói rồi tôi đẩy mạnh cửa.

Việc thiếu luyện tập, ngủ quá nhiều, thuốc lá và rượu phá hại sức chống cự của hắn. Cánh cửa bị tôi đẩy ra cứ như một cây non trước cái xe ủi.

Tôi đứng trước gian tiền sảnh bao la, có một cái cầu thang rộng đi lên lầu theo một đường xoáy tròn ốc.

Một bóng người mặc đồ trắng đứng ở giữa cầu thang: một cô y tá.

- Được rồi, Benskin - cô ta nói - Để tôi tiếp ông khách cho.

Viên quản lý như trút được một gánh nặng, nhìn tôi lộ vẻ ngạc nhiên, rón rén đi qua tiền sảnh, mở cánh cửa đằng sau tấm màn che rồi lủi mất.

Cô y tá chậm chạp xuống thang như để cho tôi có đủ thời giờ mà ngắm nàng về mọi phương diện. Quả thật, tôi đã làm đúng như vậy. Có lẽ nàng là một nữ y tá trong một vở ca kịch thì đúng hơn, vì nàng thuộc loại

người mà người ta chỉ cần nhìn qua đã lên cơn sốt rét. Một em tóc vàng, môi mọng đỏ, mắt sữa sang hết ý. Một bản giao hưởng về những đường cong lên và cong xuống. Thừa nhiệt tình và cháy bỏng như tia lửa. Nếu được nàng săn sóc, tôi xin sẵn sàng nằm liệt giường cho tới ngày cuối của cuộc đời.

Cô em lại gần trong tầm tay tôi, vậy mà tay tôi không động đậy, đây là do tôi đã cố gắng hết sức, kiềm chế được mình. Qua ánh mắt, tôi cảm thấy em cũng biết tác dụng của mình đối với người khác lạ.

Chính tôi cũng cảm thấy mình chẳng thể hờ hững với cô em. Nàng đưa một ngón tay dài, móng đỏ lên, khẽ gạt một đọn tóc vàng dưới cái mũ trắng sang bên. Khóe miệng màu rực rỡ khẽ mỉm một nụ cười. Đôi mày được tô vẽ cẩn thận khe khẽ nhướn lên. Dưới bóng hàng mi đen bóng, đôi mắt màu xanh lơ óng ánh đầy hứa hẹn.

- Tôi mong được gặp cô Crosby - tôi nói - Hình như cô ấy bệnh...

- Đúng vậy. Tôi e rằng cô ấy không thể tiếp khách.

Giọng nàng trầm trầm làm cho chòm râu thần kinh của tôi bị rung động cho tới cột tủy sống.

- Rất lấy làm tiếc - tôi vừa nói vừa liếc xuống cặp giò của nàng (giống hệt cặp giò tài tử điện ảnh Betty Gable). Tôi vừa từ Orchid City tới và là bạn cũ của cô nương. Tôi không được biết là cô nương bị bệnh.

- Cô ấy không được khỏe mấy tháng nay.

Tôi cảm thấy qua những lời trao đổi, cô y tá này chẳng hề quan tâm gì tới tình trạng bệnh tật của cô Crosby. Cảm giác của tôi sai hay đúng thì cũng chưa biết rõ.

- Bệnh của cô nương có gì trầm trọng không?

- Hừ, không. Cô ấy cần nghỉ ngơi tĩnh dưỡng.

Tôi nghĩ nếu hỏi thêm một câu nữa về bệnh tật chắc nàng sẽ ngáp quá, nên vội chuyển đề:

- Trời! Chỗ này yên tĩnh quá. Tôi nghĩ là thật hợp với cô.

Vào đề thế kể như là đạt. Nàng bắt đầu gỡ tóc.

- Yên tĩnh à? Ở dưới mồ còn dễ chịu hơn! - Nhưng chợt nhớ lại vai trò của mình là người y tá mẫu mực nên nàng ngưng ngưng, đỏ mặt nói tiếp.

- Đáng lẽ tôi phải giữ mồm giữ miệng hơn, điều tôi vừa nói không hay lắm, phải không?

-Ồ, không cần giữ ý tứ với anh đâu. Anh rất thoải mái và nếu có thêm một ly rượu lại càng thoải mái hơn.

- Rất hân hạnh được biết như vậy.

Đôi mắt cô nàng như dò hỏi tôi, và mắt tôi cũng đáp lại. Nàng lại ỏn ẻn:

- Anh không có việc gì làm thích thú hơn à?

- Anh có mấy tay bạn thân, họ thường nói: không gì khoái bằng kiếm được một việc làm vừa ý.

Nàng nhướn lông mày:

- Em có thể mách giùm họ, nếu họ muốn.

- Vậy thì mách luôn cho anh đây này.

- Được rồi, sẽ có ngày...Còn bây giờ, nếu anh muốn uống thì lại đây, em biết chỗ có ulyki.

Tôi theo cô em tới một phòng lớn ở cuối hành lang. Mắt tôi không rời em: dáng em đi trông thật lịch sự và mềm mại. Nàng cứ du đưa hông qua hai bên làm tôi liên tưởng tới cái cân bàn màu trắng có cặp thêm đủ loại kim băng của cô giữ trẻ. Được ngắm cô em đi như thế này, khéo tôi có thể đi theo cô hàng cây số.

Nàng chỉ chiếc divăng vừa sâu vừa rộng bảo tôi:

- Anh ngồi xuống đây chờ em đi pha ulyki cho.

Tôi buông mình xuống giữa mấy cái gối và có ý kiến:

- Cảm ơn, nhưng với điều kiện là em cũng phải uống cùng anh. Anh rất ngán uống một mình.

- Được rồi - em trả lời.

Nàng lấy tận phía trong cùng tủ đựng rượu ra một chai John Walker, hai cái ly và một chai nước suối.

- Có đá lạnh đấy, nhưng lại phải nhờ tới Benski, mà hần có mặt trong lúc này sẽ làm chúng mình mất hứng.

Ánh mắt màu xanh của em lóng lánh qua hàng mi. Tôi vội tiếp lời:

- Khỏi cần đá. Ấy, cho vừa nước suối thôi để khỏi mất vị của ulyki.

Nàng rót tới ba phần tư ly rồi thêm vào chừng một muỗng cà phê nước suối.

- Thế này vừa ý anh chưa?

- Tuyệt lắm! - Vừa nói tôi vừa giơ tay ra đỡ - Xin giới thiệu cùng em, tên anh là Vic và tất cả các cô gái đều là bạn của anh.

Nàng ngồi xuống ghế, chẳng cần để ý tới việc kéo cái váy lại cho nghiêm chỉnh.

- Anh là người khách đầu tiên em gặp ở đây từ năm tháng nay.

- Quả đúng như vậy. Nhưng tại sao biệt thự này trước kia được chăm sóc như thế mà nay lại gần như bỏ hoang vậy? Không còn ai làm ở đây nữa sao?

Em nhún đôi vai tròn:

- Anh biết đấy, khi mèo vắng nhà...

- Nhưng đúng ra thì tình hình sức khỏe của cô Maureen thế nào?

Em vầu môi:

- Nay, anh không thể nói chuyện khác được sao. Em ngắt chuyện Maureen đến cổ rồi.

Tôi tợp một ngụm ulyki khá lớn, đủ sức làm cho đút giám mục cũng phát hứng lên mà tham gia điệu nhảy bibốp và tỏ ra tán thành với em:

- Ô thực ra anh cũng cần quái gì đâu. Nhưng vì chỗ quen biết từ ngày xưa nên anh cứ đâm ra tò mò muốn biết cô ta hiện nay như thế nào.

Em ngửa mái tóc vàng ra đằng sau, cạo luôn ly rượu tới năm mươi phần trăm, phô ra đằng trước bộ ngực trắng như sữa. Kiểu cách “dzô” của em, xem ra đã dày công luyện tập.

- Đáng lẽ em không được phép nói với anh điều gì, nhưng nếu anh hứa với em là không cho ai biết...

- Anh sẽ không cho ai...

- Vậy thì được. Cô ta phải đi “cai” một thời gian... Chỉ có anh biết thôi đấy nhé.

- Vậy ra cô ấy nghiện nặng lắm sao? - Em nhún vai:

- Cũng khá nặng.

- Lúc nãy em định nói rằng: chủ vắng nhà, gà vọc niêu tôm phải không?

- Đúng vậy. Chẳng có ai tới đây trong suốt thời gian Maureen chưa bình phục. Khi cô ta còn đập đầu vào tường mà la hét thì bọn đầy tớ tha hồ mà xả hơi. Tất nhiên là như thế, phải không?

- Tất nhiên rồi.

Em đặt ly rượu xuống:

- Bây giờ, chúng mình nói chuyện khác đi. Em đã mất bao nhiêu đêm bên cạnh Maureen, vậy mà chẳng lẽ bây giờ lại còn phải ngồi đây để nhắc lại nữa sao...

- Trời ơi! Bao nhiêu đêm của em! Uống quá!

- Tại sao? - Đôi mắt màu xanh lơ của em, khép lại nửa chừng.
- Anh nghĩ rằng em sẽ bằng lòng đi chơi với anh một buổi tối nào đó. Anh sẽ chỉ cho em...
- Cái gì?
- À, một bộ sưu tập tranh dập thủ công.

Nàng cười khê:

- Thế đấy, ra là bộ tranh chứ không phải là cái máy dập.
- Nàng đứng dậy đi lại cái bàn. Nhìn nàng đi đôi mắt tôi cứ chực nhảy ra ngoài.
- Một chút ụytki nữa. - Nàng đưa rượu cho tôi và hỏi - Anh không uống nữa sao?
 - Rồi, rồi. Anh đang nghĩ xem có việc gì khoái hơn uống không.
 - Thật vậy sao? Em đã đoán, rốt cuộc anh cũng sẽ nghĩ như vậy.
- Nàng lại tự rót cho mình một chén nữa, lần này nàng không pha nước suối.
- Vậy ban ngày, ai săn sóc Maureen? - tôi hỏi khi nàng trở lại chiếc divăng.
 - Nữ y tá Flemming. Anh sẽ không thích cô ấy đâu. Vả lại cô ấy ghét đàn ông.
 - Vậy hả?

Nàng ngồi đối diện với tôi: - Cô ta có hợp với chúng mình không?

- Không. Mà việc đó cũng chẳng quan trọng. Cô ta ở bên cánh trái của tòa nhà, gần khu gara. Khi nào Maureen la hét thì họ chuyển cô ta lên đó.

Đúng là điều tôi muốn biết.

- Thôi quảng hết cái bọn y tá lập dị ấy đi - Tôi vừa nói, vừa tỳ cánh tay vào lưng ghế, phía sau đầu nàng. Nàng ngả vào tay tôi. Tôi hỏi:
- Còn em, em có ghét đàn ông không?
- Cái đó còn tùy xem họ là ai. - Mặt nàng gần với mặt tôi. Tôi áp môi tôi vào thái dương nàng. Chẳng có dấu hiệu gì chứng tỏ nàng không thích.
- Loại như anh có được không?
- Có thể đấy.

Tôi cầm cái ly từ tay nàng, đặt xuống sàn và bảo:

- Vướng quá!
- Bỏ đi cũng tiếc.
- Ôi, rồi anh lại cần tới nó ngay thôi mà.
- Thật không?

Nàng áp người vào người tôi, cả đôi môi nữa. Chúng tôi cứ như vậy, một lúc lâu. Đột nhiên, nàng đẩy tôi ra và đứng dậy. Tôi đã nghĩ, đối với nàng, lơ mơ một chút thôi như vậy là đủ. Nhưng, tôi đã nhầm. Nàng đi qua phòng, để khóa cửa. Rồi trở lại, ngồi xuống bên tôi.

III

Tôi đậu xe trước tòa thị chính ở góc đường Fledman và Centre Avenue rồi rảo bước đi lên các bậc thềm. Trước mặt tôi là cả thế giới giấy tờ, hành lang lặng lẽ và bọn cạo giấy đủ các lứa tuổi, chờ về hưu.

Phòng chuyên về giấy khai sinh, khai tử ở trên lầu một. Tôi ghi yêu cầu của mình vào một tờ giấy rồi đẩy qua cửa ghisê. Một nhân viên nhận tờ giấy của tôi, đóng dấu, thu tiền xong chỉ vào một tập hồ sơ:

- Tập hồ sơ thứ sáu, kể từ bên phải. Xin ông làm nhanh cho, ông Malloy.

Tôi cảm ơn ông ta. Ông ta thò đầu ra bắt chuyện thêm, bây giờ thì chẳng cần để ý tới thời giờ đáng quý của cả đôi bên.

- Công việc có chạy không? Cả tháng nay không nhìn thấy ông, ông Malloy.

- Cũng khá. Còn công việc của ông thế nào? Số giấy khai tử vẫn thế chứ?

- Bằng số giấy khai sinh. Nó bù trừ cho nhau mà.

- Vậy hả?

Câu chuyện phiếm ngừng ở đó. Tôi cảm thấy mệt. Cuộc du dương của tôi với cô nữ y tá Gurney làm tôi bủn rủn cả chân tay. Tôi tưởng như tập hồ sơ nặng tới một tấn trên tay tôi và phải khó nhọc lắm tôi mới bê được nó tới cái bàn. Cũng tại vì em cả... Tôi lục tập hồ sơ và tìm tờ giấy khai tử của Janet Crosby. Cô ta đã chết vì bệnh tim loại ăng-đô-các-đít ác tính - bệnh này chắc có trời mới biết là bệnh gì - ngày 15 tháng 5 năm 19... Độc thân, hai mươi lăm tuổi. Giấy chứng tử mang chữ ký của một ông tên là John Bewley. Tôi ghi lại tên này rồi gỡ hồ sơ tới tờ khai tử của Mac Donald Crosby. Ông ta chết vì một viên đạn vào đầu. Salzer người chứng tử, còn chôn cất là Franklin Lessways. Ghi vào sổ tay xong, để tập hồ sơ "C" lại trên bàn, tôi lê chân tới gã nhân viên đang tò mò quan sát tôi. Dựa người vào ghisê, tôi nói:

- Nhờ ông xếp hộ tôi vào chỗ cũ. Người tôi nhìn thế mà lại không được khỏe.

- Ồ, không sao, tôi sẽ bảo người xếp lại, ông Malloy ạ.

- Còn việc này nữa: ông có thể mách cho tôi biết bác sĩ John Bewley là ai và ở đâu không?

- Ông ta có một căn nhà nhỏ ở Skyline Avenue. Nhưng tôi không muốn giới thiệu ông với ông ta đâu.

- Sao vậy?

Người viên chức già nhún vai, vẻ chán nản:

- Ông ta quá già rồi. Có thể cách đây năm mươi năm, ông ta là một bác sĩ khá. Còn bây giờ, ông ta coi cái đầu mình chẳng khác gì hộp thịt.

- Cũng chẳng sai...

Người viên chức tòa thị chính cười và bảo: - Nhưng cũng tùy từng cái đầu chứ.

- Lẽ dĩ nhiên. Vậy ra Bewley là một ông già lẫn lẫn rồi sao?

- Đúng như vậy đấy, tuy ông ta không làm hại ai. Vả lại số khách của ông ta chỉ có chừng một tá thôi.

Gã gãi tai nhìn tôi với vẻ dò xét:

- Ông điều tra một vụ gì phải không? Tôi trả lời:

- Tôi có bao giờ điều tra làm việc gì đâu. Thôi cảm ơn ông. Hẹn gặp lại nhé. - Tôi đi chậm chậm xuống cầu thang, ra đường nơi có ánh nắng ấm và suy nghĩ:

"Coi nào, một cô nàng triệu phú bỗng nhiên lẫn ra chết, sau đó, người ta chỉ gọi tới bên giường nàng một tay thầy thuốc hạng bét. Thật là một hành động tiết kiệm kỳ quái của bọn triệu phú! Đáng lẽ họ phải thành lập một hội đồng giám định y khoa quanh nàng thì mới là chuyện bình thường".

Tôi chui vào chiếc Buick và mở máy cho xe chạy. Đối diện với hàng xe của tôi, có một chiếc Dodge màu xanh ôliu. Một gã đàn ông đội chiếc mũ phớt màu be có trang trí thêm một sợi dây nhỏ, đang đọc báo đăng sau tay lái. Đáng lẽ tôi đã không để ý tới hắn, nếu như hắn không vội ngẩng mặt lên, buông tờ báo xuống, khi vừa nhìn thấy tôi, rồi cho xe khởi động. Tôi cũng chú ý tới hắn và tự hỏi tại sao bỗng nhiên hắn buông tờ báo ra như vậy. Chỉ nhìn đôi vai của hắn, cũng đủ biết hắn vào loại cái tủ đứng có cái đầu như được gắn chặt vào thân, không thấy cổ. Bộ ria mép màu đen của hắn mỏng như được vẽ bằng bút lông, đôi mắt ẩn dưới cặp lông mày rậm rạp. Có thể xếp hắn vào bọn vệ sĩ to con trong những phim của Huphrey Boggart đóng.

Tôi cho chiếc Buick nhập vào dòng xe cộ, không cần chạy nhanh về phía Centre Avenue, mắt không rời chiếc gương phản chiếu.

Chiếc Dodge, đang ở chiều ngược lại với xe tôi, biểu diễn động tác quay ngoắt trở lại một cách cấp kỳ giữa những tiếng còi và tiếng la ó phản đối của những người lái xe khác, rồi bắt đầu bám xe tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng người ta có thể quay xe như thế ở giữa Đại lộ Trung tâm, mà không bị phiền phức, nhưng giờ này, các tay cảnh sát giao thông bị quá đừ vì cái nóng nên đã đi đâu hết.

Tới góc Đại lộ Trung tâm và Westwood Avenue, tôi đưa mắt nhìn vào gương chiếu hậu. Chiếc Dodge vẫn bám theo tôi, tay “xế” bám chặt vào tay lái, điều xì gà trên miệng, một tay tì vào thành xe kính đã hạ xuống. Tôi nhấn ga vừa đủ để nhìn thấy biển số xe và cố ghi lại những con số. Tay lái xe bám đuôi không chú ý đến điều đó. Tôi đường Hollywood Avenue, tôi bắt đầu phóng xe lên dốc tới tốc độ tám mươi. Sau một phút do dự, chiếc Dodge chồm lên đằng trước và tôi nghe thấy tiếng máy của nó cho tới đường Foothill. Tôi hãm xe đột ngột, đưa xe vào bên đường. Chiếc Dodge vẫn chạy tiếp. Tay tài xế không để ý tới tôi chạy thẳng ra con lộ lớn Los Angeles - San Francisco.

Tôi ghi số chiếc xe Dodge cùng tên bác sĩ Bewley vào một phong bì, nhét vào bao súng, và mở máy xe, chạy về hướng Skylive Avenue. Ở giữa phố, một căn nhà gỗ bên ngoài hàng rào có gắn tấm biển bằng đồng lấp lánh dưới ánh mặt trời. So với những tòa biệt thự hiện đại vây quanh thì cái giá của ngôi nhà giản dị yên tĩnh này, chỉ ngang bằng một túp lều.

Tôi hãm xe, thò đầu qua cửa, nhưng vì xe ở xa bằng không thể đọc được những dòng chữ đã bị mờ đi vì bụi thời gian. Đành phải xuống xe, lại gần hàng rào và chú ý lắm mới phát hiện ra tên bác sĩ Bewley trên bảng.

Tôi sắp sửa nâng cái then chắn cánh cổng lên thì cái xe Dodge màu xanh ôliu chạy vút qua, sát cạnh tôi. Tay lái xe nhìn thẳng, nhưng tôi biết chắc hẳn đã nhìn thấy tôi và biết tôi có ý định vào đâu. Tôi quay lại, đưa mắt theo dõi, thấy nó phóng nhanh xuống phố dưới rồi mất hút khi quặt vào đại lộ Westwood.

Tôi hất chiếc mũ ra phía sau, rút bao thuốc lá ra châm một điếu, nâng cái then cài cổng rồi theo con đường nhỏ rải sỏi đi vào căn nhà nhỏ.

Mảnh vườn nhỏ, hẹp nhưng được chăm chút thật kỹ càng. Các cửa sổ đều có màn che, tuy rằng màu vàng cam của các tấm màn đã bị phai nhạt vì ánh nắng.

Cái cửa ra vào cùng toàn bộ căn nhà có lẽ đương cần tới một vài nước sơn.

Tôi nhấn vào nút chuông đứng đợi và nhận thấy có người quan sát mình qua tấm màn cửa. Tôi làm ra dáng mình là người hiền lành, đang ngoan ngoãn chờ người mở cửa.

Đúng lúc tôi định nhấn chuông lần nữa thì có tiếng “kít, kít” như tiếng chuột kêu trong hộp gỗ, rồi cửa mở.

Người đàn bà đứng trước mặt tôi trông nhỏ nhắn và mảnh mai làm tôi liên tưởng tới một con chim. Bà ta mặc bộ đồ bằng lụa đen theo kiểu cách thịnh hành có lẽ cách đây vào quãng năm chục năm, ở cái miền xa vắng nào đó mà chưa từng ai biết tới tờ báo “Thời trang phụ nữ”.

Bộ mặt nhăn nhúm mang dấu vết của sự mệt mỏi và cam chịu. Ánh mắt bà ta bộc lộ sự phiền muộn của kẻ phải sống trên cõi đời này.

Tôi ngả mũ chào, nhận thấy bà ta ngạc nhiên trước cử chỉ lễ phép của tôi:

- Thưa bà, ông bác sĩ có nhà không ạ?
- Có chứ. Ông ấy đương ở sau vườn. Để tôi đi gọi.
- Thôi, khỏi cần. Bà cứ để tôi gặp ông ấy. Tôi không phải là bệnh nhân và chỉ muốn gặp ông hỏi đôi điều.
- Vậy thì được.

Tia sáng hy vọng tắt ngóm trong ánh mắt bà ta.

Tôi không có bệnh mà chỉ là một thằng cha mạnh khỏe, tò mò về một chuyện gì đấy. Cũng có nghĩa là sẽ chẳng có món tiền khám bệnh gì cả! Bà ta dặn thêm tôi:

- Ông đừng hỏi chuyện lâu quá nhé. Ông ấy không muốn bị quấy rầy đâu.

- Xin vâng.

Tôi cúi chào bà thật điệu bộ, giống như những người đàn ông đã từng ngưỡng mộ bà từ thửa xa xưa rồi đi ra vườn. Bà ta đóng cửa lại. Một lát sau, tôi đã thấy bóng bà sau bức rèm.

Tôi ra vườn bằng lối đi nhỏ men theo căn nhà. Có lẽ gia đình Bewley có truyền thống về nghề làm vườn hơn là nghề bác sĩ. Nếu tôi có quyền kéo ba gã Tàu ở Crestways tới đây, chắc chắn khi nhìn thấy mảnh vườn này, họ phải thấy xấu hổ.

Một ông già mặc áo vét, quần màu xám, giày buộc dây, mũ Panama màu vàng, đang đứng ngắm nghía bông hoa đalila lớn. Ông ta nghiêng nghiêng người nhìn vào đóa hoa như nhìn vào miệng một bệnh nhân đau họng vậy. Lẽ dĩ nhiên, ông ta làm công việc này chăm chú hơn khi khám bệnh.

Khi ngược mắt nhìn tôi, mặt ông ta nhăn nhúm lại, màu da thì bồng bợt như màu vỏ mận. Mỗi lỗ tai ông ta đều có một chùm lông trắng mọc tòi ra. Ông ta không có vẻ trí thức mà chỉ là một ông già không còn tham vọng, chịu đựng, tự mãn với cuộc sống hiện tại, không thông minh lắm nhưng cũng không muốn bị thua thiệt trong việc gì. Tôi lên tiếng:

- Chào bác sĩ. Mong rằng tôi sẽ không làm phiền ông quá.

- Giờ khám bệnh từ 5 giờ tới 7 giờ, anh bạn trẻ ạ - ông ta nói khể tới mức tôi phải cố gắng lắm mới nghe được. - Bây giờ tôi chưa thể khám cho anh đâu.

Tôi ngắm bông hoa đalila qua vai ông, bông hoa có những cánh dài như lưỡi lửa, thật đẹp, và nói:

- Tôi tới đây không phải để khám bệnh. Tôi là Malloy bạn cũ của cô Janet Crosby.

- Janet Crosby hả? Thế thì sao?

Trời nóng nực, tiếng ong bay và mùi hương hoa bao quanh đây chỉ làm tôi thêm mệt mỏi. Tôi cố gắng làm cho ông rõ vấn đề mà tôi muốn đề cập tới:

- Trong tờ biên bản khai tử của cô ấy, có chữ ký chứng nhận của ông.

- Anh tên là gì nhỉ? Nhắc lại xem nào.

- Victor Malloy. Cái chết của cô Crosby đã gây cho tôi đôi điều phiền muộn.

- Tại sao?

Ông ta thoáng vẻ lo lắng qua ánh mắt của một người không còn đủ sức khỏe, dăng trí và tự cảm thấy nếu mình cứ tiếp tục hành nghề, thế nào cũng có ngày mắc phải sai sót. Có khi ông nghĩ tôi tới đây để khiêu nại ông về một việc gì đó mà ông đã phạm phải trong chuyên môn cũng nên. Tôi vội nói với giọng bình thản để ông yên tâm:

- Janet là bạn cũ của tôi. Tôi không hề biết cô ấy bị yếu tim. Vừa qua, tôi đi vắng tới ba bốn năm mới trở về, nên khi được tin cô ấy mất, tôi không tránh khỏi bị xúc động. Bởi vậy tôi muốn gặp ông để biết chắc chắn là cái chết của Janet không có gì bất bình thường.

Hai cánh mũi của ông bỗng phập phồng chứng tỏ ông có điều lo ngại. Ông nói:

- Ý anh định nói thế nào là “bất thường”? Cô ta có đủ triệu chứng của cái chết vì “ăng-đô-các-đít”. Cả bác sĩ Salzer cũng có mặt ở đó nữa. Tôi không hiểu anh còn nghi ngại điều gì?

- Bây giờ thì tôi yên tâm rồi. Nhưng ăng-đô-các-đít là cái bệnh gì nhỉ? - Trán ông nhăn lại. Ông đã nghĩ. Ông sắp thú thật với tôi rằng ông cũng chẳng biết nó là cái quái gì cả. Nhưng may quá ông đã cố làm cho bộ não xơ cứng của mình động đậy và trả lời tôi chậm chạp, cứ như đang trích đọc tài liệu từ bộ sách y khoa toàn thư vậy.

- Là một loại bệnh do nhiễm trùng van tim khiến cho máu chuyển những mầm mống bệnh đi khắp cơ thể. Janet mắc bệnh này, kể như hết hy vọng. Nếu người ta gọi tôi sớm hơn thì tôi cũng đành bó tay thôi.

- Tôi cũng đã nghĩ như vậy. Nhưng bác sĩ không phải là người chăm sóc và chữa bệnh cho cô Janet, vậy tại sao người ta lại phải mời ngài tới?

- Đúng vậy. Nhưng mời tôi thì cũng phải thôi vì tôi ở gần, vả lại bác sĩ Salzer cũng không thể chứng nhận một mình.

- Bác sĩ Salzer là ai vậy?

Ông ta lộ vẻ sốt ruột, mong được thoát khỏi cái của nợ cứ tò mò hỏi ông hết chuyện này đến chuyện khác, khiến cho ông không thể ngấm ngĩa các bông đālila kia nhưng cũng trả lời:

- Ông ta điều hành một bệnh viện tâm thần ngay gần nhà Crosby. Hình như có họ hàng thế nào đấy nên không thể cấp giấy chứng tử được. Trình độ nghề nghiệp của ông ta cũng chẳng có gì xuất sắc nên tôi có giúp cũng thuận lợi hơn.

Tôi đành phải tin là như vậy, rồi hỏi thêm:

- Tôi muốn biết rõ ràng về câu chuyện này trước khi đi xa, nhưng cô Maureen lại đang bệnh nên không hỏi ai được. Vậy tại sao cô Janet lại chết bất thành linh về bệnh tim? Có chuyện gì xảy ra với cô ấy? Khi cô ta chết, ông có mặt bên giường bệnh không?

Ông ta lại lộ vẻ sợ sệt và trả lời vội vã:

- Không, không, tôi không có mặt ở đấy lúc đó. Tôi tới sau khi cô ấy đã chết được 15 phút. Chết trong khi ngủ. Bác sĩ Salzer bảo tôi cô ta bị ăng-đô-các-đít từ nhiều tháng rồi. Chính ông ta là người săn sóc thuốc thang cho cô ấy. Bệnh này thì chỉ có một biện pháp là được tỉnh dưỡng thôi. Nhưng, tại sao anh bắt tôi trả lời nhiều câu hỏi như vậy?

Ông ta liếc nhìn về phía căn nhà, mong đợi sự ứng cứu của bà vợ, nhưng chẳng thấy bóng dáng bà ta đâu. Tôi mỉm cười bảo:

- Tôi chỉ muốn xác nhận rõ ràng. Vậy là khi ông tới nhà Crosby, bác sĩ Salzer đã có mặt ở đấy rồi, phải không?

Ông ta vội gật đầu.

- Có còn ai nữa không? - Cô em.

- Maureen?

- Đúng vậy.

- Bác sĩ Salzer đưa ông vào phòng của Janet. Maureen cũng đi theo chứ?

- Đúng. Cả hai người đi theo tôi. Cô gái đã khóc vì quá xúc động.

Đáng lẽ phải mổ khám tử thi, nhưng cái căn bệnh ấy có nhiều triệu chứng rõ rệt lắm rồi. Vả lại, cũng phải chú ý tới tình cảm của gia đình.

- Vậy mà 14 tháng sau, bây giờ ông lại nghĩ rằng lẽ ra đã phải có một cuộc khám nghiệm tử thi.

Giọng tôi hơi đánh lại khiến ông chột dạ:

- Đúng vậy, vì thật ra, ông Salzer chăm lo việc chữa bệnh cho cô Janet chỉ có bằng tiến sĩ khoa học chứ không phải tiến sĩ y khoa. Chính ông ta thú thật với tôi điều đó. Nhưng, các triệu chứng của căn bệnh thì...

- ... Thật là rõ ràng, tôi biết. Tôi muốn hỏi ông thêm điều này: trước kia ông đã gặp cô Janet Crosby chưa?

Ông ta đắn đo tìm câu trả lời, như sợ lọt vào bẫy của tôi:

- Tôi có nhìn thấy cô ta trên xe hơi, nhưng không có điều kiện để nói chuyện.

- Nghĩa là ông chưa có dịp gần cô ta để có thể nhận thấy triệu chứng của căn bệnh ấy phải không?

Ông ta nhần trán hỏi lại:

- Ý anh định nói gì?

- Chúng ta đều biết Janet bị ăng-đô-các-đít từ nhiều tháng rồi phải không? Ông đã gặp cô ta ngồi trên xe hơi, trước ngày cô ấy chết được bao lâu?

- Tôi không nhớ một hay hai tháng.

- Theo như ông nói, thì thời gian này, Janet phải có đủ triệu chứng để nhận thấy của căn bệnh, phải không?

- Ủ, vậy mà tôi không thấy...

Như cảm thấy mình bị sa xuống hố, ông vội thè đầu lưỡi ra liếm đôi môi mỏng, rồi vừa nói vừa đi xa tôi hơn:

- Tôi không biết anh định dẫn tôi đi tới đâu. Tôi không còn thời gian nữa. Xin lỗi anh nhé.

Tôi ngỏ lời cảm tạ ông và nói:

- Tôi biết đã quấy rầy bác sĩ. Xin ngài hiểu cho, vì tôi quá yêu cô Janet nên muốn được an tâm mọi điều về cô ấy.

Ông ta im lặng tiếp tục đi ra xa, giữa những bụi hồng... Tôi đành phải theo đuôi ông, cố hỏi thêm một câu nữa:

- Bố cô Janet, ông Donald Crosby bị chết vì tai nạn bất chợt xảy ra, vậy mà tại sao bác sĩ Salzer cũng có mặt để ký vào tờ khai tử?

Ông ta nhìn tôi như vừa tìm thấy một con bọ cạp trong chậu nước tắm vậy.

- Thôi, thôi, xin anh hãy để cho tôi yên. Anh đi mà hỏi ông Salzer ấy. Hãy để cho tôi yên.

Tôi trả lời điềm đạm:

- Ông rất có lý. Tôi sẽ làm theo lời chỉ dẫn của ông. Xin cảm ơn ông. - Ông ta quay mặt đi. Nhìn từ phía sau, ông càng có vẻ lồm khồm. Ông đưa tay run run, vứt mạnh một bông hồng héo. Rõ ràng tôi đã làm hỏng của ông cả một buổi chiều vui.

Tôi gặp lại bà già ở cổng. Bà ta cố giữ vẻ bình thản nhưng tôi hiểu bà ta đang chờ đợi điều gì. Tôi ngả mũ chào bà ta, nói:

- Tôi biết đã quấy rầy bác sĩ quá lâu. Bác sĩ bảo, thời giờ của ngài rất quý. Vậy bà thấy 5 đô la có đủ không?

Đôi mắt bà ta bỗng sáng lên và nét mặt bỗng trở thành lạnh lợi. Bà liếc vội về phía vườn rồi bảo:

- Anh thật chu đáo quá!

Tôi giúi tờ giấy bạc vào tay bà. Mấy ngón tay quặp ngay lại cứ như miệng con thằn lằn đớp con muỗi.

IV

Tôi đẩy cửa bước vào phòng làm việc. Anh bạn đồng nghiệp Jack Kerman của tôi đang ngủ gà ngủ gật trong chiếc ghế bành. Paula thì đang ngồi ở bàn làm việc của tôi với một đồng hồ sơ trước mặt. Nhờ những tập hồ sơ này mà chúng tôi có thể biết rõ người đến, kẻ đi, những đám cưới, số sanh, số tử của cái thành phố Orchid City này. Tuy Paula có riêng 4 người giúp việc nhưng cô ta vẫn giữ những tập hồ sơ quan trọng, để khi cần có thể sử dụng ngay.

Tôi đập mũ vào đầu Kerman để đánh thức cậu ta dậy. Cậu ta cần nhần, dụi mắt rồi vừa ngáp vừa hỏi:

- Thế nào anh bạn, đã làm được những trò gì rồi? Mà có làm không đã chứ?

- Làm thật chứ sao?

Tôi ngồi xuống ghế, châm điếu thuốc, vén tay áo lên rồi kể tỉ mỉ về cuộc hành trình của tôi cùng những sự việc đã xảy ra - lẽ dĩ nhiên phải bỏ qua cuộc họp mặt thân mật của tôi với cô y tá Gurney. Paula nghe tôi kể với thái độ hơi ngờ vực, còn Kerman thì chịu chuyện lắm. Cậu ta nuốt hết những gì tôi nói. Tôi kết luận:

- Việc tôi làm chưa được bao nhiêu, nhưng cũng đủ để thấy việc chúng ta tiếp tục điều tra về vụ này là phải. Chưa rõ có điều gì mờ ám không. Nhưng nếu có chúng ta nên cố giữ kín, càng kín càng có lợi cho chúng ta.

Kerman nhận xét:

- Hiện tượng thằng cha lái xe theo dõi anh như thế là có vấn đề đấy.

- Nhưng cũng có thể, đó chỉ là một người, nổi hứng thích chơi trò thám tử một lát thì sao?

Tuy nói vậy, nhưng tôi cũng nhắc ông nói, bảo cô trực đài:

- Cho tôi gọi tới Ban An ninh.

Paula ngừng tay kiểm tra một tập hồ sơ, hỏi tôi:

- Anh kịp ghi số xe của hắn chứ?

- Tôi định nhờ kiểm tra số chiếc xe đó đây.

Có tiếng nói ở đầu dây bên kia:

- Ban An ninh đây.

- Cho tôi nói chuyện với trung úy Mifflin.

Có tiếng lạo xạo trong máy và tiếp đó là tiếng nói cứng rắn của Mifflin.

Tim Mifflin là một cảnh sát cần mẫn, có lương tâm. Tôi đã làm việc trực tiếp với anh ta một vài lần, khi thì anh ta giúp tôi, khi thì tôi giúp lại, anh rất mê đánh cá ngựa và mấy lần do nghe theo lời mách nước của tôi, mà trúng được mấy giải khá khá.

- Malloy đây, khỏe không, Tim?

Có tiếng lầu bầu:

- Này, đây khỏe hay không thì có liên quan gì tới cậu? Cậu còn muốn làm phiền tôi việc gì vậy?

- Tôi muốn biết ai là chủ chiếc xe Dodge màu xanh, số biển D.R 3345.

- Này, này bỏ cái kiểu dựa vào cảnh sát để làm ăn nhé. Brandon mà biết việc này thì cha ấy sẽ không nề nang gì tôi đâu.

- Bởi vậy nên tôi có nói gì với ông ấy đâu, chỉ cần anh giữ kín là xong mà. Nhân nói tới chuyện làm ăn, xin báo cho anh biết rằng bốn rưỡi ngày mai, tại sân quần ngựa, con Apple chạy đấy nhé.

- Không xạo đấy chứ?

- Tôi nói nghiêm chỉnh đấy. Anh có thể bán nhà, cầm vợ, đục két của sếp Brandon lấy tiền chơi, cũng không có gì là quá đáng. Nhất định bỏ ra hai thu vào sáu. Cái con ngựa đó ấy mà, muốn cho nó chạy chậm lại, chỉ có cách là bám lấy đuôi nó mà kéo thôi.

Giọng Mifflin vẫn còn có thể hơi lưỡng lự, nhưng rồi anh ta sẽ nghe tôi, đó là cái chắc.

- Ờ, ờ... cũng có thể như anh nói.

- Không phải là có thể đâu. Chắc chắn là như vậy. Nhưng còn cái số xe thì sao?

- Được, đợi tôi một phút.

Trong lúc tôi đặt máy xuống bàn để chờ tin, Kerman cầm một chiếc máy khác lên và quay số gọi, tôi hỏi:

- Cậu làm gì mà hấp tấp thế?

- Tôi gọi tới sân quần ngựa. Coi cái tin anh vừa đưa về con Apple có vào loại thứ thiệt hay không.

- Thôi, cho qua đi. Đây là cái tin tôi nghe thấy người ta bàn tán thế thôi.

Cậu ta đặt ống nghe xuống, trợn mắt hỏi tôi:

- Vậy nếu Mifflin nghe anh bán nhà, cầm vợ thì sao?

Tôi cười trả lời:

- Cậu đã nhìn thấy bà vợ Mifflin chưa? Còn khuya Mifflin mới làm nổi những việc đó.

Có tiếng Mifflin trong ống nghe:

- Biển D.R 3345 hả.

- Đúng vậy.

- Xe của Jonathan Salzer.

Ông ta điều khiển một bệnh viện điều dưỡng. Nếu anh đau bụng chẳng hạn, lão ấy sẽ cho anh uống một ly nước đầy trái cây và quăng anh vào một chỗ, chờ cho nó lên men. Tay này vào loại biết cách làm tiền đấy.

- Chưa dính vào một vụ phạm pháp nào chứ?

- Chưa. Này, con ngựa ấy, chắc chứ?

- Tôi đã nói là chắc mà (tôi nháy Kerman. Anh có thể bán chiếc áo cuối cùng của anh đi cũng được. Không có gì phải hối hận đâu.

- Tốt! Tôi sẽ nghe anh và đặt năm trăm đô vào con ấy. Sẽ không đặt hơn một cắc nào đâu.

Tôi gác máy nói với Kerman:

- Trời ơi! Năm trăm đô la mà định làm giàu!

Kerman bảo:

- Chiếc xe ấy là của Salzer à. Hẳn là ai?

- Để tôi tìm xem. Paula đưa cho tôi một tập hồ sơ, anh coi thử tập này coi có gì đáng chú ý không. Chúng ta chỉ có từng đó tài liệu về Janet Crosby.

Paula đứng dậy, ra ngoài. Tôi liếc nhìn tập hồ sơ và bảo Kerman:

- Khiêu vũ, quần vợt, gôn... Những trò này đâu có thích hợp với người đau tim. Cô ta có hai bạn thân là Joan Parmelta và Douglas Sherrill, đã định kết hôn cùng Sherrill, nhưng rồi cuộc tình lại tan vỡ. Vì sao? Cần phải rõ việc này mới được.

- Tôi chưa từng nghe nói tới người này. Anh có cần điều tra về hẩn không?

- Cần đấy. Cậu hãy tìm cách gặp cả hai người, Parmetta và Sherrill, bảo cậu là bạn của Janet bị đau tim coi phản ứng của họ ra sao. Nếu họ chưa từng nghe nói tới việc này, thì đúng là có chuyện mờ ám rồi. Paula sẽ giúp cậu một tay.

Paula đi vào, nói với tôi:

- Tôi không có nhiều tài liệu về Salzer. Chỉ biết ông ta là chủ nhân của một viện dưỡng sức loại sang. Hai trăm đô la một tuần cho mỗi giường.

- Chà, làm ăn được như thế, cũng khá đấy chứ.

Kerman nói góp:

- Đời này lắm kẻ khùng. Bỏ ra một số tiền như thế để được uống một vài ly nước trái cây. Lẽ ra, chúng ta phải nhảy vào cái dịch vụ này mới phải. Còn gì nữa không?

- Ông ta đã có vợ, nói được tiếng Pháp và tiếng Đức. Tiến sĩ khoa học, 53 tuổi, chưa có con.

Tôi đứng dậy, bảo Paula:

- Em giúp Kerman một tay về chuyện tìm hiểu Pametta và Sherrill nhé. Để anh đi gặp bà Bendix, người chuyên cung cấp người giúp việc cho gia đình Crosby. Rất có thể sẽ tìm ra nhiều mối đấy.

V

Khi gặp bà Martha Bendix lần đầu, ai cũng tưởng bà ta là đàn ông. Bà giám đốc cơ quan tìm việc làm cho người lao động, có thân hình khá mập, đôi vai rộng, tóc cắt ngắn. Bà mặc sơ mi, thắt cà vạt, nên ai cũng phải sửng sốt khi bà đứng dậy vì chợt thấy cái váy, đôi vớ lụa và đôi giày gót bệt. Tuy vậy, bà thuộc loại người ruột để ngoài da, cởi mở, dễ gần. Nói chuyện với bà, nên đứng xa một chút thì an toàn hơn vì bà có thể vỗ vào vai bạn bất cứ lúc nào, làm bạn chết điếng đi vài tiếng. Tiếng cười của bà dễ làm ta giật mình vì

nghe như súng nổ. Bà thích nói chuyện với các cô em có bộ tóc vàng hơn là với những chàng trai vóc dáng thô lỗ như tôi. Vậy mà, thấy tôi, bà vẫn đơn đả:

- Ô, Vic đấy à. Vô đi, vô đi! Kìa, ngồi xuống. Lâu quá rồi không gặp. Dạo này, cậu biến đi đâu vậy? Lại có áp phe gì ngon phải không?

Tôi tùm tùm:

- Thì cũng phải kiếm sống chứ. Chị Martha ạ, tôi có việc mong được chị giúp đỡ đấy. Chị vẫn liên hệ với gia đình Crosby, phải không?

- Trước đây ít lâu thì có, dễ đến sáu năm rồi. Chính tôi đã cung cấp những người làm cho họ, nhưng từ khi cô Janet mất, họ đã cho tất cả những người làm cũ thôi việc rồi mướn những người khác mà không qua tay tôi.

- Nghĩa là tất cả những người do chị cung cấp đều đã bị thải rồi?

- Đúng vậy.

- Sau đó họ làm gì?

- Tôi đã tìm cho họ chỗ làm khác.

Tôi im lặng một lát để suy tính rồi nói thật:

- Chị Martha này, đối với chị, tôi chẳng muốn giấu giếm điều gì. Tôi đang tìm hiểu về cái chết của Janet, vì chưa tin hẳn cô ta chết vì bệnh tim. Tôi muốn gặp những người làm cũ trong gia đình Crosby, tay quản gia chẳng hạn. Tên hẳn là gì nhỉ?

- John Stevens.

Martha với tay lấy ly rượu ứt ki, bỏ ba hạt cà phê vào miệng, rồi chiêu luôn một hớp. Sau khi đã giấu cái chai và ly rượu để cô thư ký khỏi trông thấy, bà ta nhấn vào cái nút chuông điện đặt trên bàn.

Cô thư ký có bộ mặt chuột nhẹ nhàng vào phòng Martha hỏi: - Bây giờ John Stevens làm ở đâu?

- Làm cho gia đình Pregory Wainwright, tại Hillside, Jefferson Avenue. Tôi hỏi thêm:

- Còn cô hầu phòng của Janet?

Martha vẫy tay ra hiệu cho cô thư ký đi ra, rồi lầm bầm bảo tôi:

- C

2. Chương 2

Ngồi sau bàn làm việc, Brandon dương hai mắt, hằm hè nhìn tôi. Là sĩ quan trong ngành cảnh sát, tuổi đã vào quãng trên năm chục, nên con số vòng bụng của ông có nhiều triển vọng tăng nhanh hơn chức vụ. Ông có khổ người ngắn, tóc cứng màu bạc, đôi mắt lạnh lùng bao giờ cũng như những mũi kim sắc sảo đâm vào người khác.

Chúng tôi đang họp thành một bộ tứ, mỗi người một vẻ; Paula điềm tĩnh và thoải mái ngồi ở cuối phòng, Tim Meffin im lặng, tựa lưng vào tường đưa mắt theo dõi mọi người. Tôi được ngồi ở ghế danh dự ngay trước bàn Brandon. Còn Brandon thì lẽ dĩ nhiên là đang ngồi ở chỗ vẫn thường ngồi làm việc. Căn phòng khá rộng, thoáng, tiện nghi. Mấy cái ghế bành có chỗ tựa lưng rộng rãi được kê trên tấm thảm xuất xứ từ miền châu Á. Trên tường có tới hai bức tranh phong cảnh của Van Gogh. Bàn làm việc của Brandon được đặt giữa hai cửa sổ nhìn xuống con đường rộng của khu giao dịch Orchid City.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi có mặt trong căn phòng này. Kỷ niệm về những lần trước đều đáng ghi vào trong nhật ký của những ngày không vui, vì tình cảm ngài Brandon dành cho tôi cũng ví như tình cảm

của nhân dân Nhật đối với trái bom nguyên tử thả xuống Hiroshima vậy. Mấy ngón tay của Brandon đang bóp mạnh vào điều xì gà: đây là triệu chứng một cơn bão lòng muốn tìm cơ hội để thổ lộ.

- Được! Anh nói rằng nhận được lá thư này của Janet Crosby đã hơn một năm rồi... (Ông ta cúi đầu, thận trọng nhìn xuống lá thư đặt trên bàn, cứ như tờ giấy viết thư đã bị tẩm thuốc độc vậy).

- Đúng

- Anh để quên nó trong áo mưa tới ngày anh tặng áo cho người phục vụ. Chính người này đã báo cho anh biết về lá thư để quên, phải không?

- Đúng.

Ông ta cau mày, đưa điều xì gà lên mũi ngửi rồi buông thông một câu:

- Cách làm ăn của anh hay nhỉ!

- Ai cũng có một lần quên, thưa ngài. Tôi còn nhớ trong cái vụ Tetji do cảnh sát điều tra hồi ấy...

- Thôi, im đi! Việc đó không liên quan gì tới anh. Tôi đang nói tới cái thư của anh kia. Anh đã tới nhà Crosby để gặp cô Maureen, phải không?

- Phải! (Ông ta làm tôi bắt đầu khó chịu)

- Vì cô ta bận nên anh chưa gặp cô ta, thế là anh bắt đầu thò mũi của anh sâu hơn nữa vào chuyện gia đình người ta. Anh tìm cách liên lạc với con bé hầu phòng của cô Janet. Phải không?

- Tôi nghĩ rằng chuyện đó không có gì đáng ngại phải quan tâm.

- Hãy trả lời câu hỏi của tôi. Có đúng không?

- Đúng.

- Con bé kia yêu cầu 500 đôla, để nó hở ra cho anh những điều anh muốn biết. Rồi khi đứng rình căn nhà cô ta, anh thấy một người cao lớn đi chiếc Dodge màu xanh tới, vào nhà chừng 10 phút. Khi hắn đi rồi đến lượt anh mò vào, thì thấy cô ta đã chết. Đúng vậy không?

Tôi gật đầu, Brandon bóc tem điều xì gà rồi nhìn xoáy vào tôi.

- Anh khai rằng chiếc Dodge kia là của bác sĩ Salzer phải không?

- Đúng thế. Tôi đã nhờ trung úy Mifflin kiểm tra lại số xe để xác định lại việc này.

Brandon lừ mắt, đưa qua phía Mifflin trong khi anh chàng vênh mặt, chăm chú ngắm bức tường phía trước làm ra vẻ như không hề biết rằng xếp đang nhìn mình.

- Nửa giờ sau cú điện thoại của Malloy, anh đã nhận được tin báo của bác sĩ Salzer về chuyện ông ta bị mất chiếc xe đó, đúng không?

- Đúng vậy, thưa ngài - Mifflin điềm tĩnh trả lời.

Hai con mắt của Brandon chiếu về phía tôi:

- Anh nghe rõ đấy chứ?

- Rõ, thưa ông.

- Tốt. Vậy thì anh hãy cố nhớ lấy điều này: bác sĩ Salzer là một nhân vật đáng kính trọng của thành phố này. Và tôi sẽ không để yên cho những loại người như anh gây phiền hà cho ông ta đâu. Anh hiểu chứ?

Tôi thật không ngờ ông ta lại kết luận câu chuyện này đột ngột như thế, nên chỉ biết vừa gãi mũi vừa trả lời ảm ớ:

- Dạ, tôi đã hiểu được một phần.

Brandon thổi khói vào mặt tôi bảo:

- Này, tôi nói thẳng cho anh biết rằng, tôi không có một chút cảm tình nào với anh cả. Cả cái công ty của anh nữa. Nó có thể cũng có ích đấy, nhưng cũng có nhiều vấn đề đáng ngờ lắm. Còn anh ấy à, anh chỉ giỏi quấy rầy người khác thôi. (Ông ta lại ngả người xuống coi lá thư để trước mặt). Bây giờ cô Crosby đã chết, gia đình người ta là chỗ giàu có và danh giá, nếu anh muốn bới móc việc riêng của người ta thì đừng có hòng trông vào sự giúp đỡ của tôi. Còn món tiền 500 đôla của cô ấy gửi cho anh, anh không có quyền sử dụng nữa. Phải gửi về cho người thừa kế là cô Maureen, và để cho cô ta yên. Nếu cô ta cần có luật pháp giúp đỡ, thì đã có tôi đây. Chuyện này đối với anh, thế là hết. Nếu anh cứ muốn chõ mũi vào công việc của người khác thì liệu đấy. Tôi sẽ giành cho anh một chỗ đủ kín đáo để anh không còn quấy ai được nữa. Hiểu không?

Tôi nhướn một nụ cười và nghiêng người về phía Brandon.

- Dạ... ạ, tôi đã bắt đầu hiểu, thưa ngài.

Viên đại úy đỏ mặt tía tai, hai mắt tưởng chừng muốn phun ra lửa:

- Malloy, tôi cho anh biết trước những người dưới quyền tôi, họ cũng sẽ biết cách đối xử với cái loại người như anh. Một ngày nào đó, anh sẽ được ngồi yên trong một xó. Bây giờ, hãy để chuyện Salzer và Crosby lại, rồi rút đi cho khuất mắt ta!

Tôi từ từ đứng dậy, cố giữ giọng nói thật điềm tĩnh:

- Tôi không biết người được thừa kế gia tài Crosby đã chi cho cái gọi là “Hiệp hội tương trợ” của ông bao nhiêu tiền? Cả cái tổ chức thể thao của ông nữa, Salzer đã đút vào đấy bao nhiêu? Tôi hiểu tại sao cách đây hai năm, khi cô Maureen lái xe chệt chết người, chính ông ta đã sốt sắng cho qua cái vụ đó đi. Còn Salzer, tại sao lão ta không có bằng bác sĩ y khoa mà lại có chữ ký trên tờ khai tử của ông Mac Donald Crosby nhỉ?

- Bước ra khỏi đây ngay! - Brandon gầm lên không nén được tức giận.

Tôi mở cửa, bảo Paula:

- Đi, Paula. Ở đây thiếu không khí trong sạch quá!

Mifflin theo gót chúng tôi tới đầu hành lang, nói nhỏ:

- Đợi một chút. Vào đây!

Anh ta mở phòng làm việc riêng cho chúng tôi vào. Paula theo tôi bước vào bên trong theo lời mời của Mifflin vì cả hai chúng tôi vẫn mến anh ta. Hơn nữa, anh ta còn có ích cho công việc của chúng tôi. Anh ta đóng cửa lại, đứng tựa vào tường, nói khẽ:

- Cậu nói với Brandon như thế, thật là đại dột quá. Sẽ phiền đấy, Vic ạ.

- Tôi biết nhưng lão ta làm tôi không nhịn được nữa.

- Tôi muốn ra hiệu cho anh mà không kịp. Ông ta không có chứng cứ nào để buộc tội anh, thì tại sao anh lại phun cả câu chuyện ra để làm gì?

- Biết vậy, nhưng tôi không được. Không biết lão Salzer có liên hệ gì với Brandon?

Mifflin nhún vai: - Salzer là chỗ thân tình với... cảnh sát. Chà, cái bệnh viện an dưỡng của ông ta ấy, tôi thừa biết nó chỉ là cái bẫy làm tiền thôi, nhưng cũng chưa phát hiện được điều gì phạm pháp cả (Anh ta hạ giọng) với đồng lương đại úy cảnh sát, Brandon chẳng thể nào tậu được xe Cadillac đời mới như thế đâu. Còn cô Maureen Crosby thì cũng không phải vô cớ mà cứ bao đều đều tiền học phí cho lũ trẻ và tiền thuốc thang cho bà vợ của ông ta. Vừa rồi, thế là anh đã động tới hai nhân vật bảo hộ chính của gia đình Brandon rồi đó.

Qua thái độ ông ta nạt nộ tôi, tôi cũng đoán phải có nguyên do gì đây. Này Tim, có thật là Salzer điện thoại báo cho anh rằng lão bị mất xe không?

- Chính Salzer đã phôn cho tôi.

- Vậy anh sẽ làm gì về vụ án mạng vừa rồi? Bỏ qua chăng?

- Không đâu, chúng tôi sẽ tìm ra thủ phạm. Nhưng trước mắt chưa làm gì được Salzer đâu. Lão ta thừa tình khôn để lẩn tránh mọi trách nhiệm.

- Đúng vậy.

- Còn việc Brandon đe dọa anh, chớ có coi thường. Không ít người đụng vào ông ta đã bị trả đũa ra trò đấy.

- Cám ơn, Tim, tôi sẽ coi chừng nhưng cũng biết cách tự vệ. Mifflin vừa xoa mũi, vừa nói:

- Không đơn giản thế đâu. Sự việc anh tự vệ dễ trở thành tội chống lại cơ quan chức năng. Thế cũng đủ để anh bị xoi đòn rồi.

Tôi vỗ vào cánh tay Tim và bảo:

- Cậu yên trí. Tổ đã có cách. Thôi nhé.

Mifflin gật đầu, mở cửa cho tôi và nói thêm.

- Tổ nhắc lại hãy cẩn thận đấy.

Cậu ta cẩn thận liếc nhìn hai phía hành lang xem có ai không, rồi mới ra hiệu cho chúng tôi đi ra. Tôi cùng Paula đi xuống cầu thang. Ở cửa ra vào, có hai gã to con, mặc thường phục đứng mỗi người một bên. Một gã có bộ tóc bù xù màu đỏ, da mặt nhăn nheo và tía. Gã kia người gầy, có vẻ hung tợn hơn. Cả hai nhìn chúng tôi chằm chằm. Khi tôi cùng Paula đi qua, tên tóc đỏ tía một tia nước bọt vào cái ống nhổ bằng đồng, đặt xa chúng tôi năm mét.

Tiệm cà phê của Finnegan ở trong hẻm ngay đằng sau tòa nhà Orchid Building. Trước kia mọi người vẫn thường đậu xe ở đây. Mike Finnegan là chỗ quen biết từ lâu của tôi. Anh quan hệ rộng rãi với giới nhân viên nên không có một vụ áp phe nào có thể qua được mắt anh.

Cách đây vài năm, tôi có dịp can thiệp vào vụ xô xát giữa anh và ba tay da đen. Anh vẫn nghĩ rằng, nếu không có tôi hôm đó thì anh không còn sống cho tới hôm nay. Do đó lúc nào đối với tôi anh cũng tỏ lòng ơn huệ đặc biệt. Dường như mọi người quanh đây đều có thói quen gặp mặt nhau sau những giờ làm việc tại tiệm cà phê này. Bởi vậy, tôi ngừng chiếc Buick trước tiệm, rồi cùng Paula đi vào để tìm Kerman.

Đã hơn 11 giờ rồi, nên ở quầy rượu chỉ còn vài người. Tôi nhìn thấy ngay Kerman ngồi ở góc phòng, cầm tờ báo ngang tầm mũi, một chai rượu Scotch ở trên bàn. Anh chàng ngược mắt lên, ra hiệu vẫy chúng tôi lại. Khi qua phòng, tôi giơ tay chào Mike và anh ta cũng ngoác cái miệng rộng ra để cười và chào lại. Finnegan là loại người không thể nào đưa đi thi sắc đẹp được: người vạm vỡ, mặt sần sùi như là tác phẩm của sự kết hợp giữa đười ươi và người máy vậy. Nhưng anh được cái rất lạnh lợi.

Kerman bắt đầu trêu chọc Paula. Cậu ta đứng dậy, ngả người chào trịnh trọng và nói:

- Con gió nào đã đưa các vị đến cái tiệm bình dân này vậy. Hình như quý bà đã để quên nụ cười ở trong két cùng đồng hồ sơ rồi, phải không?

- Thôi đừng đùa nữa - tôi bảo Kerman - Sự việc đã tới hồi gay cấn rồi đấy. Cậu đã làm được những việc gì nào?

Vừa lúc đó Finnegan đi tới nghiêng mình chào.

- Chào Malloy, chào bà. Các vị dùng gì?

Tôi trả lời và nhìn Paula:

- Cho tôi một ly uryt ki. Cà phê nhé?... Một cà phê cho cô Bensiger (quay sang Kerman, tôi hỏi tiếp). Nào Kerman, kể công việc cậu đã làm đi.

- Tôi đã gặp Joan Parmetta. Tuyệt mĩ! Thế này này (cậu ta đưa hai tay vẽ những đường cong từ trên xuống dưới). Nếu cái tay phục vụ không chạy ra chạy vô liên hồi, thì tôi đã đặt được chuyện tình cảm với cô nàng rồi. - Anh chàng thở dài. Cái số tôi là như vậy, không hiểu tại sao tất cả các phụ nữ đều dễ mến tôi thế cơ chứ.

Paula chớp lấy cơ hội để vào một câu:

- Vì anh thiếu thông minh. Ở cạnh anh, họ thấy khoái vì thấy mình hơn người.

Tôi vội can thiệp:

- Thôi, tôi không cần chú ý tới việc Parmetta có xinh đẹp hay không, mà chỉ muốn biết cô ta đã nói gì về Janet.

Kerman lừ mắt với Paula rồi nói:

- Cô ta rất ngạc nhiên khi hay tin Janet bị chết vì bệnh tim. Hai ngày trước đó, Janet vẫn chơi quần vợt và khiêu vũ. Với một người đau tim thì việc đó quả là lạ.

- Còn gì nữa không?

- Tôi hỏi cô ta về Sherrill. Anh chàng này hiện không còn ở thành phố, nên tôi không thể tìm gặp được. Theo Parmetta thì Janet mê anh ta như điên. Hai người không rời nhau một bước. Đùng một cái, trước ngày ông bố nhà Crosby qua đời khoảng một tuần, anh chàng kia không tới thăm Janet nữa và cuộc hôn nhân của hai người được bãi bỏ. Joan Parmetta có gắng hỏi Janet nhưng cô ta chỉ im lặng hoặc bảo rằng họ đã cãi nhau, nhưng vì sao, thì cô ta không nói.

- Sherrill là người thế nào?

Kerman nhún vai và kể lại:

- Theo Joan thì anh chàng cũng có mẽ đấy, nhưng không biết làm nghề gì và có tiền hay không, có nhà riêng ở đường Rossmore, tuy nhỏ nhưng xinh xắn. Có một cô hầu người Tàu trông nom. - (Kerman chụm môi hôn một cái vào không khí). Trông cũng được lắm! Tôi có hỏi cô nàng, nhưng cũng chẳng thu thập được mấy tin tức. Cô ta không biết bao giờ Sherrill về và bảo ông chủ phóng khoáng lắm, như chim ấy, biết được ông ấy bay ở đâu? Trong ga ra có một chiếc Cadillac chắc chắn như xe bọc thép vậy. Vườn tược, bể bơi tất cả đều rất xôm. Việc duy trì bảo quản ắt phải tốn khối của.

- Hết chưa?

- Hết!

Tôi kể lại với Kerman những sự việc tôi đã gặp, chuyện cô Eudora Drew, cuộc họp gay gắt với Brandon. Kerman trợn mắt, há mồm nghe tôi nói quên cả ly rượu để trước mặt, tỏ vẻ thần phục bảo:

- Trời ơi! Vậy mà anh coi là chuyện thường? Bây giờ, chúng mình đành chịu bỏ cuộc hay sao?

- Tôi cũng chưa quyết định nên thế nào, nhưng phải trả lại tiền. Tuy vậy, trước tiên chúng ta phải rõ xem ai là người quản lý tài sản đã. Tôi dám cuộc rằng không phải là cô Maureen rồi. Có thể cô ta có thuê một người nào đó. Chúng ta cần phải biết, nội dung chúc thư ông già Crosby để lại, cô Janet có cho Eudora hưởng cái gì sau khi cô chết không. Nếu không, tại sao Eudora có vẻ rùng rình thế? Tóm lại, chúng ta cần phải nắm được một số tài liệu và phải tiến hành thật khéo léo để Brandon không gây rắc rối cho chúng ta. Sau đó, tôi mới quyết định được là nên hay không nên tiếp tục công việc này.

Paula bảo:

- Nếu phải trả lại tiền thì thà chúng ta bỏ cuộc luôn cho nhẹ mình. Tội gì đi làm những việc không công.

- Kể thì đúng vậy. Nhưng tôi cảm thấy thích thú làm việc này. Vả lại, tôi không thích phải bắt buộc tuân lệnh của Brandon. - Tôi uống một ly rượu rồi uể oải đứng dậy. - Thôi, chúng ta nên về đi nằm một lát. Tôi cảm thấy cần phải làm một giấc đây.

Kerman ngáp và bảo:

- Tôi cũng có việc phải về nhà bây giờ.

- Sáng mai cậu phải có mặt tại đây đấy nhé.

- Rõ rồi, trừ phi tôi bị bọn chúng mang nấu cá. - Nhưng hãy đợi tôi một lát đã. Tôi muốn hỏi Finne điều này...

Tôi đi lại quầy rượu. Finnegan đang lau mấy cái ly. Mặc đôi uyên ương sắp sửa rời tiệm. Cô gái tóc vàng khoác tay bồ, nhìn thấy tôi, nháy mắt một cái ra vẻ tinh nghịch. Khi họ đã đi khỏi, tôi nói với Finnegan:

- Tớ đang bị một thằng theo đuôi: loại tử đứng, tai mũi đều có thep hay đội mũ màu hồng nhạt và hút xì gà. Dáng người thiên về loại ác thú... Cậu có đoán ra ai không?

Finnegan vừa nghe tôi tả vừa tiếp tục lau cái bình đựng rượu, giờ nó ra chỗ sáng, neho mắt lại ngấm nghĩa rồi đặt cẩn thận lên cái giá, trước khi trả lời:

- Tôi đoán chắc nó là Benny Dwan. Nếu miệng nó hôi mùi hành thì không có thể là ai khác.

- Tôi chưa đứng sát hần bao giờ. Vậy Benny Dwan là ai?

Finne lại cầm một cái ly khác lên để lau, làm tôi thêm sốt ruột.

Không phải anh ta chủ tâm làm như vậy để hành người khác, mà điệu bộ kẻ cà đó đã thành thói quen của anh rồi.

- Hần là một tay anh chị có hạng. Trước kia, chuyên kiếm tiền bằng nghề cờ bạc, đã bị tù 5 năm về tội ăn cướp có vũ khí. Hiện nay, không biết hần làm gì cho Salzer.

- Hần thì làm được việc gì nhỉ?

- Lau xe, làm vườn nói chung là mọi việc để ra vẻ lương thiện.

- Finne này, nếu đúng là Dwan thì nó sắp bị kết tội giết người đấy.

- Như vậy lại càng đúng với khả năng của hần. Đúng, đúng... hần thường ngậm xì gà, mũi và tai bên phải có thep. Đúng là Dwan rồi!

Tôi cảm thấy hơi xúc động, giờ tay bắt Finnegan để cảm ơn rồi đi lại cuối phòng nơi Kerman và Laura vẫn đứng chờ tôi. Tôi báo tin cho hai người biết.

- Finnegan nhận ra tên bám theo tôi và giết Eudora Drew rồi. Tên hần là Benny Dwan. Có tin này, đừng ngạc nhiên nhé: hần làm cho Salzer!

Kerman toét miệng cười:

- Tôi phục tài lòng tin của anh đấy. Vậy, làm gì bây giờ?

- Chúng ta sẽ báo cho Mifflin biết. Để tôi phôn cho anh ta ngay bây giờ.

Mifflin đã rời sở cảnh sát về nhà. Tôi tra cuốn danh bạ điện thoại, tìm thấy số máy riêng của Mifflin. Có giọng nói ngái ngủ và tức giận ở bên kia đầu dây. Tôi vội nói:

- Malloy đây. Rất tiếc đã quấy rầy anh, Tim ạ. Nhưng vì tôi vừa tìm ra tên đứa giết cô Eudora Drew.

Giọng Tim dịu hẳn đi, đầy vẻ sốt sắng:

- Hay quá! Ai vậy? Tên nó là gì?

- Benny Dwan. Nghe đây, Tim: nó làm cho Salzer! Bởi vậy, nếu anh tới luôn chỗ an dưỡng đường của Salzer, anh có thể tóm được hần ngay bây giờ đấy.

Đầu dây bên kia bỗng im lặng. Tôi gượng cười và đoán nét mặt thay đổi của Mifflin. Sau cùng, anh ta cũng nói được thành tiếng:

- Salier, hả?

- Đúng vậy, đúng là ông bạn thân của Brandon.

- Chắc không?

- Chắc chứ. Việc này sẽ rắc rối cho Salzer đấy. Nhưng ngoài Brandon ra thì có ai lo dùm cho Salzer làm gì.

- Phiền đấy. Tôi buộc phải nói cho Brandon biết việc này.

- Cũng được. Nhưng anh hãy nói thêm cho ông ta rằng tôi sẽ công bố việc này cho báo chí biết. Để ông ta hết đường im chuyện này đi.

- Đừng làm vậy! - Mifflin hét vào máy - Brandon sẽ tức điên lên mất.

- Rất tiếc là tôi không nghe theo lời anh được. Tôi nhất định cho báo chí biết việc này, và nếu các anh không bắt tên Dwan ngay thì các anh sẽ bị mất mặt với họ đấy. Thôi nhé... chào Tim.

Tôi đặt máy xuống trong khi Mifflin vẫn cố nói thêm ở đầu dây bên kia. Paula cùng Kerman đứng gần điện thoại nghe tôi nói chuyện hỏi:

- Mifflin làm gì mà van xin dữ vậy?

- Hình như bọn họ đều sợ là mất lòng Salzer.

Tôi quay số tới tòa báo Herald xin nói chuyện với viên chủ bút. Tôi kể tóm tắt câu chuyện về Salzer cùng tên bộ hạ chỉ mất có hai phút. Tay chủ bút được tôi thông tin cho, cứ như mèo ngửi thấy hơi chuột. Tôi bảo ông ta:

- Brandon đã được Salzer đâm mõm. Rồi đây, ông đừng ngạc nhiên nếu thấy Brandon cố làm cho êm chuyện này đi.

- Cám ơn anh, Malloy, vì tin tức này. Anh cứ yên tâm đi. Tôi đã chờ đợi từ lâu những bằng chứng cụ thể để tấn công tên vô lại này. Lần này, tôi sẽ không để cho hắn thoát đâu.

Tôi đặt ống nghe xuống, nói với Paula và Kerman:

- Câu chuyện bắt đầu ầm ĩ làm cho Brandon đau đầu đấy. - Paula mỉm cười, còn Kerman thì ra vẻ đồng tình và bảo:

- Khoái thật!

Nếu bạn cứ theo đại lộ Orchid về phía Bắc, rồi đi quanh khu Santa Rosa Estate, bạn sẽ thấy một con đường nhỏ dẫn tới những ụ cát và ngôi nhà bằng gỗ của tôi. Căn nhà chẳng có gì đặc biệt nhưng cách xa hẳn các ngôi nhà khác khiến tôi có thể vừa tắm vừa hát hò mà chẳng gây phiền lụy tới ai. Cách nhà tôi chừng một trăm mét là bãi biển Thái Bình Dương. Chung quanh nhà có những bụi gai dại mọc trên cát và một vài cây cọ đứng chụm lại với nhau thành một nửa vòng tròn. Địa điểm được cái yên tĩnh, vắng vẻ. Tuy vậy, vì đã sống quen năm năm rồi, tôi đâm ra gắn bó với phong cảnh ở đây và không muốn rời đi nơi khác nữa.

Sau khi rời khỏi tiệm của Finnegan, tôi lái chiếc Buick đi về nhà qua con đường hai bờ cát trắng. Còn hai mươi phút nữa là tới nửa đêm. Mặt trăng đêm nay tròn vành vạnh, soi sáng từng bụi cây, đụn cát. Mặt biển như một tấm gương mờ, lấp lánh. Không gian thật yên tĩnh. Tôi chỉ còn thiếu có mỗi một cô gái tóc vàng nữa ở bên mình để tạo được ra phong cảnh mơ mộng, thần tiên.

Tôi nghĩ thầm - ngày mai sẽ vất vả đấy. Paula phải ra tòa thị chính từ sớm để xin được biết về những chúc thư của ông già Crosby và cô con gái Janet. Tôi muốn đi gặp lại cô y tá Gurney, nói chuyện với luật sư phụ trách tài sản của Maureen và tìm hiểu thêm về chàng người yêu cũ của Janet, Douglas Sherrill. Nếu những chúc thư không có điều gì nghi vấn, viên phụ trách tài sản của Maureen quản lý mọi việc bình thường, Sherrill là một chàng trai đứng đắn thì tôi sẽ mang trả lại 500 đôla và coi như công việc này kết thúc. Nhưng đây chỉ là giả thiết "nếu". Tôi linh cảm thấy mọi việc sẽ không xảy ra như vậy và tôi đã không uống công vì đã làm bao nhiêu việc.

Tôi ngưng chiếc Buick trước ga ra bằng gỗ rồi xuống xe để mở cửa. Đưa xe vào xong, tôi tắt máy. Trước khi châm điều thuốc, tôi vô tình liếc vào tấm kính chiếu hậu. Hình như có một vật gì làm cho bụi cây ở gần đó rung động.

Tôi vội tắt lửa, ngồi im không cử động, căng mắt nhìn vào những bụi gai cách ga ra, nơi tôi để xe chừng năm mươi mét. Những cành cây nhỏ vẫn động đậy như có người đè chúng xuống, vạch chúng ra rồi khép chúng lại. Trời không gió. Cũng không thể có một con chim nào đủ lớn để có thể khua động bụi cây mạnh như thế. Chỉ có thể là có người đàn ông hay đàn bà đang núp ở đấy. Hắn đã vạch bụi cây ra để quan sát hoặc đã nín thở chờ đợi khi bị vấp ngã.

Tôi thấy không yên tâm. Ngồi trong bụi rậm chỉ là những kẻ đang có âm mưu. Paula đã nói nhiều lần với tôi rằng nơi đây quá vắng vẻ, mà cái nghề của tôi thường tạo ra cho mình nhiều kẻ thù. Hơn nữa, đã có lần, tính mạng tôi bị đe dọa.

Tôi cúi đầu, di điều thuốc vào chỗ gạt tàn để dập tắt. Đúng là ở chỗ này bất lợi thật. Có thể xảy ra những cuộc chiến đấu ác liệt nơi đây mà chẳng ai hay biết. Tôi buồn rầu nghĩ tới khẩu 38 còn để lại trong ngăn tủ.

Đèn pha chiếc Buick đã tắt nên ga ra chìm trong bóng tối. Nếu quả có người định ám hại tôi, chắc hẳn đang chờ tôi ra đóng cửa ga ra. Dưới ánh trăng, ở khoảng cách từ đây tới bụi rậm, tôi sẽ là một mục tiêu tuyệt hảo khó mà bắn trượt.

Nếu muốn tặng cho đối thủ của tôi một sự bất ngờ, phải hành động mau lẹ. Càng ngồi ở đây lâu bao nhiêu, hẳn càng có nhiều thời gian để chuẩn bị. Còn nếu không ra khỏi ga ra, hẳn sẽ bắn luôn vào xe để trục tôi ra - đấy là dự đoán, còn trong thâm tâm tôi lúc này, chỉ mong hẳn không có súng.

Tôi khẽ mở cửa xe rồi nhẹ nhàng luồn ra ngoài. Chỗ tôi đang đứng có thể nhìn thấy rõ môn một mọi vật chung quanh: các bụi cây, ánh nước biển, mấy cây cọ. Tôi chẳng dại gì mà phô người ra dưới ánh trăng sáng vàng vạc lúc này.

Tôi lùi lại phía sau lấy tay sờ, lần theo những tấm gỗ ở cuối ga ra đã bị Kerman húc vỡ vào một buổi tối, chúng tôi đi chơi về khuya. Tôi tỳ vai vào một chỗ gỗ nứt, làm cho nó bật hẳn ra rồi chui ra ngoài. Bây giờ chỉ còn một việc là làm cách nào bỏ từ ga ra tới ngôi nhà mà không để cho kẻ đang rình tôi hay biết. Một khi đã vào được trong phòng, có khẩu súng trong tay, tôi sẽ bắn một phát vu vơ về phía các bụi rậm. Như thế cũng đủ làm cho hẳn nhụt trí rồi.

Nhưng cũng có thể, đối thủ của tôi chờ lâu không thấy tôi đã đoán ra được là hẳn đã bị lộ. Cho nên hẳn đang rình tôi, trên quãng đường từ ga ra đến căn nhà. Dù sao, thì tất cả những điều trên cũng chỉ là dự đoán của tôi mà thôi.

Tôi cúi gập người, bắt đầu bò từ từ về phía căn nhà, cố nép mình sau những bụi cây. Chừng nào còn những bụi cây này để lấp chỗ nấp thì tôi vẫn còn được an toàn. Nhưng bụi cây cuối cùng lại cách căn nhà chừng mười mét. Mười mét đất trống cách đối thủ bí mật của tôi chừng một trăm mét. Ở khoảng cách này thì có thể thử liều cũng được.

Tôi cầm vành mũ, lia vào bụi rậm ở phía bên để đánh lạc hướng đối phương, rồi bắt đầu cầm cổ chạy. Chạy trên đất cứng thật khác với việc chạy trên cát. Chân tôi bị ngập xuống cát, cố chạy nhanh mà không được. Tôi lao đảo, bị ngã sấp nhiều lần, lại nhồm dẩy chạy, lại ngã. Khi gần tới được một bụi cây thì tiếng nổ của một khẩu súng trường ở đâu đó vang lên trong đêm khuya. Tiếng đạn réo ngay trên đầu tôi. Nếu không có cái màn trò xiếc quảng mũ thì có lẽ tính mạng tôi đã đi tong rồi. Tôi nhảy vọt vào một bụi rậm ở gần đó, lăn tròn mấy vòng. Lúc ngừng lại thấy mình nằm ngửa ngay trên vùng đất trống. Lại một tiếng súng nữa. Viên đạn ghim xuống đất, hất tung cát vào mặt tôi, rõ ràng tay súng không phải là loại tồi.

Tôi có trạng thái của một bà già sống độc thân đang ngồi nghe tiếng kẻ trộm cây khóa cửa. Người đâm mồ hôi, tôi vừa chửi thề vừa cố chạy, hai chân thực xuống cát không kém gì những cặp giò của con tê giác trước sự lùng sục của đám thợ săn. Tiếng nổ thứ ba vang dội. Tôi chợt thấy mu bàn tay rất bóng như chạm vào miếng sắt nung đỏ. Viên đạn đã tuốt mất một mảng da. Tôi vội để người đổ xuống đất, nén chặt bàn tay bị thương vào người, lúng túng không phân biệt nổi chỗ nào là lá, là cành, là gai của đám bụi cây. Dù sao chẳng nữa tôi vẫn phải cố tới được căn nhà. Tôi chưa mất hết can đảm, nhưng quả thật người tôi đâm mồ hôi và máu, còn tim thì đập như trống làng. Tôi cố nhào người trên cát, càng nhanh càng tốt, chú ý không gây ra tiếng động. Tôi đã tiến thêm được quãng mười lăm mét thì nghe thấy có tiếng cành cây gãy, ngay gần bên nên giật mình và cảm thấy tóc gáy đang từ từ đứng cả dậy. Tiếng động trong bụi rậm cách tôi có vài mét. Lại có tiếng cành khô gãy, rồi im lặng. Đúng là có kẻ lạ mặt đang đứng ở phía trước tôi. Tuy nằm dán xuống mặt đất, nhưng tôi vẫn như nghe thấy từng hơi thở của hẳn. Hành động tốt nhất của tôi bây giờ là nằm im và chờ đợi. Mỗi phút trôi qua tưởng một giờ. Có lẽ hẳn cũng cảm thấy có người gần đầu đây, nên cũng chờ, mong sẽ phát hiện ra một tiếng động hay một dấu hiệu nào tố giác chỗ nấp của con mồi. Riêng tôi, tôi đã quyết định cứ nằm như thế, cho tới sáng, vả lại cũng không thể làm khác được. Một lát sau tôi nghe thấy tiếng bước chân hẳn đi ra phía xa, từ bụi rậm này qua bụi cây khác để tìm tôi. Tôi từ từ ngẩng đầu lên, từng căng-ti-mét một cho tới khi có thể nhìn thấy những cành vật trước mặt. Dưới ánh

trắng tôi đã nhận ra hắn: mũ hồng nhạt, vai to bè, mũi tai biến dạng, nghĩa là bộ mặt của Benny Dwan, kẻ đã xiết cổ Eudora Drew. Hắn đứng cách xa tôi chừng ba mươi mét, tay cầm khẩu Colt 45, quay lưng lại tôi. Ở khoảng cách này, nếu có súng, tôi sẽ hạ hắn dễ dàng như săn thỏ. Đáng tiếc là tôi không có vũ khí nên điều tôi mong ước lúc này là hắn sẽ bỏ đi.

Nhưng hắn cứ đứng đấy, rình mò. Một lúc sau hắn quay lại, đi từ từ về phía tôi.

Biết không thể tránh được, tôi quyết định nhảy chồm vào hắn. Cả hai bàn tay, khối óc và đà nhảy của tôi đều nhằm vào khẩu súng. Những ngón tay tôi thút lại quanh cổ, còn vai tôi huých mạnh vào sườn hắn. Hắn kêu lên vì ngạc nhiên và sợ hãi. Tôi vặn cổ tay hắn, cướp lấy khẩu súng. Trong khoảnh khắc, lợi dụng được thế bất ngờ tôi đã làm chủ được tình thế. Nhưng khi khẩu súng vừa nằm trong tay tôi thì hắn đã trấn tĩnh lại và lập tức, tôi bị một cú đâm trúng gáy mạnh đến nỗi ngã dúi ngay vào bụi rậm. Tôi vẫn đủ bình tĩnh để nắm chặt lấy khẩu súng và gơ về phía hắn. Hắn không để tôi kịp bóp cò. Một cú đá làm khẩu súng văng khỏi tay tôi về phía bụi cây xa. Dù sao thì bây giờ tình thế vẫn khá hơn: cả tôi cả hắn đều tay không.

Dwan vượt qua bụi rậm nhảy về phía tôi, không dè bị một cành gai nứu chân lại khiến hắn ngã sóng soài. Hắn khỏe hơn tôi và nhanh ra trò nên tôi nghĩ ngay rằng, nếu đánh nhau ở chỗ này thật bất lợi. Phải tìm cách ra chỗ nào rộng rãi để khi cần, có đường mà chạy. Hắn đã đứng dậy và xông vào tôi khi tôi vừa gỡ mình khỏi bụi cây gai. Tôi còn giữ nguyên cảm giác của hắn vừa rồi nên cố né không để hắn đánh trúng, thậm chí còn giáng được cho hắn một cú vào mũi. Nhưng hắn đã nắm được cổ áo tôi, kéo mặt tôi lại giáp với mặt hắn và xiết mạnh hai bên cổ áo lại. Ánh sáng trăng chiếu rõ mặt hắn và chỉ trong giây phút, tôi đủ nhận thấy ý định lạnh lùng, dã man hắn lên trên nét mặt của một con vật quyết định giết người.

Tôi thúc đầu gối lên. Nhưng vì đã dày dạn với việc đánh nhau nên hắn thừa kinh nghiệm, khẽ xoay người một chút là đầu gối của tôi chỉ gặp có cái bắp đùi. Tôi cố đâm hết sức vào hai bên sườn hắn. Hắn sẽ khẽ kêu ư ử, nhưng hai tay không ngừng dùng hai vạt áo của tôi để xiết chặt vào cổ tôi. Tôi hiểu rằng chỉ còn vài giây nữa thôi, chân tay tôi sẽ rời rã vì nghẹt thở và thế là hết. Tôi đành đi một nước cờ tuyệt vọng: cầm mạnh tất cả các ngón tay tôi về phía mặt hắn.

Hắn thét lên một tiếng rồi buông cổ tôi ra. Tôi hấp tấp tấn công bằng một loạt cú đâm, nhưng hình như hắn không thêm quan tâm mà cứ đứng ôm lấy mặt, thở hổn hển rồi ngã quỵ xuống. Tôi lùi lại một chút lấy đà, hơi cúi người xuống, rồi làm một quả đâm móc loại tuyệt hảo đúng vào cằm hắn. Dwan gơ hai tay lên trời như để lấy thăng bằng, ngã ngửa người ra phía sau, rên lên như con vật bị thương rồi nằm im không động đậy.

Tôi cúi xuống nhìn bộ mặt máu me đầm đìa của hắn. Tôi thực sự không muốn làm thế, nhưng vì đây là một trận đấu sống còn. Vả lại cũng may mắn là hắn không chết. Tôi lật Dwan nằm sấp lại, lấy dây lưng của mình để trói hai chân hắn rồi lại chạy vào trong nhà.

Tôi nghỉ mấy phút để đánh thức Mifflin và nói qua điện thoại:

- Mifflin, tốt rồi, tốt rồi! Dwan đang ở đây này!
- Sao? Dwan ở chỗ anh hả?
- Đúng vậy. Tối ngày đây với đám bộ sậu của cậu đi. Tôi mệt lắm rồi!
- Nhưng mà Brandon vừa bảo tôi rằng Dwan...
- Mặc kệ Brandon! Lại đây mà đón nó về, tên thủ phạm Benny Dwan ấy. Lẹ lên!
- Đừng nổi nóng như thế. Tớ tới ngay đây mà.

Vừa lúc tôi đặt ống nghe xuống, có tiếng súng nổ bên ngoài. Tôi nhảy vội về phía tủ để lấy súng. Khi tôi mở cửa ra ngoài, ánh trăng chiếu sáng cả khu vườn quanh nhà. Tôi đưa mắt kiểm soát dọc hành lang, không thấy bóng ai. Bất chợt có tiếng máy khởi động rồi một chiếc xe hơi vụt ra khỏi bóng những cây cọ, chạy mất hút về phía xa.

Tôi nắm cẩn thận khẩu súng trong tay, đi qua vườn tới các ụ cát.

Dwan vẫn nằm đấy nhưng đã lãnh một viên đạn vào đầu. Vết bắn gần làm cháy da bên tai có thẹo và vỡ một mảng sọ.

Hình dáng một con người độc ác khi đã chết, cũng giống như xác một người bình thường, hiền lành và vô hại.

Tôi mở cửa bước vào văn phòng Công ty. Trên cửa bằng kính có mấy chữ mạ vàng lớn: Universal Services và bên dưới có dòng chữ nhỏ hơn: Giám đốc Victor Malloy - tức là tôi. Mới tới phòng thứ nhất một cô gái tóc vàng đã cười vẻ ngượng nghịu và chào:

- Chào ông Malloy.

Đây là cô nhân viên phụ trách văn thư. Hai cô gái khác, cũng tóc vàng, ngồi sau bàn máy chữ cũng tùm tùm cất tiếng chào tôi. Cả ba đều vào quãng mười tám. Chỉ cần vỗ nhẹ vào lưng một cái, là họ cười như nắc nẻ, giọng cười vô tư của đám trẻ đang thời sung sức. Tôi ngấm nhìn những tài sản quý giá của mình rồi tuyên bố:

- Hôm nay đẹp trời quá!

Cô thứ nhất nhanh nhẩu lên tiếng:

- Thưa ông, hôm nay cô Bensiger ra tòa thị chính, có lẽ về chậm một chút.

- Cám ơn Trixy. Tôi ngồi trong phòng giấy, bao giờ cô ấy về cô bảo tôi cần gấp nhé.

Trixy khẽ gật đầu và liếc tôi một cái khiến tôi lập tức phải lẩm bầm như cầu kinh để nhắc nhở mình rằng cô ta còn quá trẻ và hiện đang là nhân viên của công ty.

Tôi vào phòng riêng, đóng cửa lại. Đồng hồ chỉ mười giờ năm, chưa tới lúc ăn trưa. Nhưng tôi nghĩ rằng cái chai có bao giờ biết giờ giấc. Bởi vậy tôi tự rót cho mình một li, châm điều thuốc, trước khi ngó qua đồng hồ từ và giấy tờ. Không có gì quan trọng, tôi đặt tất cả vào ngăn tủ dành cho Paula rồi gác cả hai chân lên bàn, nhắm mắt lại. Sau một đêm náo động như đêm qua, tôi cảm thấy người đau ê ẩm. Hình như có tiếng muỗi bay quanh đầu tôi lẫn với tiếng máy chữ của các cô gái ở phòng bên. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết!

Vào quãng mười một giờ kém hai mươi, giọng nói của Paula vang lên ở phòng đánh máy làm tôi choàng tỉnh giấc. Tôi vừa kịp rút hai chân trên bàn xuống và xếp gọn mấy lá thư lại thì Paula xuất hiện. Tôi vội vã làm vẻ tươi cười, tỉnh táo:

- Kìa Paula, vào đi. Anh đang chờ em.

Nàng ngồi xuống và nói từ tốn:

- Nếu anh cần ngủ tại phòng làm việc thì đừng có ngại. Ảnh hưởng xấu tới các nhân viên.

- Thôi thì họ cũng đã bị ảnh hưởng thế mấy năm rồi - tôi vừa nói vừa cười. Tối qua, anh chỉ được ngủ có hai tiếng nên hôm nay mệt quá. Anh đang cần một vài lời úy lại dịu dàng đây.

Paula nhìn vào vết xước ở má tôi, hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Một cuộc gặp mặt không hẹn trước, thế thôi.

Nói đoạn, tôi kể cho nàng nghe việc Benny Dwan phục kích tôi ở nhà như thế nào.

- Hắn chết rồi sao? Ai giết?

- Chưa biết, nhưng cũng có thể đoán được... mười phút sau cú điện thoại anh gọi cho Mifflin, có hai tay cảnh sát tới: hai tay mặt dữ dằn mà chúng ta đã gặp ở sở cảnh sát, em còn nhớ không? Chúng có vẻ vui mừng hơn là ngạc nhiên, khi thấy Dwan đã chết. Thế là cho anh đủ hiểu: cái chết này khiến cho Salzer đỡ bận tâm. Nếu bị chắt vắn, hẳn chỉ việc trả lời hiện nay Dwan không làm cho hắn nữa, thế là xong! Tại sao Dwan lấy cắp xe của Salzer, hạ sát Eudora, phục kích để ám hại anh? Cảnh sát phải có nhiệm vụ điều tra cho rõ các sự việc này, nhưng anh tin rằng họ sẽ không làm.

- Anh đoán được người nào đã bắn Dwan hay sao?

- Đúng. Sau khi hai tên cớm đi khỏi, anh đã nhìn vết bánh xe của chúng để lại. Những hình ảnh quả trám giống hệt các vết xe để lại sau nhà. Như vậy là chúng đã tới đây rình anh sớm hơn cả tên Dwan. Chúng núp một chỗ, chứng kiến trận đấu giữa anh và Dwan, không ngờ tới cái màn Dwan bị trói gô trên cát. Rồi, trong lúc anh vào gọi điện thoại cho Mifflin, chính hai đứa này đã hóa kiếp cho Dwan.

Paula tròn tròn đôi mắt:

- Vậy là chính các nhân viên cảnh sát đã giết Dwan à?

- Em cứ đặt vị trí của mình vào bọn họ mà coi. Dwan can tội giết người. Trước tòa án, hẳn không ngần ngại gì mà không phun ra tất cả những điều hắn biết về Salzer. Salzer lại là chỗ hẩu với Brandon. Cho nên để tránh phiền phức cho Salzer và rắc rối cho ngài sĩ quan cảnh sát, đơn giản nhất là tặng cho Dwan phát đạn vào đầu. Sự suy đoán của anh có thể là sai, nhưng anh không tin thế. Chúng ta cần phải dựa vào những sự việc này để tiến hành công việc sau này. Em đã đọc được những bản di chúc của nhà Crosby chưa?

- Janet không để lại di chúc gì cả. Còn theo di chúc của ông bố thì Janet được hưởng ba phần tư gia tài, một phần tư cho Maureen. Như vậy là ông bố tin yêu Janet hơn. Nếu Janet chết, Maureen được hưởng toàn bộ gia tài với điều kiện không được gây ra một việc gì tai tiếng. Nếu Maureen còn bị báo chí đưa tin về lối sống bừa bãi của mình thì toàn bộ gia tài này sẽ được tặng cho Trung tâm nghiên cứu khoa học của Orchid City. Còn Maureen chỉ được hưởng một món tiền là một ngàn đôla mỗi năm thôi. Hai luật sư phụ trách việc thi hành bản di chúc này là Glynn và Coppley.

- Những điều kiện của bản di chúc như thế khiến cho Maureen dễ bị đe dọa tống tiền, để khỏi bị tung tin xấu.

Một nghìn đô mỗi năm thật là quá ít ỏi đối với cô ta.

Paula nhún vai

- Ngoài xã hội có hàng đồng con gái phải sống với số tiền còn ít hơn nhiều.

- Đúng vậy. Nhưng họ đâu phải con những nhà triệu phú?

- Còn chuyện Janet? Cô ta không để di chúc lại, vậy Eudora lấy tiền đâu mà ăn tiêu rộng rãi vậy?

Tôi ngấm nhìn Paula và vừa nói, vừa suy nghĩ:

- Chúng ta thử cho rằng Eudora biết chuyện Maureen phải đi cai ma túy. Maureen không muốn cô ta tiết lộ tin này nên phải tòi tiền ra. Vừa lúc ấy thì anh xuất hiện. Eudora liền điện thoại cho Maureen, hay một người trung gian, Salzer chẳng hạn - để đặt giá cao hơn. Salzer cử Dwan đến điều đình, không đồng ý được với nhau, Dwan khử luôn kẻ vò tiền.

- Anh nói cũng có lý đấy, nhưng ấy là mình chỉ giả thiết thế thôi.

- Đúng vậy, nhưng giả thiết của anh cũng không tồi, phải không?

Ngừng một lát, tôi nói tiếp:

- Có lẽ anh phải đi gặp cô y tá Gurney một lần nữa. Cô ta không làm việc ban ngày. Em thử hỏi địa chỉ cô ta qua “Hiệp hội các y tá” coi. Phía ra một câu chuyện nào đó để có cơ sở mà hỏi.

Paula đi ra ngoài. Tôi lợi dụng ngay thời cơ để hỏi thăm sức khỏe chai rượu ứt ki dẩu ở hốc bàn, châm một liều thuốc rồi tự đề ra chương trình làm việc trong ngày cho mình: “Trước tiên là cô y tá Gurney, sau đó tới hai ông luật sư Glynn và Coppley”.

Mấy phút trôi qua, Paula trở lại đặt lên bàn tôi một mẫu giấy có ghi: “Cư xá 246, 3882, Hollywood Avenue” và bảo:

- Anh có biết Gurney cũng là y tá cho Salzer không?

- Không. - Tôi đẩy lùi ghế ra xa bàn - Chà, tất cả mọi việc đều đổ về đầu mối Salzer. Lạ thật!

Tôi đưa tập hồ sơ cho Paula, bảo:

- Em giải quyết những công việc này cho anh.

- Cảm ơn sự tín nhiệm của giám đốc. Vậy anh vẫn theo đuổi việc đó à?

- Anh cũng chưa quyết định. Trưa nay, anh sẽ cho em biết. - Tôi cầm lấy cái mũ. Anh đi nhé.

Tôi mất nửa giờ để tới đại lộ Hollywood. Đã quá trưa, đường đông nghẹt xe cộ, nhưng tôi cũng không cần gì phải vội vàng.

Cư xá 3882 Hollywood Avenue là một căn nhà sáu tầng lầu, lối vào thiếu ánh sáng. Một hình bàn tay bằng kim loại chỉ vào cầu thang đi xuống tầng hầm với chữ: THƯỜNG TRỰC.

Tôi vào thang máy, ấn nút lên lầu hai. Qua một hành lang dài, hai bên có những cánh cửa cái bần, đóng kín, tôi đi tới căn hộ 246 ở cuối hành lang, bên phải. Tôi ấn ngón tay cái vào nút chuông, rồi châm một điếu thuốc, nghĩ thầm: “Không biết cô y tá có chịu tiếp mình không đây”.

Tôi đợi mấy phút thì nghe tiếng chân, rồi mở cửa. Không mặc bộ đồ y tá, Gurney càng xinh hơn. Cái áo khoác mặc nhà dài tới mắt cá chân. Vậy mà tôi vẫn nhìn thấy đầu gối của cô để trần, chân đi đất. Cô nhìn tôi, tươi cười:

- Ôi, chào anh. Anh có vào không?

- Rất lấy làm sung sướng!

Cô đứng tránh sang bên, cho tôi vào phòng khách và hỏi:

- Anh làm thế nào để tìm được địa chỉ của tôi?

Anh làm tôi ngạc nhiên quá.

- Vậy hả? - Tôi đặt mũ xuống ghế. - Tôi vẫn thấy cô thờ bình thường. - Cô nàng cười lớn:

- Em đã nhìn thấy anh tới qua cửa sổ rồi, nên bây giờ đã bình tĩnh lại. Sao anh lại tìm được địa chỉ của em?

- Anh hỏi qua “Hiệp hội y tá”. Em sửa soạn ngủ trưa đấy à?

- Vâng. Nhưng đừng vì thế mà anh vội về nhé.

- Không đâu. Em cứ ngủ đi. Anh sẽ ngồi ở đầu giường, cầm tay em và ngắm nghía.

Cô nàng lắc đầu, cười:

- Cái tiết mục đó không có trong chương trình ngày hôm nay đâu. Anh lại đây có việc gì hay chỉ để thăm hỏi xã giao em thôi?

Tôi tựa người sâu vào ghế bành, bảo:

- Cả hai. Nhưng thăm em là chính. Anh không dùng uýt ki đâu. Cả đêm qua anh không ngủ.

- Cặp với ai vậy?

- Đâu phải thế, đừng nghi anh như vậy.

Tôi đỡ lấy uýt ki từ tay nàng, gơ lên chúc sức khỏe rồi tợp luôn một ngụm. Cô ngồi xuống ghế dài, vạt áo khoác tụt xuống hai bên đùi làm tôi tỉnh cả người. Cô khép vạt áo lại, bảo:

- Em không ngờ gặp lại anh. Em nghĩ anh cũng chỉ là loại đàn ông được chăng hay chớ thôi.

- Nghĩ về anh thế hả? Không đâu, anh thuộc loại si cỡ lớn đấy.

- Đàn ông các anh mà... - giọng cô đổi qua chán chường. Khi cảm giác mới đã qua đi... Rượu được không?

- Tuyệt!

Tôi duỗi chân và cổ ghìm tiếng ngáp. Lúc này, nếu được bỏ vào một cái hang chuột có lẽ tôi cũng làm được một giấc ngon lành.

- Em còn phải làm cho cô Crosby bao lâu nữa?

Tôi đã ra về hỏi một cách vô tình, nhưng vừa nghe, cô ta đã nhìn tôi dò xét rồi trả lời ồm ồm:

- Người y tá không bao giờ được tiết lộ việc gì liên quan tới người bệnh cả.
- Trừ phi có lý do xác đáng. Anh hỏi thật nhé: em có muốn đổi nghề hay không? Anh có thể giới thiệu cho em một chỗ làm.
- Lẽ dĩ nhiên là em muốn. Em chán việc này quá rồi. Gọi là việc cho ra vẻ chứ thật ra chỉ ngồi không.
- Tại sao lại buồn vậy?

Cô vừa mở miệng định nói nhưng lại ngừng lại rồi hỏi:

- Anh định giới thiệu em ở đâu? Người ta cần một nữ y tá à?
- Anh có một tay bạn có tiền, khỏe lắm, nhưng vẫn ước ao có một nữ y tá để được chăm sóc. Nhất là y tá đẹp. Nếu em muốn, anh sẽ giới thiệu cho em.

Cô nghĩ ngợi một lát rồi lắc đầu:

- Không được. Em muốn quá, nhưng không được.
- Sao vậy?
- Em đã ký giao kèo với bác sĩ Salzer. Ông ta điều hành một trung tâm an dưỡng ở Foothill Boulevard. Anh có nghe tiếng ông ta không?

Tôi gật đầu:

- Salzer, bác sĩ chăm sóc Maureen phải không?
- Cứ cho là phải đi vì thật ra ông ta chưa hề gặp Maureen.
- Vậy ai săn sóc cô ta, một nhân viên của ông ta chăng?
- Chẳng có ai cả.
- Là nhỉ. Sao vậy?
- Em thấy anh đã hỏi em cả đồng câu hỏi rồi đấy nhé.

Tôi cười xòa:

- Tính anh hơi tò mò... Vậy Maureen không cần tới bác sĩ hay sao?
- Gurney nhìn tôi bảo:
- Em nói thật với anh thôi đấy nhé. Em cũng chưa bao giờ gặp Maureen.
- Tôi phun mất cả nửa ngụm ực ki ra sàn vì bị sặc.
- Trời! Thế thì anh làm sao mà hiểu nổi!
- Thật đấy. Y tá Flemming không bao giờ để em vào phòng Maureen. Công việc của em là đánh lạc hướng chú ý của những người khách tới nhà. Nhưng cũng chẳng có ai tới cả thành thử em chẳng có việc gì để làm. Em buồn quá nên cũng cần tâm sự. Anh không được hờ việc này ra với ai đấy nhé.
- Anh có ai thân thiết đâu mà hờ! Vậy buổi tối em ngủ ở đâu?
- Ở nhà Crosby. Để trả lời điện thoại. Nhưng cũng chẳng có ai gọi bao giờ.
- Anh đoán thế nào cũng có lần em nhìn trộm vào phòng Maureen.
- Không thể được, vì phòng bao giờ cũng khóa. Em có cảm tưởng, Maureen không có ở nhà này.
- Lại thế nữa. Vậy cô ta ở đâu?
- Nếu Flemming nói thật thì cô ta hiện ở tại viện an dưỡng của bác sĩ Salzer.
- Vậy Flemming nói gì?

- Cô Maureen ở trong nhà an dưỡng thì việc gì phải bày ra nhiều trò thế? Nào y tá, nào phòng bệnh của Maureen?

- Nếu biết, em đã nói cho anh nghe rồi. - Cô cạn ly rượu. - Lạ thật, chúng mình gặp nhau, lại cứ phải nói chuyện về Maureen Crosby, hết cả thời giờ.

- Đâu có hết. - Tôi lại gần cô. - Vậy em có lý do gì để thôi làm việc cho Salzer không?

- Theo giao kèo, em còn phải làm cho ông ta hai năm nữa.

- Ông ta thế nào? Anh nghe đồn rằng ông ta là một tay đại bịp, phải không?

Cô đánh khẽ một cái, trúng vào đầu gối mình và cả bàn tay tôi nữa, và trả lời:

- Đối với em thì ông ta không có điều gì đáng trách. Còn đối với bệnh nhân, họ có thể trả tiền nặng một chút, nhưng chẳng ai kêu ca, vì toàn là những tay giàu sụ.

- Em có thể bằng cách nào biết được Maureen có ở đó hay không? - Lần này thì bàn tay tôi bị một cú đánh thật mạnh làm đùi cô cũng bị rớt:

- Lại Maureen!

Tôi xoa tay bảo: - Em đề phòng dữ quá!

Cô nói nghiêm trang:

- Người phụ nữ đẹp nào cũng tự ái và muốn dành trọn sự chú ý về phía mình.

Vừa lúc đó, có tiếng chuông ngoài cửa. Tôi vội nói:

- Đừng mở, đừng mở! Lần này anh sẽ không nhắc Maureen nữa.

- Thôi đi, đừng quấy. Người đưa bánh đó mà. Chẳng lẽ em phải nhịn đói để chiều lòng anh sao?

Cô đi ra phòng ngoài. Tôi tranh thủ ngả lưng một lát trên đi văng. Những điều tôi vừa nghe và đã thấy hợp với nhau thành một dấu hỏi to tướng, nhảy múa trong đầu tôi: cái vườn hoang với bọn coi vườn đánh bạc, tay tài xế ngồi không, người quản gia phì phèo điếu thuốc. Tất cả nói lên sự vắng mặt của Maureen ở Crestways. Vậy cô ta ở đâu? Trong viện an dưỡng của Salzer chẳng? Nếu vậy, các luật sư Glynn và Copley phải rõ. Nếu hai người này giúp tôi giải quyết công việc, chắc Brandon sẽ không dám ngăn cản tôi, vì họ là những người có uy tín ở California, có những chi nhánh dịch vụ về pháp luật ở San Francisco Hollywood, New York và cả London nữa. Tôi nhắm mắt lại, mơ tưởng một ngày nào, ngành cảnh sát sẽ không có những kẻ như Brandon, mà chỉ có những người lương thiện như Mifflin. Như vậy, công việc của tôi sẽ dễ dàng biết bao nhiêu.

Tôi chợt nhận thấy Gurney ra ngoài đã lâu chưa vào. Chẳng lẽ mất nhiều thời gian thế để nhận có một vài cái bánh? Cũng không nghe thấy tiếng cô nói. Tôi lo ngại, đặt ly rượu xuống bàn đứng dậy đi ra phòng ngoài. Cửa ra vào chỉ khép hờ. Tôi ngó ra hành lang, không có bóng người. Cánh cửa trước phòng Gurney vẫn đóng im ỉm. Tôi ngó vào phòng tắm, quay lại phòng khách, ngồi xuống rồi lại đứng lên. Cái tủ lạnh hết thời gian máy nghỉ, lại tiếp tục làm việc cũng làm tôi giật mình. Tôi lên tiếng gọi, không ai trả lời. Vào phòng ngủ, tôi cúi nhìn cả xuống gầm giường. Ra phòng bếp, vẫn chẳng gặp ai. Vậy là Gurney đã ra ngoài. Nhưng cô đi đâu mà chỉ mặc có cái áo khoác trong nhà, chân còn để trần như vậy? Bất chợt hình ảnh của Edora Drew cùng cái khăn quàng thắt chặt quanh cổ hiện nhanh trong tâm trí, làm tôi rùng mình. Tôi mở cửa ra hành lang, nhìn xuống đất. Không có gì, không có vết máu! Tôi nhìn sang cánh cửa đối diện, đi tới nhấn ngón tay vào chuông. Cánh cửa mở ngay sau đó như thể người phụ nữ đã đứng sẵn ở đấy chờ tôi: một người quãng năm chục tuổi, người ngắn, béo phì, đôi mắt xanh hơi lồi có vẻ tỉnh ma một cách kỳ dị. Bà ta cười với tôi như muốn khoe những chiếc răng hàm trên vừa to vừa thô, vừa trắng như xương người chết chắc chắn là của giả một trăm phần trăm. Bà mặc loại váy đắt tiền và cầm trên tay một cái túi bằng giấy.

Lời chào của bà làm tôi giật bắn mình vì không ngờ gặp phải một hình thù quái dị như thế.

- Xin lỗi vì đã phiền bà. Có phải phòng cô Gurney ở đây không?

- Tôi chỉ tay lại phía sau.

Bà ta cho bàn tay vào trong túi lấy một trái mận, đưa lên ngắm nhìn, bỏ tọt vào mồm rồi cất giọng khàn khàn.

- Đúng rồi. Cô ta ở đó.

Nói xong, bà lại đưa tay lên miệng, lấy cái hột mận ra, bỏ vào túi.

- Bà có thấy cô ta ở đâu không?

- Ai cơ?

- Cô Gurney. Tôi vừa bấm chuông phòng cô ta. Không có ai trả lời mà cửa lại mở. Hay là cô ta qua bên bà?

- Bên tôi? Sao lại bên tôi? Có lẽ cô ta trong phòng tắm.

- Tôi đã coi rồi, nhưng không thấy.

Lại một trái mận nữa bị tống vào mồm. Bà vừa nhai vừa nhận xét:

- Thật là tự nhiên quá đáng!

- Tôi đã gõ cửa trước khi nhìn vào.

- Tôi đã thấy sọt ruột.

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Nếu tôi là anh tôi cũng thế. Anh có ăn mận không?

- Tôi không ăn mận bao giờ. Thôi, cảm ơn bà vì đã phiền bà quá lâu.

- Anh định đi đâu?

- Tôi xuống nhà hỏi người thường trực.

Bà ta nhìn tôi nhận xét và gật đầu:

- Phải đấy. Có thật là anh không thích ăn mận không?

Không để mất thêm thời giờ nói chuyện ngớ ngẩn với bà ta nữa, tôi quay vào phòng thang máy, ấn nút xuống tầng hầm. Một cầu thang nhỏ bụi bẩn dẫn tới căn phòng có đề hai chữ THƯỜNG TRỰC ở cửa. Tôi gõ cửa. Một ông già, cổ xương xẩu, mặc cái quần không rõ là màu gì, xuất hiện ở bậc cửa, nhìn tôi với đôi mắt mệt mỏi, lơ đãng vì men rượu. Ông ta nhìn tôi cứ như nhìn một bức tường hay cái ghế vậy. Một tiếng khô khốc thoát khỏi cổ họng ông ta:

- Gì?

Tôi thấy cần phải làm cho ông tỉnh lại, nên tóm lấy ngực áo ông vừa lắc vừa bắt chước thái độ của mấy tay cảnh sát điều tra hay dọa nạt:

- Này ông già, nghe đây. Có chuyện gì mờ ám tại phòng 246 hả?

Ông già đáng thương cố nuốt cho trôi lượng không khí trong mồm xuống dưới bụng. Cái cục yết hầu ở cổ của ông hết chạy lên rồi lại chạy xuống. Có lúc tôi đã nghĩ sẽ ngừng luôn ở đấy cổ ông không ngoi lên được nữa. Ông hấp háy mắt hỏi lại:

- Hộ 246 hả. Có việc gì vậy?

- Tôi đang hỏi ông về việc đó. Cửa mở mà không có ai ở trong nhà. Nhiệm vụ của ông phải biết tại sao thế chứ?

- Cô Gurney ở trên đó cơ mà. Vào giờ này bao giờ cô ấy cũng có mặt ở nhà.

- Nhưng hôm nay không phải như vậy. Nào, ông cùng lên với tôi coi.

Ông già đi theo tôi ngoan ngoãn như một con cừu non theo mẹ. Ông nói như than vãn:

- Cô Gurney là một người phụ nữ đứng đắn. Cảnh sát cần gặp cô ta có việc gì?

- Có lẽ cô ấy đi ra ngoài và quên đóng cửa.

- Ông có trông thấy cô ấy đi ra ngoài không?

- Phòng tôi trông ra cửa ra vào, vậy mà tôi có thấy cô ấy đi đâu.

Tôi cùng ông ta lại đi dọc hành lang, vào các phòng trong nhà. Vẫn không thấy cô Gurney đâu cả. Đầu óc tôi như bị tê liệt vì thấy mình bất lực trước mọi hiện tượng thật là vô lý. Tôi nhìn vào bức tường phía trước, chỉ vào cánh cửa hỏi:

- Người đàn bà béo mập hay ăn mận ở phòng này là ai?

Cục yết hầu của ông già tưởng chừng như bị tụt luôn xuống bụng.

Ông ta trợn mắt nhìn tôi, rồi lại nhìn vào con số 248 trên cánh cửa.

- Đàn bà nào thưa ông?

- Trong phòng này.

Ông ta lắc đầu:

- Không có ai cả. Phòng này còn trống, chưa ai thuê.

Tôi cảm thấy như có dòng điện chạy dọc theo cột sống, vội tới nhấn chuông và xoắn nắm cửa. Không có ai trả lời.

Ông già thường trực lấy chiếc chìa khóa riêng cho vào lỗ khóa, rồi cùng tôi vào trong, nhìn tất cả các phòng, không có ai. Cánh cửa sổ phòng tắm mở toang. Phía ngoài, ngay sát cửa sổ là chiếc cầu thang dùng khi cấp cứu, dựa vào bên hông tòa nhà, phía đường Skyline Avenue. Một người đàn ông khỏe mạnh có thể vác trên vai dễ dàng một nạn nhân bất tỉnh từ trên tầng lầu cao xuống một chiếc xe hơi chờ sẵn ở chân thang.

Tôi nhòai người ra ngoài cửa sổ nhìn xuống đường. Ở một đoạn rẽ của cầu thang, có một vật nhỏ làm tôi chú ý: Cái hạt mận!

3. Chương 3

I

Đã từ lâu, tôi vẫn ước mơ có một văn phòng thật đầy đủ tiện nghi để gây ấn tượng với khách hàng, nghĩa là một văn phòng sang trọng tân kỳ. Paula đã phải bỏ ra những xấp tiền khó nhọc lắm chúng tôi mới kiếm được để mua sẩm đồ đạc, từ tủ, bàn, kệ sách, thảm chân, rèm cửa cho đến cả dăm bức họa treo tường của mấy họa sĩ trẻ nhưng có nét vẽ có thể nhập nhằng với một họa sĩ danh tiếng thời xưa. Sau khi hoàn thành công việc trang trí nội thất xong, tôi cũng để ý đi tới một số văn phòng của các hãng đặt ở Orchid Building để nhận xét. Có vài nơi khá hơn trụ sở của chúng tôi, nhưng có nhiều nơi không bằng. Nói chung không có nơi nào làm cho tôi phải ganh tị thêm muốn. Cho tới hôm bước vào phòng của Mafrend Willet, chủ tịch hiệp hội luật sư Glynn và Coppley tôi mới vỡ lẽ ra rằng, muốn có được một văn phòng lý tưởng, còn phải dày công kiếm nhiều đola hơn nữa. So sánh nơi tôi vừa đến với văn phòng của công ty tôi như so sánh cái chòi lá với tòa lâu đài vậy.

Trong căn phòng rộng rãi có trần cao vút, một cái bàn giấy đặt ở cuối phòng phía xa xa, đối diện với ba cửa sổ lớn. Cái bàn chắc chắn, to bằng hai cái bàn bida ghép lại, còn có mấy cái cửa sổ có đáng thật thanh tú, vậy mà lại cao gần tới trần. Bốn năm chiếc ghế bành lớn và một chiếc ghế nệm dài được bố trí quây quần với nhau bên cạnh một lò sưởi đủ rộng, để cho mấy con voi chơi trò đi trốn tìm. Tầm thẳm lớn trải trên sàn có những sợi lông như những lá cỏ đã tới ngày xén. Mặt lò sưởi và những bàn nhỏ đặt tại các góc, có rất nhiều pho tượng bằng ngọc thạch. Đồ dùng văn phòng để trên bàn làm việc đều bằng bạc chạm trổ tinh vi. Những mảnh kính mờ màu kem lẩn trong tường và trên trần tỏa ánh sáng êm dịu xuống căn phòng đã được điều hòa nhiệt độ. Các cánh cửa đều được viền cao su, đảm bảo việc cách âm được hoàn hảo. Trong phòng này, một tiếng đàng hắng nhỏ cũng vang lên như đá sỏi rơi xuống cái mái nhà lợp bằng tôn vậy.

Mafrend Willet ngồi trên chiếc ghế quay có nệm tựa lưng, sau cái bàn rộng lớn. Ông đang hút một điếu thuốc lá dẹt, đầu ngậm mạ vàng. Cao lớn và vạm vỡ, vào khoảng bốn mươi lăm tuổi, tóc màu xám, ông có bộ mặt có nhiều nét đẹp như tạc tượng. Trong bộ đồ cắt may theo đúng mốt Ønglê, chiếc áo sơ mi ông mặc

có màu trắng như những bông tuyết đầu mùa. Mafreund Willet cứ để cho tôi nói. Hai mắt ông không rời lộ mực để trên bàn, nét mặt lạnh lùng, không biểu hiện một chút cảm xúc gì.

Tôi kể lại cho ông nghe, bắt đầu từ lá thư của Janet, tình trạng ngôi biệt thự của gia đình Crosby ở Crestways, cho tới lời đồn về Maureen đi cai nghiện, sự ngạc nhiên của tôi về cái chết của Janet về bệnh tim mà trước đó hai hôm cô vẫn chơi quần vợt và đi khiêu vũ. Tôi đề cập tới việc ông bác sĩ già Bewley chứng nhận cái chết của ông Crosby như thế nào, việc tôi chứng kiến cô người hầu Eudora Drew bị tên Dwan, tay chân của Salzer và Maureen, về việc hai trung sĩ cảnh sát Graw và Hartsell có mặt lúc Dawn thú nhận mưu hại tôi, nhưng kết cuộc lại là cái chết của Dwan có liên quan đến những vết xe để lại của hai người đó và cuối cùng là việc cô y tá Gurney bị bắt cóc. Dù có tóm tắt các sự việc xảy ra, tôi cũng phải mất một thời gian khá dài để trình bày. Vậy mà ông chỉ ngồi im lặng, không ngắt lời, không hỏi thêm một câu nào. Nhưng tôi biết, đằng sau bộ mặt bình thản ấy, bộ óc ông không ngừng ghi nhận và xét đoán. Tôi kết luận:

- Thưa ngài, tôi nghĩ rằng ở cương vị là người quản lý tài sản, những sự việc tôi vừa kể rất đáng để ngài quan tâm. Sau nữa, ông đại úy Brandon đã gợi ý cho tôi tới đây để trao trả năm trăm đô la tôi đã nhận được của cô Janet.

Tôi rút ví tiền đặt trước mặt Mafreund Willet rồi nói tiếp:

- Đúng ra, sau khi hoàn lại số tiền, tôi cũng chẳng còn nhiệm vụ gì về việc này nữa. Nhưng nếu ngài muốn công ty của tôi tiếp tục cuộc điều tra thì chúng tôi xin sẵn sàng phục vụ. Xin thú thật rằng, bản thân tôi sẽ rất thích thú.

Ông ta im lặng nhìn tôi. Nhiều phút trôi qua, tôi có cảm tưởng là tuy hai mắt hướng về tôi, nhưng ông không nghĩ tới sự hiện diện của tôi nữa. Bất chợt ông lên tiếng:

- Những sự việc đó quả thật là không bình thường. Tôi đã được nghe những người khách hàng của tôi nói tới công ty của ông với nhiều lời khen ngợi, sau khi nghe ông kể, tôi nghĩ rằng chúng ta có quyền mở một cuộc điều tra. Tôi muốn trao việc đó cho ông (ông ta đẩy lui ghế ra xa bàn) nhưng ông phải tiến hành thật kín đáo, không để cho ai biết tôi chủ trương làm việc này, vì nhiệm vụ của tôi rất tế nhị. Tôi chỉ được có ý kiến và quyết định sau khi có những bằng chứng xác đáng về những hành vi đáng chê trách của cô Maureen. Vậy mà chúng ta chưa có trong tay một điều gì rõ rệt cả.

- Như thế thật khó khăn cho tôi, vì tôi định nhờ vào uy thế của ngài để khỏi bị Brandon làm khó dễ.

- Tình thế phải xử sự như vậy và nghề nghiệp của ông cũng đòi hỏi cho cuộc điều tra. Còn nếu ông gặp khó khăn ở tòa án, tôi sẽ đảm nhiệm công việc của ông mà không lấy tiền thù lao.

Ông ta nói một cách dứt khoát để cho tôi hiểu, không thể yêu cầu ông giúp đỡ thêm một điều gì nữa.

- Thôi được, tôi đồng ý nhận việc này. Nhưng tôi muốn hỏi ngài thêm một ít điều: ngài đã gặp cô Maureen lần cuối cùng vào lúc nào?

- Trong đám tang Janet. Từ ngày đó, tôi không gặp cô ta nữa mà chỉ tiếp xúc với cô ta qua thư từ.

- Ngài có biết gì về bệnh trạng hiện nay của cô ấy không?

Ông ta lắc đầu.

- Ngài có tin chắc chắn rằng ông Crosby bị chết vì tai nạn rủi ro không?

Ông ta ngạc nhiên, đưa mắt nhìn tôi:

- Ý ông định nói gì? Hiển nhiên đó là một tai nạn rồi.

- Có thể là một vụ tự sát lắm chứ?

- Ông ta cần gì phải hành động như vậy? Vả lại, người ta không tự tử bằng súng trường nếu có một khẩu súng lục.

- Nếu ông Crosby tự tử, chắc chắn món tiền bảo hiểm sinh mạng của ông ta sẽ bị cắt.

- Trời! Vậy mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều này. Món tiền bảo hiểm ấy lên tới một triệu rưỡi đô la đấy.

- Ai được hưởng món tiền đó?

Mafreund Willet đứng lên, rồi lại ngồi xuống, nói:

- Tôi không biết ông định dẫn tôi tới đâu? Ông hãy nói ý nghĩ của ông như thế nào về việc này đi.

- Việc ông Salzer không phải là bác sĩ y khoa lại ký tên chứng nhận trong tờ giấy khai tử của ông Crosby với sự đồng tình của Brandon và người lập biên bản, khiến tôi nảy ra một giả thiết. Nếu ông Crosby vì lý do nào đó mà tự tử, thì việc giấu kín chuyện này sẽ có lợi cho người thừa kế một món tiền rất lớn: một triệu rưỡi đô la. Người đó là Janet. Khi Janet chết, người được hưởng lợi chính là Maureen.

- Đúng vậy, trước đây tôi có khuyên cô Janet dùng số tiền đó mua các cổ phiếu. Nhưng cô không nghe và vẫn gửi ở ngân hàng.

- Bây giờ món tiền đó còn ở ngân hàng không?

- Đây là món tiền riêng của cô Maureen nên tôi không quản lý.

- Tôi nghĩ rằng, nếu cô Maureen phải rút lột cho ông Brandon và Franklin Lessways, người lập biên bản về cái chết của ông Crosby thì số tiền đó đã rơi đi đáng kể.

- Được, tôi có thể xem xét vấn đề này.

- Ngài có biết rõ về cô Janet không?

- Tôi chỉ gặp cô ta hai, ba lần.

-Ồ, tiếc quá. Tôi chưa gặp cô ta bao giờ, nhưng tôi cho rằng cô ta không thể chết vì bệnh tim được.

Willet rướn lông mày, nhìn tôi như nhìn một vật lạ.

- Ông lại có ý kiến gì nữa đây?

- Bây giờ thì tôi chưa thể nói ra. Nhưng một người yếu tim không thể thường xuyên chơi quần vợt và đi khiêu vũ. Đó là điều chắc chắn: Còn cô Maureen, theo cô y tá Gurney thì có lẽ cô ta không có mặt trong căn nhà ở Grestways. Vậy cô ta ở đâu?

- Đúng thế. Cô ta ở đâu nhỉ?

- Có thể cô ta bị giữ chân trong viện an dưỡng Salzer chăng?

- Việc này thì ông tưởng tượng quá đáng đấy. Tôi vừa gửi cho cô ta một số giấy tờ để cô ta ký. Vừa tuần trước, tôi đã nhận đầy đủ số giấy tờ trên, có dấu bưu điện Crestways.

- Như vậy cũng không chứng minh được là cô ta có tự do hay không. - Willet suy nghĩ một lát, rồi bảo tôi:

- Được rồi, tôi sẽ nghĩ ra một công việc để mời cô ta đến văn phòng của tôi.

- Thật là một ý kiến hay, xin ngài báo cho tôi, khi nào cô ta đến. Tôi sẽ theo dõi, để coi cô ấy đi đâu. Bây giờ, tôi xin phép tạm biệt ngài để đi tìm cô Gurney. Tôi rất mong cô ấy còn sống, vì tôi rất mến cô ấy.

Khi tôi bắt tay từ biệt, Mafreund Willet không giữ được vẻ bình tĩnh lạnh lùng như trước nữa. Nét mặt của ông biểu hiện sự lo âu. Tôi hiểu, ông là một người cứng rắn nhưng vẫn còn nhiều tình người.

II

Viên trung sĩ ngồi sau bàn giấy báo cho tôi biết Mifflin đang đợi tôi. Tôi tới gần cầu thang lên lầu trên. Macgrau, gã cảnh sát có bộ tóc đỏ gặp tôi tới, làm bầm:

- Vãn cái của nợ này! Có việc gì vậy? Liệu hồn đấy, biết không?

- Biết nhiều thứ lắm chứ!

Tôi đi qua bộ mặt ngơ ngác đầy ác cảm của hắn để tới phòng Mifflin:

- Lại anh! Anh không hiểu rằng Brandon không ưa anh lai vãng tới đây hay sao?

- Mặc xác Brandon. Tôi chính thức tới đây có việc.

Mifflin đẩy lui ghế lại phía sau, đặt hai tay lông lá lên trên bàn:

- Chính thức?

- Đúng. Để báo tin về một cô y tá săn sóc cho Maureen Crosby bị mất tích. Chắc Brandon sẽ chú ý tới việc này vì đây là một y tá của Salzer.

- Mất tích à? - Mifflin hỏi lại.

Tôi kể cho Mifflin chuyện Gurney đang ngồi với tôi, nghe thấy tiếng chuông, ra mở cửa, rồi không trở vào nữa, mụ đàn bà béo phì ăn mặn luôn mồm, cái thang cấp cứu ở sát cửa sổ phòng tắm của Gurney và sự suy đoán của tôi về việc Gurney có thể bị mang xuống đường bằng cái cầu thang ấy.

- Thế thì lạ thật đấy. Cách đây ít lâu, cũng có một cô y tá của Salzer bị mất tích rồi.

- Người ta có tìm thấy cô ta không?

- Không. Nhưng Salzer cho biết là cô ta có thể đã đi nơi khác cùng với người yêu. Vì người này không hợp với cô ta.

- Salzer đã báo cho anh biết về cô Gurney chưa? Mifflin lắc đầu, bảo:

- Cô ta có việc đi đâu thì sao?

- Đi đâu? Cô ta chỉ mặc cái áo choàng trong nhà, chân để trần đi đất.

- Được rồi, cậu đừng làm gì thêm nữa. Tôi sẽ tới người thường trực và báo Brandon là ông ta báo tin cho tôi.

Tôi nhún vai bảo:

- Tùy anh thôi. Này, cô y tá lần trước tên là gì?

- Anona Freedlander. - Mifflin rút một tập hồ sơ để lên bàn. - Bố là Geoges Freedlander, ở 257 California Street tại San Francisco. Mất tích ngày 15 tháng 5 năm ngoái. Khi ở viện an dưỡng của Salzer về, Brandon xác nhận là cô ta đã đi cùng một tay lính thủy đào ngũ tên là Jack Brett và khuyên chúng tôi xếp việc này lại.

- Các anh có tìm được tung tích của Brett không?

- Không.

- Vậy liệu anh có cho tiến hành việc tìm cô Gurney không?

- Việc này còn tùy ở Brandon và lời khai của Salzer.

- Trời ơi! Hình như mọi việc ở cái thành phố này đều phải tùy thuộc vào Salzer cả!

- Đừng vội nổi giận như thế, Vic!

Tôi đứng dậy, bảo:

- Anh phải tìm bằng được cô ấy, nếu không tôi sẽ làm âm lên cho anh coi.

- Cứ yên tâm đi. Nếu thật là cô ấy bị mất tích thì người ta sẽ cho tìm thôi. Này, theo cậu thì lần này có nên đặt tiền vào ngựa Apple không?

- Vứt chuyện ngựa nghèo của anh đi chừng nào chưa tìm thấy cô Gurney tôi sẽ không nói chuyện với anh nữa đâu.

Tôi đứng dậy, ra khỏi sở cảnh sát, lên xe về văn phòng công ty. Paula đang ngồi đợi tôi. Tôi ngồi xuống ghế bảo:

- Tiếp tục công việc! Anh đã gặp Willet. Ông ta sẽ trả tiền cho mọi phí tổn nhưng không được phô tên ông ta trong mọi công việc.

Paula tỏ vẻ khinh thường:

- Ông ta sợ rồi. Như vậy, mọi nguy hiểm sẽ đổ lên đầu anh.

- Ông ta sẽ phải chi cho việc đó - tôi cười và kể lại cuộc gặp gỡ với Mifflin - Hình như Salzer có một đội ngũ nữ y tá chuyên cho việc bị mất tích. Em hãy lưu ý điểm này: ngày 15 tháng 5, ngày cô y tá mất tích, cũng là ngày Janet chết. Đừng có hòng ai thuyết phục anh rằng đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Paula nhìn tôi, hỏi:

- Anh cho rằng Janet bị ám sát hay sao?

Tôi châm điều thuốc, tắt lửa rồi trả lời:

- Có khả năng lắm chứ. Lý do: tiền! Janet không thể chết vì bệnh tim được trừ phi cô ta bị thuốc độc, như thạch tín chẳng hạn. Ông bác sĩ già Bewley chẳng qua chỉ là một nhân vật gốc gác, dễ bị sở mũi.

- Đấy mới là sự dự đoán thôi, chưa có bằng chứng. Để anh cho rằng chính Maureen ám sát cô chị, chưa biết chừng.

- Tìm ra nguyên nhân sự việc rất quan trọng. Ngoài khoản gia tài trị giá hai triệu đô la, lại còn khoản tiền bảo hiểm nữa. Ai làm việc đó thì anh chưa biết, nhưng nghi ngờ là chuyện cần thiết. Từ chuyện ông Crosby trở đi. Nếu chỉ là một tai nạn tại sao Salzer lại phải kén một ông bác sĩ lẩn thẩn như Bewley đến để làm chứng? Tại sao hẳn cũng vội ký tên vào biên bản? Rõ ràng là Brandon và viên thư lại lập biên bản đều đã được đút lót. Ông Crosby tự tử hay bị ám sát? Anh cũng chưa xác định được, nhưng anh tin rằng không phải là một tai nạn. Willet có nhận xét rằng, nếu người ta có sẵn một khẩu súng lục thì không ai lại đi tự tử bằng súng trường. Vậy nếu không phải là một vụ tự sát thì chỉ có thể là một vụ án mạng.

Paula nhìn tôi nửa đồng tình, nửa trách móc:

- Anh thường có nhược điểm là vội đi tới kết luận sớm quá!

Tôi nháy mắt, bảo:

- Vì anh tin có em bên cạnh để sửa sai cho anh đấy mà.

III

Tôi thường chơi trò ghép hình để giải trí. Có khi tôi phải mất cả tháng trời mới ghép được hoàn chỉnh một cái hình nguyên trước đây là một áp phích quảng cáo. Kinh nghiệm của trò chơi cho tôi thấy những mảnh ghép rất nhỏ, nhiều khi lại rất quan trọng để tìm thấy cách dựng lại toàn bộ tấm hình đã được cắt ra thành bao nhiêu mảnh. Bởi vậy, khi nghiên cứu công việc gì, tôi thường chú ý tới những chi tiết thoát đầu tưởng như không đáng chú ý tới.

Tôi ngồi trước bàn làm việc đã hơn một giờ. Văn phòng đóng cửa, mọi người đã ra về. Tôi đọc đi đọc lại danh sách những người có liên quan tới các sự việc xảy ra ở gia đình Crosby. Cái tên Sherill chợt làm tôi chú ý. Tôi tự hỏi: "Tại sao Janet cắt đứt quan hệ yêu đương với Sherill, một tuần trước khi ông Crosby chết?". Việc này hình như chẳng có gì quan trọng, nhưng biết đâu lại chẳng có liên quan tới toàn bộ các sự việc xảy ra? Để biết rõ, cần phải tìm nguyên nhân của sự tan vỡ. Ai có thể giúp tôi trong việc này trong khi chưa biết Sherill là ai. Tôi lại nhìn vào danh sách: John Stevens người quản gia của gia đình Crosby. Bà giám đốc cơ quan tìm việc làm Martha Bendix có cho tôi biết Stevens bây giờ làm cho gia đình Wainwright. Tôi dở cuốn danh bạ điện thoại, tìm được dễ dàng số điện. Chỉ vài giây sau đã có tiếng nói ở bên kia đầu dây.

- Tư gia ngài Wainwright.

- Tôi xin gặp ông John Stevens.

Vài giây sau, một giọng nói khác qua máy:

- Tôi là Stevens. Xin cho biết ai cần gặp tôi.

- Tôi là Malloy. Tôi mong được gặp ông để hỏi về một chuyện cần thiết liên quan tới gia đình Crosby.

Im lặng. Một lát sau, lại có tiếng nói:

- Tôi không hiểu có cần thiết hay không. Vả lại, tôi chưa hề quen ông và việc bình luận hay cung cấp tin tức về người chủ của mình có lẽ là không nên.

- Tôi là giám đốc công ty Universal Services. Tôi muốn trình bày với ông những lí do thật đúng đắn về việc này, sau đó nói hay không là tùy ông quyết định.

Lần này, sự im lặng kéo dài hơn.

- Thôi được, tôi sẽ gặp ông nhưng không hứa trước với ông điều gì đâu.

- Thế là tốt rồi, thưa ông. Tôi sẽ đợi ông hồi chín giờ ở góc đường Jefferson và Felman. Tôi đội mũ và đọc tờ “Herald buổi chiều”.

Tôi đặt ống nói xuống bàn, đứng dậy đi đóng các cửa và tâm trí lại nghĩ tới cô y tá Gurney. Còn hai tiếng nữa mới tới giờ hẹn nên tôi có ý định tạt qua tiệm cà phê Finnegan. Tôi khóa cửa đi theo hành lang tới phòng thang máy. Một người thấp, to ngang, đứng tựa lưng vào tường đang chăm chú đọc báo. Gã có màu da hơi sẫm, mặc bộ đồ màu xanh nước biển. Chiếc áo vét tông đã nhả ở khuỷu tay còn chiếc sơ mi thì không còn giữ được màu trắng sạch nữa. Tôi nghĩ thầm có lẽ hẳn là dân gốc Ý.

Hắn bước vào phòng thang máy sau tôi. Tối lâu ba, phòng thang máy ngưng lại đón Willet. Ông ta phớt lờ tôi như chưa từng gặp mặt mà giờ một tờ báo lên chăm chú đọc. Tôi cười thầm nghĩ rằng, ông ta quá nhút nhát. Thôi cũng được, chủ yếu là ông ta chịu mọi tiền chi phí. Tối dưới nhà, tôi mở cửa đi ra, dừng lại ở quầy báo mua một tờ Harald Evening, cốt để Willet ra ngoài đường một mình không có tôi đi bên cạnh. Ông ta bước lên một chiếc xe hơi lớn, chắc chắn như xe bọc thép. Gã người Ý ngồi xuống một chiếc ghế đặt ở hành lang, trong khi đó tôi bước ra ngoài bằng lối cửa sau và đi tới tiệm Finnegan.

Tôi vào tiệm trong không khí ồn ào. Mới đi được hai bước thì Olaf Kruger người điều khiển lò quyền Anh ở Prince Street đã tới bắt tay tôi:

- Hê! Vic! Lâu quá không gặp nhau, hay anh giận gì tôi đấy. Ra quầy làm một chầu đi.

Tôi nháy mắt chào Finnegan trong khi Olaf đu người lên ngồi trên một chiếc ghế cao. Tôi nói với anh chàng huấn luyện viên đấm bốc:

- Tổ vừa coi mấy trận đấu mà không gặp cậu. Tay đấm Ohara có vẻ sung sức nhỉ?

Olaf hươ tay cho Finnegan nhìn thấy và gọi, giọng the thé:

- Ê, hai uýtki nhé!

- Rồi quay lại, nói tiếp - Ohara hả? Ừ, nó hăng lắm, nhưng không biết giữ sức. Thế nào cũng có ngày gặp một tay biết phòng thủ, thế là hết đời! Tổ đã bảo nó nhiều rồi mà nó không chịu nghe.

Chúng tôi đã ăn xong hai cái bánh mì kẹp thịt thì Hughson, phóng viên tờ Herald lại ngồi cùng chúng tôi và gạ uống thêm một chầu nữa. Anh chàng này người cao, mảnh, tóc hói và đôi mắt lúc nào cũng như một mối. Vạt áo trước của anh lộ chỗ vết cháy của tàn thuốc và nặng mùi những mẩu xì gà “bắt được” ở những nơi công cộng. Anh đã góp cùng chúng tôi đấm ba câu chuyện về đấm bốc thì Olaf chợt hỏi:

- Này, anh có biết cái vụ Dixie Kid không? Hẳn đánh nhau hả?

Hughson nheo mắt, bảo:

- Tôi cũng chưa rõ, vì hồi hẵn không chịu nói. Chỉ biết qua một tay tài xế đậu ở cảng Kid đã bơi từ ngoài xa vào bờ và tối hôm nay, một mắt hẵn thâm quầng vì cú đấm.

- Nếu hẵn bị ném từ trên tàu “Mộng Mơ” xuống, thì cũng là một bài học cho hẵn thôi - Olaf tỏ ra không có cảm tình với Kid.

Hughson thọc mấy ngón tay vàng vì khói thuốc vào túi, bảo:

- Hôm qua Kid đã lớn tiếng với Sherill trên tàu “Mộng Mơ”. Sau đó bị bốn người quăng xuống nước. Nghe nói rằng, nếu phen này Sherill thúc bách thì Kid đến tiêu mất vì anh ta nợ nần quá rồi.

Olaf gạt đầu tán thành và nói thêm:

- Tôi nghĩ rằng, Sherill có thể dùng vũ lực nữa đấy.

Hughson không tán thành, lắc đầu nói:

- Tôi đã bảo Kid, không việc gì phải sợ. Tay Sherill không dám gây chuyện to ra đâu.

Tôi ra hiệu cho Finnegan mang thêm rượu lại và hỏi Hughson:

- Sherill là ai vậy?

- Không phải chỉ có anh mới hỏi, mà rất nhiều người muốn biết rõ về hắn. Nghe đâu trước kia hắn cộng tác kinh doanh với hãng Selby, bòn rút được một món tiền để tậu một cái nhà hàng nhỏ ở đường Rossmore. Sau đó, không biết làm sao đã hứa hôn được với con nhà triệu phú Crosby, rồi tự nhiên mất tăm. Gần đây, hắn trở thành chủ nhân của con tàu “Mộng Mơ”, loại tàu ba trăm tấn, bỏ neo ngoài khơi, nơi giáp ranh thành phố này với địa phương bên cạnh. Quanh chiếc tàu của hắn là cả một đội tàu tắc xi nhỏ, đưa đón khách, toàn là loại sộp cả.

Olaf góp ý thêm:

- Trên tàu không chỉ là trò đỏ đen đâu nhé. Có cả một tá con gái phục vụ nữa. Ở ngoài khơi, hắn tránh được sự kiểm soát của địa phương và thả sức thu tiền.

Tôi cố giữ nét mặt không thay đổi, nhưng trong lòng thì thật vui, vì chẳng tốn công sức gì mà lại vớ được nguồn tin đang khao khát. Tôi làm bộ ước ao:

- Khoái nhỉ. Ước gì mình có cơ hội để lên tàu.

Hughson cười mũi:

- Khó lắm, đừng hòng, Sherill tổ chức tàu của hắn theo kiểu một câu lạc bộ. Mỗi hội viên phải đóng hai trăm rưỡi đô la tiền nhập hội, năm trăm đô la mỗi năm tiền sinh hoạt và chọn lựa rất kĩ. Đây là tổ chức chỉ dành cho bọn giàu sụ thôi.

- Vậy tay Sherill này xuất hiện ở tầng lớp nào?

- Một tay ma cô có mẽ, điển trai, tinh ranh và độc ác. Loại mắt xanh tóc quăn, cơ bắp được đàn bà mê.

- Tại sao Janet Crosby lại cắt đứt với một tay như thế nhỉ?

- Cô ta như vậy là khôn đấy. Tôi chắc cô ta đã thấy rõ con người của hắn, hắn chỉ yêu món tiền của cô ta thôi, và cô ta đã kịp rút lui.

Olaf lại nói xen vào câu chuyện, trở lại tình hình đánh đấm ở các võ đài. Tôi gơ ly rượu, uống cạn và tạm biệt mọi người.

- Tổ phải đi có việc. Hẹn gặp lại các cậu, một châu sau này nhé. Vừa quay người lại tôi thấy ngay gã người Ý mặc bộ đồ màu tím than đang ngồi đọc báo ở bàn kế cửa ra vào. Khi tôi đẩy cửa bước ra ngoài, hắn thông thả gấp tờ báo lại bỏ vào túi và đứng dậy.

Tôi leo nhanh lên chiếc Buick mở máy cho xe ra đường. Một chiếc xe khác cũng khởi động, chiếu ánh sáng đèn pha vào chiếc kính hậu của xe tôi.

Tôi cho xe rẽ vào Prince Street. Chiếc xe bám theo tôi là một chiếc Lincoln. Không nhìn rõ người lái, nhưng tôi cũng đoán được hắn là ai. Khi vào đường Felman, lượng xe thưa thớt hơn nên tôi chạy nhanh. Nhưng chiếc Lincoln vẫn bám đuôi xe tôi, không khó khăn gì. Gần tới tiệm cà phê, nơi tôi hẹn Stevens, tôi bắt chợt lái xe đi sát vỉa hè và đỗ lại. Chiếc Lincoln bị bất ngờ, đi thẳng nhưng hãm tốc độ và dừng cách xe tôi chừng năm chục mét.

Tôi vội vã rời khỏi xe, núp vào bóng tối một hiên nhà. Phía xa tên người Ý từ từ xuống xe, nhìn quanh một lát rồi đi về phía xe tôi.

Hắn đi đàng hoàng, hai tay thọc túi, cúi người ngó vào trong chiếc Buick tỏ ra không ngạc nhiên vì không thấy tôi và đi về phía cuối phố.

Tôi nhìn theo hắn một lát rồi xuống đường xe điện ngầm để đi qua hè bên kia vào tiệm cà phê. Cái đồng hồ treo trên tường chỉ chín giờ kém năm. Trong tiệm chỉ có vài khách uống: một cặp trai gái còn trẻ, hai người đứng tuổi bên một bàn cờ, hai người phụ nữ đi chợ về, để giỏ thức ăn bên chân và một cô gái ngồi một mình ở góc phòng uống sữa.

Tôi ngồi xuống ghế ở xa cửa ra vào, mở tờ Evening Herald để trên bàn, châm thuốc hút và suy nghĩ. Tên người Ý đó có ý đồ gì? Phải chăng hắn là tay chân của Salzer? Hắn theo dõi tôi gần như công khai, tôi cũng đã ghi được số biển xe của hắn để Mifflin có việc làm thêm. Tuần vừa rồi, con ngựa Apple về nhất, không biết Mifflin có ăn thua gì không. Đồng hồ chỉ đúng chín giờ. Một ông già dáng cao cao, mở cửa bước vào, nhìn quanh một lát rồi trịnh trọng tiến lại bàn tôi, dáng như đi rửa tội cho con chiên vậy. Tôi đứng dậy chào:

- Ông là Stevens? - Ông ta gật đầu.

- Tôi là Malloy. Mời ông ngồi, ông dùng cà phê nhé.

Ông đặt cái mũ kiểu quả dưa xuống một chiếc ghế, gật đầu và ngồi xuống.

Để khỏi mất thời gian, tôi ra quầy lấy hai ly cà phê rồi tự mang lại bàn. Đôi trai gái nhìn ông già rồi lại nhìn nhau cười. Họ đang chứng kiến hình ảnh một con người của thế hệ trước. Tôi mời ông hút thuốc và nói:

- Tôi rất cảm động vì ông đã nhận lời gặp tôi.

Trong lúc ông châm thuốc, tôi nhìn kỹ ông để nhận xét, quả đúng, đây là một lão bợc có lương tâm, cần mẫn và trung thành, tôi tiếp:

- Xin thú thật với ông điều này: Tôi có nhiệm vụ điều tra về cái chết của cô Janet Crosby. Có một số người không tin rằng cô ta chết vì bệnh tim.

Ông già nhòm người dậy hỏi:

- Ai vậy? Bây giờ mới điều tra liệu có quá trễ hay không?

- Tôi chưa được công bố tên những người đó. Tuy cuộc điều tra hơi trễ nhưng chúng tôi đã thu thập được một số chứng cứ. Vậy ông có tin là Janet bị chết vì bệnh ăng-đô-các-đít không?

Ông già do dự trước khi trả lời:

- Việc đó tuy không liên quan tới tôi cũng xin nói thật. Cái chết của cô Janet làm tôi hết sức bàng hoàng vì Janet là một cô gái tràn trề sức khỏe. Chỉ có bác sĩ Salzer là cho rằng người như cô ta vẫn có thể bị đứt mạch máu bất ngờ.

- Ông có biết nguyên nhân tại sao cô ta cắt đứt quan hệ với Sherill không?

- Tôi chưa rõ ai giao cho ông điều tra vụ này. Dù tôi đã nghe tiếng về công ty Universal Services của ông là một tổ chức đứng đắn, nhưng tôi vẫn không muốn tiết lộ những điều riêng tư của những người tôi đã phục vụ, nếu chưa biết rõ về trách nhiệm của mình.

Tôi chưa biết làm cách nào để hỏi thêm ông già, thì không khí trong tiệm bỗng im lặng khác thường, cánh cửa ra vào bật mở. Bốn tên có màu da và dáng điệu là dân gốc Ý bước vào phòng, hai tên cầm súng tiểu liên trên tay và hai tên cầm súng ngắn, trong đó có tên mặc bộ đồ tím than đã theo dõi tôi. Những tên cầm tiểu liên trấn giữ ở hai góc phòng còn hai tên cầm súng ngắn đi lại phía bàn tôi ngồi. Ông già Stevens kêu ú ớ vì sợ hãi, định đứng dậy. Tôi nắm tay ông, thăm thò:

- Ông nên bình tĩnh, ngồi yên.

Một tay cầm súng tiểu liên quát:

- Không được ai nói! Nếu không ta sẽ bắn hết!

Mọi người sợ hãi, ai cũng cứng đờ người như tượng. Người chủ tiệm đứng ở quầy rượu, tay nắm chặt cái ly, mắt mở to. Ông khách đánh cờ đang chỉ tay vào con tướng. Cô gái trẻ mặt tái mét, hai tay bưng mặt, mắt nhắm nghiền, miệng rên rĩ. Tên cướp lại gần dùng báng súng đánh vào mặt cô làm cô ta ngã sấp xuống.

Tôi biết, trong tình thế này, bọn chúng chỉ chờ có cơ hội để nổ súng. Nếu tôi có mang khẩu súng ngắn theo người, có lẽ cũng đành bó tay vì dùng súng ngắn để đối đầu với liên thanh có khác gì mang bàn chải đánh răng đi đấu kiếm.

Hai gã người Ý lăm lè đi về phía bàn tôi. Một đứa lên tiếng nạt nộ:

- Không được động đây!

Một đứa nắm cánh tay ông già Stevens xóc dậy, bảo:

- Nào, cùng nhau đi dạo một lát, đi!

- Hãy để ông ta lại...

Tôi vừa lên tiếng thì bị một tên dùng báng súng đánh vào cằm và quát:

- Câm miệng lại!

Ông già Stevens đáng thương nấn nỉ bọn chúng đừng bắt mình đi, liền bị một tên hành hung rồi kéo ra khỏi tiệm. Hai tay cướp chìa tiểu liên vào mọi người, đi giật lùi ra ngoài đường. Bọn chúng đẩy ông già lên xe, nổ máy.

Khi chiếc xe vừa chồm lên phía trước, tôi vội nằm xoài ra sàn, vừa lúc một tràng đạn nổ về phía tôi ngồi làm vỡ tan cửa kính. Viên đạn cuối cùng làm bằng mắt của tôi một cái để giày!

IV

Tiếng nói từ cái máy thu thanh vọng tới tai tôi như những tiếng vang trong một đường hầm. Ánh đèn trên bàn hắt ánh sáng xuống tấm thảm thành một mảng màu vàng. Tôi ngồi gần chai rượu mạnh. Sau một buổi tối như tôi đã qua, thì uống nhiều hay uống ít không thành vấn đề. Cái chính là làm sao cho quên đi, cho thần kinh trở lại bình thường.

Vì sự thật, chẳng có ai thích thú gì khi thấy một tràng đạn đi lướt qua đầu mình, cả tôi cũng vậy. Trí nhớ của tôi còn bị ám ảnh bởi hình ảnh bọn cướp kéo lê ông già Stevens từ trong tiệm lên xe và sự hối hận rằng chính vì tôi mà ông đã bị tai họa, mà tôi chẳng làm được gì để cứu ông. Tiếng nói từ chiếc loa vẫn cứ như rót vào tai tôi:

“Vào chín giờ tối nay, một bọn sáu tên có vẻ là người gốc Ý đã vào tiệm cà phê ”Chim xanh”, dùng súng đe dọa mọi người và bắt cóc ông John Stevens đi theo bọn chúng.

Ông già Stevens hiện đang làm quản gia cho nhà doanh nghiệp Gregory Wainwright, vua sắt thép mà mọi người đều biết tiếng ở Orchid City. Bị hành hung khi tuổi đã cao nên ông bị chết vì quá sợ hãi. Bọn cướp thấy vậy, đã ném ông ra khỏi xe.

Sở cảnh sát cũng đang tìm kiếm người cùng ngồi với ông Stevens trong tiệm cà phê. Người này cao, vạm vỡ, da sạm nắng, có vết xước ở mặt vì bọn cướp đánh. Ai gặp hay biết người này ở đâu, phải báo ngay về ngài chỉ huy cảnh sát Brandon, quận Graham -ba-bốn-bốn-bốn...”

Tôi đứng dậy tất đài, khi quay người lại đã thấy hai gã trung sĩ cảnh sát Mac và Hartsell đứng ở cửa ra vào. Tôi nhảy bổ tới định đóng cửa lại nhưng không kịp. Tôi hỏi họ:

- Ai mời các anh vào đây?

Graw bảo Hartsell:

- Hẳn hỏi ai mời chúng mình tới đây, kìa. Có cần phải nói cho hẳn rõ không?

- Nói đi - Hartsell bảo đồng nghiệp - Mac Graw nhìn tôi rồi đi đóng cửa sổ lại. Xong, hẳn cười đều giả:

- Con chim xanh nó mời tụi này đây. Có phải đàng ấy vừa ngồi nói chuyện với Stevens không, hả?

Tôi thấy mồ hôi toát ra. Có thể vì tối nay trời nóng mà cũng có thể vì đoán được ý định của cả hai đứa này. Brandon đã dọa sẽ cho người sửa tôi một trận. Tôi gật đầu nhận:

- Đúng, tôi vừa gặp Stevens.

- Ô, thật là khớp! - Mac Graw cười thích thú và chỉ vào tôi, giọng châm chọc - Lần đầu tiên, cái “đồ bỏ” này nói thật. Vậy tại sao “đồ bỏ” không tới cảnh sát để tụi này đỡ tốn công đi tìm?

- Tôi nghĩ rằng cũng không làm hơn được điều gì. Tôi đã gọi điện đến báo cho viên sĩ quan trực mô tả hình dạng của bọn cướp và cái xe của chúng. Tôi đã làm hết phận sự. Bản thân tôi cũng vừa thoát chết nên tôi muốn về nhà để cho cơn hoảng hốt dịu đi.

Mac Graw ngồi sâu trong ghế bành, dặng hai chân rộng, rút một điếu xì gà trong túi, cắn đầu bọc nhỏ vào tường rồi châm thuốc, phả một luồng khói lên cao. Hắn nói với bạn để giấu tôi:

- Nghe không, hắn muốn quên đi nỗi hoảng sợ! Khổ thân chưa! Này “đồ bỏ”, tất cả chuyện vừa rồi mới chỉ là sự bắt đầu thôi đấy. - Tôi giữ im lặng. Hartsell bảo đồng bọn:

- Thôi, làm mau lên. Còn một giờ nữa là tới phiên tao trực rồi.

Mac Graw cau mày, phản đối:

- Việc gì phải vội. Thế này không phải là đang làm việc sao? - Quay sang tôi, hắn hỏi: - Đẳng ấy nói những gì với Stevens mặt mẹt?

- Tôi hỏi ông ta về cái chết không bình thường của Janet Crosby.

- Thấy chưa, thấy chưa... - Mac Graw reo lên. - Đại úy đúng không phải là thằng đàn, ông ấy đã nói với tao như thế này: “Tôi dám cá rằng cái tên vô lại đó muốn truy Stevens, để lấy tin tức về gia đình Crosby”. Đúng cái toách!

Hartsell lừ lừ mắt nhìn tôi, bảo bạn.

- Ủ, đúng thật.

- Còn gì nữa không? - Mac Graw lại hỏi tôi.

- Tôi cũng chỉ cần biết có thể thôi. Stevens cũng nhận là cái chết vô lí.

- Đại úy đã bảo rằng “đẳng ấy” hãy để cho gia đình Crosby yên. Nhớ không?

- Tôi nhớ mang máng.

- Vậy đẳng ấy tưởng đại úy nói chơi đấy à? Đồ bỏ!

Tôi nhìn hai đứa và trả lời:

- Tôi không biết. Các anh hãy hỏi ngài Brandon ấy.

- Này, đừng ú ớ. Chúng tao không ưa thế đâu.

Hartsell có vẻ sốt ruột:

- Thôi, làm đi.

Mac Graw nhổ vào tường, vứt điếu thuốc xuống sàn, bảo tôi:

- Này, đồ bỏ, đại úy có vẻ không bằng lòng đẳng ấy đấy. Mà mỗi lần như thế là ông ta lại trút giận dữ xuống đầu tụi này. Bởi vậy chúng tớ cần phải làm cho ông ấy tươi lên một chút bằng cách cho đẳng ấy một bài học tỷ như: xin đẳng ấy đôi tai và phá phách bớt đồ đạc ở đây đi. Nghe được không?

Hartsell liếm môi, mắt sáng lên như thèm muốn điều gì. Hắn rút trong túi áo ra một cái gậy bằng cao su, và nói:

- Phải đấy.

- Các anh có nghĩ tới hậu quả của những việc làm như thế rồi sẽ ra sao không? Tôi có thể đưa các anh ra tòa vì tội tấn công công dân bằng vũ khí. Luật sư Mafrend Willet sẽ không để các anh yên thân đâu.

Mac Graw nghiêng người, dụi điếu xì gà vào mặt bàn vécní rồi ngược mắt lên nhìn tôi, cười xỏ:

- Đằng ấy cũng chưa phải là đứa cuối cùng được cho một bài học đâu. Chúng tao cũng chẳng sợ gì Willet cả. Chúng tao đến đây để điều tra về vụ Stevens, thế rồi gặp một thằng bướng bỉnh, không biết điều, chống cự lại pháp luật, thành ra chúng tao phải ra tay bảo vệ pháp luật. Vì mày chống trả hăng quá nên cuộc xô xát ngoài ý muốn của chúng tao có ảnh hưởng chút ít tới môi trường. Để rồi coi ở ngoài tòa. Willet sẽ cân nhắc nên chọn lời khai của hai sĩ quan đáng kính như bọn tao hơn, hay lời kia của một thằng đồ bỏ như mày hơn. Hơn nữa, sau đây, chúng tao sẽ điệu mày về sở. Vì mày nguy hiểm, nên phải nhốt vào xà lim và các bạn tao sẽ lấy cái mặt mày làm chỗ chùi giày để mày hiểu, sự thật pháp luật là cái gì. Hiểu không? Đồ bỏ!

Tôi cảm thấy trong lòng thót lại. Có lẽ đây là cảm tưởng của sự thất vọng, của một buổi chiều không hứa hẹn điều gì tốt đẹp. Nhưng tôi vẫn bình tĩnh bảo chúng:

- Xem chừng các ngài đã sắp xếp đầu vào đây cả rồi nhĩ.

Mac Graw cười đều giả:

- Phải thế chứ! Xã hội này còn nhiều đứa ngang bướng như mày, nhà tù đã chật nên thỉnh thoảng tại tao lại phải đi biểu diễn chuyên môn ở ngoài công sở. Như vậy, đỡ tốn kém cho nhà nước.

Tôi mãi nghe những lời khiêu khích của Mac Graw mà không chú ý tới Hartsell. Hắn lùi lại phía sau tôi một chút. Khi tôi nhận ra sự sơ suất của mình thì đã quá muộn: cái gậy cao su đã giáng xuống đỉnh đầu tôi. Tôi khụy hai đầu gối, ngã về phía trước. Như chỉ chờ có thế, Mac Graw nhè cổ họng tôi, đá ngược lên. Tôi há miệng cố dớp dớp ít không khí và lăn lộn trên sàn nhà, những cú đánh và đá từ trên cao rơi xuống khuỷu tay, gáy, đầu gối, và hai bên sườn làm cho cảm giác đau đớn từ mọi nơi trên cơ thể dồn về óc rồi lại lan tỏa khắp mọi nơi. Vừa chống tay nhồm người dậy tôi đã phải né một cú đá. Nhưng cái đùi cao su lại bổ trúng đầu. Tôi gục xuống. Mac Graw tóm áo xóc tôi đứng dậy. Mọi vật quanh tôi như bị bao phủ bởi một lớp sương màu đỏ. Hình dáng của kẻ đang hành hung tôi bỗng to lớn khác thường. Mac Graw buông áo tôi ra. Người tôi đổ về phía trước để nhận một cú đấm hất mặt tôi về phía sau. Tôi ngã ngửa và nằm im không động đậy. Cái trần nhà sắp lại gần tôi, lùi ra xa rồi lại sắp gần lại. Tôi nửa mê nửa tỉnh nhưng còn nhận định được rằng hai tên hung bạo này chưa mệt và tôi còn phải trải qua tình trạng này một vài giờ nữa. Tối lúc đó, có lẽ tay thám tử tư Vic Malloy này cũng chẳng còn là cái quái gì nữa!

Tôi chợt nghĩ thầm: “Tại sao chúng ngừng tay lâu thế?”.

Tôi cố nằm bất động vì cảm thấy nếu quay người mạnh, đầu tôi sẽ lìa khỏi cổ. Mọi cử động đều làm tôi đau đớn. Bỗng có tiếng nói như từ một cõi xa xôi:

- Hừ, các anh giải trí kiểu này đó hả?

Một tiếng nói của phụ nữ! Tôi mê chẳng?

- Thưa bà, tên này rất nguy hiểm!

- Đừng quanh co! Tôi đã nhìn thấy hết qua cửa kính rồi!

Không thể nén được sự tò mò, tôi ngẩng đầu lên. Hình như tất cả các mạch máu, thớ thịt, đường gân trong đầu tôi đều bị sưng phồng, rất bồng đến độ sắp bị đứt rời. Những tia sáng lao vào mắt tôi như những mũi tên. Tôi vội giơ tay ôm lấy mặt và hé mắt nhìn qua những kẽ tay. Mac Graw và Hartsell có vẻ như đang đứng trên than hồng. Graw cổ gượng cười, cái miệng sệch ra như người mếu, còn Hartsell thì luôn vắn vẹo người cứ như có con chuột nhắt đang bò trong ống quần. Một cô gái đứng giữa hai tấm màn che cửa sổ. Bộ đồ mặc buổi chiều màu trắng bắt đầu từ dưới đôi vai trần để lộ rõ một đường hém nhỏ nơi giữa ngực. Mái tóc đen xỏa xuống bờ vai màu sữa khiến cô có vẻ một thiếu nữ trong độ tuổi ngây thơ. Mắt tôi chưa nhìn được rõ nên những nét của cô gái cứ hiện ra từ từ như những hình được chiếu trên màn ảnh qua một cái máy chiếu loại tồi. Cô có khuôn mặt trái xoan với những đường nét thanh tú, đôi môi mọng đỏ, đôi mắt to đen có những ánh sắc và lạnh của kim cương.

Mạch máu hai thái dương tôi rần rật, cổ đau nhức, toàn thân như vừa ra khỏi cái máy nghiền. Vậy mà khi nhận thức được đầy đủ sắc đẹp của cô gái, tôi bỗng cảm thấy tắc thở, hết như lúc nhận được cú đá vừa rồi vào cuống họng. Cô không chỉ đẹp, mà còn có một sức thu hút lạ lùng như những dòng chữ màu chạy trên tấm hình quảng cáo khiến cho mọi người không thể bỏ qua cơ hội ngắm nhìn, mong tìm thấy một cái gì đó khác thường trong đôi mắt, mái tóc, dáng điệu, đường cong của một thân hình rực lửa.

- Tại sao các anh dám cả gan đánh người này? Brandon ra lệnh hả? - Hình như giọng cô có sức mạnh của cái ống phun lửa.

Mac Graw khúm núm:

- Trình cô Crosby... chính tên này đã thọc vào công việc của cô. Đại úy Brandon nghĩ rằng làm như thế cho nó ngắn. Thực sự là như vậy, thưa cô.

Cô gái quay lại nhìn tôi. Chắc chắn là mặt mũi tôi lúc này chẳng có gì là xinh đẹp vì toàn khối u và vết rách. Vết thương do tên cướp người Ý để lại trên má tôi nay chảy máu lại. Dù vậy, tôi cũng cố mỉm cười.

Không biết có giống cười không nhưng thực sự là tôi đã hết sức cố gắng.

Cô ta nhìn tôi như nhìn một con ruồi trong đĩa súp và ra lệnh:

- Đứng dậy! Đã có gì đâu nào!

Chắc cô chưa hề có dịp thống kê tổng số những cú đánh tôi đã nhận được trên đầu trên cổ, trên cằm và cả hai bên sườn nữa. Nên cô chẳng có gì đáng trách. Phần tôi, tôi đã đứng dậy được. Không thể hiểu do sức mạnh nào, có lẽ đây là do sắc đẹp của cô cộng với lòng tự ái của dòng giống Malloy: không thể để cho phụ nữ coi thường. Tôi phải nắm lấy chỗ tựa của chiếc ghế để không khỏi ngã và ngất xỉu.

Tuy khắp người còn đau nhừ, nhưng sức lực tôi dần dần trở lại.

Mac Graw và Hartsell nhìn tôi trù mến, kiểu con thú dữ bị cướp mất mồi. Chúng giật thót người khi bị mắng:

- Những loại người như các anh thật đáng tởm! Rồi tôi sẽ cho các anh biết tay. Nếu bọn Brandon cứ tiếp tục điều khiển các anh như thế thì cho ông ta về vườn càng sớm càng tốt!

Trong khi Mac Graw lúng búng xin lỗi, tôi loạng choạng tới gần chai urylki để trên bàn. Hơi ngã người ra phía trước cũng làm tôi đau, nhưng rồi tôi cũng đưa được chai rượu lên miệng, tu một ngụm. Hai viên cảnh sát vừa định xin phép ra ngoài thì cô gái chặn lại:

- Khoan! Có vay thì phải có trả, đợi đấy!

Cô đi lại phía tôi, đưa cho tôi cái gậy cao su của Hartsell và bảo:

- Đập cho chúng một trận! Trả thù đi, có tôi đây, chúng không dám chống cự đâu.

Mac Graw và Hartsell nhìn tôi như hai con heo sữa nhìn đồ tể. Tôi vứt cái gậy xuống đi vắng, nói:

- Cảm ơn cô, tôi không muốn làm thế.

Giọng tôi rề rề như tiếng loa gủ. Cô gái nổi giận, quát:

- Sao vậy? Anh sợ à? Chúng sẽ không dám đụng đến người anh đâu. Đập vỡ mặt chúng ra, đi!

- Rất tiếc là tôi không thích làm việc đó. Cô cho bọn chúng đi đi, để không khí nơi đây đỡ nặng mùi.

Cô gái quay lại, vớ cái gậy cao su, đi lại gần hai viên cảnh sát. Mặt Mac Graw tái nhợt. Hắn đứng im nhận cái gậy giáng xuống giữa mặt thành một vết lằn đỏ và khê rên lên thành tiếng.

Cô vừa giơ cái gậy lên lần nữa thì tôi nắm cổ tay cô. Hành động này làm các đường gân ở cổ tay tôi đau nhói, lại thêm một cái tát nẩy đom đóm mắt. Tôi vẫn nắm tay cô gái, dù cô có lồng lên. Tôi hét to:

- Cút đi, đồ khốn nạn. Nếu không cô ta đập vỡ đầu bây giờ.

Mac Graw và Hartsell vội chạy bỏ ra ngoài, thiếu chút nữa thì đập mặt vào cái cầu thang. Khi nghe thấy xe chúng nổ máy ngoài đường, tôi buông tay cô gái, vừa thở hổn hển, vừa can:

- Thôi, thôi mà... chúng đi rồi.

Miệng cô còn hé mở, mặt đỏ bừng, đôi mắt long lên. Nhìn cô trong cơn tức giận lại càng đẹp. Rồi ngọn lửa trong đôi mắt cô tắt ngấm. Cô ngửa ra phía sau cất tiếng cười, nắm vạt ra chiếc đi vắng, bảo tôi:

- Mình đã làm cho chúng sợ hết hồn, thật là đồ rác rưởi. Lấy cho tôi uống cái gì đi.

Tôi với tay lại chai rượu, và hỏi:

- Cô là Maureen Crosby, phải không?
- Đúng. - Cô xoa cổ tay và nhăn nhó. - Anh làm tôi đau đây này.
- Tôi rất lấy làm tiếc. Xin lỗi cô.
- Cũng may mà tôi tới đúng lúc. Nếu không, anh đã hết đời rồi.
- Đúng vậy. - Tôi rót urytki vào ly. Bàn tay tôi vẫn còn run nên để rượu đổ cả xuống sàn. Tôi hỏi cô:
- Cô muốn pha thêm nước khoáng hay nước thường?

Cô đỡ lấy ly rượu trong tay tôi và bảo:

- Khỏi pha gì hết. Không nên pha trộn sự vui thú vào công việc cũng như không nên cho lẫn rượu vào nước. Đúng không?
- Cũng tùy công việc gì và loại rượu nào, thưa cô.

Tôi vịn vào thành ghế để ngồi xuống. Hai chân tôi lúc này như được chế tạo bằng bông. Tôi nói:

- Ra cô là Maureen Crosby. Thế đấy, cô là nhân vật cuối cùng tôi mong được gặp mặt tại đây.
- Sự xuất hiện của tôi làm anh sửng sốt lắm phải không?

Đôi mắt, nụ cười của cô vẫn có ý giấu cợt. Tôi hỏi bất chợt và chú ý theo dõi nét mặt Maureen:

- Cô đã cai nghiện xong chưa? Tôi nghe nói những người nghiện không nên uống rượu mà.

Cô vẫn tiếp tục cười, nhưng đôi mắt đen có vẻ nghiêm nghị:

- Không nên tin vào những lời đồn! Tôi nhấp một tí rượu. Chất lỏng trôi qua họng tôi nóng bỏng, khiến tôi phải rung mình và đặt ly xuống bàn. Tôi bảo:
- Đúng thế!

Chúng tôi nhìn vào mắt nhau, cùng chờ một lát, xem ai nói trước. Đôi mắt cô lúc này thật là lạnh lùng. Cô lên tiếng:

- Không nên làm mọi việc thêm rắc rối! Tôi đến đây để nói với anh rằng, đi chỗ khác mà bối mớ chuyện cũ, đừng có sục vào gia đình tôi.

Tôi làm ra vẻ suy nghĩ, rồi hỏi:

- Cô nói thế cho vui hay đây là một lời đề nghị?

Cô mím môi lại làm cho nụ cười biến mất và hỏi:

- Liệu có mua được anh không? Người ta nói với tôi rằng anh là loại người sạch sẽ, không mua được bằng tiền.

Tôi rút hai điều thuốc, một cho tôi và một cho cô.

- Tôi cũng nghĩ như cô, không nên quá tin vào những lời đồn.

Tôi đưa thuốc cho cô. Khi ngả người châm lửa, gáy tôi buốt như bị kim châm, nên tôi không cười nữa.

- Thì cứ cho là tôi đang trả giá với anh đi. Bao nhiêu?
- Bao nhiêu gì?

Cô nhìn chăm chú vào điều thuốc như chưa nhìn thấy bao giờ và bảo:

- Tôi không muốn gặp thêm rắc rối nên sẵn sàng trả tiền để được yên. Anh làm tôi thất vọng. Có lẽ anh cũng giống như bao nhiêu đứa tống tiền khác thôi.
- Cô hiểu bọn chúng quá rồi, còn gì.

- Đúng vậy. Cho nên khi tôi hỏi, anh muốn bao nhiêu tiền để khỏi quấy rầy tôi nữa, tôi biết là anh sẽ cười và càng bắt bí tôi hơn. Vậy anh cứ nói thẳng ra đi. Bao nhiêu tiền nào? Để đến lượt tôi cười.

Tôi chợt thấy ngán ngẩm chẳng muốn kéo dài thêm cái trò chơi này nữa. Có lẽ tôi đã mải vui chuyện với một cô gái đẹp nhưng lại để cô ta đánh giá mình là một thằng tồi. Tôi bảo cô:

- Thôi đủ rồi, không đùa nữa. Cô không thể mua được tôi đâu. Nhưng, xin đừng lo. Tôi không phải là người sinh ra để quấy rầy người khác. Hãy cho tôi biết về cô đi. Nếu cô là người đáng hoàng, tôi sẽ bỏ hết mọi chuyện và để cho cô yên.

Cô nhìn tôi chăm chú, vẻ suy nghĩ đắn đo:

- Đừng khoác lác, và đừng để tôi coi thường anh hơn nữa.

- Xin cảm ơn lời khuyên của cô. Nhưng cô nói thật thà hay muốn kéo dài thời gian đây?

- Người ta đã cho tôi biết tính nết anh rất khó chịu nhưng lại có khiếu nói chuyện với đàn bà. Kể cũng đúng đấy.

- Có thể là như vậy, về cái phần cuối ấy, thưa cô.

Bỗng chuông điện thoại reo làm cả tôi và Maureen giật mình. Tôi vừa giơ tay định nhắc ống nghe lên - vì máy ở gần tôi hơn thì Maureen đã rút trong chiếc túi xách tay của cô ra một khẩu 25, ấn nòng vào gáy tôi, lạnh lùng bảo:

- Đứng im, không được nhắc máy!

Cô nằng bặt tôi đứng thế cho tới khi chuông điện thoại ngừng reo. Tôi hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Im, đi ra khỏi đây ngay, nếu không tôi sẽ cho anh một phát vào đùi đấy.

Tôi tuân lệnh cô không phải vì sợ, mà vì tò mò.

Tại sao Maureen bỗng hốt hoảng như vậy? Tôi nhìn thấy sự sợ hãi thể hiện rõ trong ánh mắt cô. Khi chúng tôi bước xuống cầu thang, ra đường đi vào chỗ đậu xe, thì tiếng chuông điện thoại lại reo vang.

V

Chiếc Rolls màu đen, có bộ nhún thủy động, máy khỏe chạy nhanh không chệ vào đâu được. Trong lúc xe chạy, trong xe không hề thấy xóc, rung hoặc xô trước, xô sau. Tôi chỉ biết tốc độ của xe đang ở một trăm hai mươi cây số/giờ do liếc nhìn đồng hồ báo tốc độ ở bảng xe và nghe tiếng gió rít ngoài cửa kính hai bên. Tôi ngồi bên cạnh Maureen, trên chiếc ghế lông mềm, nhìn ánh đèn chiếu của các ngọn đèn pha lướt trên mặt đường đang trôi vùn vút về phía sau như có ma đuổi.

Maureen nhấn còi xin đường cho xe chạy qua đám đông vừa tan buổi biểu diễn văn nghệ ở đường Orchid Boulevard. Chiếc Rolls chạy sát cái xe đi ngược chiều trên đường phố Mount Verde rồi quẹo qua xa lộ San Diego rộng rãi, đủ chỗ cho sáu xe chạy song song. Xe chạy với tốc độ tối đa, vượt tất cả các loại xe cộ đang trước, làm một đám chạy mô tô xanh mắt. Không biết xe chạy về đâu, tôi hỏi thì Maureen gắt:

- Im đi nào, để tôi còn suy nghĩ!

Bởi vậy tôi đành trao số phận cho khả năng lái xe như điên của cô gái trong đêm tối, thầm mong chiếc xe không gặp trở ngại gì.

Xa lộ San Diego men theo những dải cát đầy gai để tới một vùng bờ biển. Maureen cho xe giảm tốc độ, rồi xa lộ, men theo đỉnh một ngọn đồi có tầm biển đề: Đất của tư nhân. Cấm vào! Chiếc Rolls chạy qua mặt tầm biển vào sâu bên trong đi theo những đường nhỏ ngoằn ngoèo, lắt léo, một lát thì tới trước một cánh cửa sắt cao chừng bốn mét mang trên mình đầy dây thép gai. Maureen nhấn ba tiếng còi ngắn. Tầm cửa từ từ mở rộng để xe đi vào bên trong. Tôi cười, bảo:

- Kỹ thuật quá!

Cô không nhìn tôi cũng không đáp lại. Đằng sau xe, cánh cửa lại từ từ đóng lại. Tôi bỗng cảm tưởng mình đang bị bắt cóc, giống như trường hợp cô y tá Gurney. Tuy nghĩ vậy nhưng tôi chẳng hề sợ hãi: một phần vì men rượu bốc trong đầu tôi, phần nữa là tôi buồn ngủ quá. Đồng hồ trên bảng xe đã chỉ mười hai giờ kém hai phút mà tôi lại có thói quen thật xấu là chỉ thức được muộn nhất là tới nửa đêm.

Con đường nhỏ rộng dần, đưa xe tới một cái cổng cao và rộng như cổng trước. Lại còi, cổng lại mở và đóng lại tự động. Dưới ánh sáng chói của đèn xe, tôi thấy mình dừng lại trước một biệt thự xinh xắn giữa một vườn hoa và cây cảnh. Những chiếc đèn điện treo bên trong các cửa sổ căn nhà tầng dưới, tỏa ánh sáng êm dịu lên các bậc thềm bằng đá hoa cương. Maureen mở cửa xe bước ra ngoài. Tôi đứng bên cạnh nàng ngắm khu vườn trải dài ra tận sườn đồi dưới ánh trăng khuya. Gần đấy, sóng nước trên mặt cái bể bơi rộng lớn lấp lánh như hàng ngàn con rắn bạc hòa nhập với phong cảnh và hương hoa của khu vườn tạo thành một bức tranh tuyệt đẹp. Tôi khẽ lên tiếng hỏi:

- Căn nhà này của cô?

- Vâng.

Maureen im lặng một lát rồi nói tiếp:

- Tôi rất tiếc phải hành động như vừa rồi, nhưng tôi phải đưa anh về ngay đây bằng mọi giá.

- Nếu thấy cần thiết, tôi sẽ tự mình đi theo cô cơ mà.

- Đúng vậy, nhưng anh có thể trả lời điện thoại. Như vậy sẽ hết sức nguy hiểm.

- Cô nghe đây: tôi bị đau đầu và còn rất mệt vì trận đòn vừa qua. Bởi vậy tôi mong cô đừng mập mờ nữa. Tại sao tôi không được trả lời điện thoại? Cô muốn bắt tôi giữ vai trò gì thế này?

- Tôi sẽ nói để anh rõ. Nhưng vào nhà đã, tôi pha cho anh một ly cốc tay nhé. Chúng ta sẽ uống ở ngoài trời.

Chúng tôi bước lên thềm qua hành lang tới một phòng khách rộng và dài theo hết kích thước của tòa nhà. Tường sơn màu kem, đồ đạc và thiết bị trong nhà không cầu kì nhưng sang trọng và được chọn lọc xứng đáng với căn phòng của một nhà triệu phú.

- Cô ở đây một mình ư?

- Còn một người hầu gái.

Tôi đi qua một cửa lớn bước ra cái sân rộng có lan can chung quanh, nhìn ra biển. Dưới mái che sát tường nhà, có một cái ghế dài, rộng và nhiều chiếc gối nệm bằng da. Tôi buông người xuống một tấm nệm và ngắm nhìn mặt biển.

Một lát sau, Maureen đẩy một chiếc bàn nhỏ có bánh xe, trên để các loại rượu và một xô nước đá. Cô ngồi xuống ghế cách tôi chừng hai mét. Thế là tôi lại quên hết mệt nhọc: quả nhiên cô gái đang ngồi gần tôi là một người rất đẹp mà tôi chưa từng được thấy. Cử chỉ của cô thật duyên dáng qua những động tác cô pha rượu để mời tôi.

Chúng tôi im lặng nhấm nháp. Cô mời tôi hút thuốc, tôi châm thuốc cho cô. Cả hai người đều sẵn sàng vào cuộc giải đáp, nhưng hình như cô còn có điều gì do dự cho nên chúng tôi cứ ngồi thế ngắm vườn, ngắm trăng và ngắm biển. Đã mấy phút trôi qua. Sau cùng thì cô cũng lên tiếng:

- Tôi rất ân hận vì đã cư xử vụng về với anh như vừa rồi... nghĩa là định mang tiền ra để thương lượng với anh. Thật đáng chê trách, nhưng quả thật tôi chưa biết anh là người thế nào, mà lại rất cần anh giúp đỡ để thoát khỏi tình thế hiện nay. Hơn nữa, tôi rất sợ... - Cô tiếp tục, như nói với chính mình:

- Không biết “hắn” có biết căn nhà này không, chắc chắn là có. Nhất định hắn sẽ đến.

Tôi ngắt lời cô:

- Chúng ta không còn nhiều thời gian nên xin cô hãy trả lời cho tôi câu hỏi thứ nhất: tại sao tôi không được trả lời điện thoại?

- Vì như vậy hắn sẽ biết anh đang ở đâu và mò tới.

- Tôi không biết cô muốn ám chỉ ai. Sherrill chẳng?
- Đúng hẳn.
- Sherrill tìm tôi làm gì?
- Vì anh chen ngang vào công chuyện của hẳn. Tôi nghe tiếng hẳn ra lệnh cho tên Francini khử anh.
- Francini là tên người Ý hay mặc bộ đồ tím phải không?
- Đúng.
- Có lẽ Sherrill cũng nhúng tay vào việc bắt cóc quần gia Stevens?
- Đúng vậy. Khi hay tin ông già chết, tôi vội đi tìm anh ngay.
- Sherrill có biết căn nhà này không?
- Tôi chưa bao giờ nói với hẳn và hẳn cũng chưa tới đây bao giờ. Nhưng có thể tôi đã nghĩ lầm rằng như thế là giấu được hẳn.
- Thôi, bây giờ cô kể lại mọi sự việc từ đầu đi.
- Nhưng trước tiên tôi cũng muốn hỏi anh vài điều: tại sao anh tới Crestways để tìm tôi? Tại sao anh đi gặp bác sĩ Bewley? Có người nhờ anh rình mò tôi chẳng?
- Có đấy.
- Ai?
- Chị cô, cô Janet.

Giả thử tôi có đánh cô một cái vào mặt, có lẽ cũng không làm cô sững sốt như vậy. Cô giật mình, bật ngửa lại đằng sau cứ như vừa dẫm phải con rắn. Tiếng cô thốt ra nghe như một tiếng rên:

- Janet? Nhưng Janet chết rồi cơ mà?

Tôi mở ví lấy lá thư của Janet gửi cho tôi và nói:

- Cô đọc lá thư này đi.
- Thế này là thế nào? (hình như cô sợ không dám mó vào lá thư).
- Cô hãy nhìn ngày cô Janet viết cho tôi thì sẽ rõ. Lá thư này bị thất lạc mười bốn tháng rồi. Tôi mới biết tới nó được có hai ngày. - Maureen cầm lá thư, nét mặt trầm hẳn lại. Đọc xong, cô im lặng, có vẻ lo ngại. Cô hỏi tôi:
- Chính lá thư này đã khiến anh mở cuộc điều tra sao?
- Chị cô đã gửi cho tôi năm trăm đô la. Bởi vậy tôi có nhiệm vụ phải tiến hành công việc cho xứng với món tiền đó. Tôi định tới tìm cô ở Crestways để hỏi cô về chuyện này. Nếu thấy mọi việc êm xuôi thì tôi đã bỏ qua, nhưng cô không có mặt ở đây và bao nhiêu sự việc cứ dồn dập xảy ra với tôi buộc tôi phải nghi ngờ và tiếp tục cuộc điều tra.

Maureen im lặng nghe tôi nói, nét mặt không vui. Tôi hỏi:

- Cô bị phao tin xấu phải không?
- Không. Janet đặt chuyện ra để làm tôi rắc rối. Chị ấy thù ghét tôi.
- Sao vậy?

Cô ta thần thờ ngẩn nhìn khu vườn. Tôi nhấp một chút rượu và châm điếu thuốc để cô có thời gian suy nghĩ trước khi thổ lộ hết mọi điều tâm sự.

- Tôi không biết làm thế nào bây giờ. Nếu để anh biết câu chuyện xảy ra giữa hai chị em chúng tôi, có nghĩa là để anh nắm số phận của tôi trong tay. Anh có thể làm cho tôi thành kẻ đi ăn xin cũng được... (Cô nắm hai bàn tay lại, tỏ vẻ bối rối bất lực). Nhưng không nói ra, thì không thoát khỏi tình trạng bế tắc này.

- Cô không có ai giúp để điều hành công việc hay sao?

- Có nhưng lại như không. Đó là luật sư theo dõi việc thực hiện chúc thư của cha tôi. Nếu tôi bị dính dáng vào một vụ xi căng đan nào, tôi sẽ bị mất hết quyền lợi. Câu chuyện giữa Janet và tôi cũng đủ làm tôi bị chìm tới cổ rồi. Vậy mà còn... (Cô ngập ngừng và thôi không nói tiếp nữa).

Tôi tiếp lời cô:

- Còn chuyện với Sherrill phải không? Có phải cô đã bỏ vốn ra mua chiếc tàu “Mộng Mơ”?

Cô đỏ người, quay về phía tôi hỏi:

- Anh biết việc đó sao?

- Không, nhưng tôi đoán vậy. Nếu mọi người biết việc này, chắc cô sẽ rầy rà đấy.

Cô ngồi gần lại phía tôi, nói khẽ:

- Đúng thế... Trước kia Janet đã yêu Sherrill và cả tôi cũng vậy. Nhưng mặc dù tới sau, tôi lại thành công hơn, nên Sherrill đi với tôi. Bởi vậy, Janet đã không ngần ngại định giết tôi. Cha tôi chạy lại định can ngăn hai người, không ngờ bị trúng đạn.

Nói tới đây, cô giơ hai tay che mặt.

Đến lượt tôi sững sốt. Tôi không ngờ sự việc lại xảy ra như vậy. Sau một hồi im lặng, Maureen kể tiếp:

- Chúng tôi cố giấu mọi người, nhưng Janet luôn bị lương tâm giày vò đến mức đã uống thuốc độc tự tử. Chúng tôi lại phải giấu kín chuyện này nữa. Cũng may, viên bác sĩ già khụ chứng nhận nên dễ tin ngay là Janet chết vì bệnh tim. Sau khi đã qua được mọi chuyện rồi, Sherrill mới lộ bộ mặt thật của hắn ra. Hắn dọa, nếu tôi không cung cấp tiền để hắn mua chiếc tàu “Mộng Mơ” thì hắn sẽ loan tin cho mọi người biết việc Janet cùng tôi đều mê hắn, cha tôi chết vì viên đạn do Janet bắn tôi rồi tự tử bằng thuốc độc. Tất cả đều do tôi gây ra. Anh hãy tưởng

4. Chương 4

I

Tôi từ từ mở mắt. Căn phòng có vẻ rộng và thoáng, tường và trần đều sơn màu trắng ngà. Những tấm màn che cửa bằng chất dẻo, dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn nhìn như màu nước đục. Trên cái giường ở cuối phòng, một người có bộ mặt xương xẩu, trán cao, có đáng sinh viên, đang ở tư thế nửa nằm nửa ngồi chăm chú đọc sách.

Tôi lim dim mắt nhìn anh ta đọc, hình như có điều gì khác thường. Khi anh ta giở trang sách có in chữ to, tôi mới hiểu. Thì ra từ nãy tới giờ, anh ta đọc sách ngược!

Tại sao tôi không ngạc nhiên khi nhận thấy mình đang nằm trong căn phòng lạ này nhỉ? Tôi có cảm tưởng đã ở đây được mấy ngày, hay mấy tuần rồi cũng nên, vì hình như cái lưng của tôi đã làm quen với cái giường này từ lâu rồi.

Linh tính cho tôi biết đây là một bệnh viện. Tôi cố nhớ lại việc gì xảy ra với tôi. Tôi bị tai nạn xe hơi chẳng?

Không phải. Bộ não của tôi hình như có điều gì trục trặc khiến tôi không tập trung suy nghĩ được. Tôi đành nhận xét anh chàng thanh niên nằm ở giường gần kề với giường tôi. Anh ta chừng hai mươi bốn tuổi có bộ tóc vàng phủ dài kín cả đôi vai. Tuy không có vẻ ốm yếu lắm, nhưng anh có đôi mắt sâu lõm xuống như hai cái hố nhỏ.

Tôi chợt nhận ra, anh chàng này cũng đang nhìn tôi chăm chú. Từ này, các động tác xem sách chỉ là hình thức ngụy trang. Thật ra, đôi lông mày anh đang cau lại chứng tỏ anh vẫn theo dõi tôi như kiểu mèo rình chuột. Tôi bảo:

- Này, quay quyển sách lại mà đọc, có dễ hơn không?

Tôi lấy làm lạ khi thấy tiếng mình nói cứ như ở trên trời vọng xuống.

Cậu sinh viên trẻ ngừng đầu, mỉm cười với tôi, nói:

- Tôi khoái đọc ngược hơn. Dễ ợt ấy mà. Thế nào, ông thấy đỡ đau đầu chưa, ông Seabright?

Lạ thật, nhờ cậu ta nhắc, tôi mới nhớ tới cái đầu của tôi. Nó vẫn còn đau ê ẩm, các mạch máu hai bên thái dương tôi cứ rần rật.

- Còn đau. Đây là bệnh viện hả?

- Không. Viện an dưỡng, khu biệt lập!

- An dưỡng hay tâm thần mà cần khu biệt lập?

Anh chàng trẻ tuổi cười và gật đầu xác nhận:

- Khu điên mà!

Tôi nhắm mắt lại để cố sức suy nghĩ. Mấy phút sau tôi mới nhớ mang máng được tiếng réo của chiếc gậy cao su bổ xuống đầu tôi và tiếng la hét rùng rợn của Maureen. Tôi cố trấn tĩnh và nhận thấy một cơn sợ hãi như một cơn rần lạnh đang trườn theo suốt dọc cột sống. Tôi đang nằm trong một viện tâm thần, ở khu điên!

Tôi nhồm người dậy, nhưng không được. Một tay tôi bị cột chặt vào thành giường bằng cái vòng sắt bọc cao su.

Chàng thanh niên tóc vàng nhìn tôi, không tỏ vẻ ngạc nhiên bảo:

- Họ cột như thế cho bảo đảm. Vì lợi ích của chúng mình thôi.

- Đúng vậy. (Tôi đành ngửa đầu trên gối và hỏi tiếp) - Ai điều khiển bệnh viện này thế?

- Bác sĩ Salzer chứ còn ai? Ở đây ai cũng mến ông ta cả.

Tôi bỗng nhớ lại câu nói của người mặc chiếc áo ngắn tay sặc sỡ. Hắn đe sẽ tìm cho tôi và Maureen một chỗ kín đáo không ai có thể tìm được. Tôi hỏi:

- Bác sĩ Salzer có một bệnh viện điều dưỡng chuyên trị bệnh nhân bằng phương pháp tiết chế ăn uống cơ mà.

- Đúng vậy, nhưng trong viện có một khu riêng trị bệnh tâm thần và những người điên. Tuy vậy, ở ngoài vẫn dễ chịu hơn là trong những phòng kín này.

- Đây là phòng kín hay sao?

- Đúng. Tường đều lót cao su. Anh thử dẫm vào tường mà coi. Rất êm, không có tiếng động. Khoái lắm! Anh ta ngã người ra thành giường, dẫm một cái vào tường và nói:

- Êm thật, đúng là cao su! Tên tôi là Ducan Hopper. Anh có biết tiếng tăm của cha tôi, ông Dwigt Hopper không?

Hình như tôi có nghe tới gia đình nhà Hopper, chuyên kinh doanh về phẩm màu, nhưng không thấy ai dấn động tới người con. Tôi tự giới thiệu:

- Tôi là Malloy, Victor Malloy.

Anh ta quay lại tôi, hỏi:

- Tên gì?

- Malloy.

Anh ta cười bảo:

- Anh có chắc không? Người ta giới thiệu với tôi tên anh là Edmund Seabright cơ mà.

- Không. Tên tôi là Malloy!

Anh ta gõ gõ ngón tay xuống bàn ra vẻ thích thú. Còn tôi lại thấy tóc gáy mình đang dựng đứng lên.

- Tôi sẽ gọi anh là Seabright thôi vì tay y tá Blan và bác sĩ Salzer đều gọi anh như thế. Họ đã cho tôi coi hồ sơ bệnh án của anh rồi. Edmund Seabright: mất trí, loại không tưởng. Anh rõ bệnh của anh chưa? - Tôi trả lời khó khăn vì miệng bỗng khô không khốc. Anh ta lại giảng giải:

- Tôi bảo Bland rằng tôi không tin anh mắc bệnh đó, nhưng hắn không nghe, hắn là một thằng mất dạy! Hắn cũng bảo, tôi mắc bệnh điên khoái sát loại paranoia. Nghĩa là lên cơn thì mới thích sát thôi. Tôi không chịu, hắn liền cho tôi mượn cuốn sách để nghiên cứu lấy. Trong cuốn sách cũng nói tới bệnh của anh. Anh có hay nằm mơ hay tưởng tượng không?

- Không.

- Thế thì tốt. Nhưng tôi lấy làm lạ vì anh không chịu nhận tên mình là Seabright. Vậy có bao giờ anh nghĩ là người khác không?

- Không! Không có gì lạ cả. Vì tên tôi từ xưa tới nay vẫn là Malloy!

Anh ta gật gù, bảo:

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Nhưng nếu anh không phải là Seabright thì anh vào đây làm gì?

- Đây là cả một câu chuyện dài.

Tôi bỗng thấy nhu cầu giải thích để người thanh niên này hiểu tôi là ai, dù có phải mất nhiều công đi nữa.

- Tôi là một loại thám tử anh hiểu không? Tôi tiến hành một cuộc điều tra khám phá thấy bác sĩ Salzer có liên quan tới cái chết của một phụ nữ tên là Eudora Dew. Chuyện thì dài, bây giờ thì tôi chưa thể nói hết với anh được. Vì tôi biết nhiều việc quá nên người ta bắt có tôi tới đây. Anh hiểu chưa?

Tôi ghen ngào nói mấy câu cuối cùng và cố theo dõi nét mặt của Hopper xem anh ta có tin tôi không. Anh ta vừa cười vừa bảo:

- Bác sĩ Salzer dính líu vào một vụ án à? Hay đấy. Anh là thám tử tư à? Có chắc chắn như vậy không?

- Hãy nghe tôi, tôi biết anh đang nghĩ gì về tôi, anh tưởng tôi điên hả?

Hopper lắc đầu và cố nói nhẹ nhàng:

- Đâu có, đâu có. Trái lại nữa là đằng khác, ông Seabright ạ. Tôi biết ông đang bệnh, nhưng không phải là điên. Chắc chắn không phải là điên đâu.

Tôi đưa lưỡi liếm đôi môi khô, cố hỏi thêm:

- Anh tin thế chứ?

- Đảm bảo là tin mà.

Nhưng, khi nhìn vào nét mặt và đôi mắt tinh quái của Hopper, tôi biết, anh ta đang nói dối.

II

Hopper cho tôi biết vào khoảng chín giờ, Blan sẽ tới để tắt đèn.

- Còn độ năm phút nữa thôi - anh ta vừa coi đồng hồ đeo tay vừa nói. - Blan đã cho tôi chiếc đồng hồ này để đổi lấy chừng một trăm bao thuốc mỗi tuần. Tôi không được hút nhưng cha tôi vẫn gửi đến. Thật ra, ở đây họ chỉ sợ đốt cháy cái khăn trải giường thôi. Vô lí thật!

Tôi đang cố rút tay khỏi cái khóa ở dưới tấm mền và nghĩ thầm: “Nếu rút ra được, mình sẽ cố thoát khỏi nơi đây dù chúng có canh phòng bằng cả súng đại liên đi chăng nữa”. Nhưng cái khóa vừa khít vào cổ tay, không thể làm gì được, trừ phi có chìa khóa hoặc nhờ người chặt đứt cổ tay. Tôi hỏi Hopper:

- Hôm nay mừng mấy?

- 29 tháng 9. Ông không có báo hả. Ngày mai là ngày sinh nhật của tôi và cũng là tròn ba năm tôi ở đây.

Tôi nhớ Maureen đưa tôi về căn nhà cô ta ngày 24. Vậy là tôi đã ở đây năm ngày. Nhất định là Paula và Kerman đang ra công tìm kiếm tôi, nhưng liệu họ có thể nghĩ rằng tôi đang bị nhốt ở đây không? Hoặc dù có biết, thì họ làm thế nào để lọt vào được. Salzer được Brandon che chở cho nên ông ta sẽ bỏ ngoài tai những lời khiếu nại về việc tôi mất tích. Sở dĩ Sherrill không cho tôi một phát đạn vào đầu - tôi cam đoan gã mặc áo ngăn tay màu sắc sỡ chính là Sherrill - là vì hẳn chắc tôi không thể thoát khỏi nơi đây. Hơn nữa, có lẽ hẳn cũng muốn tránh không nhúng tay vào một vụ giết người. Vụ ông già Stevens là chuyện không định trước, ông ta chết vì quá sợ hãi hay vì tên thủ hạ Dwan chót hành động quá tay thôi. Nhưng còn Salzer? Có lẽ hẳn không ngăn chuyện gây án mạng, nhất là trong điều kiện như thế này, nhiều khi các nạn nhân của hẳn lại mong mỗi được chết ngay hơn là phải kéo dài sự hấp hối trong những căn buồng bị bịt kín qua nhiều năm tháng.

Tôi tự nhủ: “Can đảm lên Malloy! Chú mày đã bị nện vào đầu, bị trích thuốc mê nhưng đừng vì thế mà nản chí. Thế ào rồi Paula và Kerman cũng cứu được chú mày ra khỏi đây. Phải vững tâm vào, Malloy!”.

Bỗng cửa phòng mở ra không một tiếng động. Một người da ngăm đen, vạm vỡ, có đôi vai như vai đười ươi bước vào. Bộ mặt tròn của hẳn lăm lăm chăm tàn nhang luôn nở một nụ cười không thể hiện một điều gì vui vẻ cả. Hẳn mặc áo choàng trắng, quần trắng, đi giày đế cao su mang trên tay một cái khay phủ tấm khăn trắng. Hẳn xê dịch nhẹ nhàng trong im lặng cứ như một cái lông chim trong gió vậy.

Hẳn đặt cái khay lên bàn gần cửa và nói với Hopper:

- Hê, khá không Hopper? Cuốn sách có nhiều điều thú vị đấy chứ? Nào, bây giờ thì làm một giấc nào.

Hopper chỉ tay sang giường tôi, bảo: - Phòng này bây giờ lại thêm ông Seabright.

Gã y tá, chắc hẳn là Bland, lại gần đứng nhìn tôi và cười. Mắt hẳn màu xanh có vẻ lạnh lùng, cứng rắn, sẵn sàng hành động bạo lực. Hẳn cất giọng khàn khàn the the như thể cổ họng vừa bị nạo, bảo tôi:

- Này, bé. Tên tôi là Bland, tôi được phân công săn sóc anh đấy.

Những ngón tay tôi tự nhiên co chặt lại tạo thành nắm đấm làm tôi phải cố nén và tự bảo: “Hãy bình tĩnh, bình tĩnh! Không được hành động sơ suất!”. Tôi bảo hẳn:

- Chào anh. Anh khỏi phải săn sóc tôi. Salzer đâu? Cho tôi gặp.

- Bác sĩ Salzer chứ! Không được gọi quá thân mật như thế. Bé sẽ được gặp bác sĩ ngày mai.

- Tôi muốn gặp ông ngay bây giờ!

- Bé! Phải để bác sĩ có thời gian nghỉ ngơi chứ. Nếu bé cần gì cứ bảo tôi. Tôi phụ trách ở đây nên tôi bảo gì cũng phải tuân lệnh.

Tôi cố giữ bình tĩnh hạ thấp giọng, nhưng vẫn cương quyết:

- Tôi cần gặp ngay Salzer!

- Ngày mai. Thôi nào, bây giờ bé nằm im đi để tôi trích cho một liều. Sẽ ngủ liền ấy mà.

Hopper cau mày nhìn tôi, rồi bảo Bland:

- Ông ta nghĩ rằng mình là thám tử tư và đã phát hiện thấy bác sĩ Salzer giết người.

Bland thần nhiên lấy ống tiêm ra, nói:

- Nói vậy là không tốt đâu. Dù sao thì cũng chẳng hệ trọng gì.

Hopper phản đối:

- Có chứ. Trong sách nói tới điều này cơ mà. Tôi không hiểu tại sao người ta lại đưa hần vào xà lim này. (Hopper cau mặt nhìn tôi). Tôi không thích đùa thế. Hần có thể nguy hiểm.

Blan cười lên một tiếng như chó sủa rồi vừa hút loại thuốc trong suốt vào ống trích vừa bảo:

- Hôm nay cậu nói có vẻ hung hăng đấy. Thôi nào, để tôi làm việc.

- Tôi sẽ phản đối vụ này với ông Salzer. Ba tôi cũng sẽ không bằng lòng đâu.

- Ba anh và cả anh nữa cứ lên trời mà kiện. (Blan nổi cáu đi lại giường tôi). Nào, còn anh này, đưa tay đây, tay phải!

Tôi nhòm người dậy:

- Anh không được tổng thuốc độc của bọn anh vào người tôi!

- Nào, bé. Đừng lắm chuyện, như thế có ích gì đâu. Nằm xuống nào!

- Đừng mó vào người tôi!

Blan chộp lấy tay tôi. Những ngón tay to và ngắn của hần giữ chặt lấy cổ tay tôi như cái gọng kìm. Hần cúi sát bộ mặt đầy tàn nhang vào mặt tôi và nói qua kẽ răng:

- Nếu anh thích đối xử bằng vũ lực thì tôi rất khoái được phục vụ, hiểu không?

Tôi lên gân giằng tay ra và đưa lên vai định huých vào ngực hần mà không được. Hần dè tay tôi xuống, dùng ngón tay bóp chặt vào cổ tay tôi và nhìn trừng trừng vào mắt tôi để dò xét và đánh giá các phản ứng. Tôi muốn co chân lên để đạp, nhưng cái chân vừa là cái túi vừa là một nhà tù nữa đối với nửa thân phía dưới của tôi.

- Chịu chưa, bé (Blan nói với vẻ thích thú). Bây giờ ta sẽ cắm mũi tiêm vào tay anh, nếu gãy, mũi kim có thể bị gãy và ở luôn đấy mãi. Hiểu không?

Tôi nghiêng rặng, húc đầu vào hần làm hần loạng choạng lùi về phía sau. Nhưng rồi hần chững lại được và nụ cười tắt hần trên môi hần. Hần lẩm bẩm:

- Hừ, anh tưởng mình khỏe lắm đấy hả? Để rồi coi!

Hần nắm lấy tay tôi, vặn ra đằng sau. Tôi cưỡng lại, nhưng bất lực. Quả thật, hần khỏe như một cái máy nén. Mồ hôi toát ra chảy dọc sống lưng tôi. Blan bẻ hần tay phải tôi quặt ra sau lưng rồi dè người tôi xuống. Các bắp thịt của tôi căng ra, nhưng tôi không thấy đau mà chỉ muốn vùng lên để giết chết kẻ đàn áp mình.

Nhưng, một tay bị khóa vào thành giường, hai chân bị tù trong túi, tôi làm sao chống cự lại được với cả một khối thịt như Blan. Tôi cong người lên, rồi lại bị dè xuống từng cen-ti-met một. Bỗng cánh tay tôi đau nhói, cảm giác một mũi kim đâm vào da thịt.

- Xong rồi, bé! Tại bé cả nhé! Nếu tôi có ý định xấu thì bây giờ bé đã gãy tay rồi!

Tôi muốn tổng một quả vào giữa mặt hần, nhưng tay tôi không cử động được nữa. Không biết hần đã trích thuốc gì cho tôi mà hiệu quả tức thì. Tôi thấy bộ mặt rỗ của hần mờ đi, các bức tường trong phòng thì lùi dần ra để mặc tôi từ từ chìm xuống một đường hầm tối tăm và rất rộng.

III

Tôi mở mắt.

Những tia nắng nhạt chiếu qua khe những chấn song cửa sổ nhắc nhở tôi nhớ tới hoàn cảnh mình bị giam giữ. Blan đi nhẹ nhàng lau chùi, quét dọn. Hopper nét mặt cau có, đang ngồi đọc sách trên giường.

Blan lại gần giường tôi, lau bàn và toét miệng cười:

- Thế nào, bé, khá chứ?

Tôi nhòm người dậy, tì tay vào gối, bảo:

- Khá!

Thật ra cánh tay và bả vai tôi vẫn còn đau. Cổ tay tôi thì vẫn còn vết hằn của những ngón tay vừa to vừa ngắn của hắn.

- Thế là tốt. Tôi sẽ mang đồ cạo râu lại và bé có thể đi tắm.

Tôi nghĩ ngay rằng Blan bắt buộc phải mở khóa tay cho tôi, nhưng hắn đã chặn trước:

- Này bé, đừng có làm dữ như hôm qua nhé, nhất là đừng có mơ ước thoát khỏi nơi đây. Ngoài kia, mỗi góc nhà đều có một người trực khỏe như ta. Các cửa đều khóa, cửa sổ đều có chấn song. Hãy hỏi Hopper coi. Những ngày đầu anh ta cũng có ý định thế, cũng đã thử, nhưng bây giờ thì biết là thua rồi.

Tôi nhìn hắn không tỏ thái độ và cũng không trả lời. Hắn lại tiếp:

- Hỏi Hopper đi. Cậu ta sẽ nói cho mà nghe. Hopper cau mặt bảo Blan:

- Đừng nói động đến ta, đồ rác rưởi! Chỉ nhìn thấy mặt anh, ta cũng thấy muốn bệnh rồi.

Bland cười bảo:

- Không sao. Tôi đã nghe quen những lời như thế rồi. Bình tĩnh nào. Bây giờ cậu đi cạo râu, tắm, rồi ăn sáng. Để xem tôi có thể gọi cho cậu món trứng đặc biệt nào.

Bland vừa giữu cọt vừa đi ra. Hopper bảo tôi:

- Đừng trốn làm gì, không thoát được đâu. Khi bắt được, chúng sẽ chụp vào anh một cái áo cứng khiến anh không cử động được rồi đem ngâm nước lạnh mấy ngày liền. Còn các cửa thì Bland nói thật đấy. Không có khóa không thể ra được, các chấn song thì rất chắc.

Lát sau, Bland trở lại đưa cho tôi và Hopper mỗi người một dao cạo râu điện và bảo:

- Nào, các bé, mau lên. Bác sĩ Salzer bao giờ cũng muốn gặp những bệnh nhân của mình sạch sẽ.

Vậy là tôi sắp gặp Salzer. Tôi không mong làm cho Salzer vui lòng vì hoàn cảnh của tôi, nhưng hy vọng làm cho ông ta sợ. Sherrill đã nhốt tôi vào đây. Nếu tôi thuyết phục được Salzer là cái trò bắt cóc người như thế này là một trọng tội, nếu bị đưa ra xét xử trước pháp luật, có thể ông ta sẽ chùn tay chẳng.

Tôi vừa cạo mặt xong thì Blan mang cho một cái áo ngủ bằng vải bông trắng vào. Hắn lại gần giường, mở còng tay cho tôi và bảo:

- Nằm im đã. Ngoan ngoan nhé!

Sau đó, hắn đứng lùi lại và ra lệnh:

- Đứng dậy, nào.

Tôi chú ý thấy Hopper đang theo dõi các cử chỉ của tôi. Tôi co chân khỏi cái túi chần, tụt xuống giường, đứng dậy và bỗng nhận thấy không còn sức để chống đối nữa. Hai chân tôi như làm bằng bông. Nếu bị bò rừng đuổi húc lúc này thì tôi cũng đành chịu, không thể nào chạy được.

Tôi loạng choạng bước một bước rồi ngã xuống sàn. Đứng ra thì tôi cũng không đến nỗi yếu đến thế nhưng muốn làm cho Blan tưởng là tôi đã kiệt sức.

Tôi chống hai tay hai chân để đứng dậy. Blan vẫn không động dậy. Hắn nhìn tôi cảnh giác. Kể cũng khó đánh lừa được hắn. Tôi quát:

- Anh không giúp được tôi đứng lên hay sao? Hay là để tôi đi nằm lại vậy.

Hắn nói nhẹ:

- Này bé, đừng hòng dở trò lừa dối ra với tôi đâu nhé. Báo trước rồi đấy.

- Thôi, đừng lảm nhảm nữa. Anh sợ tôi à?

Bị đụng vào tự ái, hắn bảo ngay:

- Tôi chẳng sợ cái gì cả, bé ạ! Được, nào đứng lên!

Hắn lại giúp tôi mặc áo xong, mở cửa ra ngoài hành lang. Tôi đi mấy bước rồi đứng lại, làm ra bộ chóng mặt. Trong thời gian đó, tôi đưa mắt nhìn quanh. Phía cuối hành lang có một cửa ra vào lớn, còn ở phía đầu hành lang có một cửa sổ có chấn song chắc chắn.

Blan cười, bảo:

- Đây, bé đã nhìn kỹ chưa? Tôi đã nói cho bé biết rồi và đâu có nói sai!

Đúng, nếu muốn thoát, tôi phải tìm cách lấy được hai chìa khóa: một cái cho khóa cửa và một cái để mở còng tay. Nếu không, tôi sẽ phải chết dần chết mòn trong khu diên này trừ phi người ta định tâm khử tôi sớm hơn.

Bỗng một cánh cửa bật mở và một cô gái chạy ủa ra ngoài. Chắc cô vừa tắm xong nên vẫn còn những dòng nước chảy trên thân hình trần truồng màu sữa. Trên một cánh tay nhỏ nhắn của cô còn vương một đám bọt nhỏ xà phòng. Mớ tóc quăn ôm lấy khuôn mặt cô gái không đẹp, cũng không xấu nhưng tôi nghĩ rằng, khi cô không mặc gì cả, có lẽ là dễ coi nhất. Cô vào quãng hai mươi lăm tuổi, ngực cao, chân dài, nước da trắng mịn.

Blan nuốt nước miếng, lẩm bẩm:

- Lạy Chúa! - Rồi vội vàng giơ hai tay về phía cô gái mắt long lên những ánh mắt thèm khát man dại.

Hắn vội lấy cô gái làm cô ta hét lên vì hoảng sợ và nhảy lùi về phía tường. Hai bàn tay của Blan trượt dài trên cánh tay cô khi cô quay người lại để bỏ chạy về phía cuối hành lang. Blan giơ ngang hai tay từ từ tiến lại, biết chắc chắn lần này con mồi không thể thoát, trong khi cô gái đập tay thành thành vào cánh cửa một cách tuyệt vọng.

Tất cả sự việc chỉ xảy ra trong vòng mấy phút.

Chợt một nữ y tá ở trong phòng tắm chạy ra. Bà ta vào loại to lớn, mập khỏe mặt tái đi vì lo ngại và tức giận. Nhìn qua chúng tôi, bà đã nhận thấy cái lưng trần của cô gái nên quát to với Blan:

- Để cô ta đấy. Mang bệnh nhân của anh đi đi. Đồ đười ươi!

- Đừng có to tiếng thế.- Blan cãi lại - Chính bà đã để cô ta xông, lỗi tại bà chứ tại ai.

- Đưa ngay người này ra chỗ khác, nếu không tôi sẽ báo cho ban giám đốc bây giờ.

Blan vẫn không rời mắt khỏi cô gái, nắm lấy tay tôi bảo:

- Thôi đi nào. Hết biểu diễn rồi. Bé coi đấy, ở đây có đến nỗi nào đâu. Bé được ru ngủ, lại được coi thoát y vũ tại nhà, còn muốn gì hơn nữa!

Hắn đẩy tôi vào một phòng tắm đối diện ngay với phòng cô gái ban nãy. Người nữ y tá chắc chắn đã tới gần cô ta nên cô lại la hét. Tiếng hét của cô đình tai, nên tôi chỉ đỡ nhúc nhúc đầu khi Blan đóng cửa lại. Hắn vẫn chưa qua được cơn kích thích nên cứ liếm môi liên tục. Hắn bảo:

- Bé có thấy rõ cô nàng không? Thật hiếm có! Nào mau lên, cởi quần áo ra! Nhìn nơi khác thì khoái thể, còn canh các anh thật chán bỏ mẹ!

- Coi bộ anh thích cô ta lắm hả. Cô ta là ai vậy? - Bé biết thế nào được. Trước kia cô ta cũng là y tá ở đây. Hình như bị thất tình nên mới ra như thế. Tôi không thể hiểu được tại sao chỉ có thể thôi mà các cô nàng cũng lắm chuyện. Tôi có thể giúp cô ta nhiều việc lắm, nếu cô ta muốn...

Tôi ngồi im trong bồn tắm. Một nữ y tá của Salzer à? - Tôi hỏi. Có thể đây là cô y tá bị mất tích mà Mifflin đã kể cho tôi chăng

Tôi hỏi Blan bắt chợt:

- Tên cô ấy là Anona Freedlander có phải không?

Blan giật mình sửng sốt:

- Sao bé biết?

- Tôi là thám tử mà - Tôi trả lời nghiêm chỉnh.

Blan cười, rồi giục tôi:

- Mau lên. Không phải lúc làm trò trinh thám đâu, tôi đang bận đây... Tôi vừa tắm vừa hỏi hần:

- Vậy Hopper là ai? Tại sao anh ta lại ở đây?

- Hopper là một trường hợp đặc biệt. Có lúc chính tôi cũng phải sợ đấy. Đừng chỉ trông bề ngoài của anh ta nhé. Nếu bố anh ta không phải là người giàu, có tiếng tăm thì anh ta đã rũ tù rồi: anh ta cắn đứt mạch máu cổ của một cô gái đấy. Không thể biết được anh ta thế nào đâu, lúc bình thường thì như vậy nhưng lên cơn thì không khác gì thú dữ.

Tôi nghĩ có thể moi được tin tức ở anh chàng này.

- Anh cho tôi một liều thuốc có được không?

- Được. Nếu cậu cứ ngoan ngoãn như thế này, tớ sẽ đối xử với cậu như anh em. (Anh ta cho tôi một liều thuốc và bật lửa cho tôi châm). Khi mới tới đây, thường ai cũng chống đối, nhưng tớ cho cậu biết nhé: ban giám đốc đã trừ liệu mọi trường hợp có thể xảy ra rồi. Đừng có hành động một cách vô ích. Nhớ nhé.

Tôi hít một hơi thuốc, và không ngờ lại thấy khoan khoái như thế.

- Tôi còn phải ở đây bao nhiêu lâu?

- Theo hồ sơ thì cậu phải chữa trị suốt đời.

Tôi liền thử vận may của mình liền bảo:

- Nay Blan, anh có muốn kiếm được một trăm đôla không?

- Sao?

- Đơn giản thôi. Gọi điện cho người bạn tôi.

- Phải nói với họ thế nào?

Bland hưởng ứng rất nhanh và sốt sắng quá. Tôi quan sát nét mặt anh ta và nụ cười giấu cợt của anh ta nghĩ thầm có lẽ mình bị hố rồi. Tôi nói lãng ra:

- Thôi cũng chẳng cần. Bỏ qua đi. Đưa cho tôi cái khăn nào.

Blan đưa khăn cho tôi, giọng khẩn khoản:

- Đừng vội giận như thế. Trăm đô! Nghe cũng được đấy. Anh bạn kia tên là gì nhỉ? Nhưng này, năm trăm đô dễ được việc hơn.

- Đã bảo xếp chuyện đó lại mà. Lúc khác mình sẽ bàn.

- Thôi được, tùy bé thôi. Đi nào, tôi còn phải cho Hopper tắm nữa.

Bland mở cửa phòng tắm, ngó ra hành lang. Phòng cô gái lúc này bây giờ đã im lặng. Trên đường đi về phòng, tôi không ngót nghĩ cách thoát thân. Làm thế nào mở được cái cửa ở cuối hành lang? Nhất định phải liều một phen, nhưng cũng phải kiên trì chờ cơ hội. Tôi vịn vào tay Blan, vừa đi loạng choạng vừa suy nghĩ. Làm cho Blan tin rằng tôi yếu sức cũng là một điểm trong kế hoạch vượt ngục của tôi.

Tôi nằm xuống và ngoan ngoãn đưa tay cho Blan còng vào thành giường. Hopper phản đối, không chịu tắm khiến Blan phải dỗ dành.

- Đi nào, thế là không ngoan đâu. Mười một giờ mai, các quan chức của thành phố cùng ngài thẩm phán Lessways sẽ đến thăm viện. Các bé phải sạch sẽ, gọn gàng, biết không?

Quay lại phía tôi, hần nói tiếp:

- Tháng nào, các ngài ấy cũng tới. Tuy rằng các ngài ấy chẳng tin gì lời kể lể của các anh đâu, nhưng cũng đừng có lỗi các chuyện thám tử và vụ án của anh ra làm mất thời giờ của mọi người đấy.

Blan đã đỡ được Hopper đi tắm. Cả hai người ra ngoài. Tôi nằm một mình, ngắm nhìn sáu thanh sắt trên cửa sổ và nhủ thầm: vậy là thẩm phán Lessways sẽ tới đây. Theo Blan, nếu tôi nói với họ rằng Salzer có trách nhiệm về cái chết của Eudora Drew thì cũng vô ích. Chẳng ai tin kẻ tâm thần! Nhưng nếu tôi nói với Lessway về trường hợp của chính tôi, liệu họ có tin không? Có thể lắm chứ! Thế là tôi bắt đầu hy vọng.

Cánh cửa phòng từ từ mở ra làm tôi chú ý theo dõi. Không có ai vào. Ngạc nhiên, tôi cố nghiêng người nhìn ra ngoài hành lang. Hay tại gió? Không phải, vừa rồi tôi có nghe thấy tiếng mở khóa, sau khi Blan và Hopper đi khỏi.

Tôi căng mắt nhìn vào cánh cửa. Có ai nấp ở phía sau không? Bỗng có tiếng sột soạt làm tôi rợn người. Không ai có thể ngờ được những tờ giấy khi cong lại hoặc đung vào nhau ở một nơi tuyệt đối im lặng như cái phòng bọc cao su này, lại có tiếng vang rùng rợn như thế. Bỗng một bóng đen xuất hiện bên khung cửa:

một người đàn bà. Mẹ ta đứng đấy nhìn tôi như đang nhìn vào một vật gì đó - cái bàn hay cái chổi chẳng hạn - luôn tay thọc vào cái túi giấy, rồi lại đưa lên miệng khiến tôi dễ dàng nhớ ra: mẹ béo ăn mặn, kẻ đã tham dự vào vụ bắt cóc nữ y tá Gurney!

Kể từ nay, người đứng, chúng tôi im lặng nhìn nhau một lúc. Hết trái này đến trái khác, mẹ ăn mặn như bò ăn cỏ vậy. Tôi lên tiếng chào và tự giận mình đã để cho giọng hơi run vì căm giận:

- Mạnh giỏi chứ?

Mẹ thọc tay vào túi giấy, lấy một trái mận giơ lên ánh sáng ngấm ngấm rồi hỏi lại:

- Có phải ngài Malloy đấy không?

- Chính tôi đây. Lần gặp nhau vừa qua chúng ta chưa có thời giờ tự giới thiệu. Vậy bà là ai?

Mẹ phả một hạt mận ra tay, thả vào túi rồi mới trả lời: - Tôi là Salzer! - Tôi không ngạc nhiên một chút nào, vì như vậy thật là hợp lý.

- Xin lỗi bà vì tôi hơi tò mò, không biết bà có yêu ông nhà không?

- Bác sĩ Salzer là một người có tài, đáng kính, ít người có khả năng so sánh với chồng tôi.

- Rất tiếc là rồi đây, ông bà phải xa cách nhau là chuyện không thể tránh được vì ngay trong các nhà tù hiện đại bây giờ người ta vẫn giam nam riêng, nữ riêng.

Mẹ vẫn giữ vẻ bình thản, hỏi:

- Tôi không hiểu ông định nói gì. - Bà thừa hiểu rằng nếu ông ta thoát khỏi án vào phòng hơi ngạt thì cũng phải nhận ít ra là hai mươi năm tù khổ sai vì tội bắt cóc và giết người.

- Giết ai? - Chồng bà đã chủ mưu giết một phụ nữ tên là Eudora Drew. Tôi và một cô gái nữa là những nạn nhân bị bắt cóc và giam giữ ở đây. Ngoài cô y tá Anona còn cả cô Gurney nữa.

Mẹ ta mỉm cười tinh quái:

- Bác sĩ Salzer không hay biết gì về những việc này cả. Ông ta vẫn nghĩ rằng Anona Freedlander là một cô bạn của tôi bị bệnh mất ngủ.

- Có lẽ ông ta cũng nghĩ tôi là bạn của bà chẳng?

- Không đúng hẳn như thế. Anh là bạn của bạn tôi.

- Còn Eudora Drew?

Mẹ nhún vai:

- Thật đáng tiếc cô ta tham quá muốn đòi tiền. Tôi đã cho Benny đến để khuyên bảo cô ta, nhưng hẳn hơi quá tay.

Tôi nhận xét nét mặt của mẹ và thấy mẹ có thể đã nói thật.

- Còn cô Gurney, hiện giờ ở đây?

Nét mặt mẹ vẫn bình thản:

- Khi xuống cầu thang, cô ta trượt chân nên bị gãy cổ. Không biết sao, cô ta lại sợ tôi thế.

Tôi ghen ngào hỏi tiếp:

- Bây giờ cô ta ra sao?

- Tôi đã vực cô ta lên xe mang bỏ vào đám bụi cây vùng sa mạc. Anh nên hiểu cho tôi, tôi không còn cách nào hơn.

Tôi vò đầu không hiểu mẹ điên hay tôi điên.

Tôi hỏi mẹ:

- Chính bà là người chủ mưu giam tôi ở đây phải không?

Mẹ đứng tựa vào tường, chậm rãi trả lời không cần giấu giếm:

- Đúng. Ông Salzer chẳng biết gì về khoa tâm thần cả. Trước đây, đã có thời tôi điều khiển một bệnh viện lớn ra trò. Nhưng vì có một vài việc lỗi thôi nên tôi phải đóng cửa. Ông Salzer sau đó đã tậu cho tôi bệnh viện này. Bởi vậy, giờ đây, phần chuyên môn là do tôi nắm, còn ông ấy chỉ có cái tên mà thôi.

Tôi không đồng ý với lời bênh vực Salzer của mẹ. Tôi nói:

- Bà nói sai rồi. Trên tờ giấy biên bản khai tử của ông Donald Crosby có chữ ký chứng nhận của bác sĩ Salzer dù khả năng ông ta không được phép làm việc đó.

- Đây là chữ ký của tôi. Tôi mang tên chồng tôi.

- Ông bác sĩ già Bewley nói với tôi, chính ông Salzer đã chữa trị cho cô Janet và cho rằng cô đã chết vì bệnh ăng-đô-ca-đit. Mẹ vẫn bình thản bác bỏ những lời buộc tội của tôi.

- Lại sai rồi! Khi cô Janet chết, Salzer vừa có công việc qua đây. Ông ta chỉ bình phẩm căn bệnh với địa vị của người quen tới thăm thôi. Ông Bewley quá già nên nghe không rõ.

- Vậy nếu bà săn sóc thuốc thang cho cô Janet, tại sao bà không có mặt ngay khi cô Janet gặp nguy hiểm.

- Lúc đó tôi có việc phải đi xa. Bởi vậy ông Salzer đã cho mời bác sĩ Bewley tới là đúng.

- Lí lẽ của bà cứng lắm. Vậy bây giờ đề nghị bà để tôi ra viện. - Mẹ lại thọc tay vào túi mạn và bảo:

- Chuyện này thì không được, bởi vì ông đã trở thành một người quá nguy hiểm đối với chúng tôi. Ông đã nghĩ thấy nhiều chuyện riêng của chúng tôi quá. Tôi nghĩ rằng ông nên yên chí ở đây tới khi chết. Chẳng bao lâu nữa đâu, ông sẽ không còn trí nhớ nữa, tác dụng của phương pháp trị liệu ở đây là thế mà.

- Bà có chắc thực hiện được việc đó không?

- Chắc. Trước tiên, ông đừng hy vọng gì thoát khỏi nơi đây. - Thấy mẹ định đi ra, tôi nhồm người lên, nói vội:

- Ê, cô Maureen Crosby trả bà bao nhiêu về việc giam giữ tôi? - Mẹ nhướn đôi mày tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Cô ta đâu có biết rằng ông đang ở đây! Tôi tưởng ông thừa hiểu việc này rồi. Cô Maureen có liên quan gì đâu. Nói xong mẹ ta biến mất, cứ như là một bóng ma!

IV

Sau khi tắm, Hopper có vẻ tỉnh táo, vui vẻ hơn. Trong lúc ăn sáng, tôi hỏi Hopper có định vượt ngục không - chúng tôi đều tự cho mình là tù nhân - Hopper nhún vai:

- Tôi biết đi đâu bây giờ? Chúng luôn cùm chân tôi vào giường. Giường thì lại gắn chặt vào sàn nhà. Không thể thì tôi đã thoát rồi.

- Như vậy thì thoát được sao?

Hopper chỉ vào một tủ nhỏ ở sát tường đối diện với cái giường:

- Họ vẫn để một cái chìa khóa còng dự phòng ở trong ngăn kéo tủ kia. Để phòng khi cháy nhà. Nếu giường không bị gắn xuống sàn, tôi có thể với tay tới ngăn kéo.

Tôi sửng sốt:

- Trong ngăn kéo kia à?

- Ủ, có lần tôi trông thấy Blan lấy ở đấy ra.

Tôi ước lượng khoảng cách từ giường tôi tới cái tủ. Nếu Blan không còng tay mà chỉ cùm chân thôi, thì tôi hy vọng có thể với tới ngăn kéo. Tôi hỏi Hopper:

- Tại sao cậu không bị còng tay như tôi? - Hopper đẩy khay cơm ra, bảo:

- Trước kia tôi cũng bị còng tay. Như vậy đỡ sách rất khó nên Blan đã thay đổi cách còng. Thay vì còng tay còng chân hẳn. Nếu anh nói với hắn, có lẽ hắn sẽ làm như vậy với anh. Thôi, bây giờ tôi muốn đọc, đừng hỏi nữa.

Hopper không yêu cầu, tôi cũng im. Im để suy nghĩ tính toán. Cả giờ tiếp theo đó, tim tôi đập khác thường vì hy vọng.

Tới gần mười một giờ, Bland mang một bình hoa lay-ơn vào phòng. Hắn để bình lên bàn, đứng lùi lại ngắm nghía, vẻ mặt hí hửng.

- Đẹp đấy chứ, hả! Cũng lạ thật các quan chức và chính khách nào cũng thích hoa. Lần trước cũng có một đoàn tới đây. Họ có để ý gì tới bệnh nhân đâu. Họ chỉ ngắm hoa thôi.

Bland dọn khay thức ăn đi, quan sát căn phòng, kéo khăn giường Hopper cho thẳng, vỗ vỗ vào chiếc gối giường tôi và bảo:

- Phải ngồi cho nghiêm túc đấy. Liệu đừng có lộn xộn! Bé không có gì đọc à?

- Anh có cho tôi mượn sách báo gì đâu?

Bland vội đi ra rồi hấp tấp trở vào, đặt một cuốn sách dày cộm lên đùi tôi, bảo:

- Coi tạm cuốn này đi. Khi nào các đại biểu về rồi, tôi sẽ kiếm cho bé một cuốn khác hay hơn.

- Tôi bị còng một tay thế này thì đỡ sách sao được?

- Được rồi, tôi sẽ chuyển còng cho bé xuống chân. Như vậy cũng tiện vì có thể lấy chân đạp lên che nó đi. Các quan chức dễ mủi lòng lắm. - Nói đoạn, Bland làm ngay. Tôi không ngờ mong ước của mình lại thực hiện dễ dàng thế. Tôi nhìn xuống đùi có cuốn sách khoa học mang tên: “Giải phẫu sinh lý phụ nữ”. Mới mở mấy trang đầu tôi đã trợn tròn đôi mắt. Tôi gọi Bland:

- Này, liệu anh có cho rằng lứa tuổi của tôi đã thích hợp với những tấm hình này không?

Bland nghiêng cổ nhìn qua vai tôi rồi chum miệng huýt gió:

- Trời ơi! Vội quá, tôi ngờ đâu lại lấy trúng phải quyển sách chuyên về cái của nợ này!

Hắn vội giật lấy quyển sách trong tay tôi - chắc sợ tôi nhìn thêm chút nữa sẽ lên cơn!

- Chạy vội ra phòng ngoài rồi trở lại đưa cho tôi cuốn sách thần học nhan đề “Địa ngục” của Dante. Tôi cầm cuốn sách mới tự trách mình đã không im tiếng để giữ cuốn kia, coi hấp dẫn và đỡ đau đầu hơn.

Gần mười một giờ, có tiếng người xôn xao ngoài hành lang. Bland đứng chầu sẵn ở cửa. Sốc lại áo, đưa tay lên vuốt tóc rồi quay lại chúng tôi báo:

- Họ đến đấy.

Bốn người đi vào trong phòng. Người đi đầu chắc là bác sĩ Salzer người dong dỏng cao, tóc màu bạc, chừng hơn năm chục tuổi. Đôi mắt ông ta lạnh lùng, lơ dờ trong hố mắt sâu. Ông mặc cái áo bó sát người màu đen với cái quần kẻ sọc nhìn rất chững chạc. Đặc biệt đôi bàn tay ông trắng có những ngón dài, múp rất đẹp: đó là đôi bàn tay của những nhà phẫu thuật có tài hoặc bọn giết người có kỹ thuật.

Thẩm phán Lessways đi tiếp theo. Tôi nhận ra ông ngay vì đã thấy hình ông trên báo chí: người hơi thấp, trán hói, môi dày, đôi mắt sâu sắc với bộ lông mày chổi xể rất thích hợp với con người mẫu thường có mặt tại các phiên tòa.

Người thứ ba đi kèm bên ông có dáng đứng là một quan chức: mặt mỡ, bụng phệ chứng tỏ có sự ăn uống dư thừa. Người thứ tư còn đứng thập thò ở ngoài cửa nên tôi không nhìn rõ, Salzer lên tiếng:

- Chào các bạn, mong các bạn luôn khỏe mạnh. Xin giới thiệu, hôm nay có ngài thẩm phán Lessways và Linkheimer cùng nhà văn quen biết M. Strang đến thăm viện. Các ngài sẽ nêu một số câu hỏi để các bạn trả lời.

Nói đoạn, Salzer quay lại bảo Lessways:

- Ngài có muốn nói gì với cậu Hopper không?

Trong khi Lessways tròn mắt nhìn Hopper và chú ý cẩn thận đứng xa anh ta cho an toàn, tôi quay lại quan sát người thứ tư vừa được giới thiệu là “nhà văn nổi tiếng”.

Thoạt đầu tôi tưởng mắt mình hoa hay đúng là tôi điên thật rồi. Jack Kerman mặc bộ đồ trắng với cái khăn lụa nhỏ màu vàng đỏ cài ở túi trên, đeo kính trắng gọng đồi mồi, đang đứng tựa lưng vào cửa, nét mặt tỏ vẻ ưu tư. Tôi giật mình đến thót làm cái giường rung lên. Rất may là Salzer mãi nhìn tờ giấy ghi căn bệnh của tôi ở đầu giường không chú ý tới sự cảm xúc của tôi.

Kerman, bộ mặt phớt tỉnh, chỉ vào tôi hỏi Salzer:

- Người này là ai mà có vẻ không có bệnh.

- Tên anh ta là Edmund Seabright, vừa nhập viện.

Khi nói, bộ mặt Salzer hiền lành như ông già Noel sắp sửa phát quà cho trẻ em. Salzer đưa tờ phiếu bệnh án của tôi ra nói tiếp:

- Ngài cứ coi tờ bệnh này của anh ta thì sẽ hiểu. Kerman chau lông mày, đưa hai tay lên sửa gọng kính. Tôi hiểu anh chàng chắc mượn tạm kính của ai để ra vẻ văn sĩ nên bây giờ, khó mà đọc nổi chữ nào.

Kerman gạt gù, mím môi lại rồi nói:

- Đúng thật! Tôi có thể hỏi bệnh nhân mấy câu không?

Salzer lại gần giường tôi, bảo:

- Được chứ.

Hai người đứng quan sát tôi trong khi tôi chỉ dám nhìn vào mặt Salzer vì sợ nhìn Kerman sẽ lộ mặt. Salzer chỉ Kerman, rồi nói với tôi:

- Đây là nhà văn Strang. Ông muốn viết sách về các bệnh tâm thần (hắn lại quay sang Kerman, nói tiếp). Ông Seabright luôn tưởng tượng mình là một thám tử danh tiếng. Phải không ông Seabright.

Tôi gạt đầu, bảo:

- Đúng vậy. Tôi đã phát hiện thấy cô Anona Freedlander đang bị nhốt ở đây, còn y tá Gurney thì đã chết và bị vợ ông Salzer vứt xác ở vùng bãi cát. Vậy, cũng khá đấy chứ!

Salzer nhìn Kerman mỉm cười buồn rầu, rồi lắc đầu nói:

- Những dấu hiệu bệnh lí rất rõ nét. Hai phụ nữ vừa rồi đều bị mất tích, một người đã hai năm, người thứ hai thì mới đây. Báo chí đều có đăng tử không biết vì lý do gì, những tin tức ấy lại ảnh hưởng lớn tới trí nhớ và tâm thần của bệnh nhân này.

Kerman gạt gù, xác nhận và hình như đã nháy tôi một cái trước khi nói:

- Tôi hiểu.

Tôi nhồm đậy tung chăn, nói thêm:

- Các ngài cũng nên biết thêm là, tôi bị cùm chân vào giường đây này. - Lessways và Linkheimer lúc này cũng đến gần giường tôi. Kerman buồn rầu, dương đôi lông mày hỏi trống không:

- Thật vậy sao?

Salzer cúi đầu, cười đau khổ như muốn chia buồn cùng nhân loại, nói:

- Bệnh nhân này đôi khi vẫn lên cơn. Chắc các ngài cũng hiểu cho. - Kerman lại gật đầu ra vẻ ưu tư, nói:

- Tôi hiểu.

Anh chàng đóng vai văn sĩ đạt quá làm tôi lộn tiết chỉ muốn đá cho cậu ta một cái.

Bland nhẹ nhàng lại gần giường tôi bảo:

- Bé! Ngoan nào, đừng lộn xộn!

Tôi nói với Lessways:

- Nơi đây thật đáng sợ! Tôi phản đối việc người ta chích ma túy vào người tôi, mỗi chiều. Cửa ra vào lúc nào cũng khóa kín, cửa sổ thì rào kỹ bằng lưới thép và chấn song. Đây không phải là một nơi an dưỡng mà đúng là một nhà tù!

Salzer vội cướp lời tôi, cố nói thật dịu dàng:

- Anh bạn thân mến, hãy cố chịu khó thuốc thang đi cho khỏi bệnh. Chúng tôi giữ anh làm gì?

Tôi liếc nhìn Bland. Hắn đang nắm chặt tay lại thành nắm đấm để dọa tôi, nhưng bây giờ, Kerman đã tìm thấy tôi, tôi rất yên tâm, chẳng sợ gì nữa.

Thẩm phán Lessways nói với Kerman:

- Nào tiếp tục đi phòng khác. Ông Strang, ông thấy thế nào, có những điều thú vị đấy chứ?

- Rất nhiều điều đáng ghi nhận, ông Salzer ạ, nếu được phép, tôi muốn sẽ quay lại đây một lần nữa.

Salzer vội chối từ:

- Tôi e rằng nội quy của viện chúng tôi rất kỵ sự có mặt của những người lạ, trừ trường hợp đặc biệt như hôm nay. Vì ảnh hưởng không tốt tới bệnh nhân. Mong ông thông cảm.

Kerman nhìn tôi, vẻ mặt lơ đãng nhưng nhiều ý nghĩ, rồi trả lời Salzer:

- Ông nói rất có lý. Vậy mà tôi không nghĩ tới, thưa ông.

Cả đoàn nổi tiếp nhau đi ra. Salzer ra sau cùng đóng cửa lại. Tôi còn kịp nghe tiếng Kerman hỏi: “Còn ai ở những phòng gần đây không?” Tiếng Salzer trả lời: “Hiện giờ không có ai”. Khi những tiếng trao đổi ngoài hành lang xa dần rồi tắt hẳn, Bland thở ra một hơi thật dài như vừa thoát được một món nợ, hắn sừng sộ bảo tôi:

- Bé, thế là không tốt đâu đấy nhé. Nên nhớ, đối với họ, bé cũng chỉ là một trong cả đám khùng mà thôi.

Làm cho người khác tưởng mình ngớ ngẩn, biết hối lỗi thật không phải là dễ. Nhưng rồi tôi cũng làm cho Bland tin như vậy.

V

Về ảnh hưởng của các cuộc viếng thăm tới tâm thần bệnh nhân thì Salzer đã nói đúng. Sau khi đoàn đại biểu ra về, thái độ của Hopper tỏ vẻ khác thường, mặt mày ủ rũ, hai mắt không rời cái trần nhà. Tối bữa cơm, tôi hỏi, cậu ta cũng chẳng thèm trả lời. Tôi cho là Hopper mãi suy nghĩ điều gì nên cũng không để ý. Cho tới lúc Bland mang bữa trưa lại thì mới rõ cậu ta lên cơn. Hopper vớ lấy cái khay, trợn mắt ném xuống đất làm đĩa vỡ và thức ăn bắn tung tóe.

Hopper vùng ngồi dậy trên giường. Bộ mặt anh bỗng khác hẳn, gầy sòm, đầy vết nhăn. Hai con mắt như mất thú dữ bị nhốt trong chuồng. Bland vội nhảy lùi lại đằng sau, cú nhảy nhanh nhẹn hệt như con ếch.

Hopper vắn vẹo người tỏ vẻ khó chịu và nhìn Bland như muốn hất lại gần giúp đỡ như mọi khi. Nhưng hấn không lại, đề phòng sự việc không hay có thể xảy ra. Hấn rền rĩ:

- Khổ chưa! Hôm nay là ngày nghỉ của tôi, vậy mà bố lại dở chứng thế này. Thôi, thôi, cố nguôi giận đi nào, bé! - Bland thu dọn các thức ăn vương vãi trên sàn, trong khi Hopper đưa mắt theo dõi hấn từng cử chỉ như một con thú sửa soạn vồ mồi. Bland bảo tôi:

- Tôi đi đây. Hôm nay, tôi có hẹn không thể bỏ lỡ. Rồi đây, cơn của anh cũng qua thôi. Vả lại cậu ta không với tới được giường của anh đâu. Nếu cậu ta muốn bò lên trần thì cứ kéo dây chuông, đã có Quell thường trực. Nhưng cũng đừng quấy rầy anh ta vô cớ nhé.

- Tôi sẽ cố gắng. Nhưng, anh vắng mặt trong bao lâu?

Bland bảo:

- Ngày mai tôi mới về. Cậu y tá trực sẽ thỉnh thoảng vào đây. Khổ quá, cái của nợ này lại cứ phải tay tôi mới trị được cơ chứ.

Tuy việc Bland vắng mặt, để tôi ở lại một mình với Hopper đang lúc lên cơn cũng là điều đáng ngại, nhưng tôi lại đang có một dự định mong có cơ hội để thực hiện: cái chìa khóa cùm trong ngăn kéo tủ! Tôi nói với Bland:

- Nếu có thể gọi người trực khi cần thiết thì tôi cũng yên tâm. Nhưng thú thật tôi vẫn muốn đi với anh hơn.

Bland cười:

- Trời ơi! Nhìn thấy bộ mặt của tôi đây, cô ấy chưa chắc đã cười được, nữa là lại còn kèm theo chú em!

Bland mang khay thức ăn đi ra và tôi bắt đầu dùng bữa trưa. Nhưng, tiếng thở hổn hển của Hopper và cách cậu ta nhìn trừng trừng vào bức tường đối diện làm tôi nuốt không trôi. Tôi đành đẩy khay thức ăn ra vừa lúc Bland vào. Anh ta diện bộ complé với cái ca vát có hình trang trí vẽ tay sặc sỡ, khiến tôi không nhận ra nữa. Nhìn thấy bữa ăn gần như còn nguyên, anh ta hỏi tôi:

- Sao vậy? Bé sợ bị đầu độc hả?

- Tôi không thấy đói.

Thấy Hopper vắn vẹo mình trên giường, hai mắt gườm gườm như con thú thèm ăn thịt, Bland cười, bảo tôi:

- Đừng chú ý quá nhiều tới hấn - rồi nói với Hopper - Chú mày không phá được cuộc hẹn hò ngày chủ nhật của anh đâu.

Tôi bảo:

- Tôi muốn hút thuốc lá! Nếu anh không cho tôi, tôi sẽ gọi người thường trực ngay bây giờ. Nhìn thấy cảnh này, anh ta sẽ không để cho anh đi đâu.

- Không thể để chú mày chơi với lửa được.

- Tôi không cần lửa. Anh cho tôi mấy điếu và châm cho tôi một. Nào, nếu không, tôi cũng lên cơn bây giờ.

Bland đành rút mấy điếu thuốc ra, châm cho tôi hút và bảo:

- Quell có vào, bảo hấn hộ tôi phải cẩn thận đề phòng Hopper. Để tôi đi năm phút rồi hãy giật chuông nhé.

Bất thành linh Hopper nhảy chồm lên định ôm lấy Bland làm anh ta giật bắn người. Cả tôi cũng vậy.

Không có buổi trưa nào dài như trưa nay. Tôi không biết bao giờ Quell vào phòng, vả lại Hopper luôn đưa mắt sang tôi nên tôi không dám thử rút ngăn kéo để tìm chiếc chìa khóa cùm. Tôi định chờ tới buổi tối, lúc mọi người đều ngủ say. Nhưng phải nghĩ cách nào để khỏi phải tiêm thuốc ngủ buổi chiều này.

Bland đi rồi, cơn của Hopper có vẻ dịu dần. Cậu ta không liếc sang giường tôi nữa nhưng cứ nhìn chăm chăm vào tường lăm lăm một mình. Tôi cố không gây tiếng động để Hopper khỏi chú ý đến tôi. Về phần mình, tôi nằm nghĩ tới Kerman, không biết anh chàng đồng nghiệp của mình có mưu kế gì để cứu mình không. Anh chàng không thể nào nghĩ được cái trò giả vờ si. Mưu mẹo này đúng của Paula. Bây giờ hai

người đều biết cô y tá Anona Freedlander cũng bị giam ở đây như tôi. Khu này có cánh cửa khóa ở cuối hành lang và một cửa sổ có chấn song ở phía đầu. Thế nào họ cũng lo cứu tôi, nhưng bằng cách nào thì tôi không đoán được.

Quãng bốn giờ rưỡi, cửa phòng mở. Một người mặc đồ hộ lí màu trắng như Bland bước vào, trên tay có một khay nước trà. Anh ta cao, gầy, có bộ mặt như ngựa vì cái môi trên hơi nhô với hàm răng cửa vừa to vừa thô. Anh ta tự giới thiệu:

- Tên tôi là Quell. Anh có phải là Seabright không?

- Không. Tôi là thám tử trứ danh Sherlock Holmes. Nếu anh tin tưởng lời tôi nói thì đừng đứng gần cái giường kia. Anh ta đang lên cơn đấy.

Anh ta ngược mắt nhìn tôi có vẻ thương hại. Tôi đoán Quell là một y tá mới vào nghề. Anh ta nói:

-Ồ, đây là cậu Hopper đây mà.

Hopper ngồi trên giường ngẩng nhìn Quell với ánh mắt của một con mèo. Còn anh ta thì đang nói tới một con hổ cứ như là đề cập tới một cậu bé con. Thấy Quell mang khay nước trà vào tôi bảo anh ta:

- Tôi nghĩ là Hopper không dùng trà đâu. Anh nên để cậu ta yên đến khi Bland về:

- Chẳng lẽ bỏ mặc cậu ta thế này sao? Bác sĩ Salzer đi vắng, đêm nay anh Bland không về. Lẽ ra, anh ấy chẳng nên đi như vậy.

- Thôi, việc gì đã xảy ra rồi có nói thì cũng không sửa chữa được. Anh đi ra đi, và nếu có lòng tốt, cho tôi một li rượu Scốt.

- Tôi nghĩ rằng nội quy cấm cho bệnh nhân ở đây uống rượu.

- Thế thì đi uống đi rồi trở lại đây cho tôi ngửi hơi từ miệng anh cũng được. - Quell thú thật với tôi là anh ta chưa bao giờ uống rượu. Hopper quay người nhìn tôi nói chuyện. Ánh mắt điên dại của cậu khiến tôi lo sợ, thầm mong sao cho cái cùm chân cậu đủ chắc chắn để cho cậu khỏi sống. Tôi lựa nói với Hopper:

- Tôi nghĩ kĩ rồi. Hopper ạ. Chúng ta phải chờ cho Bland về, rồi sẽ thịt hần.

Hopper lẩm bẩm, ánh mắt nhìn tôi có vẻ dụ đi một chút:

- Đúng! Phải như vậy!

Tôi suy tính, không biết có nên lấy chiếc chìa khóa lúc này hay chưa và nhận định không nên nóng vội. Quell có thể vào trong phòng bất cứ lúc nào. Nếu anh ta biết ý định của tôi, thì bao nhiêu dự tính của tôi sẽ ra tro hết. Tôi bảo Hopper: - Bland tinh quái lắm. Tôi đã có một kế hoạch để cho hần vào tròng. - Hopper có vẻ hài lòng, tuy những đường gân trên mắt vẫn tiếp tục rần rật. Cậu ta bảo:

- Tôi cũng có kế hoạch rồi!

Tôi nằm dài trên giường suy tính: nếu có chìa khóa, để mở cùm, tôi cũng khó thoát khỏi nơi đây. Nhưng tôi có thể tìm xem phòng của Anona ở đâu và báo cho cô ta biết rằng có thể có người tới cứu. Tôi tin rằng, sớm hay muộn, thế nào Kerman cũng tới giải thoát cho tôi.

Thỉnh thoảng Quell lại mở cửa thò đầu vào phòng nghiêng ngó. Tôi chỉ vào Hopper rồi để ngón tay lên miệng ra hiệu cho Quell giữ im lặng. Môi trên héch lên để hở mấy cái răng to, anh gật gật đầu, càng nhìn càng giống mặt ngựa.

Quãng tám giờ, anh vào phòng mang bữa chiều tới cho tôi rồi lại gần giường Hopper, mỉm cười hỏi:

- Cậu Hopper, cậu có muốn ăn một chút không?

Cả người Hopper bật lên như một cái lò xo, hai cánh tay hình như dài ra như vượn, các ngón tay quặp lại lướt trên chiếc áo chen của Quell làm anh ta bật ngựa ra sau, mặt xám xanh lại.

Tôi bảo:

- Tôi nghĩ rằng cậu Hopper không muốn ăn chiều, cả tôi cũng vậy.

Thật ra thì tôi đang nhai miếng thịt gà, nhưng bỗng nhiên thấy miệng nhạt và đắng đến nỗi không thể nuốt được. Quell không nghe tôi nói, chạy bổ ra ngoài và đóng sầm cửa lại.

Hopper hất tung chăn mềm xuống đất định vùng ra tóm lấy Quell nhưng vướng còng ở cổ chân nên ngã ngửa người xuống sàn. Anh ta la hét, cố sức rút chân ra khỏi còng làm cho cổ chân bị xước đỏ lôm mầu máu. Để phá chiếc còng mỏng manh, anh bò lên lấy sức đập vào những cột giường, cố giật đứt đoạn xích nối cột giường và chiếc còng. Ý nghĩ về một kẻ điên đang lên cơn, phá được đoạn xích kia ở ngay bên cạnh, trong khi mình lại bị cột vào giường không thể chạy đi đâu được, làm tôi sờn tóc gáy. Tôi giơ tay ấn vào nút chuông.

Hai tay nắm sợi dây xích, hai chân đập vào thành giường, mặt đỏ dừ, mắt long lên, Hopper cố giải thoát cho cái cổ chân. Nhưng rồi thấy không thực hiện được, anh ta nằm ngửa ra, thở hổn hển. Tôi hiểu rằng cơn nguy biến đã qua. Mồ hôi chảy thành dòng trên mặt, quả là tôi vừa trải qua những giây phút căng thẳng nhất trong cuộc đời tôi.

Mặt Hopper xanh rờn, anh ta nằm im, mắt nhắm nghiền và một lát sau lại cất tiếng ngáy làm cho tôi rất ngạc nhiên. Vừa lúc đó thì Quell mang bộ áo đặc biệt để cố định chân tay bệnh nhân lúc lên cơn phá phách, bước vào phòng. Mặt anh ta tái nhợt nhưng có vẻ hăm hở kiên quyết.

Tôi bảo:

- Thôi, qua rồi. Bây giờ hẳn đã ngủ, anh nên xem lại đoạn dây xích và chỗ thành giường coi còn chắc không.

Quell đặt tấm áo đặc biệt xuống, lại gần Hopper quan sát và nói:

- Xích và còng đều làm bằng kim loại đặc biệt, nhìn vậy nhưng không thể nào phá được đâu. Tuy vậy, tốt nhất là chích cho cậu ta một liều thuốc an thần.

- Đừng có dại dột. Bland đã nhờ tôi nói lại với anh không được lại gần Hopper lúc này.

- Không được. Một cơn khác như thế nữa có thể làm cậu ta chết. Bốn phen tôi phải ngăn ngừa sự nguy hiểm cho bệnh nhân. - Tôi cố can:

- Bốn phen à? Nhưng nên nhớ lúc này hẳn còn nguy hiểm hơn cả rắn độc đấy. Nên để cho hẳn nằm yên là tốt nhất.

Quell thận trọng tiến lên một bước, nghiêng người nhìn Hopper đang ngủ và ngáy. Thấy yên tâm, anh ta còn kéo lại cái khăn trải giường cho thẳng làm tôi phải nín thở để theo dõi. Hopper ngủ thật hay vờ? Quell là một tên ngốc hay là một nhân viên dững cảm?

Căng xong cái khăn trải giường, Quell lui lại phía sau. Tôi thấy trán anh đầm mồ hôi nên biết rằng anh không hề là một người ngốc.

Quell bảo tôi, giọng phấn khởi:

- Bây giờ, cậu ta đã khá. Tôi sẽ chích cho cậu ấy một mũi thuốc. Ngày mai khi ngủ dậy, cậu ta sẽ trở lại bình thường.

Tôi nói ngay:

- Làm như vậy rất nguy hiểm cho anh. Khi bị kim chích hẳn sẽ tỉnh dậy. Nếu hẳn vồ được anh lúc này thì anh hết đời đấy.

Quell quay lại nhìn tôi vẻ ngờ vực, nói:

- Anh làm tôi lạ quá, vì anh suy xét rất tốt và không có những phản ứng như những bệnh nhân khác.

- Thì tôi vẫn nói rằng tôi có bệnh gì đâu. Tôi là Sherlock Holmes mà, anh quên rồi sao?

Bộ mặt Quell có vẻ thất vọng. Anh ta ra ngoài rồi trở lại tay cầm một cái khay phủ chiếc khăn trắng. Hopper vẫn nằm im ngáy to.

Tôi ngồi tựa vào đầu giường, bảo:

- Anh có thể mở khóa còng ở chân tôi ra không? Để nếu Hopper lại lên cơn, tôi có thể phụ anh. Giả dụ bất chợt hấn tỉnh dậy và túm lấy anh thì tôi có thể lại cứu anh được.

Quell đứng nhìn tôi giống như con ngựa ngấm trước cái túi đựng thóc có vẻ khả nghi vậy. Anh bảo:

- Không, tôi không làm như thế được, vì trái với nội quy.

Tôi đã cố gắng góp ý, giúp đỡ anh ta hết mình rồi. Biết làm thế nào hơn được. Tôi nhún vai bảo:

- Tùy anh thôi. Tôi sẽ cầu nguyện, mong anh gặp may mắn. - Quell hút thuốc vào ống chích rồi lại gần Hopper. Tôi theo dõi hành động của anh mà thấy tóc gáy dựng lên và tim đập loạn xạ. Quell cũng có vẻ hồi hộp nhưng cố giữ bình tĩnh. Anh sẽ sàng vén tay áo Hopper lên, giơ cao ống chích để coi lại mức thuốc, từng cử chỉ đều cẩn thận tỉ mỉ như một người lính đang chỉnh ngòi nổ của một trái bom vậy. Tôi nhìn anh làm mà người cứ run bắn lên, mong cho chóng xong để anh có thể lùi xa khỏi cái giường khủng khiếp ấy.

Tuy có đeo kính, nhưng hình như Quell vẫn không nhìn được rõ. Anh sờ nắn mãi tay Hopper để tìm mạch, mặt anh dần dần cúi sát xuống người bệnh.

Tôi nín thở, hai tay nắm chặt lấy khăn trải giường. Đúng lúc tưởng Quell đưa mũi kim vào mạch máu của Hopper thì lại thấy anh ngửa cổ lên, than vãn câu gì đó, rồi đứng dậy đi lại phía tủ. Tôi hỏi lạc cả giọng:

- Sa... o vậy?

- Quên mất miếng bông tẩm ête. Thật là vô ý, trước khi chích thuốc, bao giờ cũng phải sát trùng chỗ da mình chích.

Khi Quell lau miếng bông lên da của Hopper, hấn hơi cựa quậy. Tôi hồi hộp quá nên nhóm cả người ra khỏi giường. Quell vẫn trở mặt, cúi sát mặt vào cánh tay của Hopper để nhìn cho rõ đường nổi của mạch máu.

Bỗng Hopper mở mắt. Tôi vội kêu:

- Ôi! Cẩn thận!

Nhưng không kịp rồi!

Khi Quell hoảng hốt định đứng lên thì hai bàn tay của Hopper, nhanh như cắt, đã chẹn lấy cổ anh và từ từ bóp lại.

VI

Tôi bật người dậy, tung chăn và nhảy ra khỏi giường, nhưng chiếc còng níu chân tôi lại khiến tôi ngã đập mặt xuống sàn.

Những tiếng thét thất vọng của Quell âm vang trong phòng, xoáy vào đầu tôi như những mũi kim châm. Bỗng tiếng la thét đổi thành tiếng sặc nước, rồi tắt hẳn khiến căn phòng thêm ghê rợn: Hopper đã bóp chết con mồi.

Tôi không dám nhìn về phía giường của hấn nữa. Quả là những tiếng vật lộn và la thét vừa rồi đã làm cho tôi sợ. Tôi lê người ra khỏi thành giường và đặt được một chân còn tự do xuống đất. Cơn sợ hãi khiến cho tôi khó thở và người run lên như một ông già vừa tham dự buổi khiêu vũ tự do. Tôi vươn người lại cái tủ, mấy ngón tay đã chạm được vào miếng tay cầm của ô kéo trên, thì nghe như có tiếng gầm gừ ngay sau lưng. Tôi mong ước suốt đời mình sẽ không bao giờ nghe thấy những tiếng như thế nữa. Tôi căng người ra để cố kéo được cái ngăn ra, khiến cổ chân còn bị giữ trong còng trầy hết cả lớp da. Cái ô kéo rơi xuống đất chứa đầy băng và gạc. Tôi cúi xuống, đưa tay run lấy bẩy gạc đám bông băng ra để tìm cái chìa khóa.

Có tiếng ầm ừ sau lưng tôi. Tôi cảm thấy như các mạch máu trong người bỗng bị đông cứng, nhưng cố gắng không quay lại. Cái chìa khóa nằm giữa một chồng gạc làm mắt tôi sáng lên tia hy vọng. Tôi nhảy lên giường tra chiếc chìa khóa vào khe nhỏ của cái còng và quay nhẹ. Có tiếng động nhỏ, chiếc còng mở ra. Cổ chân tôi vừa được tự do nhưng bị trầy da chảy máu. Vậy mà tôi không cảm thấy đau đớn gì cả.

Tôi sung sướng nhảy một cái ra giữa nhà, nhưng vội đứng sững ngay lại. Hopper đang giương mắt nhìn tôi chằm chằm qua cái xác của Quell. Cảnh tượng thật khủng khiếp. Hopper đã cắn đứt mạch máu cổ của anh

ta nên phần vai và ngực anh bê bết máu. Hai mắt anh lơ lơ nhìn tôi vẫn còn thể hiện sự hoảng hốt và tuyệt vọng của những giây phút vừa qua.

Hopper nói giọng thì thào:

- Đưa cho tao cái chìa khóa. Chiều nay còn nhiều đứa chết! - Tôi nhảy lùi lại phía sau. Tới lúc này tôi mới rõ thực chất của con người tôi. Tôi vẫn tự hào, cái thằng Malloy to con này là con người thép, chẳng chịu khuất phục ai, chẳng sợ cái gì. Vậy mà bây giờ mặt tôi xanh như tàu lá, mồ hôi chảy ròng ròng từ trên trán xuống mặt, bụng thì đau thắt lại như có cả khối chì bên trong.

Hopper lại nói như ra lệnh:

- Đưa chìa khóa đây, nếu không ta cũng giết mi luôn.

Hắn gạt xác của Quell xuống rồi nhào người ra sàn, bò lại phía tôi mặt méo đi vì những cơn co giật. Dưới ánh đèn mờ dịu trong phòng, tôi thấy mép hắn bóng lên màu đỏ máu.

Tôi chú ý đi theo đường vòng ra cửa để tránh Hopper. Hắn hét to:

- Seabright! Không được ra, đưa chìa khóa đây!

Nhưng tôi đã vặn được quả đấm cửa. Vừa lúc tôi lùi lại để mở cửa ra thì Hopper hét to lên một tiếng và nhảy chồm lại phía tôi.

Cái giường rung lên nhưng không xô dịch, Hopper đổ người xuống, các móng tay của hắn cào xuống mặt sàn cách tôi không đầy một mét.

Người tôi run bắn lên và tôi gần như ngã chúi xuống ngoài hành lang. Khi tôi đóng cửa phòng lại, Hopper còn hú lên một tiếng hú man rợ. Tôi đứng như trời trồng một lát, chân run lẩy bẩy, ngực đập theo trống làng. Mãi sau mới lấy lại can đảm, men theo tường đi qua cửa bốn căn phòng để tới cuối hành lang. Bàn tay tôi dầm mồ hôi vẽ thành một vệt trên tấm cao su lát tường trước khi nắm được vào quả đấm. Nhưng giật mãi khôn

5. Chương 5

Có tiếng chuông reo nhẹ nhàng. Cô gái tóc bạch kim uyển chuyển đi lại báo cho tôi biết ngài M. Willet sẵn sàng tiếp tôi. Tiếng cô nhỏ nhẹ thì thầm như tiếng tụng kinh trong nhà thờ, trong khi người cô lại có dáng bốc lửa như những cô gái thượng hạng nơi quán rượu. Tôi đi theo cô từng bước, rồi dừng lại, nhìn ngón tay tô son của cô nắm lấy cái núm ở cửa, mở ra sẽ sàng lên giọng báo vào trong: “Ngài Malloy đã tới!”.

Willet ngồi sau cái bàn rộng đang chăm chú đọc tờ đầu của một tập hồ sơ để trước mặt, một điều thuốc đầu bọc vàng tỏa khói giữa hai ngón bên tay trái.

Tôi ngồi xuống ghế, ngẩng nhìn phần bên trong cái mũ tôi cầm ở tay. Những nét chữ của nhãn hiệu đã quá mờ nhắc nhở tôi cần phải can đảm trong việc chi tiêu hơn nữa. Một lúc sau, Willet mới như vực tỉnh, nhận ra sự có mặt của tôi trong phòng. Ông ta đẩy gói thuốc lá bọc giấy bạc về phía tôi và nói giọng thờ ơ:

- Xin mời.

Tôi rút một điều và tự châm thuốc hút. Điều thuốc nhìn thì có mẽ nhưng thực chất lại chẳng ra gì. Willet xếp tập hồ sơ vào ngăn rồi bảo tôi:

- Nào, ông Malloy, tôi sẵn sàng nghe ông nói đây. Nhưng xin báo, mười phút nữa, tôi có hẹn với người khác rồi đấy.

- Nếu thế tôi sẽ lại đây lần khác vậy. Mười phút không đủ để tôi nói với ngài hết mọi chuyện. Tôi không biết ngài có ước lượng được tổng số gia sản gia đình Crosby là bao nhiêu không? Tôi e rằng, rồi đây người ta sẽ không cần ngài quản lý nữa đâu.

Có lẽ tôi đã điểu trúng vào một huyết chính của Willet. Ông ta dụ điếu thuốc mới hút một nửa vào cái gạt tàn bằng bạc và hỏi tôi:

- Ý ông định nói gì?
- Ngài muốn nghe chi tiết hay tóm tắt?
- Ông cần bao nhiêu thời gian?
- Độ nửa giờ. Nếu ngài còn đặt thêm những câu hỏi, thì có lẽ phải mất một giờ.

Willet cau mày cắn môi rồi nhắc điện thoại thoai thoai thác ba cuộc họp sắp tới. Tôi tính, chắc mỗi cuộc tiếp kiến vào quãng mười phút, khách hàng phải trả ông ta ít nhất cũng là một trăm đô la. Ngồi sâu vào trong ghế đệm, ông ta lên tiếng:

- Nào, tại sao tới hôm nay anh mới tới gặp tôi?
- Tôi vừa qua năm ngày tại một nơi trị bệnh điên.

Willet âm ừ trong họng nét mặt vẫn lạnh lùng. Tôi hỏi:

- Trước khi kể tiếp, tôi muốn biết tổng số giá trị tài sản của gia đình Crosby là bao nhiêu.
- Ngài giám đốc ngân hàng đã từ chối không cho tôi biết rõ. Họ có quyền sử dụng những nguyên tắc chuyên môn của ngành họ. Tôi chỉ biết rõ số tiền bảo hiểm đã được rút ra rồi.
- Bao giờ?
- Sau ngày bản chúc thư được thực hiện.
- Ngài đã gửi thư triệu tập cô Maureen chưa?
- Tôi đã cho gửi đi cách đây năm ngày và trưa mai, cô ta sẽ có mặt ở đây.
- Tôi e rằng cô ta sẽ không tới được. Nhưng để rồi xem sao. Bây giờ, tôi xin kể lại những sự việc đã xảy ra với tôi từ lúc hai trung sĩ cảnh sát Hartsell và Mac Graw đến thăm tôi tới lúc có Maureen can thiệp.

Tôi kể chi tiết rồi hỏi:

- Ngài có biết địa điểm căn nhà Maureen đã đưa tôi đến ở phía tây xa lộ San Diego không?

Ông ta lắc đầu.

- Cô Maureen muốn biết lý do tại sao tôi để ý tới những chuyện riêng tư của gia đình cô. Khi tôi cho cô ta coi bức thư của Janet viết cho tôi, cô ta tỏ vẻ rất sợ và nói cho tôi nghe về cuộc tình tay ba giữa hai chị em và Sherrill. Trong khi ngăn cản hai con gái xô xát, ông Crosby đã bị trúng đạn từ miệng súng của Janet bắn ra.

Willet giật mình, sửng sốt hỏi:

- Maureen đã thổ lộ với anh như thế hay sao?
- Đúng vậy. Sau đó, người ta muốn bịt kín chuyện này. Chính bà Salzer chứ không phải ông chồng, đã ký vào tờ biên bản khai tử.

Thẩm phán Lessways và cảnh sát trưởng Brandon vì mối lợi vật chất, đã góp công sức vào việc che giấu sự thật này.

Willet châm thuốc hút và bảo tôi:

- Anh kể tiếp đi.
- Một nữ y tá tên là Anona Freedlander, vì chứng kiến tấn thảm kịch đã bị Salzer bắt nhốt vào một phòng kín và chích thuốc cho mất trí nhớ trong hơn hai năm.
- Anh có nghĩ rằng cô Maureen đã dính dáng tới vụ này hay không?
- Tôi chưa biết.

Ý nghĩ một khách hàng triệu phú như Maureen Crosby có thể bị buộc tội dính dáng tới việc bắt cóc, làm cho Willet lo ngại. Ông ta không hề dă động tới nạn nhân. Tôi bảo:

- Chiều qua, chúng tôi đã cứu được Anona ra khỏi nơi giam giữ. - Ông ta có vẻ lúng túng, hỏi:

- Liệu cô ta có định đưa đơn kiện cáo gì không?

- Có thể lắm chứ! Không ai có thể bỏ qua việc người ta bắt cóc và giam giữ mình tại nơi dành cho người điên trong thời gian hai năm như thế. - Willet xoa cằm, nghĩ ngợi rồi bảo:

- Cô ta có thể bằng lòng với một sự đền bù. Có thể tôi nên tới gặp cô ta.

- Bây giờ, không ai có thể gặp cô ấy được vì cô ta chưa được tỉnh táo lắm.

Việc bắt cóc này cần phải báo cho sở cảnh sát biết và khi báo chí làm rùm beng lên thì ngài buộc phải trao tài sản hàng triệu đô la của gia đình Crosby cho ban giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học, theo như chúc thư. Và rất có thể, người ta không cần tới vai trò quản lý của ngài nữa.

- Đấy lại là một lý do nữa để tôi cần gặp cô Freedlander. Việc gì mà không thỏa thuận được với nhau?

- Không đúng vậy đâu. Vả lại còn chuyện của tôi nữa. Tôi cũng bị bắt cóc, và bị đầu độc trong năm ngày. Cũng đáng báo cho cảnh sát lắm chứ? - Từ nãy giờ tôi mới thấy Willet nhếch miệng cười. Ông ta đứng dậy, ra tủ lấy chai uýtki nhãn hiệu “Haigh and Haigh”, mang lại rót ra hai ly, đẩy một li lại phía tôi, bảo:

- Xin mời... Tôi muốn chi cho anh một món chừng năm trăm đô la để đền bù những việc không may đã xảy ra, được không?

- Không biết chúng ta có nên bỏ qua chuyện cô Freedlander đi không. Riêng tôi, tôi còn do dự về việc tin hay không tin cô Maureen. Nếu cô Janet nhớ nổ súng vào bố, và sau đó đã uống thuốc độc tự tử vì hối hận thì tại sao trước ngày chết cô ta vẫn thảnh thơi chơi quần vợt và dự các buổi khiêu vũ?

Willet để rót rượu từ cái ly cầm trên tay xuống tấm giấy xấp lót tay ở mặt bàn và rửa thăm qua kẽ răng. Tôi nói tiếp:

- Chuyện cô Janet tự tử cũng được bịt kín nhưng cô gái hầu phòng Eudora Drew đã nghe thấy những lời trao đổi giữa bác sĩ Salzer và cô Maureen. Cũng vì vậy mà cô ta bị chết theo lệnh của bà bác sĩ tâm thần Salzer.

Willet ghen ngào, nốc thêm một li uýtki nữa như để tự an thần. Tôi lại tiếp:

- Vẫn chưa hết. Ông già quản gia John Stevens có những nghi vấn về cái chết của cô Janet, đã bị những tên tay chân của Sherrill bắt cóc và đối xử thô bạo đến nỗi bỏ mạng. Tiếp theo là vụ bắt cóc nữ y tá Gurney do bà Salzer thực hiện. Bà ta đã giấu xác cô Gurney ở vùng đồi cát dù rằng cô ta chết do trượt chân ngã.

Willet rên rỉ:

- Thật quá sức tưởng tượng!

- Theo tôi, có thể suy ra rằng: bà vợ ông Salzer và Sherrill đã nhúng tay vào ba vụ án mạng không kể hai vụ bắt cóc Anona và tôi, chẳng lẽ chỉ để tránh cho báo chí khỏi đụng đến tên của một cô gái?

- Báo chí đã làm họ lo sợ họ cô Maureen. Sợ cô sẽ bị mất hàng triệu đô la!

- Còn việc này nữa. Sau khi ông Crosby chết, Sherrill đã lộ bộ mặt thật, dọa tố cáo mọi việc để tống tiền Maureen. Do đó, cô ta đã phải tậu cho hần con tàu “Mộng Mơ”.

Mặt Willet xanh như tàu lá.

- Maureen mua tàu “Mộng Mơ” à?

Cô ta thú thật với tôi như vậy. Giữa lúc cô ta đang nói chuyện với tôi thì Sherrill xuất hiện. Hắn dùng vũ lực đưa tôi vào khu điên trong viện an dưỡng của nữ bác sĩ Salzer và dọa đưa Maureen tới một địa điểm không ai có thể tìm thấy. Tôi đã được bạn đồng nghiệp giải thoát khỏi nơi giam giữ cùng cô Freedlander. Nhưng còn cô Maureen. Nếu ngày mai cô ta không tới, tức là cô ta đã bị Sherrill giam giữ trên tàu “Mộng Mơ”. Còn nếu cô ấy tới đây có nghĩa là cô ấy đã âm mưu đưa tôi đến nhà để trao cho đồng bọn.

Willet rót thêm rượu vào ly. Tay ông ta run run. Ông nói như than vãn:

- Chẳng có lẽ lại như thế?
- Nếu cô ta bị giam giữ, ông có thể hãm lại mọi việc chỉ ở ngân hàng không?
- Không. Tôi chỉ có khả năng báo việc này với các ông chủ chính của công ty chúng tôi là các ngài Glynn và Coppley thôi.
- Có lẽ nên hỏi ý kiến họ.

Willet lại xoa cằm, rồi nói với tôi:

- Ông Malloy ạ, chúng ta bàn thành thật với nhau nhé. Những ông sếp của tôi ấy mà, họ chỉ chăm chăm muốn thực hiện một cách máy móc những điều trong chúc thư của ông Crosby, không cần nghĩ đến việc cô Maureen có thể bị oan ức hay không. Theo ý tôi, thì cái chúc thư ấy cũng chứa đựng nhiều điều vô lý. Đành rằng, khi còn sống ông Crosby cũng bị phiền lòng về lối sống của Maureen, nhưng ông ta cũng đã không dự đoán trước được cách đặt điều kiện với Maureen trong chúc thư của ông đã làm nảy sinh ra bao nhiêu kẻ muốn đặt điều ra để tống tiền cô gái.
- Nhưng còn ba vụ án mạng kia. Lí gì mà chúng ta phải giấu giếm chúng?
- Vai trò của Maureen trong những vụ án đó không có gì rõ rệt. Chúng ta không nên làm cô ta mất hàng đồng của như thế một cách oan ức. Còn cô Freedlander thì sao? Theo anh, chừng bao lâu nữa cô ta có thể tỉnh?
- Tôi không biết. Có thể phải rất nhiều ngày nữa. Hiện tại cô ta không nhớ cả tên mình.
- Cô ta nằm ở bệnh viện à?

Tôi lắc đầu:

- Không. Cô ta được cô thư ký của tôi săn sóc. Tôi cũng nhờ thêm một bác sĩ. Ông ta bảo phải qua một thời gian. Hôm nay, tôi sẽ lại thăm ông bố cô ta ở San Francisco. Khi nhìn thấy bố, có thể cô ta sẽ khôi phục lại một phần trí nhớ.

Willet châm thêm một điếu thuốc và bảo:

- Tôi sẽ chịu mọi phí tổn về đi lại cho anh. Sắp tới anh sẽ làm gì?
- Để coi Maureen có tới hay không đã. Nếu cô ta không tới, tôi sẽ tìm cách lên tàu “Mộng Mơ” một chuyến xem sao. Cũng còn nhiều việc phải làm khác nữa. Hiện nay, tôi cũng chưa rõ phải làm gì trước, sau. - Có tiếng gõ cửa. Cô gái tóc bạch kim xuất hiện, uốn éo đi lại phía bàn Willet, đưa cho ông ta một tờ giấy nhỏ và nói:
- Bà Pollard đang mong được gặp ngài. Còn đây là nội dung lời nhắn qua điện thoại của một người khác.

Willet nhìn vào tờ giấy cô thư ký vừa đưa rồi nói với cô:

- Nói với bà Pollard là tôi sẽ tiếp bà sau năm phút nữa. Quay sang tôi, ông ta nói tiếp:
- Ngày mai cô Maureen không tới được. Cô ta có việc đi Mexico.

Tôi hỏi cô thư ký:

- Ai đã gọi điện lại? - Thưa ông, người gọi không nói tên, chỉ nói phải đưa tin này ngay cho các ngài biết.

Willet bảo cô thư ký: - Được rồi, cô có thể lui ra.

Tôi cũng cầm mũ, đứng lên và nói: - Như vậy, tôi chỉ còn cách phải xuống tàu “Mộng Mơ”.

- Tù anh thôi. Nhưng phải hết sức thận trọng mới được.
- Ngài cứ yên tâm. - Cũng có thể cô ta ở Mexico thật thì sao?

Tôi không trả lời, chỉ cười lạt chào ông ta và ra ngoài. Một bà khách người đầy đà, đeo ở cổ chuỗi hạt ngọc, có hạt to như trứng chim bồ câu đang ngồi chờ được Willet tiếp kiến. Tôi đi qua mặt bà ta tới gần bàn cô

thư ký tóc bạch kim và nở một nụ cười thật tươi. Cô ta ngẩng đầu lên nhìn vào cái mũ cũ tôi cầm ở tay và bộ quần áo tôi mặc, rồi lại lơ đãng cúi xuống tiếp tục ghi chép.

Tôi tắt nụ cười, đi ra đường, trong lòng thấy hơi buồn cho nhân tình thế thái.

Khi tôi bước vào văn phòng thì Kerman đang biểu diễn cho cô thư ký đánh máy của tôi biết tài tử Gregory Peck hôn các cô đào trên màn ảnh như thế nào. Thấy tôi, anh chàng vội buông cô Trixy ra, cụt hứng, đi theo tôi vào phòng làm việc.

Tôi mở ngăn kéo bàn lấy khẩu 38 cho vào túi rồi bảo Kerman:

- Cậu không thấy Trixy còn trẻ quá hay sao? Vả lại đây là chỗ làm việc.

Kerman bao giờ cũng có kiểu cười toe toét để làm lạnh.

- Tôi chỉ trao đổi nghệ thuật trong giờ giải lao một lát thôi. Tôi có tin tức mới cho anh đây.

- Lát nữa, ra xe sẽ nói sau. Cậu đi San Franciscô với tôi ngay bây giờ. Có súng trong người chưa?

Trong lúc Kerman đi lấy súng, tôi điện thoại cho Paula:

- Anona thế nào?

- Vẫn thế, Bác sĩ Mansell vừa ở đây về. Ông ta bảo việc chữa chạy cần phải một thời gian dài đấy.

- Bây giờ anh đi San Franciscô cùng Kerman. Nếu ông bố cô ấy nhận con gái về, thì công việc của chúng ta sẽ nhẹ hơn.

- Chúc anh đi may mắn. Sẽ gặp nhau lúc về. Tôi đặt máy xuống, ra gặp Kerman cùng xuống nhà, lên xe và bảo:

- Chiều nay, chúng ta phải làm thế nào để xuống được tàu “Mộng Mơ”.

- Đàng hoàng hay bí mật?

- Bí mật. Có thể phải bơi đến tàu.

- Lát nữa có lẽ tôi phải viết chúc thư để lại, vì vùng đó rất nhiều cá mập.

Tôi mỉm cười, lái xe ra đường Fairview Boulevard, bảo Kerman:

- Có tin mới gì thì nói đi. - Anh phải cầm tay lái cho vững nhé. Vùng này cảnh đẹp, dễ xúc động lòng người thành ra cũng nguy hiểm đấy. Tôi phải đi lòng tin cả ngày hôm qua. Anh có biết mụ Salzer là ai không?

- Không.

- Vợ kế của ông Donald Crosby, mẹ của Maureen.

Tôi suýt đụng vào chiếc camiong đi ngược chiều, vội giảm tốc độ và cho xe chạy né thêm sang phải. Kerman bảo:

- Tôi nói rồi mà. Đi đường này nghe tin giật gân rất chi là nguy hiểm!

- Nói tiếp đi. Cậu biết thêm được những gì nữa?

- Cách đây hai mươi ba năm, mụ là bác sĩ chuyên tai - mũi - họng ở San Francisco. Vì chữa cho Janet nên quen và lấy ông Crosby. Cuộc sống chung không thành công, hai người ly dị và mụ lấy người thứ hai là Salzer. Khi ông Crosby mở văn phòng ở Orchid City, mụ cũng tới ở cùng khu vực để gần Maureen. Anh thấy thế nào?

- Điều này lý giải được nhiều sự việc. Lẽ dĩ nhiên, mụ Salzer muốn Maureen hưởng phần lớn gia tài. Nhưng cần gì phải gây ra bao nhiêu án mạng?

- Đúng vậy. Tôi đã hỏi thăm ở Liên đoàn các bác sĩ. Họ cũng giữ kín để bảo vệ cho nhau ghê lắm. Vậy mà tôi cũng biết được hai chuyện: Mụ ta có lần đã bị hoảng loạn tâm thần khi đang tiến hành một ca phẫu thuật. Một lần khác, mụ đã làm đứt cổ họng một bệnh nhân.

- Ông Salzer có tiền không?

- Không có tới một đồng!

- Vậy tiền đâu để tậu viện an dưỡng? Dù sao mẹ sẽ không thể ngồi yên được.

Sau khi tìm thấy xác của cô Gurney, tôi sẽ bàn việc này với Mifflin.

Tôi im lặng lái xe được chừng mười phút. Kerman lại nói:

- Lẽ ra mình chỉ việc gọi điện thoại đến chỗ bố cô Freedlander. Như vậy đỡ mất thời giờ.

- Qua điện thoại không thể bàn kỹ vấn đề tình cảm và biết được liệu ông Freedlander có điều kiện nhận con gái về ở với mình để chữa bệnh hay không. Nói chuyện trực tiếp với ông ta vẫn hơn.

Chúng tôi qua cầu Oakland Bay để đi tới California Street.

Căn hộ của gia đình Freedlander ở phía phải, xa ngã tư, trong khu đông dân nghèo, trên lầu năm một cư xá. Kerman theo tôi ịch leo cầu thang vì không có thang máy. Chúng tôi đứng lại thở một lát ở hành lang, rồi đi tới cánh cửa căn hộ mang số hai mươi lăm. Không có chuông, Kerman giơ tay định gõ cửa. Bỗng nghe thấy tiếng “bụp”! Cái tai đã nghe nhiều tiếng nổ của chúng tôi nhận ra ngay đó là tiếng súng có bộ phận giảm thanh. Kerman nói khẽ:

- Tiếng súng?

Tôi vặn nắm cửa. Cửa không khóa. Chúng tôi rón rén vào một phòng khách rộng. Phía cuối có hai cửa đóng của hai phòng kế bên. Tôi lại áp tai vào cánh cửa bên phải, ra hiệu Kerman đứng né vào một bên, rồi mở cửa, đứng sát vào tường. Tôi cúi người nhìn vào bên trong. Dưới sàn, một người nằm sòng sượt, một tay co quắp để trên ngực. Máu chảy thành dòng rỉ qua những kẽ tay. Nạn nhân khoảng sáu chục tuổi. Tôi đoán ngay đây là bố của cô Freedlander. Trong khi tôi quan sát, ông già thở hắt ra một hơi dài rồi bàn tay trên ngực từ từ tuột xuống sàn. Tôi đứng im phán đoán, kẻ sát nhân chưa thể rời khỏi nơi đây. Kerman quỳ xuống bên cạnh cửa ra vào, tay cầm sẵn khẩu súng. Tôi hướng về một cái rèm cửa, quát to:

- Ra đi! Giơ tay lên!

Liền sau đó, một tiếng nổ, viên đạn bay sượt trán tôi. Kerman nâng súng, nổ luôn hai phát, làm rung kính các cửa. Tôi làm hiệu cho Kerman đứng tại chỗ, vén nhanh bức màn ra cửa. Cánh cửa sổ này hơn một mét là một cửa sổ phòng bên. Dưới hai cái khung cửa chỉ có một cái gờ tường nhỏ. Tôi đoán tên sát nhân đã lọt vào cửa sổ kế bên nên đưa chân ra ngoài, đứng lên gờ tường, tìm cách trèo sang cửa sổ phòng bên. Kerman nhìn xuống đường cách cửa sổ chừng ba chục mét, lắc đầu rồi chạy ra ngoài hành lang.

Khi tôi sắp bước được lên khung cửa sổ kế bên thì có một tiếng nổ từ đám đông đứng dưới đường vọng lên. Bụi vôi bắn mù mịt quanh tôi. Tôi bước qua cửa sổ nhảy vội vào phòng và nhìn ngay thấy một bóng người đứng ở đầu giường, tay cầm sẵn súng. Lại một tiếng nổ lớn, cây súng bỗng biến mất. Tên Ý vẫn theo dõi tôi mấy ngày trước đây, ôm tay loạng choạng chạy ra ngoài hành lang. Hắn định bắn tôi nhưng lại bị trúng đạn của Kerman. Thấy Kerman đuổi theo tôi vội gọi:

- Kerman! Đứng lại! Có cảnh sát ở dưới đường. Họ đang lên đây.

Quả nhiên có tiếng nổ liên thanh lẫn với tiếng hét của một người đàn bà. Có một vật gì đó đổ xuống sàn.

Tôi từng biết cảnh sát San Francisco phản ứng rất mau lẹ khi nghe thấy tiếng súng. Có tiếng quát:

- Đi ra hết ngoài này. Ai còn cầm súng, sẽ bị bắn hạ!

Tôi nói vọng ra:

- Đủ rồi, đủ rồi! Chúng tôi ra đây.

Tên người Ý nằm sấp xuống mặt đất, trên đầu có một vết đạn nhỏ đang rỉ máu.

Tôi bảo viên cảnh sát:

- Trong phòng còn có một xác chết nữa. Chúng tôi đến quá chậm nên không kịp ngăn chặn bọn giết người! Lần sau, xin ngài đừng bắn từ dưới lên thế. Đã biết ai là kẻ gian đầu?

Viên cảnh sát điềm tĩnh trả lời:

- Xin ghi nhận... để lần sau sẽ ngắn kỹ hơn!

6. Chương 6

I

Chúng tôi trở lại Orchid City vào quãng năm giờ, sau khi phải đối đáp với cảnh sát trưởng Dunnigan mười lăm phút. Câu chuyện tôi khai với Dunnigan không phải là sai hoàn toàn: ông Freedlander có cô con gái đã bị mất tích hai năm (cảnh sát điện hỏi phòng ghi nhận những người mất tích, được xác nhận là đúng). Tôi đã bắt gặp cô lang thang ngoài phố, bị mất trí nhớ nên đã trao cho cô thư ký của tôi sẵn sóc, rồi tới báo cho bố cô ta biết.

Dunnigan hỏi tại sao biết người con gái đó là Freedlander? Tôi trả lời đã đọc tin và coi hình ở tờ báo chuyên về các vụ mất tích nên còn nhớ hình dáng của cô gái.

Dunnigan nhìn tôi, nửa tin nửa ngờ rồi buông một câu: Tôi nghĩ rằng anh nên tìm những việc khác có ích mà làm hơn là đi dặt các cô gái lạc về gia đình!

Tôi kể tiếp khi chúng tôi tới nhà Freedlander, nghe tiếng súng nổ phát hiện ra người bị giết rồi bị tên sát nhân nhằm bắn nên phải chống trả để tự vệ. Tôi trình Dunnigan giấy phép mang súng của tôi và Kerman và khai là không hề biết gì về tên hung thủ, chỉ đoán hắn là tên cướp.

Qua nét mặt của cảnh sát trưởng, tôi biết ông ta không hề tin là tôi hoàn toàn nói thật. Nhưng kéo dài cuộc thẩm vấn, chỉ mất thời giờ cả hai bên, nên cuối cùng Dunnigan đành cho chúng tôi về, chỉ nói thêm: - Cứ mỗi lần có mặt các anh là thành phố này lại có thêm chuyện rắc rối, phiền nhiễu tới mọi người và cả cho tôi nữa. Tại sao các anh không chịu ở yên một chỗ? Không có các anh, tôi cũng quá đủ việc để làm rồi!

Chúng tôi mỉm cười kiểu ngoan ngoãn, hiền lành và lễ phép, rồi xin cáo lui. Khi xe chạy tới Oakland Bay, Kerman mới nói khẽ:

- Nếu ông ta biết tên này là một trong những tên bắt cóc quân gia Stewes thì chắc chắn chúng mình đã bị mất nhiều thời giờ hơn.

- Thế là bây giờ chúng ta lại phải thêm một gánh nặng phải vác: Đó là cô Anona. Lạ thật, trong vụ án này tất cả những ai hơi có liên quan đều lần lượt bị hại. Từ người hầu, lão quân gia, cô y tá ... Tôi có cảm tưởng Anona cũng dính líu vào chuyện này, như vậy có nghĩa là tính mạng cô ấy cũng bị đe dọa. Kerman giật mình:

- Có thể bọn chúng sẽ âm mưu bắt cóc cô ấy chăng?

- Có thể lắm. Chúng ta phải tìm cho cô ấy một chỗ kín đáo. Tôi sẽ đề nghị bác sĩ Mansell để cô ấy nằm tại Bệnh viện tư của ông ta và nhờ một số người canh gác.

Như có linh tính báo trước những điều không hay sắp xảy ra, Tới San Lucac tôi đậu xe lại trước một cửa tiệm. Kerman ngạc nhiên, hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Cần điện thoại cho Paula. Đáng lẽ chúng ta phải lo chuyện này trước khi đi. Tôi như có linh tính báo trước ... - Kerman trấn an tôi:

- Anh giàu tưởng tượng quá đấy thôi!

Tôi vừa định bước vào phòng điện thoại, thì Kerman nắm cánh tay tôi, chỉ một chồng báo ở quầy, nói: "Trông kia!".

Ngay trang đầu một tờ báo, có dòng tít lớn:

Vợ bác sĩ Salzer tự sát.

Tôi chạy vội vào phòng điện thoại, miệng bảo Kerman: "Mua đi".

Tôi quay số của Paula, nghe tiếng chuông reo trong máy nhưng không có ai trả lời. Tôi đứng im, thấy nhói trong tim, ấn sát ống nghe vào tai. Máy phút trôi qua, vẫn không có người nhấc máy phía bên kia đầu dây. Kerman lại gần, nhìn tôi qua cửa kính. Tôi lắc đầu, đặt máy xuống rồi lại nhấc lên quay số lại. Vẫn thế.

Tôi nhảy bổ ra ngoài, nhảy lên xe. Kerman bảo:

- Nhanh cũng phải một giờ nữa chúng ta mới tới nhà. - Tôi ấn bàn đạp sát xuống sàn xe, nói thầm:
- Không lâu đến thế đâu!

Trong khi lái, Kerman giở tờ báo, cho tôi biết tin tức:

- Sáng nay Salzer đã cho cảnh sát biết tin về cái chết của y tá Quell. Tối trưa, bà vợ Salzer đã tự tử. Không có một câu nào dả động tới hai cô y tá Gurney và Freedlander.

Tôi bảo:

- Mụ Salzer thấy động, biết không thoát được cái tội trạng nên đã mất tinh thần. Nhưng mặc xác bọn chúng. Việc trước tiên của chúng ta bây giờ là: Paula!

Tôi chạy xe với tốc độ một trăm bốn mươi lăm. Suốt chặng đường dài đồng hồ đo cứ quanh quẩn ở con số đó. Một xe tuần hành của cảnh sát giao thông bám đuổi xe chúng tôi một lát rồi bỏ. Chắc họ sẽ báo cho các trạm tiếp theo, tôi rẽ xuống đường tắt vào Orchid City và dừng trước nhà Paula, nhanh hơn dự kiến mười lăm phút. Paula ở lầu ba. Thang máy rì rì lên quá chậm. Chúng tôi nhảy qua cửa phòng thang máy chạy tới trước cửa căn hộ Paula và nhấn chuông. Không có ai mở cửa. Mồ hôi người tôi toát ra như tắm. Tôi bảo Kerman: “Huých”. Cái cửa rất chắc, nhưng hai vai chúng tôi khỏe hơn. Khóa cửa bật tung, Kerman và tôi, súng trong tay, chạy bổ vào phòng của Paula.

Khăn trải giường và chăn vứt bừa bãi dưới đất. Phòng bên và buồng tắm không có ai: Paula và Anona đã mất tích!

Tôi chạy đến bàn điện thoại gọi về văn phòng. Có tiếng Trixy trả lời từ sáng không thấy Paula tới, cũng không có điện thoại của cô. Chỉ có một người đàn ông, không cho biết tên, đã gọi tới văn phòng hai lần.

Kerman đưa cho tôi một liều thuốc, tôi châm lửa tự nhận thấy tay mình run, và ngồi xuống cạnh giường như người mất hồn. Kerman bảo:

- Phải tới ngay tàu “Mộng Mơ”. Đi gấp mới được!

Tôi gạt đầu, xác nhận:

- Nhất định chúng đã đưa Paula xuống tàu. Nhưng phải bình tĩnh mới hành động được. Cậu có thể nghĩ rằng mình xuống tàu như thế này, giữa ban ngày hay sao?

Kerman vung tay:

- Tôi đi ngay đây. Nếu chờ, sẽ muộn mất!
- Thôi, cậu kiểm cái gì uống đi, rồi ra đây, chúng ta bàn với nhau một lát. - Kerman vào phòng bếp mang ra một chai Scôt, một xô nước đá và hai ly, chờ Kerman ngồi xuống tôi mới nói:
- Nếu bọn chúng định hại Paula thì chúng đã làm rồi. Mà nếu chưa hành động được, khi bọn ta tới, chúng lại càng phải làm gấp. Bởi vậy, chúng ta buộc phải chờ đến tối.

Kerman không trả lời, nốc cạn ly rượu. Chúng tôi còn phải ngồi như thế này để nhìn sàn nhà trong bốn giờ nữa.

Tối sáu rưỡi, cái gạt thuốc lá đầy tàn. Bỗng có tiếng chuông điện thoại. Tôi tới nhấc ống nghe. Có tiếng đàn ông hỏi:

- Malloy phải không?
- Đúng.
- Sherrill đây! Cô Paula của anh hiện đang ở dưới tàu.

Giọng nói của hắn nhẹ nhàng, thăm thẳm.

- Tôi biết rồi.

- Anh nên tới đón cô ta về, vào quãng chín giờ. Đừng tới sớm hơn. Một cái thuyền máy sẽ đợi anh ở bờ. Anh phải đi một mình và không được báo cho ai biết, nếu không cô ta sẽ bị xử trí và quẳng xuống nước. Anh hiểu chứ?

Tôi trả lời: “Rất hiểu” rồi buông máy.

II

Trung úy cảnh sát Bradley ở “Phòng chuyên về các vụ mất tích” đã đứng tuổi, hơi phệ, nét mặt đượm vẻ mệt mỏi của những người đã ngồi một thời gian quá lâu ở văn phòng. Suốt ngày kể cả đêm ông thường nhận toàn những cú điện thoại khẩn cấp báo tin người này, người nọ tự nhiên mất tăm hơi và người gọi điện cùng họ hàng gia quyến chỉ còn biết mong chờ vào khả năng của Sở cảnh sát để tìm thấy vết tích người thân của họ. Nhiệm vụ không dễ dàng gì. Nhiều khi chỉ là một người chồng hay người vợ, quá ngán ngẫm cảnh gia đình, muốn vỗ cánh tung bay cho nhẹ nợ. Trước khi đi, họ đã nghĩ chán tới vấn đề đi đâu, ở đâu để khó có ai tìm thấy được. Nếu bây giờ người ta trả cho tôi lương cao hơn Bradley và trao cho tôi chức vụ của ông, chắc tôi cũng xin kiếu. Nhìn thấy ánh đèn qua tấm kính mờ của phòng Bradley, tôi gõ cửa rồi bước vào sau khi nghe thấy tiếng mời có vẻ nồng nhiệt và lịch thiệp. Nhưng vừa nhìn thấy tôi, Bradley đã sùng sộ:

- Thôi, cút đi! Đang bù đầu lên đây này. Không có thì giờ nghe cậu kể con cà con kê đâu đấy nhé!

Tôi đóng cửa lại, rồi đứng tựa lưng vào tường nói:

- Tôi cần được anh giúp đỡ. Tôi đang vội đây. Có được không hay tôi lại đành phải đi gặp Brandon vậy?

Đôi mắt màu xám của ông ta ánh lên vẻ thông minh và giễu cợt.

- Này, làm gì mà quan trọng thế? Cần gì nào?

- Đơn giản thôi. Tôi muốn có những tài liệu chi tiết về cô Anona Freedlander mất tích ngày 15 tháng năm, cách đây hai năm, khi còn làm y tá trong viện an dưỡng của bác sĩ Salzer. - Đôi lông mày chổi xể của ông trợn lên nhìn tôi:

- Vừa rồi cũng có một người tới yêu cầu tôi cho coi hồ sơ của con bé này. Lạ thật, để mục đấy thì không sao, tới ngày linh ứng rồi xếp hàng theo đuôi nhau, đòi xem!

- Ai đã tới đây vậy?

- Việc đó không can gì tới anh. Ngồi xuống đi.

Tôi vừa ngồi xuống thì một nhân viên lại gần bàn. Brandley bảo:

- Lấy lại cho tôi tập hồ sơ về cô Freedlander. Mau lên, anh chàng này đang vội. - Nhân viên chúc đi ra, Brandley châm thuốc hút và hỏi tôi:

- Cậu vẫn cắm mũi vào công việc của gia đình Crosby đấy à?

- Vâng, - tôi trả lời ngắn gọn. Ông ta lắc đầu bảo:

- Bọn trẻ các anh lắm chuyện lắm. Nghe nói anh đã bị bọn Mac Graw lại thăm. Không ngán à?

- Không. Ông ta đang suy nghĩ về trạng thái nói năng hà tiện của tôi, nên tôi đành phải ra một câu hỏi có lời văn hơi dài một chút.

- Ông đã được báo tin về vụ cô y tá Gurney mất tích chưa? Cô ta làm cho bác sĩ Salzer.

- Chưa. Một cô y tá của Salzer à? - Đúng vậy. Một cô gái đẹp. Nhưng ở tuổi ngài, chắc ngài chẳng quan tâm.

Brandley đang lờm tôi, không dám đính chính rằng tôi nói sai, thì tôi lại tiếp:

- Vả lại, bây giờ cô ta đã chết và bị bà Salzer vứt xác ở khu đồi cát.

- Ai báo cho biết?

- Một mục thầy bói!

Brandley châm lửa vào píp thuốc, thở dài bảo:

- Các anh chúa là rắc rối. Đáng lẽ việc này phải báo cho Phòng hình sự. Nhưng được rồi, để đấy.

- Tôi báo cho ông để ông là người đầu tiên có thể nêu vấn đề trong Sở: “Tại sao bà Salzer tự tử”. Hai việc có liên quan với nhau đấy. - Nhân viên giữ hồ sơ mang một cặp giấy vào. Brandley mở các dây buộc. Bên trong hai tấm bìa dày là một tờ giấy trắng tinh. Mặt Brandley đỏ bừng lên như người nghẹt thở. Ông ta nhấn chuông trên bàn. Nhân viên hồ sơ vội quay lại, đứng nghiêm, miệng há hốc nghe sếp chỉ vào tập hồ sơ, hỏi:

- Thế này là thế nào?

- Thưa sếp, tôi không biết. Vừa rồi tôi đã nhận lại tập hồ sơ này từ bàn của sếp, buộc dây kỹ càng như vừa rồi.

- Thôi, ra đi!

Khi anh nhân viên ra rồi, Brandley buồn rầu bảo tôi:

- Việc tuy nhỏ, nhưng nếu ở trên biết cũng có thể bị mất chức. Đúng là thằng buổi sáng nay đã lấy rồi thay vào đây mấy tờ giấy trắng. - Tôi suy nghĩ một lát rồi bảo:

- Thằng đó cao, da sạm, điển trai kiểu tài tử xê-nê phải không?

- Anh quen nó hay sao?

- Không, nhưng tôi đã gặp nó. Tôi sẽ mang tập hồ sơ về cho ông.

- Anh lấy ở đâu?

Tôi đứng dậy bảo:

- Tôi hẹn ông tới chín giờ sáng mai là cùng. Hoặc tôi lấy được cho ông tập hồ sơ về, hoặc là cái thằng điển trai ấy. Tôi đang muốn điều tra một vụ nhưng lại không muốn cho Brandon biết. Ông đừng thông báo với việc mất tập hồ sơ này.

- Thế là thế nào?

- Thế là tôi sẽ tìm thấy nó. Xin chào ông.

Brandley định giữ tôi lại. Nhưng tôi vội ra xe, anh chàng Kerman đang chờ tôi.

III

Chúng tôi gồm bốn người đang ngồi tận cuối phòng của tiệm uống Delmonico: Mike Finnegan, Kerman, tôi và một anh chàng người nhỏ bé, đôi mắt có vẻ sợ sệt, đội cái mũ cà tàng màu đen. Quần và áo sơ mi của anh đều có màu trắng loại cần-giặt-ngay.

Tên anh chàng là Joe Dexter, chuyên kéo tàu thuyền vào bến và mang đồ tiếp tế cho các tàu thuyền neo ở xa bờ. Finnegan giới thiệu với tôi Dexter là bạn thân, nhưng xét thái độ của anh ta, tôi dự đoán có thể anh ta là chỗ thân tiền hơn thân tình.

Nghe dự tính của chúng tôi nhờ anh giúp đỡ xong, anh trở mắt nhìn tôi như thể tôi là thằng điên và bảo:

- Thưa ông, rất tiếc là tôi không làm được việc này. Vì nếu làm thế thì các mối lợi làm ăn của tôi sẽ bay hết lên trời mất! - Anh ta quay lại Finnegan, khẩn khoản:

- Quả thật là khó quá. Tàu “Mộng Mơ” là mối làm ăn béo bở nhất của tôi.

Tôi cố giải thích cho anh ta rõ:

- Con tàu đó không sống được bao lâu nữa đâu. Giúp chúng tôi vụ này, anh kiếm được một trăm đô la thật dễ dàng.

Dexter cãi ngay:

- Một trăm đô la thì nước gì! Hàng tháng tôi vẫn nhận được đều của Sherrill một món tiền lớn hơn thế. - Tôi cố năn nỉ:

- Anh Dexter này. Công việc của anh chỉ là giao hàng như thường lệ. Trong số hàng có thùng thức ăn đó, thế thôi, có gì đâu.

- Nhưng trong thùng hàng lại có ông ngồi trong đó. Ông thừa biết không ai được lên tàu ngoài tổ chức của họ. Nhất định họ sẽ phát hiện ra ông. Thế là tôi mất việc, hơn nữa Sherrill dám cho thủ hạ, diệt tôi đi, không biết chừng. Thôi, tôi xin chịu đấy.

Tôi với chai rượu, rót đầy bốn ly và liếc nhìn đồng hồ. Đã bảy giờ rưỡi. Mike đổi giọng:

- Nghe đây Joe. Tay này cũng là bạn của tớ. Hắn đã muốn lên tàu thì rồi thế nào hắn cũng lên được. Còn sự tính toán sợ hãi của cậu ấy mà, đâu phải chỉ có Sherrill mới đáng sợ. Cậu mà không giúp chúng tớ, thì rồi cũng phiền cho cậu đấy.

Kerman rút ngay khẩu súng để lên bàn, bảo:

- Đây, Mike không khuyên bảo được cậu thì tới lượt tớ.

Dexter liếc nhìn khẩu Colt rồi quay lại Mike giọng nói yếu ớt.

- Các anh có quyền gì mà đe dọa tôi?

Kerman vẫn ra vẻ căng:

- Chẳng có quyền gì cả. Nhưng tôi chỉ cho anh mười giây để suy nghĩ. - Tôi làm bộ can thiệp:

- Thôi, không nên đối xử với nhau như thế làm gì. Tôi rút túi lấy ra một xấp bạc, đếm mười tờ mười đô la để ra bàn, đẩy về phía Dexter và tiếp:

- Cầm lấy đi. Nên nhớ Sherrill sắp hết đời rồi. Từ nay tới sáng mai là cùng, bọn chúng tớ sẽ tới đón hắn vào khám. Cậu nên tranh thủ dịp may này đi.

Dexter do dự một lát rồi cầm tiền lên, nói với Finnegan:

- Thế này là tôi chiều anh hết sức rồi đấy.

Chúng tôi cạ ly, cùng đứng dậy đi ra cảng. Tối nay trời tĩnh và ẩm, mây thấp. Phía xa, tàu “Mộng Mơ” lấp lánh ánh đèn. Bốn người nối gót nhau đi về phía nhà kho của Dexter.

Căn nhà sơ sài nhưng cao rộng chất đầy thùng gỗ, dây thừng, các kiện hàng bọc trong giấy nhựa. Giữa kho có một thùng gỗ lớn. Dexter buồn rầu, bảo:

- Nó đấy.

Tôi yêu cầu Dexter cho mượn kìm búa. Trong khi Dexter đi ra, Kerman hỏi:

- Anh có chắc đây là cách tốt nhất không?

Tôi gật đầu:

- Bằng cách này, tớ lên tàu trước giờ hẹn một nửa giờ. Trong nửa giờ đó, tớ có thể làm được khối việc để đón các cậu đúng giờ quy định. Sau đó, mỗi người tùy cơ ứng biến.

Dexter mang các dụng cụ lại, tôi bảo:

- Đừng đóng chặt quá để lúc cần, tôi ra được dễ dàng.

Mike bảo Dexter:

- Bây giờ anh cứ ngồi kia. Để tụi này làm hết cho. Trong lúc nói, Finnegan đứng che mặt Dexter để Kerman nhanh nhẹn đặt khẩu tiểu liên Sten vào thùng trước khi tôi chui vào. Kerman nói:

- Anh có muốn tôi đi cùng không? Hay sợ chật?

Tôi bảo.

- Đúng chín giờ, cậu với Mike đến chỗ hẹn. Nếu bọn Sherrill có nhiều người, để chúng khỏi nghi ngờ, cậu cứ lên tàu một mình. Cũng phải để ý Dexter. Nếu hắn có ý phản, để lộ chuyện thì phải liệu mà xử thôi. - Khi Kerman đóng thùng lại, tôi phải ngồi xổm, đầu cúi xuống, cầm tựa vào hai đầu gối, cố thở không khí qua các khe hở. Tôi mong, lúc cần thiết chỉ mất độ một phút để chui ra.

Kerman đóng mấy cái đinh cuối cùng, rồi ba người dùng xe nâng đưa tôi ra cảng, đưa xuống chiếc canô của Dexter. Chỉ có đoạn đường nhỏ như vậy mà người tôi đã ê ẩm.

Máy tàu bắt đầu nổ, đưa chiếc canô ra xa bờ. Gió lạnh thổi qua khe, tôi bị lắc lư theo cái thùng nên thấy người hơi nôn nao. Mấy phút trôi qua, Mike thì thầm báo cho tôi biết sắp ghé vào sườn tàu “Mộng Mơ”.

Có tiếng la hét ở trên boong tàu lớn, tiếp theo những lời trao đổi tục tĩu phản đối giờ giấc giao hàng vào thời gian không thuận tiện. Dexter lấy cớ hôm sau phải đi thăm người anh bị bệnh nên cuối cùng cái thùng cũng được trục lên.

Lát sau, tôi cảm thấy đang ở thế lửng lơ trên không và thầm mong giây phút “hạ thùng” được an toàn. Tôi lo như vậy không phải là thừa vì ngay sau đó, tôi có cảm giác ném mạnh xuống đất, lặn long lóc một vòng. Khi ngừng lại, tôi vui mừng thấy cột sống vẫn còn nguyên vẹn.

Lại có tiếng người nặng lời với Dexter - chắc là tên điều khiển cần cẩu - sau đó là cửa đóng mạnh. Tôi đã nằm trong kho tàu một mình. Tôi áp tai vào thùng nghe ngóng. Không có một tiếng động. Cảm thấy an toàn, tôi luồn thanh sắt nhỏ dính vào nắp thùng. Chưa đầy một phút, tôi đã ra được bên ngoài. Kho tàu “Mộng Mơ” tối như mực. Tôi lấy đèn bấm ra soi chung quanh. Kho đầy thức ăn, thùng rượu và bia. Cuối kho có một cánh cửa dẫn lên một hành lang hẹp, có đèn sáng.

Tôi cầm sát khẩu tiểu liên vào người. Trong lúc bàn kế để lên được tàu tôi không muốn mang theo vũ khí, nhưng Kerman nhất định thuyết phục tôi mang theo khẩu súng này. Anh chàng đảm bảo nó có thể giúp tôi bắt cả nửa số nhân viên trên tàu đứng im theo lệnh tôi. Tôi cũng không tin tưởng lắm, nên mang nó theo, chủ yếu là chiều theo ý của Kerman hơn là để tự vệ.

Tôi bắt đầu di chuyển thận trọng, dọc theo hành lang tàu để tới chân một cái thang sắt. Chắc cái thang này sẽ đưa tôi lên trên boong tàu. Mới trèo lên được nửa chừng, tôi vội ngưng lại. Trên đầu tôi, nghĩa là phía trên thang, có hai cái chân, rồi đến hai cái cẳng trong hai ống quần rộng bằng vải trắng. Chỉ một giây sau đó, tay thủy thủ nhìn thấy tôi, hốt hoảng há hốc miệng. Tôi dí miệng súng về phía bụng hắn. Hắn nhanh nhẹn giơ hai tay lên trời. Tôi nói khề qua kẻ rằng:

- Nếu mi kêu một tiếng, ta sẽ cho cả băng này vào bụng đấy. Quay lại! - Hắn ngoan ngoãn nghe theo. Tôi bước lên thêm mấy bậc, lấy miệng súng đánh vào gáy hắn rồi nhanh tay, đỡ hắn cho trượt nhẹ nhàng xuống dưới sàn. Có thể mà người tôi đã đầm mồ hôi, lại còn phải kéo hắn vào một cabin ở gần đấy để giấu nữa.

Tôi vội vàng đổi quần áo của hắn cho mình. May mắn hắn cũng to ngang và cao bằng tôi. Đầu hắn hơi to hơn đầu tôi một chút nên cái mũ lính thủy hơi rộng. Tuy vậy cái lưỡi trai lại có tác dụng để che giấu nét mặt người đội trong bóng tối.

Tôi quần tay thủy thủ vào khăn trải giường, lấy dây lưng trói lại, dùng thêm một sợi dây thừng nhặt được dưới sàn kéo hắn lên tầng trên của chiếc giường hai tầng rồi để lại khẩu tiểu liên, chỉ giắt vào túi khẩu súng ngắn.

Tôi tắt đèn trong cabin rồi nhẹ nhàng ra ngoài, khóa cửa lại.

Đồng hồ chỉ tám giờ hai mươi lăm. Tôi còn ba mươi lăm phút nữa để hành động trước khi đón Kerman lên tàu.

7. Chương 7

I

Tôi đứng dưới một mái che, ngấm toàn bộ phần trên mặt của con tàu. Dưới cánh buồm lớn sơn màu đỏ và kem đang phấp phồng trong làn gió nhẹ, boong tàu được trang trí hàng trăm ngọn đèn xanh đỏ như những hạt ngọc lỏng lách trong đêm khuya.

Hai bên cầu tàu phần trên, những ngọn đèn nêông uốn cong theo hình cửa cho biết lối vào của cầu lạc bộ. Mỗi bên cửa có một thủy thủ mặc đồ trắng đứng canh gác. Hai người đàn ông mặc lễ phục màu đen đi kèm một phụ nữ trong bộ y phục buổi chiều, vừa từ canô bước lên, được các thủy thủ đứng chào trang trọng. Họ đi qua cầu vào trong phòng rượu. Qua những cửa sổ hình tò vò, bóng các cặp nam nữ đang khiêu vũ trong âm thanh du dương của tiếng kèn sắc xô và nhịp điệu của bộ trống, luôn thay đổi theo màu sắc ánh đèn.

Ở cầu tàu, trên chỗ tôi đứng có ba bóng người đang tựa lan can nhìn xuống nước, theo dõi các khách mới tới. Thấy không có ai để ý, tôi bước ra khỏi bóng tối lại gần một chiếc canô cấp cứu nằm ở bên sườn tàu, ước đoán khoảng cách giữa sàn tàu và canô. Những giọng nói ở cầu tàu trên vọng xuống.

- Họ tới từng đám một. Tối nay nhộn nhịp lắm đấy.

- Ủ... nhìn coi, cô gái mặc áo đỏ kia, thân hình thật bốc lửa. - Tôi không để ý tới những lời họ trao đổi nữa, mở cánh cửa ở gần chỗ đứng. Thấy có một cầu thang bên trong, tôi liền vào đi xuống tầng dưới. Có ba cô gái cùng ba người đàn ông vừa lên tàu. Một cô quá say đi không vững. Họ đi lên cầu trên, vào phòng uống rượu. Qua sân boong rộng rãi và yên tĩnh, dưới ánh trăng, tôi bỗng để ý tới ánh sáng của ngọn đèn trong một cabin chiếu ra qua một ổ kính nhỏ. Toàn cảnh nhìn giống như một vết rượu nhỏ trên chiếc áo cưới trắng của cô dâu ngày hôn lễ. Ánh sáng màu rượu đỏ tự nhiên thu hút tôi đi tới.

Tôi đi nhẹ nhàng, từng bước chậm. Được nửa đường tôi phải ngừng lại, tựa mình vào lan can tàu. Một bóng người mặc áo trắng tiến thẳng lại chỗ tôi đứng. Tôi đã cho tay vào túi nắm chặt khẩu súng. May mắn thay người đó đi thẳng tới cầu thang lên tầng trên. Tôi tới ô cửa kính, nhìn vào trong và muốn kêu lên vì sung sướng. Paula đang ngồi đọc báo trên chiếc ghế bành. Nàng có dáng một cô gái nhỏ lạc gia đình, nét mặt ưu tư nhưng thật đẹp. Tôi có linh tính tìm thấy nàng ở chỗ này vì cả tàu không có nơi nào nhiều cabin có thể giam giữ người như phần này. Nhưng tôi không ngờ lại tìm thấy nàng nhanh như vậy.

Tôi đi vòng lại phía cửa cabin. Cánh cửa bị chốt bên ngoài. Tôi kéo chốt, vặn nắm cửa mở ra. Không khí trong cabin nóng và ngột ngạt ủa vào mặt tôi.

Paula giật mình khi thấy tôi. Thoạt đầu cô không nhận ra tôi trong bộ đồ thủy thủ. Một phút sau, cô mới tựa lưng vào ghế ngã đầu ra phía sau mà cười. Thái độ vui mừng của Paula làm tôi quên hết mọi sự nguy hiểm và nhọc nhằn vừa trải qua. Tôi hỏi nàng:

- Em khỏe không?

Nếu Paula không có vẻ can trường và bình tĩnh như thế, nhất định tôi đã ôm hôn nàng rồi. Cô bảo:

- Em vẫn khỏe. Anh vất vả lắm mới tới đây được, phải không? - Cô cố giữ giọng nói bình thường mà nó vẫn hơi run run. Tôi bảo:

- Ủ, em coi đây, anh đã cố gắng xoay sở và đã thành công. Hiện nay, bọn chúng vẫn chưa biết anh lên được trên tàu. Tối chín giờ Kerman và Mike sẽ tới đây. Có lẽ chúng mình phải bơi tay vào bờ mất.

Paula thở một hơi dài rồi đứng ngay dậy, bảo:

- Em biết là thế nào anh cũng tới. Vic...

Tôi tưởng cô sắp để mình trôi theo đà tình cảm, nhưng cô đã chứng lại:

- Lẽ ra anh không nên tới một mình như thế này. Tại sao không phối hợp với cảnh sát?

- Hy vọng gì họ ủng hộ chúng ta. Anona đâu?

- Em không biết, nhưng nghĩ rằng hiện giờ cô ta không ở đây. - Không khí trong cabin mỗi lúc một nóng thêm. Tôi bảo:

- Việc gì đã xảy ra với em vậy?

- Nghe có tiếng gõ cửa, em ngỡ là anh, nên ra mở. Bốn tên có màu da hơi sẫm ủa vào. Hai tên vào phòng Anona, em nghe thấy tiếng cô ta la hét. Hai tên bắt em đi theo, đưa thẳng tới đây. Chúng giơ dao ra dọa, em nhận thấy chúng sẽ không ngần ngại gì, nếu em chống cự. Khi bị chúng đẩy ra đường, lên một chiếc xe chờ sẵn, em nhìn thấy một chiếc Rolls màu đen, lớn cũng đậu ngay trước cửa nhà. Một đứa vác cô ấy trên vai, tống vào chiếc Rolls. Tất cả xảy ra giữa ban ngày trước mắt nhiều người mà không ai dám can thiệp. Bọn ở đây dọa em, nếu kêu to chúng sẽ cắt cổ. Chúng đều là một lũ dã man.

- Anh đã biết rõ bọn chúng rồi. Chiếc Rolls là xe của Maureen. Như vậy thì chúng đã mang Anona về căn nhà của cô ấy trên vực đá rồi.

Tôi suy nghĩ một lát rồi bảo:

- Anh muốn tìm hiểu tàu này trước khi chúng mình lên bờ tìm Maureen. Em cùng đi với anh có được không?

- Nếu không thấy em ở đây, bọn chúng sẽ báo động. Tốt nhất là cứ để em ngồi đây cho tới phút cuối. Cẩn thận nhé, Vic!

Tôi do dự không biết có nên cùng Paula thoát khỏi tàu ngay hay đi tìm thêm tung tích của Maureen và Anona. Không khí trong cabin nóng quá, tôi nói với Paula:

- Nếu không tìm thấy họ ở các cabin tầng dưới, thì chúng ta sẽ rời tàu ngay. - Tôi lấy khăn tay, lau mặt - Không biết có phải anh bị cảm không, nóng quá.

- Không phải đâu. Từ lúc này, cabin cứ nóng dần lên như vậy đấy.

- Có lẽ chúng đốt lò sưởi ở phần này. Em chịu khó chờ anh độ mười phút.

- Được rồi, anh đi đi. Thận trọng nhé.

Tôi đập khê vào cánh tay Paula, gật đầu cười để cô an tâm rồi mở cửa đi ra phía sau tàu. Mới đi được mấy bước tôi đã giật bắn mình vì tiếng quát.

- Làm gì ở đấy thế, đồ chó chết!

Một người thấp nhưng to ngang ra khỏi bóng tối. Cả tôi lẫn hấn, đều không ai nhìn thấy mặt nhau vì cái lưới trai ở mũ in bóng xuống mặt.

- Ta nhắc lại bao nhiêu lần là không đưa nào được lảng vảng tới cầu này. Mà không nhớ sao?

Hấn vừa quát vừa đi thẳng lại chỗ tôi. Như có linh tính tôi vừa kịp nghiêng đầu thì hấn đâm một cú về phía tôi. Trước khi hấn thu tay lại, tôi đã dồn hết sức, tống cho hấn một quả vào giữa bụng. Không để hấn kịp thở, tôi cho hấn xoi luôn một cú nữa giữa hàm làm hấn khụy gối, lăn xuống đất. Tôi kéo hấn về phía cabin của Paula, mở cửa và nói:

- Anh vừa đâm sầm vào hấn!

Paula mở một cái tủ, bảo:

- Cho hấn vào đây. Để em canh cho, không sợ nó bị chết ngạt đâu.

Trong tủ còn nóng hơn ở ngoài nhiều, làm Paula nghi ngờ:

- Lạ quá. Sàn cũng rất nóng. Hay là cháy ở tầng dưới?

Tôi đặt tay xuống thảm, mở cửa rồi sờ tay xuống sàn.

- Đúng rồi. Có lẽ cháy dưới hầm tàu. Tôi nắm tay Paula, cùng chạy lên trên bảo:

- Thôi, không cần ở lại nữa. Đi theo anh, chúng ta quan sát tàu một chút rồi cùng nhau lên tầng trên.

Đồng hồ tôi chỉ chín giờ kém năm. Còn năm phút nữa là Kerman sẽ có mặt trên tàu. Paula bảo:

- Nên báo động cho mọi người biết. Trên tàu đông người lắm.

- Lát nữa!

Ở phía cuối boong có một cánh cửa. Tôi lại gần, áp tai vào tường ngăn bằng gỗ. Thấy im lặng. Cửa không khóa, tôi đẩy cửa bước vào. Nhiệt độ trong phòng như một cái lò. Phòng này rộng, sáng, đồ đạc và trang trí bên trong sang trọng, nửa là bàn giấy, nửa là phòng khách, có hai cửa sổ một trông lên bờ, một về phía Thái Bình Dương. Một ngọn đèn tỏa ánh sáng êm dịu xuống mặt bàn. Phần còn lại của gian phòng chìm trong bóng tối. Có tiếng nhạc của một cái loa ẩn trong vách trên cao. Tôi cầm lăm lăm khẩu súng trong tay. Paula bước qua cửa sổ theo tôi. Chúng tôi đều nhận xét thấy trong phòng có mùi khét làm cả hai khó thở. Hình như lớp sơn quét trên tường đang chảy thành dòng xuống dưới sàn. Tôi lại gần cái bàn, cúi xuống nhìn tấm thảm bốc khói, rồi quay lại bảo Paula:

- Thôi, đừng vào nữa. Có lẽ lửa đang cháy ở phía dưới chân chúng ta rồi. Sàn phòng này có thể sập xuống bất cứ lúc nào. Chắc đây là bàn làm việc của Sherrill.

Tôi rút ngắn kéo bàn, lục các giấy tờ xem có gì quan trọng không, chợt bỗng để ý tới một phong bì lớn đề tên: Anona Freedlander. Tôi gấp lại, bỏ vội vào túi rồi giục Paula:

- Thôi, ra đi em!

Nhưng Paula chỉ vào sau bàn, nói:

- Vic! Coi kìa, đằng sau bàn!

Tôi quay lại, thấy một khối màu trắng, một người đàn ông, nằm ngửa, dang tay ra trên sàn nhà nóng bỏng. Tôi bấm đèn vào mặt người đó làm Paula không ngăn được tiếng kêu vì ngạc nhiên và sợ hãi. Tôi nói nhỏ:

- Sherrill!

Sherrill bị bắn vào đầu. Viên đạn bắn gần nên một phần sọ bị vỡ trông thật khủng khiếp.

Khi tôi vừa cúi xuống nhìn thi thể hắn, thì hai ngọn lửa như hai cái lưỡi rắn từ khe sàn vọt lên, liếm vào bộ mặt của người chết.

II

Gã người Ý bé nhỏ đứng ngay ở trước cửa ra vào để đón tôi với nụ cười hiểm độc. Nòng khẩu tự động chìa thẳng vào ngực tôi. Gã chìa tay ra, bảo:

- Đưa đây, cái gì mà vừa cho vào túi đó, mau lên! Tôi còn cầm súng trong tay nhưng biết chắc chắn rằng gã không để cho tôi đủ thời giờ để nâng súng lên và ngắm bắn. Tôi dùng tay trái đưa cho gã túi hồ sơ về Anona Freedlander. Đôi mắt gã ánh lên sự thích thú độc ác, ngón tay trở của gã đặt lên cò súng đang co lại để bóp cò. Tôi cảm nhận rõ ràng các sự việc đó, thoáng trong một giây đồng hồ trước khi chết.

Nhưng không. Một cái ghế bồng bay ngang phòng làm cho gã phải nhìn theo. Súng gã vẫn nổ ngay lúc đó nhưng chỉ sát gần da cổ tôi. Còn viên đạn từ khẩu súng của tôi bắn ra lại găm vào ngực gã. Chính Paula đã quăng cái ghế kịp thời để cho tôi có thể chuyển bại thành thắng trong khoảnh khắc. Gã đổ người xuống, nét mặt nhăn lại vì đau. Tôi bảo:

- Ra mau, Paula!

Paula còn cúi xuống, nhặt khẩu súng của tên Ý rồi mới chạy ra cửa. Tôi chạy theo cô, thấy sàn rung lên theo mỗi bước chân. Khi tôi ra khỏi cửa thì đồ đạc trong phòng bắt đầu bốc cháy và tụt xuống tầng dưới, lửa đỏ như một cái lò nung. Paula nắm cánh tay tôi và cùng chạy lên trên boong tàu.

Có kẻ nổ súng vào chúng tôi, nhưng viên đạn chỉ làm vỡ ô kính ở cánh cửa một cabin. Lại có một tiếng súng nữa. Tôi đành phải dừng lại quan sát vì bộ đồ thủy thủ trắng của tôi chẳng khác gì một tấm bia di động để các tay xạ thủ tập bắn. Nhận thấy có bóng người núp trong bóng tối, tôi nã luôn hai phát. Phải nhận rằng lúc nào tôi cũng gặp may. Phát súng thứ hai đã trúng kẻ định hại chúng tôi. Hắn loạng choạng bước ra từ bóng tối rồi nằm vật ra sàn.

Chúng tôi tiếp tục chạy. Lúc này ở tầng dưới mọi chỗ đều nóng bỏng khiến chúng tôi không dám nắm vào tay vịn cầu thang đi lên tầng trên. Buổi dạ hội đêm nay thật sự là náo nhiệt. Tiếng la hét kêu cứu lẫn với tiếng gió lửa và kính vỡ tạo thành những âm thanh khác hẳn tiếng kèn sắc xô vừa rên rỉ lúc nào. Các vị

khách đặc biệt của tàu trong những bộ quần áo dạ hội giờ tay, giờ chân hò hét như những kẻ mất trí. Ba, bốn sĩ quan chỉ huy tàu ra sức vẫn hồi trật tự nhưng chỉ mất công toi. Tôi bảo Paula:

- Kerman sắp tới rồi. Hãy đi sát bên anh. Chúng mình phải cố tới được cái thang bên sườn tàu.

Chúng tôi phải chen lấn để lấy đường đi giữa một đám người hoảng loạn. Một người đàn ông bỗng túm lấy Paula, đẩy cô ra xa rồi túm lấy áo tôi. Chẳng có nguyên nhân gì cả. Tôi đành phải tặng ông ta một cú đấm để thoát thân. Lại một cô gái, váy, áo rách toạc thành hai mảnh ôm lấy cổ tôi mà hét. Mùi ụytki từ miệng cô ta phả vào mũi tôi. Paula phải hết sức mới giằng được cô gái ra và tát cô mấy cái thật mạnh cho cô tỉnh.

Bỗng có tiếng gọi:

- Ê, Vic!

Tiếng của Kerman cất lên giữa cảnh náo loạn. Tôi đẩy Paula về phía trước trong khi chiếc áo rách của cô vẫn mắc lại phía sau. Cuối cùng, cả hai người chúng tôi cũng tới được chỗ Kerman. Cậu ta hét to:

- Anh buộc phải nổi lửa, hả?

- Canô của cậu đâu?

Kerman giờ tay chỉ cho tôi một chiếc canô đang bập bênh trên sóng, cạnh sườn tàu “Mộng Mơ”, đỡ Paula trèo qua lan can, rồi thả một thang dây từ chỗ đứng xuống canô. Paula nhanh nhẹn trèo xuống như một con mèo biển.

Bỗng anh chàng kêu to:

- Trời ơi! Bỏ tôi ra nào, không được, đây chỉ có mấy chỗ dành cho cuộc họp gia đình thôi!

Một phụ nữ đang lặn xả vào ôm lấy chân Kerman, khiến anh chàng không làm thế nào rút được ra. Tôi đã nhảy được xuống canô cùng Paula, nói vọng lên:

- Cậu vẫn khoái những cuộc gặp gỡ bất ngờ mà. Mang bà ta theo luôn đi! - Nhưng không biết bằng cách nào, Kerman đã tuột được xuống canô theo cái thang dây nhanh đến nỗi, thiếu chút nữa là hất tôi xuống nước.

Kerman cho canô chạy vào bờ. Tôi ngoảnh lại nhìn khói và lửa bắt đầu bốc mạnh lên từ con tàu “Mộng Mơ” bảo:

- Không biết con tàu này được bảo hiểm bao nhiêu?

- Anh đốt tàu này, hả?

- Không, ngốc ạ. Có kẻ đã bắn chết Sherrill và đốt tàu. Nếu tôi và Paula không nhìn thấy thì sẽ chẳng ai biết việc này.

- Rồi đây, nhất định đám tang của hắn sẽ rất tốn kém.

- Cũng tùy vào số tiền bảo hiểm con tàu. Tôi rút tập hồ sơ của Anona Freedlander ở trong túi ra. Kerman đưa cho tôi cái đèn pin. Mới nhìn thấy trang đầu, tôi đã há to miệng ra và sững sốt. Kerman hỏi tôi:

- Sao thế?

Paula thì hỏi:

- Sau đây, chúng ta phải làm gì?

Tôi trả lời Paula:

- Anh và Kerman phải đi tìm Anona ngay. Em hãy tới báo tin cho Mifflin và nói sao để ông ta tới ngay căn nhà của Maureen bên vực đá. Màn kịch sẽ hạ ngay tối hôm nay. - Paula hỏi tôi:

- Anh đi báo cho Mifflin có tiện hơn không? - Không kịp. Vì hiện nay, nếu Anona ở trong nhà Maureen thì tính mạng cô ta đang bị đe dọa.

Kerman hỏi:

- Tại sao?

Tôi giờ tập hồ sơ lên bảo:

- Có thể mà Mifflin cũng không phát hiện ra và cho mình biết. Anona bị ăng-đô-các-đít từ hơn năm nay rồi!

Kerman lại hỏi:

- Anona cũng bị bệnh tim giống Janet à?

- Hãy nghe tớ đọc các tài liệu trong hồ sơ Anona đây: cao một mét năm mươi, tóc nâu sẫm, mắt nâu. Các bạn thấy thế nào? Kerman vội trả lời:

- Sai! Cô ta cao hơn, tóc vàng. Thế này thì chẳng hiểu gì cả.

Paula bây giờ mới lên tiếng:

- Như vậy có nghĩa là người con gái chúng ta giải thoát không phải là Anona Freedlander!

- Đúng rồi! Cậu hiểu chưa Kerman? Cô gái bị chết vì ăng-đô-các-đít ở Crestways là Anona. Còn cô gái bị giam giữ và đánh thuốc mê chính là Janet Crosby!

III

Chúng tôi đứng dưới chân vực đá, cùng căng mắt nhìn vào bóng đêm. Đằng xa trên mặt biển, con tàu “Mộng Mơ” vẫn đang cháy như một bó đuốc nhỏ giữa đêm đen. Kerman chỉ vào bờ dốc đá gần như thẳng đứng, hỏi:

- Anh định bắt tôi trèo lên đỉnh hả? Tôi có phải loài khỉ đâu?

- Chuyện đó sẽ bàn sau. Nhưng việc trèo lên là bắt buộc vì không thể làm cách nào khác. Đường vào biệt thự này có hai cổng sắt lớn, mở đóng tự động cùng cả một hệ thống dây thép gai. Bởi vậy, nếu muốn lọt vào trong, chỉ còn có đường này. Kerman ngửa cổ lên, hỏi:

- Dễ thường tới một trăm mét!

- Chúng ta cũng phải thử thôi! Nào! - Vượt năm mươi mét đầu tiên cũng không khó khăn gì, vì các tảng đá mập mạp như các bậc thang để chúng tôi trèo lên cao. Tôi bám đèn vào vách đá. Từ chỗ này trở đi, con đường gần như thẳng đứng, Kerman chỉ vào một hốc đá:

- Coi chỗ kia kìa. Có lẽ phải bám cả móng lẫn răng vào đấy mới khỏi tuột.

- Nhìn xa thì vậy, nhưng tới gần, thế nào cũng có chỗ lồi lõm. Đừng vội nản!

Tôi nói vậy để khuyến khích anh bạn cùng có máu liều như tôi trong đêm nay, chứ thật ra tôi cũng đang nghĩ thầm, nếu nhỡ tuột tay một cái thì chẳng có chỗ nào bám vịn cả. Chắc chắn là đi đứt!

Trèo thêm được hai chục mét, tôi ngưng lại để lấy hơi nhưng không dám quay lại nhìn xuống dưới. Tôi cứ cầm chặt vào vách đá mà hỏi:

- Kerman! Tới đâu rồi?

Anh chàng lăm bắm:

- Gần thiên đàng rồi! Tôi đang tự hỏi: “còn sống cơ à?”

Bỗng có tiếng đá rơi. Tóc gáy tôi rủ nhau đứng cả dậy. Tôi lại gọi:

- Kerman!

- Đây, đây. Có hòn đá, vừa đụng tới, đã rớt xuống rồi.

- Cần thận đấy nhé.

- Yên trí!

Chúng tôi trèo tới một chỗ lõm rộng, lại nghỉ. Trên đầu chúng tôi bây giờ là một tảng đá lớn, nhô nửa mình ra ngoài. Chỉ có cách biến thành mối mọt qua được đoạn này. Một dòng mồ hôi lạnh chảy từ gáy tôi tới

dọc sống lưng. Nếu biết vực đá quá nguy hiểm như thế, có lẽ tôi đành chọn đường trèo qua hai cổng sắt! Nhưng bây giờ xuống còn nguy hiểm hơn. Tôi bấm đèn soi chung quanh hòn đá, phát hiện thấy chân ống lò sưởi của biệt thự bắt đầu từ chỗ này. Tôi bảo Kerman:

- Hai bên ống khói có các gờ bằng gạch. Có thể dang tay bám vào đấy rồi dùng chân đạp vào những mạch vữa trên xuống.

- Không có cách nào khác. Lại phải thử liều thôi.

Tôi bắt đầu bám vào bờ ống khói, nhích người lên từng centimét. Bỗng tôi đạp bật một mảnh vữa ra khỏi tường, hai chân thông xuống trong không khí, Kerman bấm đèn theo tôi, vội kêu:

- Cố bám lấy! Có tôi ở dưới rồi.

Tôi chưa kịp hiểu ý của Kerman và nghĩ, nếu tôi rơi xuống đụng vào anh ta thì lẽ dĩ nhiên, cả hai chúng tôi cùng lao xuống vực. Chợt một bàn chân tôi đụng vào một bên vai Kerman. Tôi bảo:

- Không làm thế được đâu. Có thể tôi sẽ đạp cậu rớt xuống đấy.

- Cứ bình tĩnh. Bây giờ, cứ việc đạp vào tôi mà trèo lên. - Cũng may là càng lên cao, bờ gạch hai bên càng hẹp lại khiến cho tôi dễ bám hơn. Tôi phải dùng sức hai vai, cánh tay, đùi, đầu gối, chân để nhích từng đoạn cho tới khi đặt được một chân lên một hòn gạch bệch. Tôi cố sức lần cuối, đu người lên một mặt phẳng rồi nằm giữa người ra, thở. Có tiếng gọi:

- Vic, tới chưa?

Tiếng gọi của Kerman vọng lên từ một quãng rất xa. Tôi thò cổ ra ngoài, nhìn thấy ánh đèn mờ của cậu ta nhấp nháy tím mãi phía dưới mà thấy chóng mặt. Tôi gọi xuống:

- Jack! Cứ đứng đấy, đợi tớ đi tìm dây. - Dây ở đâu?

- Không biết. Còn phải đi tìm.

Từ chỗ tôi vừa nằm, đi tới bể bơi của biệt thự chỉ còn quãng một chục mét. Có ánh đèn sáng tỏa ra từ một cửa sổ.

Tôi đứng dậy, từ từ đi tới đó.

IV

Hàng hiên biệt thự vắng tanh. Dưới mái hiên có một cái ghế dài. Tôi ao ước được đuổi người trên ghế và ngủ một mạch tới trưa mai. Cái đèn chụp có chân cao tỏa ánh sáng xanh xuống một phòng khách rộng. Những cửa sổ đều mở về phía hành lang.

Tôi đang đếm từng bậc thềm khi bước lên hành lang vào phòng khách, bỗng đứng sững lại vì nghe thấy một tiếng nói vừa quen, vừa lạ. Giọng nói của một phụ nữ, phá vỡ cái đẹp của đêm khuya tĩnh mịch, của hương hoa và của vàng trắng tròn đang tỏa sáng. Cô nói như hét vào ống nghe, giọng nói the thé, cau có tức giận của người đàn bà trên bờ sự điên cuồng.

- Thôi! Biết rồi, biết rồi, biết rồi! Anh chỉ nói là giỏi! Lại đây! Im đi, lại đây ngay!

Cô gái quỳ trên cái divăng rộng, nắm chặt tay cầm điện thoại. Tôi chỉ nhìn thấy lưng cô. Ánh sáng nhẹ chiếu xuống cái gáy nõn nà và mái tóc xanh đen. Cô mặc quần bó vào người, ống ngắn, màu xanh lá cây và cái áo mỏng cùng màu. Cô đẹp như những người đẹp trong tranh: đùi dài, thân tròn lẳn, ngực cao, là loại người khó có thể sở hữu được cũng như không ai sở hữu được ánh trăng.

Cô lại hét vào trong máy:

- Thôi đủ rồi. Tại sao anh cứ nhắc lại mãi chuyện ấy? Lại đây, anh không còn đường nào khác cả!

Cô đặt mạnh ống điện thoại xuống. Không phải là lúc giữ lịch sự, vả lại, tôi đang mỗi như khắp người, và một muốn dứt hơi nên cứ tự nhiên vào nhà chẳng cần đi cho nhẹ nhàng.

Tôi thấy những thớ thịt ở lưng cô giật nhẹ rồi cô từ từ quay lại, nhìn qua bờ vai. Đôi mắt đen mở to ra. Cô ngồi như vậy nửa phút mà không nhận ra tôi. Cũng phải, vì trước mặt cô là một tay thủy thủ cao to, quần áo rách nát, bộ mặt đầy bụi bẩn lẫn mồ hôi.

Tôi bình tĩnh nói:

- Xin chào! Em không nhận ra anh sao? Người bạn của em, Malloy đây mà!

- Nhớ rồi! - Cô há miệng ra để hớp một ngụm không khí rồi đứng dậy hỏi:

- Anh vào đây bằng lối nào?

- Bằng lối vực đá. Em nên thử đi xuống bằng lối này một lần cho biết. Rất lạ, đối với những ai mê cảm giác mạnh.

Cô đưa móng ngón tay cái lên miệng nhấm, rồi lại hỏi:

- Anh chưa nhìn thấy chứ?

Tại sao cô hỏi thế, tôi cũng không biết. Bởi vậy tôi chỉ trả lời cho qua:

- Tại sao lại “chưa” nhỉ?

Tôi cũng nhấn mạnh ở âm “chưa”.

- Cũng có thể. Nhưng cũng tùy ở anh. - Vậy sao?

Tôi ngồi xuống ghế. - Anh hơi mệt. Nếu em có gì cho anh uống thì hay quá!

Cô đi lại phía tủ rượu rồi quay lại hỏi:

- Anh lên bằng đường vực thật sao? Cô mang lại cho tôi một ly urytki lớn và đá. Ly rượu làm cho tôi ấm lên thật dễ chịu. Tôi nghĩ thầm “nếu phải chọn cô gái này và ly rượu, tôi sẽ chọn ly rượu hơn”. Nhưng tôi chỉ nói:

- Đúng! Anh đã lên đến đây từ đáy vực để uống, chúc mừng đôi mắt đẹp của em!

Cô đứng sát tôi, nhìn tôi uống, châm một điếu thuốc, để vào cặp môi mọng đỏ hít một hơi dài. Nhả khói rồi kẹp điếu thuốc giữa hai búp măng, móng hồng tươi, đưa cho tôi.

Những ngón tay của tôi khi cầm điếu thuốc, chạm vào ngón tay cô và thấy da thịt cô ươn ướt. Tôi hỏi giọng chán chường.

- Chị ở đây chứ?

Cô bỏ tay xuống và liếc nhìn tôi:

- Janet chết rồi! Đã hai năm.

- Từ khi chúng ta xa cách nhau, anh đã phát hiện được nhiều việc lắm. Anh biết cô gái mà mẹ em, bà Salzer đã nhốt ở trong viện hai năm là chị em. Có cần phải nói thêm những sự việc khác nữa không?

Cô cai mặt lại và ngồi xuống.

- Tùy anh.

- Có một vài việc do anh suy luận ra thôi. Em có thể góp ý kiến thêm cho anh được không?

Tôi ngồi sâu vào chiếc ghế rộng cho đỡ mỏi rồi nói tiếp:

- Cha em tín nhiệm Janet hơn nên đã để phần lớn gia tài lại cho Janet. Janet yêu Sherrill nhưng khi biết Sherrill có quan hệ với em đã quyết định cắt đứt cuộc hôn nhân. Trong cuộc xô xát giữa em và Janet, một trong hai người đã tức giận cầm súng và lên đạn. Giữa lúc đó, cha em chạy vào can thiệp. Vậy người nào bắn phải ông Crosby? Em hay Janet?

Cô châm một điếu thuốc, đặt xuống gạt tàn rồi mới nói:

- Việc đó quan hệ gì tới anh? Người bắn là em đấy. Anh đã thỏa sự tò mò chưa?

- Hồi đó, cô y tá Anona Freedlander phục vụ trong nhà em. Em sử dụng cô ta vào việc gì?
- Mẹ em cứ nghĩ là em cũng bị bệnh thần kinh nên trao nhiệm vụ cho cô ta săn sóc em.
- Cô Freedlander nhìn thấy tai nạn của cha em định báo cho cảnh sát, phải không?

Cô gật đầu, xác nhận:

- Mẹ em đã tìm cách giữ cô ta trong bệnh viện. Đây là cách duy nhất để giữ kín việc này. Janet muốn em phải vào viện nằm, và em giả vờ nghe theo. Nhưng về sau vì không thấy em trong viện, lại không biết em ở đâu nên Janet đã viết thư nhờ anh giúp. Trong thời gian đó, y tá Freedlander bị chết vì bệnh tim. Mẹ em lừa Janet vào viện nói là để gặp em, rồi giữ luôn lại ở trong phòng Freedlander, còn xác Freedlander thì tìm cách mang về Crestways chôn cất. Ông bác sĩ già Bewley xác nhận bệnh là đúng vì người chết không phải là Janet. Lẽ dĩ nhiên, toàn bộ gia sản nhà Crosby sau đó thuộc về em.
- Tại sao em cho người giết bố Freedlander?
- Ông sẽ cho anh biết về con gái và như vậy, mọi chuyện sẽ bị lộ.
- Còn Janet? Chị em đang ở đây chứ?
- Đúng thế.
- Việc này làm em lúng túng phải không?
- Dĩ nhiên.
- Em đã nghĩ ra cách giải quyết chưa?
- Có thể.
- Vậy em cũng chủ mưu giết Sherrill và đốt tàu “Mộng Mơ” hay sao?
- Em thấy rõ là anh biết nhiều quá!
- Đúng không?
- Đúng. Vì hắn sẽ là một cái lưỡi nguy hiểm, một khi hắn bị cảnh sát tra hỏi. Vả lại, thực chất hắn thật đáng ghét.

Chúng tôi ngồi im lặng một lát. Bỗng Maureen đặt vấn đề:

- Em nghĩ, không biết chúng ta có liên kết được với nhau không. Thật ngu dại nếu người ta chuyển số tiền lớn thế này cho mấy tay lăm chằm, đi bới những đồng gạch từ cổ xưa ở dưới đất lên, để chi tiêu cho hết hai triệu đô la.
- Liên kết là thế nào?
- Anh thừa hiểu, nếu người ta tìm được Janet còn sống ở đây thì em sẽ mất hết. Tốt nhất là chị ấy chết. - Tôi ngồi im, không đáp.
- Em đã cầm súng lại gần chị ấy nhiều lần, nhưng lại không nỡ... - Cô ta nhìn tôi.
- Em sẽ cho anh nửa gia tài.

Tôi di điều thuốc vào gạt tàn.

- Có nghĩa là em nhờ anh giết Janet?

Cô mỉm cười, nụ cười thật nhiều ý nghĩa.

- Anh thử nghĩ coi, chúng mình sẽ được những gì với những món tiền lớn đó.
- Tôi cũng nghĩ thế, nhưng chưa có tiền!
- Em sẽ viết cho anh một tấm ngân phiếu ngay bây giờ. - Tôi làm ra bộ ngô nghê:
- Nhưng rồi em có thể báo hủy tấm ngân phiếu, rồi sai người hạ anh như Sherrill thì sao?

- Em không nói sai đâu, nhất là khi đã hứa. Vả lại, rồi đây em có thể là của anh, nếu anh muốn.

- Thật thế sao? Tôi cố nén tình cảm. Tuyệt quá! Đâu, Janet đâu?

Cô ta chăm chú nhìn tôi vẻ mặt bình thản và lạnh nhạt, nhưng mạch máu hai bên thái dương giật giật. Cô hỏi tôi:

- Anh bằng lòng giết Janet chứ?

- Tại sao không? Đưa súng đây và chỉ cho anh cô ta ở đâu.

- Anh không cần tấm ngân phiếu trước hay sao?

Tôi lắc đầu bảo:

- Không cần. Anh tin ở em rồi.

Cô chỉ vào một cánh cửa ở cuối phòng và nói:

- Trong đó.

Tôi đứng dậy bảo:

- Đưa súng đây, phải bố trí thành một vụ tự tử.

Cô gật đầu, nói:

- Em cũng đã nghĩ như vậy. Đừng để... Chị ấy phải đau đớn lâu nhé.

Tôi chìa tay, bảo:

- Súng!

Cô ta giật mình, nhìn quanh và nói:

- Ủa nhỉ. Đâu rồi... Có lẽ trong túi của em.

Cái túi xách nằm trên một chiếc ghế. Cô đi tới, nhưng tôi nhanh hơn, xua tay bảo:

- Để đấy, để anh lấy cho. Em cứ ngồi xuống đi.

Tôi cầm chiếc túi lên, mở khóa.

- Để túi xuống, Malloy!

Tôi quay người lại.

Manfred Willet đứng ở ngưỡng cửa, chìa khẩu súng tự động vào phía tôi.

V

Maureen gào lên:

- Đồ con lừa! Anh không chờ được một lát hay sao? Hắn sắp giết chị ấy!

Willet quay lại nhìn cô, mặt lạnh lùng:

- Không, hắn không giết ai cả. Hắn chỉ muốn giữ được khẩu súng của cô thôi. Im đi, để hắn cho tôi.

Người cô như cứng lại. Cô hỏi tôi dồn dập:

- Đúng thế không, đúng thế không? - Tôi gật đầu, mỉm cười và trả lời:

- Đúng!

Willet đi vào, đứng ở giữa phòng, nói to:

- Thôi đủ rồi. Ngồi xuống đi, Malloy. Cả cô nữa.

Tôi ngồi xuống ghế còn Maureen vẫn đứng. Cô lại bắt đầu cắn móng tay. Willet cầm súng, chỉ vào cô:

- Ngồi xuống! Cô cũng có máu điên như mẹ cô ấy. Đã đến lúc phải đưa cô vào viện tâm thần rồi!

Cô ngồi xuống ghế, bắt chéo đôi chân, Willet tựa lưng vào tấm đá cẩm thạch bên lò sưởi, khẩu súng vẫn chĩa vào phía tôi và Maureen, nét mặt mệt mỏi. Ông ta đưa mắt hết nhìn tôi lại nhìn sang cô gái, và hỏi:

- Janet đâu? - Maureen không nói. Tôi chỉ tay về phía cuối phòng.

- Vẫn khỏe chứ?

- Chắc vậy - Tôi trả lời.

Ông ta có vẻ yên tâm, nhưng vẫn không hạ nòng súng xuống và nói với tôi: Nếu anh chịu hợp tác với tôi, anh sẽ được món tiền lớn. Tôi đã sai lầm để cho Maureen tự do hành động, cứ tưởng rằng cô ta không dám hại ai. Nhưng mà cô ấy cũng có máu điên như mẹ. Trước đây, chỉ có Sherrill gây khó khăn cho tôi, nhưng bây giờ hắn đã chết. Tôi sẽ đưa cho anh năm chục ngàn đô la. - Tôi nhướn lông mày:

- Cô ta vừa đề nghị biếu tôi một triệu.

Ông ta tỏ vẻ sốt ruột:

- Nghe đây, không nên mất thời gian. Maureen không có triệu nào cả. Mà nếu có chẳng nữa, anh cũng đừng mơ lấy được của cô ta. Cô ta không được hưởng số tiền bảo hiểm con tàu. Người có quyền hưởng là tôi!

- Vậy ông sẽ để cô ta làm gì bây giờ?

- Cô ta sẽ vào bệnh viện nếu không muốn vào tù! Chúng ta có thể thu xếp việc này. Janet sẽ hưởng gia tài còn chúng ta sẽ chia nhau số tiền bảo hiểm.

- Xin hỏi. Có phải chính ông đã bày ra mọi chuyện này không?

- Câu hỏi đó không có lợi ích gì - Willet nói dần giọng.

Maureen tức giận, lên tiếng:

- Đúng thế đấy. Ông ta đã mưu mô ngay từ đầu để có thể sử dụng món tiền được quản lý. Bị Janet tố cáo, ông ta đã bắt mẹ tôi giam giữ chị ấy tại bệnh viện. Nếu không có Sherrill, ông ta đã hại cả tôi rồi.

- Thôi, im đi! - Willet quát.

Tôi nói với ông ta:

- Tôi đã nghĩ xấu về ông ngay khi ông tìm cách thoái thác không cho các đồng nghiệp của mình hay biết gì về cô Maureen. Khi cô thư ký của tôi bị bắt đi thì tôi đã rõ. Vì lúc đó chỉ có tôi, Paula và ông biết chỗ ở của Janet.

- Thôi, nói làm gì. Nếu không có con bé điên này và tay Sherrill thì mọi việc vẫn trôi chảy. Tôi không đồng ý với việc sát hại nhau. Khi mọi việc xảy ra như vậy, tôi quyết định phải cho Maureen vào nằm viện. Bây giờ, vẫn còn kịp, và chúng ta vẫn còn có thể chia nhau.

- Nếu tôi không đồng ý?

- Tôi sẽ rời bỏ nước này để sống ở nước khác. Nhưng tôi bắt buộc phải giữ anh ở đây tới khi tôi rút được hết số tiền bảo hiểm ra.

- Em nghĩ thế nào? - Tôi hỏi Maureen.

- Cô ta không có gì để nói cả

- Willet nói chen vào. Bệnh viện hay vào tù! Thế thôi. Để cô ta ở ngoài, nguy hiểm lắm.

Maureen phản đối:

- Tôi không nói, nhưng có thể làm đấy.

Chắc Maureen đã cố ý giấu sẵn khẩu súng thứ hai ở dưới nệm ghế. Tiếng nổ vang lên trong phòng làm cháy sém vải nệm. Willet buông rơi khẩu súng, ôm ngực loạng choạng mấy bước rồi ngã khụy xuống sàn. Tôi vội nhảy lên phía cô gái, nắm lấy tay cô. Phát đạn thứ hai chỉ đi sạt cạnh tôi. Chúng tôi ôm nhau, lẫn mình

trên thảm. Tôi vồ được khẩu súng, đẩy cô ta ra, rồi đứng dậy, - Khá lắm! Khá lắm! - Có tiếng nói của Mifflin ở ngoài cửa.

- Không sao chứ?

- Kerman hỏi tôi.

Tôi hỏi lại:

- Các cậu nghe thấy hết mọi chuyện rồi sao? Làm thế nào lên được đây?

- Dừng dây leo núi!

Mifflin hỏi:

- Willet bị nặng không?

Tôi chưa kịp trả lời nhưng kêu to với Kerman:

- Chú ý tới cô ta. Kìa!

- Trong thâm tâm tôi lại không muốn ngăn cô lại.

Maureen chạy băng băng từ khoảng sân trên, xuống sân dưới, qua khu vực bể bơi, thẳng tới vực đá. Mifflin và Kerman đuổi theo sau.

Nhưng cô đã lao mình vào khoảng trống. Chúng tôi đứng lại, lắng nghe...

Tôi biết rằng, ở sâu dưới đáy vực, có nhiều bông hoa dại chen nhau mọc rất dày. Chắc bây giờ, Maureen đang nằm ở đó như nằm trên một tấm nệm hoa. Đáng tiếc rằng, dưới lớp hoa dại lại còn lớp đá cục cằn nhám nhở.

Lớp đá nâng niu một thân hình tuyệt mỹ, đồng thời cũng làm giập nát cả một cuộc đời hoa...Hết

8. Chương 8

Một buổi sáng tháng bảy nồng nực vẫn có thể hứa hẹn với bạn nhiều điều thú vị nếu bạn được mặc quần tắm, sánh vai trên bãi biển với một cô nàng tóc vàng xinh đẹp; nhưng cũng là quãng thời gian đầy mệt mỏi nếu như bạn bắt buộc phải giam mình trong phòng làm việc như hoàn cảnh của tôi lúc này. Tiếng xe hơi trên Đại lộ Orchid, tiếng ầm ì của chiếc máy bay đang bay dọc theo bờ biển, lọt qua khung cửa sổ căn phòng của tôi tiếng sóng biển rì rào. Máy điều hòa nhiệt độ nằm lẩn trong khe tường căn nhà cao tầng Orchid Buiding đang phải đương đầu với cái nóng mỗi lúc một tăng. Mặt trời chói chang chiếu những chùm tia rực rỡ lên tấm thảm do Paula sắm cho căn phòng làm việc của tôi, cốt để gây ấn tượng với khách hàng. Cái giá cắt cổ của nó làm cho chính bản thân tôi cũng ít khi dám đặt chân lên.

Tôi bày ra mặt bàn một số thư tín cũ, để nếu Paula bất chợt đi vào, sẽ nghĩ rằng tôi đang làm việc. Ly uýtki có khả năng làm bỏng cổ họng, được tôi giấu sau cuốn sách luật dày cộm. Mỗi lần nhắm nháp mũi tôi đụng cả vào mấy cục đá lạnh.

Tôi thành lập công ty Universal Services này đã được hơn ba năm rưỡi, một tổ chức nhận phục vụ bà con từ việc dạy chó tới việc tiễn một tay tổng tiền quá tham lam sang bên kia thế giới. Theo bảng giá phục vụ thì chỉ có mấy tay triệu phú mới có đủ khả năng nhờ tới công ty, nhưng nhờ trời ở cái đô thị Orchid này, số triệu phú cũng nhiều bằng số hạt cát trên bãi biển. Hơn ba năm rưỡi qua, công ty tôi cũng khấm khá, vớ được một số tiền, nhận được khối việc linh tinh kể cả việc điều tra vụ án.

Thời gian gần đây, hoạt động của công ty bỗng trở nên trầm lặng theo kiểu cô gái già ngồi bên bếp lửa.

Những chuyện lật vật bình thường thì Paula cũng tự giải quyết được.

Bây giờ, chỉ có công việc nào cỡ quan trọng cực kỳ mới có thể làm cho tôi và Jack Kerman (cánh tay phải của tôi) thoát khỏi tâm trạng ừ lì này. Vậy mà chẳng thấy loại công việc ấy đâu cả, khiến cho tôi và Jack chỉ còn việc ngồi nhâm nhi và cố làm cho Paula tưởng rằng chúng tôi đang có món gì bỏ lăm. Jack ngồi chễm chệ trên cái ghế bành dành cho khách hàng. Cậu ta người dài, mảnh, nhanh nhẹn, có bộ tóc đen với

một chùm tóc trắng nằm ngang, bộ ria mép vào loại “không giống ai”. Cậu ta đương cọ cọ ly rượu lạnh vào trán, bộ mặt đờ đẫn. Mặc bộ complê xanh ôliu, đeo ca vát kẻ sọc vàng, đi giày da hươu trắng có đường gân nổi màu xanh, nhìn cậu ta cứ như vừa ra khỏi tiệm may thời trang cho đàn ông vậy.

Ngẫm nghĩ chán rồi, cậu ta lên tiếng:

- Này, “mái” ấy cũng được chứ. Nếu bỏ đôi tay đi, khéo cô ta còn trội hơn cả pho tượng thần Vệ nữ ở Milô ấy.

Ngồi tụt vào lòng ghế, hắn tiếp tục lải nhải:

- Ước gì có ai khử đôi tay cô ấy đi. Trời đất! Vậy mà tôi ngổ quá, cứ tưởng em dễ lắm...

- Thôi, rác tai! - Tôi vừa nói vừa với chai rượu - Biết rồi! Trời nóng như thế này mà cứ phải nghe những chuyện lằng nhằng của cậu thì thà đi nghiên cứu thánh kinh còn hơn.

- Sẽ mất thì giờ vô ích thôi, - Kerman nói giọng khinh thường - những chỗ hay trong cuốn sách đều viết bằng tiếng Latinh đấy.

- Ấy, đừng lạ. Có nhiều người đã học tiếng Latinh chỉ để hiểu những chỗ đó thôi đấy. Một công, đôi việc.

- Nghe vậy, tôi lại nhớ tới em tóc vàng của tôi - Kerman đuổi đôi cẳng dài - Hôm qua, tôi vừa gặp em ở tiệm Barney.

- Đây cóc cần để ý tới các em tóc vàng - tôi trả lời dứt khoát - Đáng lẽ ngồi mốc ra ở đây nói chuyện gái, cậu phải đi tứ phương mò ra việc mà làm. Nhiều lúc tớ cũng tự hỏi, trả lương cậu làm quái gì nhỉ.

Kerman có vẻ ngạc nhiên:

- Anh muốn có việc thật à? Tôi lại nghĩ, cứ để cho Paula làm, còn chúng mình chỉ việc ăn theo.

- Chẳng nên nghĩ như vậy mãi. Thỉnh thoảng nếu làm một việc gì đó đáng giá với một miếng bít tết cậu ăn thì cũng chẳng chết nào.

Kerman làm bộ yên tâm:

- Thỉnh thoảng thôi à... thế thì tốt. Tôi cứ ngỡ anh yêu cầu làm ngay.

Hắn làm thêm một tợp nữa rồi nhắm mắt lại:

- Này, cô em mà tôi nói với anh không phải là loại thường đâu nhé, tôi thề là đúng như vậy. Khi tôi đề nghị gặp lại nhau, nàng trả lời không phải là hạng người chạy theo đàn ông. Anh có hiểu tôi nói gì không?

- Không. Cái gì?

Hắn lại tiếp tục kể lại. Khổ một nỗi là nếu tôi không chịu nghe những lời tào lao của hắn thì rồi đây, lấy ai là người sẽ chịu chuyện của tôi.

Kerman lải nhải:

- Tôi trả lời: “Thưa quý nương, có thể quý nương không chạy theo đàn ông, nhưng ở đời này có bao giờ cái bầy chuột lại chạy theo con chuột”. Câu này được đấy chứ, hả? Em chờ người luôn. Anh không nên bịu môi ra như vậy. Có thể, anh chẳng lạ gì câu nói đó, nhưng với nàng thì quả là có tác dụng.

Bỗng cửa mở và Paula bước vào phòng, khi tôi chưa kịp giấu ly rượu đi.

Paula là một cô gái da ngăm ngăm, xinh đẹp, có đôi mắt màu sẫm, lạnh lùng và bình tĩnh, với một thân hình xúng đáng để mình phải quan tâm. Lại còn hoạt động, thông minh và chăm chỉ. Chính cô ấy đã khuyến khích tôi thành lập công ty Universal Services này, cho tôi vay tiền để sống qua sáu tháng đầu. Nhờ tài điều phối của nàng mà công ty đã có những thành công nhất định. Nếu ví tôi là bộ óc của công ty thì chính cô ấy là bộ xương sống. Có thể nói rằng, nếu không có Paula thì chỉ trong tám ngày là công ty của tôi sẽ giải tán.

Bây giờ thì cô ấy đang đứng trước bàn giấy, nhìn tôi với ánh mắt không đồng tình và hỏi:

- Anh không có việc gì để làm hơn là ngồi đây mà nhăm nháp à? - Kerman vội lên tiếng tuy giọng nói hơi đuối.

- Thì làm gì hơn được?

Cô ấy lườm Kerman rồi hướng sang tôi đôi mắt xám long lanh. Tôi vội trả lời:

- Thật ra thì tụi anh cũng đang định đi ra ngoài để móc nối với khách hàng. Nào, Jack, coi chúng mình làm gì bây giờ.

- Phải đấy, nhưng đi đâu? Tôi tiệm của Finnegan chẳng? - Paula hỏi móc chúng tôi.

- Ý kiến hay tuyệt đấy, bà già khó tính ă. Kerman nói: - Rất có thể, Finnegan sẽ tuần cho mình một việc gì đấy.

- Trước khi đi, có lẽ anh cũng nên biết tới cái này. - Paula đưa cho tôi một phong bì dài và nói tiếp:

- Người gác cửa vừa đưa cho tôi và bảo thấy nó trong túi chiếc áo mưa cũ mà anh quảng cho ông ta.

- Vậy hả? - Tôi vội đỡ lấy cái phong bì - Thế này thì lạ thật. Đã hơn một năm nay, tôi không mặc cái áo ấy.

- Anh hãy nhìn dấu bưu điện, thử coi - giọng Paula dịu dàng như tiết trời trước cơn đông tố - Cái thư đã được gửi đi cách đây một năm hai tháng. Tôi không dám nghĩ rằng anh quên nó trong túi. Có lẽ nào anh lại làm như vậy, phải không?

Chữ viết nắn nót trên phong bì là nét chữ của một phụ nữ.

- Anh không nhớ là đã nhìn thấy nó bao giờ?

- Anh thì có nhớ cái gì. Nếu tôi không tìm cách làm cho đầu óc anh tỉnh táo lại thì rồi đây, chắc anh còn làm tôi ngạc nhiên vì nhiều việc nữa - Paula đẩy nghiêng tôi.

- Này, này cô em xinh đẹp! Kerman lên giọng dịu dàng - Có ngày anh sẽ kiếm cho em một chàng dư sức đấu với em và còn cho em một trận nữa đấy.

- Cô ấy không ngán đâu (vừa nói, vừa mở phong bì) - tôi đã từng thử, nhưng chỉ có tác dụng làm cô ấy sôi sục thêm thôi. Tôi luồn hai ngón tay vào phong bì, lấy ra một lá thư và tờ năm trăm đôla.

- Trời ơi! - Kerman kêu và nhảy cẫng ra khỏi ghế - thế này mà anh đưa cho bố gác cổng hả?

- Ô, không phải cậu đưa là được rồi.

Tôi cao giọng đọc thư: Crestways, Foothill Boulevard, Orchid City,

Ngày 15, tháng... năm, 19...

Xin ông đến gặp tôi ngày mai, lúc ba giờ tại địa chỉ trên. Tôi muốn bàn với ông về một vụ tổng tiền mà tôi là nạn nhân. Tôi chắc công việc này hợp với chuyên môn của ông. Đề nghị ông hãy coi bức thư này có tính cách khẩn và mật. Xin gửi kèm theo đây tiền chi phí trước là năm trăm đôla. Janet Crosby. Không khí thật nặng nề. Kerman cũng chẳng biết nói gì. Chúng tôi thường trông vào mối quan hệ với những khách hàng cũ để dẫn tới những công việc mới. Vậy mà, giữ cái thư này tới mười bốn tháng, cả món tiền năm trăm đôla kèm theo mà không hề báo tin lại cho vị khách hàng tương lai của công ty biết rằng chúng tôi đã nhận được, chắc chắn rằng việc đó chẳng tốt gì cho uy tín của chúng tôi.

- Khẩn và mật - Paula lẩm bẩm - Vậy mà giữ trong túi áo mười bốn tháng, rồi quảng cho người gác cổng để cho những người quen sơ sơ cũng biết. Rõ thật là đẹp!

- Thôi, dẹp đi! - Tôi gắt - Tại sao người phụ nữ đó không gọi giấy nói xem sự thể ra sao? Cô ta cũng đoán được lá thư có thể bị lạc chứ. Nhưng này, hay bà ta chết rồi. Chúng ta đã biết, có một người con gái nhà Crosby chết. Người đó là Janet chẳng?

- Ủ, tôi cũng nghĩ như vậy. Để tôi đi kiểm tra xem sao.

- Nhân tiện, em hãy mang lại cho anh tất cả các tài liệu của chúng ta có liên quan tới gia đình Crosby nhé.

Khi Paula rời phòng, tôi bảo Kerman:

- Nếu Janet đã chết, tớ nghĩ rằng mình phải gửi trả lại số tiền cho gia đình người ta.

Kerman có ý tiếc món tiền từ trên trời rơi xuống nên có ý kiến:

- Làm như vậy, bọn nhà báo nó đánh hơi thấy, chắc sẽ không có gì hay cho công việc của chúng ta đâu. Phải đề phòng, Víc ạ. Tốt nhất, ta cứ giữ tiền lại rồi im chuyện này đi.

- Không làm thế được. Về mặt công việc thì ổn đấy, nhưng về mặt lương tâm thì không xuôi.

Kerman vặn vẹo mình trên ghế:

- Ấy là tôi nghĩ mình không nên khuấy c. lên mà nghỉ thôi. Có phải nhà Crosby có chân trong ngành dầu lửa không?

- Đúng đấy, nhưng ông ta chết rồi. Cách đây mấy năm, trong một tai nạn, ông ta bị một viên đạn vào đầu.

Cầm con dao rọc giấy trong tay, tôi bực dọc chọc chọc xuống làm tờ giấy thấm lót tay thủng lỗ chỗ.

- Tớ vẫn chưa hiểu được tại sao tớ lại để cái phong bì đó trong túi áo mưa cơ chứ. Chẳng biết ra sao nữa.- Kerman hiểu rõ tính tình Paula nên cười với tôi, ra vẻ thông cảm:

- Nếu em cự nự quá thì anh cứ hét cho em mấy cái là xong ấy mà. Sau đó, cố mà gánh chịu. Cứ nghĩ tới anh lúc đó mà tôi thấy khoái.

Tôi tiếp tục chọc xuống tờ giấy thấm lúc Paula trở lại, với bao bì giấy đầy những bài báo đã được cắt ra. Paula nói:

- Janet Crosby bị chết vì một cơn đau tim ngày 15 tháng 5 năm ngoái, đúng ngày cô ta gửi cái thư ấy đi.

- Cho nên từ ngày đó tới nay, chúng ta không thấy ai dấn động gì tới việc này nữa thì cũng chẳng có gì lạ.

- Cơn đau tim à? Cô ta hồi đó bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi lăm.

Tôi đặt con dao rọc giấy xuống bàn và rút một điều thuốc:

- Trẻ như vậy mà chết vì bệnh tim đột ngột thì cũng hơi lạ đấy. Nhưng em biết được gì qua những tài liệu trong tập hồ sơ này nào.

Paula ngồi xuống mép bàn và nói:

- Cũng không có gì khác những điều chúng ta đã nắm được. Mac Donald Crosby đã thu được hàng triệu đô la trong vụ dầu lửa. Ông ta là một tín đồ quaker ít phóng khoáng, hai đời vợ. Janet là con vợ trước, hơn cô em Maureen, con người vợ thứ hai, bốn tuổi. Crosby đã nghỉ làm việc từ năm năm và tới ở Orchid City. Trước đây, ông ta ở San Francisco. Hai cô con gái khác hẳn nhau về mọi mặt. Janet là một họa sĩ say sưa với nghề; đã có nhiều bức tranh được trưng bày trong viện bảo tàng tranh mỹ thuật hiện đại. Là một cô gái có tài năng nhưng kín đáo và khó tính. Cô em Maureen xinh đẹp lại nổi tiếng vì tính lập dị và phóng đảng. Trước khi ông bố chết, cô ta thường được đăng ở trang nhất các tờ báo vì dính líu tới các vụ sòng bạc.

- Loại nào? - tôi hỏi.

- Cách đây mấy năm, cô ta lái xe, cán chết một người. Có lời đồn rằng vì cô say rượu. Điều đó có thể đúng vì cô có khả năng uống như cái thùng không đáy. Ông bố đã chạy chốt sở cảnh sát và cuối cùng cô bé chỉ bị phạt một món tiền lớn vì lái xe quá tốc độ cho phép. Lần khác, có kẻ thách cô cưỡi trường cưỡi ngựa đi diễn trên Đại lộ Orchid và cô đã thắng cuộc.

Kerman nhòm người khỏi cái ghế dựa, mắt long lanh, hỏi:

- Xin hỏi một câu vì tôi chưa hiểu kỹ. Vậy thì ai cưỡi trường, con ngựa hay cô gái?

- Cô gái, đồ ngốc!

- Chuyện đó xảy ra bao giờ nhỉ, sao tôi không thấy?

- Cô ta mới đi được năm mươi mét đã bị chặn lại.

- Trời, nếu tôi ở đó, tôi đã đi kèm cô ta từ đầu.

- Thôi im đi, đừng nói dốt nữa?

Tôi có ý kiến:

- Xem như vậy thì quả thật cô ta là một con mồi béo bở cho bọn nặc danh.

Paula gật đầu:

- Các anh có biết ông Crosby bị chết như thế nào không? Ông ta ngồi ở bàn làm việc, lau súng, và bị chết bởi một viên đạn cướp cò. Một phần tư gia tài để ở một ngân hàng dành cho Maureen. Ba phần tư kia không có di chúc hướng dẫn việc sử dụng làm gì. Sau khi Janet chết, tất cả gia tài thuộc về Maureen và từ đó, không thấy tên cô ta trên báo chí nữa.

- Crosby chết từ hồi nào?

- Tháng ba năm ngoái. Hai tháng trước cái chết của Janet.

- Maureen lợi quá nhỉ.

Paula ngược lông mày lên:

- Đúng là cái chết của Crosby đã có ảnh hưởng rất nhiều tới Janet. Giới báo chí cho rằng cô ta không được khỏe vì cái tang của ông bố khiến cho cô ta bị một cú sốc.

- Có thể như vậy lắm, nhưng tôi muốn nhấn mạnh là sự việc xảy ra hoàn toàn có lợi cho Maureen. Hình như câu chuyện này có điều gì không minh bạch, Paula ạ. Có thể vì đầu óc tôi không được lành mạnh cho lắm, nhưng cứ thử coi lại mà xem: Janet viết cho tôi biết, có người muốn tung tin xấu về em cô. Sau đó cô vội chết để cho cô em hưởng trọn gia tài. Thật là một sự trùng hợp kỳ lạ...

Paula nhăn mặt, nói:

- Tôi chưa biết chúng ta nên xử sự thế nào vì chúng ta không thể thay mặt cho khách hàng đã quá cố.

- Được chứ (tôi bật ngón tay vào tờ năm trăm đô la). Nếu tôi không hoàn món tiền này cho người thừa kế nó, thì tôi phải làm việc để xứng với tiền công của khách hàng ứng cho tôi. Tôi chọn biện pháp thứ hai.

- Mười bốn tháng qua, đã lâu rồi đấy - (Kerman tỏ vẻ nghi ngờ) - Bây giờ tìm được dấu vết cũng khó.

- Nếu có dấu vết (Paula để thêm vào).

Tôi lùi ghế lại và trình bày thêm ý kiến của tôi:

- Mặt khác, nếu cái chết của Janet không bình thường thì thời gian qua đã đủ làm cho thủ phạm yên tâm. Khi cho rằng mình đã an toàn, hẳn dễ phạm sai lầm. Tôi sẽ đi gặp Maureen coi thử cô ta sử dụng món tiền được hưởng của cô chị như thế nào.

Kerman gầm gừ trong cổ họng: - Tôi cho rằng thời kỳ làm việc theo kiểu “dự đoán theo linh tính” như thế này đã qua rồi. Vậy tôi phải làm gì ngay bây giờ hay là đợi anh quay về.

- Đợi tớ về đã. Nhưng nếu cậu còn bận bịu về cái việc kia, cái vụ bắt chuột gì ấy mà, thì hãy tìm người thế chân cho cậu đi. Crestways, khu biệt thự của gia đình Crosby nằm sau dãy tường thấp bên trên có những cây leo. Sát tường là hàng rào sắt với những dây thép gai cuộn tròn. Lối vào có hai cánh cổng bằng gỗ, nặng nề. Cánh phải có cục sắt dùng để gọi cửa, hình đầu người.

Giữa đại lộ Foothill và sa mạc Crystal Lake có độ nửa tá biệt thự như vậy nằm cách nhau một khu đất cát, quãng nửa hecta, đầy cây gai và cỏ dại.

Ngồi trong chiếc Buick mui trần - kiểu từ thời tiền chiến - tôi nhìn những cánh cửa gỗ với vẻ thờ ơ. Biệt thự gia đình Crosby, chỉ khác biệt thự những nhà triệu phú khác ở tấm biển gắn vào tường mang tên: Crestways. Dinh cơ của tất cả cái bọn con trời này đều nằm sau những bức tường loại không thể vượt qua. Tất cả đều có những cánh cổng nặng nề đủ làm nản chí những kẻ định tới quấy rầy. Những dinh cơ đó đều nằm trong cảnh lặng lẽ đặc biệt, thoảng có những mùi hương hoa giống nhau, có những thảm cỏ được chăm sóc cẩn thận như nhau. Tuy không thể nhìn thấu qua những tấm cửa, nhưng tôi biết chắc chắn đằng sau chúng bao

giờ cũng có cùng một loại bể bơi lộng lẫy, cùng những bể cá, những lối đi giữa những giàn cây leo với những bụi hồng. Khi có một triệu đô la, thì người ta phải sống giống như những nhà triệu phú khác để người ta khỏi khinh thường. Sự đời bao giờ cũng thế và sẽ mãi mãi như thế, chừng nào vẫn có những nhà triệu phú.

Chẳng thấy ai buồn mở cổng, tôi ra khỏi xe và bám lấy cái chuông trên tường. Tiếng chuông bị che chắn nên chỉ vọng khê ra như tiếng người bị bịt miệng. Im lặng hoàn toàn. Tôi bị ánh nắng chiếu vào giữa đỉnh đầu. Cái nóng mỗi lúc một thêm gay gắt nên công việc đứng giật chuông đối với tôi cũng là một cực hình. Cánh cổng rít lên khi tôi đẩy ra để thò cổ vào bên trong. Trước mắt tôi là một cái sân đủ rộng để cho một chiếc chiến xa biểu diễn. Nhưng có lẽ không có ai cắt cỏ cả tháng nay rồi, có thể đã từ hai tháng cũng nên. Hai hàng bông hồng trồng viền hai bên lối đi chính trong vườn cũng bị bỏ mặc, không được cắt tỉa. Màu vàng bầm của mấy chậu bông nổi lên giữa mấy cành tuy lúp và mào gà khô héo còn sót lại. Những túm cỏ thừa mọc quanh sân, hoặc nhô lên giữa những viên gạch lát. Rõ ràng là cái sân đã bị bỏ hoang. Nó gây cho tôi ý nghĩ, nếu như ông già Crosby trông thấy cảnh này, chắc cũng phải lắc đầu chán ngán mà trở về nắm mộ của mình.

Căn nhà sừng sững ở cuối đường đi, có hai tầng lầu, mái ngói đỏ, các cửa sổ đều có chấn song cầu kỳ che chắn, rèm cửa màu xanh, nhìn ra một cái ban công rộng.

Tôi quyết men theo con đường nhỏ hai bên viên gạch màu, để cái Buick lại ngoài đường.

Tới gần giữa đường thì gặp ba tay Tàu đang ngồi chơi súc sắc dưới bóng một vòm nho. Họ chẳng thèm để ý gì tới tôi đang đứng thông tay nhìn họ cũng như họ đã bỏ mặc cái vườn này cả tháng nay rồi. Quần áo bần, họ hút thuốc quăn và có vẻ mặc kệ đời.

Tôi đi tiếp tới một bể bơi ở khúc quanh của con đường. Bể cạn sạch nước, cỏ dại mọc nhô lên ở các khe gạch. Các đường viền bằng xi măng quanh bể đều phủ một lớp rêu sẫm, nứt nẻ bởi ánh mặt trời. Những chỗ có sợi dây cột bị đứt chiếc mái che bằng vải mặc sức bay phấp phật theo chiều gió.

Ở góc nhà có nhiều gara với các cánh cửa đôi đóng kín. Một người nhỏ thó, mặc bộ quần áo chen bằng bông bần, đội cát két kiểu tài xế, ngồi trên cái bi đông dầu trong nắng đang mài dũa một mẫu gỗ. Hắn ngược mắt nhìn tôi, vẻ không thân thiện:

- Có ai ở nhà không? - Vừa hỏi, tôi vừa móc tay vào túi lấy điều thuốc.

- Đừng quấy rầy, tôi đang bận.

Tôi thổi khói thuốc vào mũi hắn và bảo:

- Tổ cũng thấy vậy, nhưng biết đến bao giờ cậu rảnh?

Hắn nhổ trúng vào cái thùng bỏ lẩn lóc gần đấy có lẽ cả năm rồi, rồi lại tiếp tục đèo, gọt. Đối với hắn, chắc tôi cũng chỉ như cái cột, cái kèo gì quanh đó thôi. Biết chẳng thể hỏi được hắn gì hơn, trời nắng làm tôi thêm khó chịu, tôi đi về phía căn nhà, bước lên bậc và ấn hết sức mình vào núm chuông. Trong nhà im ắng lạ thường. Đợi lâu, nhưng tôi cứ đợi. Trong bóng râm, cái không khí hoang dại ở đây bắt đầu ảnh hưởng tới tôi như một liều thuốc ngủ. Nếu đứng thêm một chút nữa, có lẽ tôi thiếp đi mất.

Bỗng cửa mở và một người xuất hiện - có lẽ là tay quản lí ngôi nhà. Hắn nhìn tôi, mặt mũi tươi tỉnh như vừa bị đánh thức khỏi một cơn ngủ đầy giấc. Người cao, có bộ mặt như chim, gầy, má lõm, tóc xám, hai con mắt vàng của hắn sít lại quá gần nhau. Hắn bận chiếc áo chen kẻ sọc với cái quần đen mà tôi chắc hắn cứ thế mà đi ngủ. Hai cổ tay áo của hắn đang cần bà thợ giặt tới trở tài cấp cứu.

- Gì thế? - Hắn nhướn mày lên, hỏi tôi, kiểu cách xa vời.

- Cô Crosby.

Tôi để ý tay hắn có điều thuốc cháy dở dang.

- Cô ấy không tiếp ai trong lúc này cả. - Nói xong hắn định đóng cửa lại.

Tôi đã kê được chiếc giày của mình vào khe cửa.

- Tôi là bạn cũ chắc là cô ấy tiếp tôi. Anh đi báo có ông Malloy tới, rồi sẽ biết cô ấy xử sự như thế nào.

Tôi cuộc với anh là cô ấy sẽ bảo mang rượu sâm banh lên đây.

- Cô Crosby đang bệnh - hắn nói giọng lạnh lùng - cô ấy chẳng tiếp ai cả - nhìn hắn giống như một tay hề hạng bét.

- Anh thuộc bài quá nhỉ. - Hắn chẳng để ý tới câu nói châm biếm của tôi.

Hắn lại định đóng cửa vào và ngạc nhiên khi nhận thấy cửa bị chặn. Trước đó, hắn chưa nhìn thấy bàn chân tôi.

- Ai sẵn sóc cô ấy? - tôi hỏi và cười dịu dàng. Hắn tỏ vẻ sững sốt. Đã lâu lắm hắn chưa gặp một trường hợp nào đặc biệt như thế này. Hắn đành trả lời:

- Nữ hộ lý Gurney.

- Vậy thì tôi muốn gặp cô Gurney - nói rồi tôi đẩy mạnh cửa.

Việc thiếu luyện tập, ngủ quá nhiều, thuốc lá và rượu phá hại sức chống cự của hắn. Cánh cửa bị tôi đẩy ra cứ như một cây non trước cái xe ủi.

Tôi đứng trước gian tiền sảnh bao la, có một cái cầu thang rộng đi lên lầu theo một đường xoáy tròn ốc.

Một bóng người mặc đồ trắng đứng ở giữa cầu thang: một cô y tá.

- Được rồi, Benskin - cô ta nói - Để tôi tiếp ông khách cho.

Viên quản lí như trút được một gánh nặng, nhìn tôi lộ vẻ ngạc nhiên, rón rén đi qua tiền sảnh, mở cánh cửa đằng sau tấm màn che rồi lủi mất.

Cô y tá chậm chạp xuống thang như để cho tôi có đủ thời giờ mà ngắm nàng về mọi phương diện. Quả thật, tôi đã làm đúng như vậy. Có lẽ nàng là một nữ y tá trong một vở ca kịch thì đúng hơn, vì nàng thuộc loại người mà người ta chỉ cần nhìn qua đã lên cơn sốt rét. Một em tóc vàng, môi mọng đỏ, mắt sáng hết ý. Một bản giao hưởng về những đường cong lên và cong xuống. Thừa nhiệt tình và cháy bỏng như tia lửa. Nếu được nàng sẵn sóc, tôi xin sẵn sàng nằm liệt giường cho tới ngày cuối của cuộc đời.

Cô em lại gần trong tầm tay tôi, vậy mà tay tôi không động đậy, đây là do tôi đã cố gắng hết sức, kiềm chế được mình. Qua ánh mắt, tôi cảm thấy em cũng biết tác dụng của mình đối với người khách lạ.

Chính tôi cũng cảm thấy mình chẳng thể hờ hững với cô em. Nàng đưa một ngón tay dài, móng đỏ lên, khẽ gạt một đọn tóc vàng dưới cái mũ trắng sang bên. Khóe miệng màu rực rỡ khẽ mỉm một nụ cười. Đôi mày được tô vẽ cẩn thận khe khẽ nhướn lên. Dưới bóng hàng mi đen bóng, đôi mắt màu xanh lơ óng ánh đầy hứa hẹn.

- Tôi mong được gặp cô Crosby - tôi nói - Hình như cô ấy bệnh...

- Đúng vậy. Tôi e rằng cô ấy không thể tiếp khách.

Giọng nàng trầm trầm làm cho chùm dây thần kinh của tôi bị rung động cho tới cột tủy sống.

- Rất lấy làm tiếc - tôi vừa nói vừa liếc xuống cặp giò của nàng (giống hệt cặp giò tài tử điện ảnh Betty Gable). Tôi vừa từ Orchid City tới và là bạn cũ của cô nương. Tôi không được biết là cô nương bị bệnh.

- Cô ấy không được khỏe mấy tháng nay.

Tôi cảm thấy qua những lời trao đổi, cô y tá này chẳng hề quan tâm gì tới tình trạng bệnh tật của cô Crosby. Cảm giác của tôi sai hay đúng thì cũng chưa biết rõ.

- Bệnh của cô nương có gì trầm trọng không?

- Hừ, không. Cô ấy cần nghỉ ngơi tĩnh dưỡng.

Tôi nghĩ nếu hỏi thêm một câu nữa về bệnh tật chắc nàng sẽ ngáp quá, nên vội chuyển đề:

- Trời! Chỗ này yên tĩnh quá. Tôi nghĩ là thật hợp với cô.

Vào đề thế kể như là đạt. Nàng bắt đầu gỡ tóc.

- Yên tĩnh à? Ở dưới mồ còn dễ chịu hơn! - Nhưng chợt nhớ lại vai trò của mình là người y tá mẫu mực nên nàng ngưng ngưng, đỏ mặt nói tiếp.

- Đáng lẽ tôi phải giữ mồm giữ miệng hơn, điều tôi vừa nói không hay lắm, phải không?

-Ồ, không cần giữ ý tứ với anh đâu. Anh rất thoải mái và nếu có thêm một ly rượu lại càng thoải mái hơn.

- Rất hân hạnh được biết như vậy.

Đôi mắt cô nàng như dò hỏi tôi, và mắt tôi cũng đáp lại. Nàng lại ỏn ẻn:

- Anh không có việc gì làm thích thú hơn à?

- Anh có mấy tay bạn thân, họ thường nói: không gì khoái bằng kiếm được một việc làm vừa ý.

Nàng nhướn lông mày:

- Em có thể mách giùm họ, nếu họ muốn.

- Vậy thì mách luôn cho anh đây này.

- Được rồi, sẽ có ngày...Còn bây giờ, nếu anh muốn uống thì lại đây, em biết chỗ có ụytki.

Tôi theo cô em tới một phòng lớn ở cuối hành lang. Mắt tôi không rời em: đáng em đi trông thật lịch sự và mềm mại. Nàng cứ du đưa hông qua hai bên làm tôi liên tưởng tới cái cân bàn màu trắng có cặp thêm đủ loại kim băng của cô giữ trẻ. Được ngắm cô em đi như thế này, khéo tôi có thể đi theo cô hàng cây số.

Nàng chỉ chiếc divăng vừa sâu vừa rộng bảo tôi:

- Anh ngồi xuống đây chờ em đi pha ụytki cho.

Tôi buông mình xuống giữa mấy cái gối và có ý kiến:

- Cám ơn, nhưng với điều kiện là em cũng phải uống cùng anh. Anh rất ngán uống một mình.

- Được rồi - em trả lời.

Nàng lấy tận phía trong tủ đựng rượu ra một chai John Walker, hai cái ly và một chai nước suối.

- Có đá lạnh đấy, nhưng lại phải nhờ tới Benski, mà hắn có mặt trong lúc này sẽ làm chúng mình mất hứng.

Ánh mắt màu xanh của em lóng lánh qua hàng mi. Tôi vội tiếp lời:

- Khỏi cần đá. Ấy, cho vừa nước suối thôi để khỏi mất vị của ụytki.

Nàng rót tới ba phần tư ly rồi thêm vào chừng một muỗng cà phê nước suối.

- Thế này vừa ý anh chưa?

- Tuyệt lắm! - Vừa nói tôi vừa giơ tay ra đỡ - Xin giới thiệu cùng em, tên anh là Vic và tất cả các cô gái đều là bạn của anh.

Nàng ngồi xuống ghế, chẳng cần để ý tới việc kéo cái váy lại cho nghiêm chỉnh.

- Anh là người khách đầu tiên em gặp ở đây từ năm tháng nay.

- Quả đúng như vậy. Nhưng tại sao biệt thự này trước kia được chăm sóc như thế mà nay lại gần như bỏ hoang vậy? Không còn ai làm ở đây nữa sao?

Em nhún đôi vai tròn:

- Anh biết đấy, khi mèo vắng nhà...

- Nhưng đúng ra thì tình hình sức khỏe của cô Maureen thế nào?

Em vầu môi:

- Đây, anh không thể nói chuyện khác được sao. Em ngắt chuyện Maureen đến cổ rồi.

Tôi tập một ngụm ụytki khá lớn, đủ sức làm cho đức giám mục cũng phát hứng lên mà tham gia điệu nhảy bibốp và tỏ ra tán thành với em:

- Ô thực ra anh cũng cần quái gì đâu. Nhưng vì chỗ quen biết từ ngày xưa nên anh cứ đâm ra tò mò muốn biết cô ta hiện nay như thế nào.

Em gỡ mái tóc vàng ra đằng sau, cạo luôn ly rượu tới năm mươi phần trăm, phô ra đằng trước bộ ngực trắng như sữa. Kiểu cách “dzô” của em, xem ra đã dày công luyện tập.

- Đáng lẽ em không được phép nói với anh điều gì, nhưng nếu anh hứa với em là không cho ai biết...

- Anh sẽ không cho ai...

- Vậy thì được. Cô ta phải đi “cai” một thời gian... Chỉ có anh biết thôi đấy nhé.

- Vậy ra cô ấy nghiện nặng lắm sao? - Em nhún vai:

- Cũng khá nặng.

- Lúc nãy em định nói rằng: chủ vắng nhà, gà vọc niêu tôm phải không?

- Đúng vậy. Chẳng có ai tới đây trong suốt thời gian Maureen chưa bình phục. Khi cô ta còn đập đầu vào tường mà la hét thì bọn đầy tớ tha hồ mà xả hơi. Tất nhiên là như thế, phải không?

- Tất nhiên rồi.

Em đặt ly rượu xuống:

- Bây giờ, chúng mình nói chuyện khác đi. Em đã mất bao nhiêu đêm bên cạnh Maureen, vậy mà chẳng lẽ bây giờ lại còn phải ngồi đây để nhắc lại nữa sao...

- Trời ơi! Bao nhiêu đêm của em! Uống quá!

- Tại sao? - Đôi mắt màu xanh lơ của em, khép lại nửa chừng.

- Anh nghĩ rằng em sẽ bằng lòng đi chơi với anh một buổi tối nào đó. Anh sẽ chỉ cho em...

- Cái gì?

- À, một bộ sưu tập tranh đập thủ công.

Nàng cười khê:

- Thế đấy, ra là bộ tranh chứ không phải là cái máy đập.

Nàng đứng dậy đi lại cái bàn. Nhìn nàng đi đôi mắt tôi cứ chực nhảy ra ngoài.

- Một chút ụytki nữa. - Nàng đưa rượu cho tôi và hỏi - Anh không uống nữa sao?

- Rồi, rồi. Anh đang nghĩ xem có việc gì khoái hơn uống không.

- Thật vậy sao? Em đã đoán, rốt cuộc anh cũng sẽ nghĩ như vậy.

Nàng lại tự rót cho mình một chén nữa, lần này nàng không pha nước suối.

- Vậy ban ngày, ai săn sóc Maureen? - tôi hỏi khi nàng trở lại chiếc divăng.

- Nữ y tá Flemming. Anh sẽ không thích cô ấy đâu. Vả lại cô ấy ghét đàn ông.

- Vậy hả?

Nàng ngồi đối diện với tôi: - Cô ta có hợp với chúng mình không?

- Không. Mà việc đó cũng chẳng quan trọng. Cô ta ở bên cánh trái của tòa nhà, gần khu gara. Khi nào Maureen la hét thì họ chuyển cô ta lên đó.

Đúng là điều tôi muốn biết.

- Thôi quăng hết cái bọn y tá lập dị ấy đi - Tôi vừa nói, vừa tỳ cánh tay vào lưng ghế, phía sau đầu nàng. Nàng ngả vào tay tôi. Tôi hỏi:

- Còn em, em có ghét đàn ông không?

- Cái đó còn tùy xem họ là ai. - Mặt nàng gần với mặt tôi. Tôi áp môi tôi vào thái dương nàng. Chẳng có dấu hiệu gì chứng tỏ nàng không thích.

- Loại như anh có được không?

- Có thể đấy.

Tôi cầm cái ly từ tay nàng, đặt xuống sàn và bảo:

- Vương quá!

- Bỏ đi cũng tiếc.

- Ôi, rồi anh lại cần tới nó ngay thôi mà.

- Thật không?

Nàng áp người vào người tôi, cả đôi môi nữa. Chúng tôi cứ như vậy, một lúc lâu. Đột nhiên, nàng đẩy tôi ra và đứng dậy. Tôi đã nghĩ, đối với nàng, lơ mơ một chút thôi như vậy là đủ. Nhưng, tôi đã nhầm. Nàng đi qua phòng, để khóa cửa. Rồi trở lại, ngồi xuống bên tôi. Tôi đậu xe trước tòa thị chính ở góc đường Fledman và Centre Avenue rồi rảo bước đi lên các bậc thềm. Trước mặt tôi là cả thế giới giấy tờ, hành lang lạng lẽ và bọn cạo giấy đủ các lứa tuổi, chờ về hưu.

Phòng chuyên về giấy khai sinh, khai tử ở trên lầu một. Tôi ghi yêu cầu của mình vào một tờ giấy rồi đẩy qua cửa ghisê. Một nhân viên nhận tờ giấy của tôi, đóng dấu, thu tiền xong chỉ vào một tập hồ sơ:

- Tập hồ sơ thứ sáu, kể từ bên phải. Xin ông làm nhanh cho, ông Malloy.

Tôi cảm ơn ông ta. Ông ta thò đầu ra bắt chuyện thêm, bây giờ thì chẳng cần để ý tới thời giờ đáng quý của cả đôi bên.

- Công việc có chạy không? Cả tháng nay không nhìn thấy ông, ông Malloy.

- Cũng khá. Còn công việc của ông thế nào? Số giấy khai tử vẫn thế chứ?

- Bằng số giấy khai sinh. Nó bù trừ cho nhau mà.

- Vậy hả?

Câu chuyện phiếm ngừng ở đó. Tôi cảm thấy mệt. Cuộc du dương của tôi với cô nữ y tá Gurney làm tôi bủn rủn cả chân tay. Tôi tưởng như tập hồ sơ nặng tới một tấn trên tay tôi và phải khó nhọc lắm tôi mới bê được nó tới cái bàn. Cũng tại vì em cả... Tôi lục tập hồ sơ và tìm tờ giấy khai tử của Janet Crosby. Cô ta đã chết vì bệnh tim loại ăng-đô-các-đít ác tính - bệnh này chắc có trời mới biết là bệnh gì - ngày 15 tháng 5 năm 19... Độc thân, hai mươi lăm tuổi. Giấy chứng tử mang chữ ký của một ông tên là John Bewley. Tôi ghi lại tên này rồi giở hồ sơ tới tờ khai tử của Mac Donald Crosby. Ông ta chết vì một viên đạn vào đầu. Salzer người chứng tử, còn chôn cất là Franklin Lessways. Ghi vào sổ tay xong, để tập hồ sơ "C" lại trên bàn, tôi lê chân tới gã nhân viên đang tò mò quan sát tôi. Dựa người vào ghisê, tôi nói:

- Nhờ ông xếp hộ tôi vào chỗ cũ. Người tôi nhìn thế mà lại không được khỏe.

-Ồ, không sao, tôi sẽ bảo người xếp lại, ông Malloy ạ.

- Còn việc này nữa: ông có thể mách cho tôi biết bác sĩ John Bewley là ai và ở đâu không?

- Ông ta có một căn nhà nhỏ ở Skyline Avenue. Nhưng tôi không muốn giới thiệu ông với ông ta đâu.

- Sao vậy?

Người viên chức già nhún vai, vẻ chán nản:

- Ông ta quá già rồi. Có thể cách đây năm mươi năm, ông ta là một bác sĩ khá. Còn bây giờ, ông ta coi cái đầu mình chẳng khác gì hộp thịt.

- Cũng chẳng sai...

Người viên chức tòa thị chính cười và bảo: - Nhưng cũng tùy từng cái đầu chứ.

- Lẽ dĩ nhiên. Vậy ra Bewley là một ông già lẫn lẫn rồi sao?

- Đúng như vậy đấy, tuy ông ta không làm hại ai. Vả lại số khách của ông ta chỉ có chừng một tá thôi.

Gã gãi tai nhìn tôi với vẻ dò xét:

- Ông điều tra một vụ gì phải không? Tôi trả lời:

- Tôi có bao giờ điều tra làm việc gì đâu. Thôi cảm ơn ông. Hẹn gặp lại nhé. - Tôi đi chậm chậm xuống cầu thang, ra đường nơi có ánh nắng ấm và suy nghĩ:

“Coi nào, một cô nàng triệu phú bỗng nhiên lẫn ra chết, sau đó, người ta chỉ gọi tới bên giường nàng một tay thầy thuốc hạng bét. Thật là một hành động tiết kiệm kỳ quái của bọn triệu phú! Đáng lẽ họ phải thành lập một hội đồng giám định y khoa quanh nàng thì mới là chuyện bình thường”.

Tôi chui vào chiếc Buick và mở máy cho xe chạy. Đối diện với hàng xe của tôi, có một chiếc Dodge màu xanh ôliu. Một gã đàn ông đội chiếc mũ phớt màu be có trang trí thêm một sợi dây nhỏ, đang đọc báo đăng sau tay lái. Đáng lẽ tôi đã không để ý tới hắn, nếu như hắn không vội ngẩng mặt lên, buông tờ báo xuống, khi vừa nhìn thấy tôi, rồi cho xe khởi động. Tôi cũng chú ý tới hắn và tự hỏi tại sao bỗng nhiên hắn buông tờ báo ra như vậy. Chỉ nhìn đôi vai của hắn, cũng đủ biết hắn vào loại cái tủ đứng có cái đầu như được gắn chặt vào thân, không thấy cổ. Bộ ria mép màu đen của hắn mỏng như được vẽ bằng bút lông, đôi mắt ẩn dưới cặp lông mày rậm rạp. Có thể xếp hắn vào bọn vệ sĩ to con trong những phim của Huphrey Boggart đóng.

Tôi cho chiếc Buick nhập vào dòng xe cộ, không cần chạy nhanh về phía Centre Avenue, mắt không rời chiếc gương phản chiếu.

Chiếc Dodge, đang ở chiều ngược lại với xe tôi, biểu diễn động tác quay ngoắt trở lại một cách cấp kỳ giữa những tiếng còi và tiếng la ó phản đối của những người lái xe khác, rồi bắt đầu bám xe tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng người ta có thể quay xe như thế ở giữa Đại lộ Trung tâm, mà không bị phiền phức, nhưng giờ này, các tay cảnh sát giao thông bị quá đừ vì cái nóng nên đã đi đâu hết.

Tới góc Đại lộ Trung tâm và Westwood Avenue, tôi đưa mắt nhìn vào gương chiếu hậu. Chiếc Dodge vẫn bám theo tôi, tay “xế” bám chặt vào tay lái, điều xì gà trên miệng, một tay tì vào thành xe kính đã hạ xuống. Tôi nhún ga vừa đủ để nhìn thấy biển số xe và cố ghi lại những con số. Tay lái xe bám đuôi không chú ý đến điều đó. Tôi đường Hollywood Avenue, tôi bắt đầu phóng xe lên dốc tới tốc độ tám mươi. Sau một phút do dự, chiếc Dodge chồm lên đằng trước và tôi nghe thấy tiếng máy của nó cho tới đường Foothill. Tôi hãm xe đột ngột, đưa xe vào bên đường. Chiếc Dodge vẫn chạy tiếp. Tay tài xế không để ý tới tôi chạy thẳng ra con lộ lớn Los Angeles - San Francisco.

Tôi ghi số chiếc xe Dodge cùng tên bác sĩ Bewley vào một phong bì, nhét vào bao súng, và mở máy xe, chạy về hướng Skylive Avenue. Ở giữa phố, một căn nhà gỗ bên ngoài hàng rào có gắn tấm biển bằng đồng lấp lánh dưới ánh mặt trời. So với những tòa biệt thự hiện đại vây quanh thì cái giá của ngôi nhà giản dị yên tĩnh này, chỉ ngang bằng một túp lều.

Tôi hãm xe, thò đầu qua cửa, nhưng vì xe ở xa bằng không thể đọc được những dòng chữ đã bị mờ đi vì bụi thời gian. đành phải xuống xe, lại gần hàng rào và chú ý lắm mới phát hiện ra tên bác sĩ Bewley trên bảng.

Tôi sắp sửa nâng cái then chắn cánh cổng lên thì cái xe Dodge màu xanh ôliu chạy vút qua, sát cạnh tôi. Tay lái xe nhìn thẳng, nhưng tôi biết chắc hắn đã nhìn thấy tôi và biết tôi có ý định vào đâu. Tôi quay lại, đưa mắt theo dõi, thấy nó phóng nhanh xuống phố dưới rồi mất hút khi quặt vào đại lộ Westwood.

Tôi hất chiếc mũ ra phía sau, rút bao thuốc lá ra châm một điếu, nâng cái then cài cổng rồi theo con đường nhỏ rải sỏi đi vào căn nhà nhỏ.

Mảnh vườn nhỏ, hẹp nhưng được chăm chút thật kỹ càng. Các cửa sổ đều có màn che, tuy rằng màu vàng cam của các tấm màn đã bị phai nhạt vì ánh nắng.

Cái cửa ra vào cùng toàn bộ căn nhà có lẽ đương cần tới một vài nước sơn.

Tôi nhấn vào nút chuông đứng đợi và nhận thấy có người quan sát mình qua tấm màn cửa. Tôi làm ra dáng mình là người hiền lành, đang ngoan ngoãn chờ người mở cửa.

Đúng lúc tôi định nhấn chuông lần nữa thì có tiếng “kít, kít” như tiếng chuột kêu trong hộp gỗ, rồi cửa mở.

Người đàn bà đứng trước mặt tôi trông nhỏ nhắn và mảnh mai làm tôi liên tưởng tới một con chim. Bà ta mặc bộ đồ bằng lụa đen theo kiểu cách thịnh hành có lẽ cách đây vào quãng năm chục năm, ở cái miền xa vắng nào đó mà chưa từng ai biết tới tờ báo “Thời trang phụ nữ”.

Bộ mặt nhăn nhúm mang dấu vết của sự mệt mỏi và cam chịu. Ánh mắt bà ta bộc lộ sự phiền muộn của kẻ phải sống trên cõi đời này.

Tôi ngả mũ chào, nhận thấy bà ta ngạc nhiên trước cử chỉ lễ phép của tôi:

- Thưa bà, ông bác sĩ có nhà không ạ?
- Có chứ. Ông ấy đương ở sau vườn. Để tôi đi gọi.
- Thôi, khỏi cần. Bà cứ để tôi gặp ông ấy. Tôi không phải là bệnh nhân và chỉ muốn gặp ông hỏi đôi điều.
- Vậy thì được.

Tia sáng hy vọng tắt ngóm trong ánh mắt bà ta.

Tôi không có bệnh mà chỉ là một thằng cha mạnh khỏe, tò mò về một chuyện gì đấy. Cũng có nghĩa là sẽ chẳng có món tiền khám bệnh gì cả! Bà ta dặn thêm tôi:

- Ông đừng hỏi chuyện lâu quá nhé. Ông ấy không muốn bị quấy rầy đâu.
- Xin vâng.

Tôi cúi chào bà thật điệu bộ, giống như những người đàn ông đã từng ngưỡng mộ bà từ thuở xa xưa rồi đi ra vườn. Bà ta đóng cửa lại. Một lát sau, tôi đã thấy bóng bà sau bức rèm.

Tôi ra vườn bằng lối đi nhỏ men theo căn nhà. Có lẽ gia đình Bewley có truyền thống về nghề làm vườn hơn là nghề bác sĩ. Nếu tôi có quyền kéo ba gã Tàu ở Crestways tới đây, chắc chắn khi nhìn thấy mảnh vườn này, họ phải thấy xấu hổ.

Một ông già mặc áo vét, quần màu xám, giày buộc dây, mũ Panama màu vàng, đang đứng ngắm nghía bông hoa đalila lớn. Ông ta nghiêng nghiêng người nhìn vào đóa hoa như nhìn vào miệng một bệnh nhân đau họng vậy. Lẽ dĩ nhiên, ông ta làm công việc này chăm chú hơn khi khám bệnh.

Khi ngược mắt nhìn tôi, mặt ông ta nhăn nhúm lại, màu da thì bồng bợt như màu vỏ mận. Mỗi lỗ tai ông ta đều có một chùm lông trắng mọc tòi ra. Ông ta không có vẻ trí thức mà chỉ là một ông già không còn tham vọng, chịu đựng, tự mãn với cuộc sống hiện tại, không thông minh lắm nhưng cũng không muốn bị thua thiệt trong việc gì. Tôi lên tiếng:

- Chào bác sĩ. Mong rằng tôi sẽ không làm phiền ông quá.
- Giờ khám bệnh từ 5 giờ tới 7 giờ, anh bạn trẻ ạ - ông ta nói khề tới mức tôi phải cố gắng lắm mới nghe được. - Bây giờ tôi chưa thể khám cho anh đâu.

Tôi ngắm bông hoa đalila qua vai ông, bông hoa có những cánh dài như lưỡi lửa, thật đẹp, và nói:

- Tôi tới đây không phải để khám bệnh. Tôi là Malloy bạn cũ của cô Janet Crosby.
- Janet Crosby hả? Thế thì sao?

Trời nóng nực, tiếng ong bay và mùi hương hoa bao quanh đây chỉ làm tôi thêm mệt mỏi. Tôi cố gắng làm cho ông rõ vấn đề mà tôi muốn đề cập tới:

- Trong tờ biên bản khai tử của cô ấy, có chữ ký chứng nhận của ông.
- Anh tên là gì nhỉ? Nhắc lại xem nào.
- Victor Malloy. Cái chết của cô Crosby đã gây cho tôi đôi điều phiền muộn.
- Tại sao?

Ông ta thoáng vẻ lo lắng qua ánh mắt của một người không còn đủ sức khỏe, dăng trí và tự cảm thấy nếu mình cứ tiếp tục hành nghề, thế nào cũng có ngày mắc phải sai sót. Có khi ông nghĩ tới tới đây để khiếu nại ông về một việc gì đó mà ông đã phạm phải trong chuyên môn cũng nên. Tôi vội nói với giọng bình thản để ông yên tâm:

- Janet là bạn cũ của tôi. Tôi không hề biết cô ấy bị yếu tim. Vừa qua, tôi đi vắng tới ba bốn năm mới trở về, nên khi được tin cô ấy mất, tôi không tránh khỏi bị xúc động. Bởi vậy tôi muốn gặp ông để biết chắc chắn là cái chết của Janet không có gì bất bình thường.

Hai cánh mũi của ông bỗng phồng phồng chứng tỏ ông có điều lo ngại. Ông nói:

- Ý anh định nói thế nào là “bất thường”? Cô ta có đủ triệu chứng của cái chết vì “ăng-đô-các-đít”. Cả bác sĩ Salzer cũng có mặt ở đó nữa. Tôi không hiểu anh còn nghi ngại điều gì?
- Bây giờ thì tôi yên tâm rồi. Nhưng ăng-đô-các-đít là cái bệnh gì nhỉ? - Trán ông nhăn lại. Ông đã nghĩ. Ông sắp thú thật với tôi rằng ông cũng chẳng biết nó là cái quái gì cả. Nhưng may quá ông đã cố làm cho bộ não xơ cứng của mình động đậy và trả lời tôi chậm chạp, cứ như đang trích đọc tài liệu từ bộ sách y khoa toàn thư vậy.
- Là một loại bệnh do nhiễm trùng van tim khiến cho máu chuyển những mầm mống bệnh đi khắp cơ thể. Janet mắc bệnh này, kể như hết hy vọng. Nếu người ta gọi tôi sớm hơn thì tôi cũng đành bó tay thôi.
- Tôi cũng đã nghĩ như vậy. Nhưng bác sĩ không phải là người chăm sóc và chữa bệnh cho cô Janet, vậy tại sao người ta lại phải mời ngài tới?
- Đúng vậy. Nhưng mời tôi thì cũng phải thôi vì tôi ở gần, vả lại bác sĩ Salzer cũng không thể chứng nhận một mình.
- Bác sĩ Salzer là ai vậy?

Ông ta lộ vẻ sốt ruột, mong được thoát khỏi cái cửa ải tò mò hỏi ông hết chuyện này đến chuyện khác, khiến cho ông không thể ngăn nghía các bông đālila kia nhưng cũng trả lời:

- Ông ta điều hành một bệnh viện tâm thần ngay gần nhà Crosby. Hình như có họ hàng thế nào đấy nên không thể cấp giấy chứng tử được. Trình độ nghề nghiệp của ông ta cũng chẳng có gì xuất sắc nên tôi có giúp cũng thuận lợi hơn.

Tôi đành phải tin là như vậy, rồi hỏi thêm:

- Tôi muốn biết rõ ràng về câu chuyện này trước khi đi xa, nhưng cô Maureen lại đang bệnh nên không hỏi ai được. Vậy tại sao cô Janet lại chết bất thành linh về bệnh tim? Có chuyện gì xảy ra với cô ấy? Khi cô ta chết, ông có mặt bên giường bệnh không?

Ông ta lại lộ vẻ sợ sệt và trả lời vội vã:

- Không, không, tôi không có mặt ở đấy lúc đó. Tôi tới sau khi cô ấy đã chết được 15 phút. Chết trong khi ngủ. Bác sĩ Salzer bảo tôi cô ta bị ăng-đô-các-đít từ nhiều tháng rồi. Chính ông ta là người săn sóc thuốc thang cho cô ấy. Bệnh này thì chỉ có một biện pháp là được tỉnh dưỡng thôi. Nhưng, tại sao anh bắt tôi trả lời nhiều câu hỏi như vậy?

Ông ta liếc nhìn về phía căn nhà, mong đợi sự ứng cứu của bà vợ, nhưng chẳng thấy bóng dáng bà ta đâu. Tôi mỉm cười bảo:

- Tôi chỉ muốn xác nhận rõ ràng. Vậy là khi ông tới nhà Crosby, bác sĩ Salzer đã có mặt ở đấy rồi, phải không?

Ông ta vội gật đầu.

- Có còn ai nữa không? - Cô em.

- Maureen?

- Đúng vậy.

- Bác sĩ Salzer đưa ông vào phòng của Janet. Maureen cũng đi theo chứ?

- Đúng. Cả hai người đi theo tôi. Cô gái đã khóc vì quá xúc động.

Đáng lẽ phải mổ khám tử thi, nhưng cái căn bệnh ấy có nhiều triệu chứng rõ rệt lắm rồi. Vả lại, cũng phải chú ý tới tình cảm của gia đình.

- Vậy mà 14 tháng sau, bây giờ ông lại nghĩ rằng lẽ ra đã phải có một cuộc khám nghiệm tử thi.

Giọng tôi hơi đanh lại khiến ông chợt dạ:

- Đúng vậy, vì thật ra, ông Salzer chăm lo việc chữa bệnh cho cô Janet chỉ có bằng tiến sĩ khoa học chứ không phải tiến sĩ y khoa. Chính ông ta thú thật với tôi điều đó. Nhưng, các triệu chứng của căn bệnh thì...

-... Thật là rõ ràng, tôi biết. Tôi muốn hỏi ông thêm điều này: trước kia ông đã gặp cô Janet Crosby chưa?

Ông ta đắn đo tìm câu trả lời, như sợ lọt vào bẫy của tôi:

- Tôi có nhìn thấy cô ta trên xe hơi, nhưng không có điều kiện để nói chuyện.

- Nghĩa là ông chưa có dịp gần cô ta để có thể nhận thấy triệu chứng của căn bệnh ấy phải không?

Ông ta nhăn trán hỏi lại:

- Ý anh định nói gì?

- Chúng ta đều biết Janet bị ăng-đô-các-đít từ nhiều tháng rồi phải không? Ông đã gặp cô ta ngồi trên xe hơi, trước ngày cô ấy chết được bao lâu?

- Tôi không nhớ một hay hai tháng.

- Theo như ông nói, thì thời gian này, Janet phải có đủ triệu chứng dễ nhận thấy của căn bệnh, phải không?

- Ủ, vậy mà tôi không thấy...

Như cảm thấy mình bị sa xuống hố, ông vội thè đầu lưỡi ra liếm đôi môi mỏng, rồi vừa nói vừa đi xa tôi hơn:

- Tôi không biết anh định dẫn tôi đi tới đâu. Tôi không còn thời gian nữa. Xin lỗi anh nhé.

Tôi ngỏ lời cảm tạ ông và nói:

- Tôi biết đã quấy rầy bác sĩ. Xin ngài hiểu cho, vì tôi quá yêu cô Janet nên muốn được an tâm mọi điều về cô ấy.

Ông ta im lặng tiếp tục đi ra xa, giữa những bụi hồng... Tôi đành phải theo đuôi ông, cố hỏi thêm một câu nữa:

- Bố cô Janet, ông Donald Crosby bị chết vì tai nạn bất chợt xảy ra, vậy mà tại sao bác sĩ Salzer cũng có mặt để ký vào tờ khai tử?

Ông ta nhìn tôi như vừa tìm thấy một con bọ cạp trong chậu nước tắm vậy.

- Thôi, thôi, xin anh hãy để cho tôi yên. Anh đi mà hỏi ông Salzer ấy. Hãy để cho tôi yên.

Tôi trả lời diêm dăm:

- Ông rất có lý. Tôi sẽ làm theo lời chỉ dẫn của ông. Xin cảm ơn ông. - Ông ta quay mặt đi. Nhìn từ phía sau, ông càng có vẻ lồm khồm. Ông đưa tay run run, bứt mạnh một bông hồng héo. Rõ ràng tôi đã làm hỏng của ông cả một buổi chiều vui.

Tôi gặp lại bà già ở cổng. Bà ta cố giữ vẻ bình thản nhưng tôi hiểu bà ta đang chờ đợi điều gì. Tôi ngả mũ chào bà ta, nói:

- Tôi biết đã quấy rầy bác sĩ quá lâu. Bác sĩ bảo, thời giờ của ngài rất quý. Vậy bà thấy 5 đô la có đủ không?

Đôi mắt bà ta bỗng sáng lên và nét mặt bỗng trở thành lạnh lùng. Bà liếc vội về phía vườn rồi bảo:

- Anh thật chu đáo quá!

Tôi giúi tờ giấy bạc vào tay bà. Mấy ngón tay quặp ngay lại cứ như miệng con thằn lằn đớp con muỗi. Tôi đẩy cửa bước vào phòng làm việc. Anh bạn đồng nghiệp Jack Kerman của tôi đang ngủ gà ngủ gật trong chiếc ghế bành. Paula thì đang ngồi ở bàn làm việc của tôi với một đống hồ sơ trước mặt. Nhờ những tập hồ sơ này mà chúng tôi có thể biết rõ người đến, kẻ đi, những đám cưới, số sanh, số tử của cái thành phố Orchid City này. Tuy Paula có riêng 4 người giúp việc nhưng cô ta vẫn giữ những tập hồ sơ quan trọng, để khi cần có thể sử dụng ngay.

Tôi đập mũ vào đầu Kerman để đánh thức cậu ta dậy. Cậu ta cần nhàn, dụi mắt rồi vừa ngáp vừa hỏi:

- Thế nào anh bạn, đã làm được những trò gì rồi? Mà có làm không đã chứ?

- Làm thật chứ sao?

Tôi ngồi xuống ghế, châm điếu thuốc, vén tay áo lên rồi kể tỉ mỉ về cuộc hành trình của tôi cùng những sự việc đã xảy ra - lẽ dĩ nhiên phải bỏ qua cuộc họp mặt thân mật của tôi với cô y tá Gurney. Paula nghe tôi kể với thái độ hơi ngờ vực, còn Kerman thì chịu chuyện lắm. Cậu ta nuốt hết những gì tôi nói. Tôi kết luận:

- Việc tôi làm chưa được bao nhiêu, nhưng cũng đủ để thấy việc chúng ta tiếp tục điều tra về vụ này là phải. Chưa rõ có điều gì mờ ám không. Nhưng nếu có chúng ta nên cố giữ kín, càng kín càng có lợi cho chúng ta.

Kerman nhận xét:

- Hiện tượng thằng cha lái xe theo dõi anh như thế là có vấn đề đấy.

- Nhưng cũng có thể, đó chỉ là một người, nổi hứng thích chơi trò thám tử một lát thì sao?

Tuy nói vậy, nhưng tôi cũng nhắc ông nói, bảo cô trực đài:

- Cho tôi gọi tới Ban An ninh.

Paula ngưng tay kiểm tra một tập hồ sơ, hỏi tôi:

- Anh kịp ghi số xe của hắn chứ?

- Tôi định nhờ kiểm tra số chiếc xe đó đây.

Có tiếng nói ở đầu dây bên kia:

- Ban An ninh đây.

- Cho tôi nói chuyện với trung úy Mifflin.

Có tiếng lạo xạo trong máy và tiếp đó là tiếng nói cứng rắn của Mifflin.

Tim Mifflin là một cảnh sát cần mẫn, có lương tâm. Tôi đã làm việc trực tiếp với anh ta một vài lần, khi thì anh ta giúp tôi, khi thì tôi giúp lại, anh rất mê đánh cá ngựa và mấy lần do nghe theo lời mách nước của tôi, mà trúng được mấy giải khá khá.

- Malloy đây, khỏe không, Tim?

Có tiếng lầu bầu:

- Này, đây khỏe hay không thì có liên quan gì tới cậu? Cậu còn muốn làm phiền tôi việc gì vậy?

- Tôi muốn biết ai là chủ chiếc xe Dodge màu xanh, số biển D.R 3345.

- Này, này bỏ cái kiểu dựa vào cảnh sát để làm ăn nhé. Brandon mà biết việc này thì cha ấy sẽ không nể nang gì tôi đâu.

- Bởi vậy nên tôi có nói gì với ông ấy đâu, chỉ cần anh giữ kín là xong mà. Nhân nói tới chuyện làm ăn, xin báo cho anh biết rằng bốn rưỡi ngày mai, tại sân quần ngựa, con Apple chạy đấy nhé.

- Không xạo đấy chứ?

- Tôi nói nghiêm chỉnh đấy. Anh có thể bán nhà, cầm vợ, đục két của sếp Brandon lấy tiền chơi, cũng không có gì là quá đáng. Nhất định bỏ ra hai thu vào sáu. Cái con ngựa đó ấy mà, muốn cho nó chạy chậm lại, chỉ có cách là bám lấy đuôi nó mà kéo thôi.

Giọng Mifflin vẫn còn có thể hơi lưỡng lự, nhưng rồi anh ta sẽ nghe tôi, đó là cái chắc.

- Ồ, ờ... cũng có thể như anh nói.

- Không phải là có thể đâu. Chắc chắn là như vậy. Nhưng còn cái số xe thì sao?

- Được, đợi tôi một phút.

Trong lúc tôi đặt máy xuống bàn để chờ tin, Kerman cầm một chiếc máy khác lên và quay số gọi, tôi hỏi:

- Cậu làm gì mà hấp tấp thế?

- Tôi gọi tới sân quần ngựa. Coi cái tin anh vừa đưa về con Apple có vào loại thứ thiệt hay không.

- Thôi, cho qua đi. Đây là cái tin tôi nghe thấy người ta bàn tán thế thôi.

Cậu ta đặt ống nghe xuống, trợn mắt hỏi tôi:

- Vậy nếu Mifflin nghe anh bán nhà, cầm vợ thì sao?

Tôi cười trả lời:

- Cậu đã nhìn thấy bà vợ Mifflin chưa? Còn khuya Mifflin mới làm nổi những việc đó.

Có tiếng Mifflin trong ống nghe:

- Biển D.R 3345 hả.

- Đúng vậy.

- Xe của Jonathan Salzer.

Ông ta điều khiển một bệnh viện điều dưỡng. Nếu anh đau bụng chẳng hạn, lão ấy sẽ cho anh uống một ly nước đầy trái cây và quăng anh vào một chỗ, chờ cho nó lên men. Tay này vào loại biết cách làm tiền đấy.

- Chưa dính vào một vụ phạm pháp nào chứ?

- Chưa. Này, con ngựa ấy, chắc chứ?

- Tôi đã nói là chắc mà (tôi nháy Kerman. Anh có thể bán chiếc áo cuối cùng của anh đi cũng được. Không có gì phải hối hận đâu.

- Tốt! Tôi sẽ nghe anh và đặt năm trăm đô vào con ấy. Sẽ không đặt hơn một cắc nào đâu.

Tôi gác máy nói với Kerman:

- Trời ơi! Năm trăm đô la mà định làm giàu!

Kerman bảo:

- Chiếc xe ấy là của Salzer à. Hấn là ai?

- Để tôi tìm xem. Paula đưa cho tôi một tập hồ sơ, anh coi thử tập này coi có gì đáng chú ý không. Chúng ta chỉ có từng đó tài liệu về Janet Crosby.

Paula đứng dậy, ra ngoài. Tôi liếc nhìn tập hồ sơ và bảo Kerman:

- Khiêu vũ, quần vợt, gôn... Những trò này đâu có thích hợp với người đau tim. Cô ta có hai bạn thân là Joan Parmelta và Douglas Sherrill, đã định kết hôn cùng Sherrill, nhưng rồi cuộc tình lại tan vỡ. Vì sao? Cần phải rõ việc này mới được.

- Tôi chưa từng nghe nói tới người này. Anh có cần điều tra về hắn không?

- Cần đấy. Cậu hãy tìm cách gặp cả hai người, Parmetta và Sherrill, bảo cậu là bạn của Janet bị đau tim coi phản ứng của họ ra sao. Nếu họ chưa từng nghe nói tới việc này, thì đúng là có chuyện mờ ám rồi. Paula sẽ giúp cậu một tay.

Paula đi vào, nói với tôi:

- Tôi không có nhiều tài liệu về Salzer. Chỉ biết ông ta là chủ nhân của một viện dưỡng sức loại sang. Hai trăm đô la một tuần cho mỗi giường.

- Chà, làm ăn được như thế, cũng khá đấy chứ.

Kerman nói góp:

- Đời này lắm kẻ khùng. Bỏ ra một số tiền như thế để được uống một vài ly nước trái cây. Lẽ ra, chúng ta phải nhảy vào cái dịch vụ này mới phải. Còn gì nữa không?

- Ông ta đã có vợ, nói được tiếng Pháp và tiếng Đức. Tiến sĩ khoa học, 53 tuổi, chưa có con.

Tôi đứng dậy, bảo Paula:

- Em giúp Kerman một tay về chuyện tìm hiểu Pametta và Sherrill nhé. Để anh đi gặp bà Bendix, người chuyên cung cấp người giúp việc cho gia đình Crosby. Rất có thể sẽ tìm ra nhiều mối đấy. Khi gặp bà Martha Bendix lần đầu, ai cũng tưởng bà ta là đàn ông. Bà giám đốc cơ quan tìm việc làm cho người lao động, có thân hình khá mập, đôi vai rộng, tóc cắt ngắn. Bà mặc sơ mi, thắt cà vạt, nên ai cũng phải sửng sốt khi bà đứng dậy vì chợt thấy cái váy, đôi vớ lụa và đôi giày gót bệt. Tuy vậy, bà thuộc loại người ruột dễ ngoài da, cởi mở, dễ gần. Nói chuyện với bà, nên đứng xa một chút thì an toàn hơn vì bà có thể vỗ vào vai bạn bất cứ lúc nào, làm bạn chết điếng đi vài tiếng. Tiếng cười của bà dễ làm ta giật mình vì nghe như súng nổ. Bà thích nói chuyện với các cô em có bộ tóc vàng hơn là với những chàng trai vóc dáng thô lỗ như tôi. Vậy mà, thấy tôi, bà vẫn đon đả:

- Ô, Vic đấy à. Vô đi, vô đi! Kìa, ngồi xuống. Lâu quá rồi không gặp. Dạo này, cậu biến đi đâu vậy? Lại có áp phe gì ngon phải không?

Tôi tùm tùm:

- Thì cũng phải kiếm sống chứ. Chị Martha ạ, tôi có việc mong được chị giúp đỡ đấy. Chị vẫn liên hệ với gia đình Crosby, phải không?

- Trước đây ít lâu thì có, dễ đến sáu năm rồi. Chính tôi đã cung cấp những người làm cho họ, nhưng từ khi cô Janet mất, họ đã cho tất cả những người làm cũ thôi việc rồi mướn những người khác mà không qua tay tôi.

- Nghĩa là tất cả những người do chị cung cấp đều đã bị thải rồi?

- Đúng vậy.

- Sau đó họ làm gì?

- Tôi đã tìm cho họ chỗ làm khác.

Tôi im lặng một lát để suy tính rồi nói thật:

- Chị Martha này, đối với chị, tôi chẳng muốn giấu giếm điều gì. Tôi đang tìm hiểu về cái chết của Janet, vì chưa tin hẳn cô ta chết vì bệnh tim. Tôi muốn gặp những người làm cũ trong gia đình Crosby, tay quán gia chẳng hạn. Tên hắn là gì nhỉ?

- John Stevens.

Martha với tay lấy ly rượu ứt ki, bỏ ba hạt cà phê vào miệng, rồi chiêu luôn một hớp. Sau khi đã giấu cái chai và ly rượu để cô thư ký khỏi trông thấy, bà ta nhấn vào cái nút chuông điện đặt trên bàn.

Cô thư ký có bộ mặt chuột nhẹ nhàng vào phòng Martha hỏi: - Bây giờ John Stevens làm ở đâu?

- Làm cho gia đình Pregory Wainwright, tại Hillside, Jefferson Avenue. Tôi hỏi thêm:
 - Còn cô hầu phòng của Janet?
- Martha vẫy tay ra hiệu cho cô thư ký đi ra, rồi lầm bầm bảo tôi:
- Cái con đĩ ấy hả? Nó không muốn

9. Chương 9

Ngồi sau bàn làm việc, Brandon dương hai mắt, hằm hè nhìn tôi. Là sĩ quan trong ngành cảnh sát, tuổi đã vào quãng trên năm chục, nên con số vòng bụng của ông có nhiều triển vọng tăng nhanh hơn chức vụ. Ông có khổ người ngắn, tóc cứng màu bạc, đôi mắt lạnh lùng bao giờ cũng như những mũi kim sắc sảo châm vào người khác.

Chúng tôi đang họp thành một bộ tứ, mỗi người một vẻ; Paula điềm tĩnh và thoải mái ngồi ở cuối phòng, Tim Mefflin im lặng, tựa lưng vào tường đưa mắt theo dõi mọi người. Tôi được ngồi ở ghế danh dự ngay trước bàn Brandon. Còn Brandon thì lẽ dĩ nhiên là đang ngồi ở chỗ vẫn thường ngồi làm việc. Căn phòng khá rộng, thoáng, tiện nghi. Mấy cái ghế bành có chỗ tựa lưng rộng rãi được kê trên tấm thảm xuất xứ từ miền châu Á. Trên tường có tới hai bức tranh phong cảnh của Van Gogh. Bàn làm việc của Brandon được đặt giữa hai cửa sổ nhìn xuống con đường rộng của khu giao dịch Orchid City.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi có mặt trong căn phòng này. Kỷ niệm về những lần trước đều đáng ghi vào trong nhật ký của những ngày không vui, vì tình cảm ngày Brandon dành cho tôi cũng ví như tình cảm của nhân dân Nhật đối với trái bom nguyên tử thả xuống Hiroshima vậy. Mấy ngón tay của Brandon đang bóp mạnh vào điều xì gà: đây là triệu chứng một cơn bão lòng muốn tìm cơ hội để thổ lộ.

- Được! Anh nói rằng nhận được lá thư này của Janet Crosby đã hơn một năm rồi... (Ông ta cúi đầu, thận trọng nhìn xuống lá thư đặt trên bàn, cứ như tờ giấy viết thư đã bị tẩm thuốc độc vậy).

- Đúng

- Anh để quên nó trong áo mưa tối ngày anh tặng áo cho người phục vụ. Chính người này đã báo cho anh biết về lá thư để quên, phải không?

- Đúng.

Ông ta cau mày, đưa điều xì gà lên mũi ngửi rồi buông thông một câu:

- Cách làm ăn của anh hay nhỉ!
- Ai cũng có một lần quên, thưa ngài. Tôi còn nhớ trong cái vụ Tetji do cảnh sát điều tra hỏi ấy...
- Thôi, im đi! Việc đó không liên quan gì tới anh. Tôi đang nói tới cái thư của anh kia. Anh đã tới nhà Crosby để gặp cô Maureen, phải không?
- Phải! (Ông ta làm tôi bắt đầu khó chịu)
- Vì cô ta bận nên anh chưa gặp cô ta, thế là anh bắt đầu thò mũi của anh sâu hơn nữa vào chuyện gia đình người ta. Anh tìm cách liên lạc với con bé hầu phòng của cô Janet. Phải không?
- Tôi nghĩ rằng chuyện đó không có gì đáng ngài phải quan tâm.
- Hãy trả lời câu hỏi của tôi. Có đúng không?
- Đúng.
- Con bé kia yêu cầu 500 đôla, để nó hở ra cho anh những điều anh muốn biết. Rồi khi đứng rình căn nhà cô ta, anh thấy một người cao lớn đi chiếc Dodge màu xanh tối, vào nhà chừng 10 phút. Khi hắn đi rồi đến lượt anh mò vào, thì thấy cô ta đã chết. Đúng vậy không?

Tôi gật đầu, Brandon bóc tem điều xì gà rồi nhìn xoáy vào tôi.

- Anh khai rằng chiếc Dodge kia là của bác sĩ Salzer phải không?

- Đúng thế. Tôi đã nhờ trung úy Mifflin kiểm tra lại số xe để xác định lại việc này.

Brandon lừ mắt, đưa qua phía Mifflin trong khi anh chàng vênh mặt, chăm chú ngắm bức tường phía trước làm ra vẻ như không hề biết rằng xếp đang nhìn mình.

- Nửa giờ sau cú điện thoại của Malloy, anh đã nhận được tin báo của bác sĩ Salzer về chuyện ông ta bị mất chiếc xe đó, đúng không?

- Đúng vậy, thưa ngài - Mifflin điềm tĩnh trả lời.

Hai con mắt của Brandon chiếu về phía tôi:

- Anh nghe rõ đấy chứ?

- Rõ, thưa ông.

- Tốt. Vậy thì anh hãy cố nhớ lấy điều này: bác sĩ Salzer là một nhân vật đáng kính trọng của thành phố này. Và tôi sẽ không để yên cho những loại người như anh gây phiền hà cho ông ta đâu. Anh hiểu chứ?

Tôi thật không ngờ ông ta lại kết luận câu chuyện này đột ngột như thế, nên chỉ biết vừa gãi mũi vừa trả lời ảm ớ:

- Dạ, tôi đã hiểu được một phần.

Brandon thổi khói vào mặt tôi bảo:

- Nay, tôi nói thẳng cho anh biết rằng, tôi không có một chút cảm tình nào với anh cả. Cả cái công ty của anh nữa. Nó có thể cũng có ích đấy, nhưng cũng có nhiều vấn đề đáng ngờ lắm. Còn anh ấy à, anh chỉ giỏi quấy rầy người khác thôi. (Ông ta lại ngả người xuống coi lá thư để trước mặt). Bây giờ cô Crosby đã chết, gia đình người ta là chỗ giàu có và danh giá, nếu anh muốn bóc móc việc riêng của người ta thì đừng có hòng trông vào sự giúp đỡ của tôi. Còn món tiền 500 đôla của cô ấy gửi cho anh, anh không có quyền sử dụng nữa. Phải gửi về cho người thừa kế là cô Maureen, và để cho cô ta yên. Nếu cô ta cần có luật pháp giúp đỡ, thì đã có tôi đây. Chuyện này đối với anh, thế là hết. Nếu anh cứ muốn chõ mũi vào công việc của người khác thì liệu đấy. Tôi sẽ giành cho anh một chỗ đủ kín đáo để anh không còn quấy ai được nữa. Hiểu không?

Tôi nhón một nụ cười và nghiêng người về phía Brandon.

- Dạ... ạ, tôi đã bắt đầu hiểu, thưa ngài.

Viên đại úy đỏ mặt tía tai, hai mắt tưởng chừng muốn phun ra lửa:

- Malloy, tôi cho anh biết trước những người dưới quyền tôi, họ cũng sẽ biết cách đối xử với cái loại người như anh. Một ngày nào đó, anh sẽ được ngồi yên trong một xó. Bây giờ, hãy để chuyện Salzer và Crosby lại, rồi rút đi cho khuất mắt ta!

Tôi từ từ đứng dậy, cố giữ giọng nói thật điềm tĩnh:

- Tôi không biết người được thừa kế gia tài Crosby đã chi cho cái gọi là “Hiệp hội tương trợ” của ông bao nhiêu tiền? Cả cái tổ chức thể thao của ông nữa, Salzer đã đút vào đấy bao nhiêu? Tôi hiểu tại sao cách đây hai năm, khi cô Maureen lái xe chệt chết người, chính ông ta đã sốt sắng cho qua cái vụ đó đi. Còn Salzer, tại sao lão ta không có bằng bác sĩ y khoa mà lại có chữ ký trên tờ khai tử của ông Mac Donald Crosby nhỉ?

- Bước ra khỏi đây ngay! - Brandon gầm lên không nén được tức giận.

Tôi mở cửa, bảo Paula:

- Đi, Paula. Ở đây thiếu không khí trong sạch quá!

Mifflin theo gót chúng tôi tới đầu hành lang, nói nhỏ:

- Đợi một chút. Vào đây!

Anh ta mở phòng làm việc riêng cho chúng tôi vào. Paula theo tôi bước vào bên trong theo lời mời của Mifflin vì cả hai chúng tôi vẫn mến anh ta. Hơn nữa, anh ta còn có ích cho công việc của chúng tôi. Anh ta đóng cửa lại, đứng tựa vào tường, nói khẽ:

- Cậu nói với Brandon như thế, thật là đại dột quá. Sẽ phiền đấy, Vic ạ.
- Tôi biết nhưng lão ta làm tôi không nhịn được nữa.
- Tôi muốn ra hiệu cho anh mà không kịp. Ông ta không có chứng cứ nào để buộc tội anh, thì tại sao anh lại phun cả câu chuyện ra để làm gì?
- Biết vậy, nhưng tôi không dừng được. Không biết lão Salzer có liên hệ gì với Brandon?

Mifflin nhún vai: - Salzer là chỗ thân tình với... cảnh sát. Chà, cái bệnh viện an dưỡng của ông ta ấy, tôi thừa biết nó chỉ là cái bẫy làm tiền thôi, nhưng cũng chưa phát hiện được điều gì phạm pháp cả (Anh ta hạ giọng) với đồng lương đại úy cảnh sát, Brandon chẳng thể nào tậu được xe Cadillac đời mới như thế đâu. Còn cô Maureen Crosby thì cũng không phải vô cơ mà cứ bao đều đều tiền học phí cho lũ trẻ và tiền thuốc thang cho bà vợ của ông ta. Vừa rồi, thế là anh đã động tới hai nhân vật bảo hộ chính của gia đình Brandon rồi đó.

Qua thái độ ông ta nạt nộ tôi, tôi cũng đoán phải có nguyên cớ gì đây. Này Tim, có thật là Salzer điện thoại báo cho anh rằng lão bị mất xe không?

- Chính Salzer đã phôn cho tôi.
- Vậy anh sẽ làm gì về vụ án mạng vừa rồi? Bỏ qua chăng?
- Không đâu, chúng tôi sẽ tìm ra thủ phạm. Nhưng trước mắt chưa làm gì được Salzer đâu. Lão ta thừa tình khôn để lẩn tránh mọi trách nhiệm.
- Đúng vậy.
- Còn việc Brandon đe dọa anh, chớ có coi thường. Không ít người đụng vào ông ta đã bị trả đũa ra trò đấy.
- Cảm ơn, Tim, tôi sẽ coi chừng nhưng cũng biết cách tự vệ. Mifflin vừa xoa mũi, vừa nói:
- Không đơn giản thế đâu. Sự việc anh tự vệ dễ trở thành tội chống lại cơ quan chức năng. Thế cũng đủ để anh bị xơi đòn rồi.

Tôi vỗ vào cánh tay Tim và bảo:

- Cậu yên trí. Tổ đã có cách. Thôi nhé.
- Mifflin gật đầu, mở cửa cho tôi và nói thêm.
- Tổ nhắc lại hãy cẩn thận đấy.

Cậu ta cẩn thận liếc nhìn hai phía hành lang xem có ai không, rồi mới ra hiệu cho chúng tôi đi ra. Tôi cùng Paula đi xuống cầu thang. Ở cửa ra vào, có hai gã to con, mặc thường phục đứng mỗi người một bên. Một gã có bộ tóc bù xù màu đỏ, da mặt nhăn nheo và tía. Gã kia người gầy, có vẻ hung tợn hơn. Cả hai nhìn chúng tôi chằm chằm. Khi tôi cùng Paula đi qua, tên tóc đỏ tía một tia nước bọt vào cái ống nhổ bằng đồng, đặt xa chúng tôi năm mét.

Tiệm cà phê của Finnegan ở trong hẻm ngay đằng sau tòa nhà Orchid Building. Trước kia mọi người vẫn thường đậu xe ở đây. Mike Finnegan là chỗ quen biết từ lâu của tôi. Anh quan hệ rộng rãi với giới nhân viên nên không có một vụ áp phe nào có thể qua được mắt anh.

Cách đây vài năm, tôi có dịp can thiệp vào vụ xô xát giữa anh và ba tay da đen. Anh vẫn nghĩ rằng, nếu không có tôi hôm đó thì anh không còn sống cho tới hôm nay. Do đó lúc nào đối với tôi anh cũng tỏ lòng ơn huệ đặc biệt. Dường như mọi người quanh đây đều có thói quen gặp mặt nhau sau những giờ làm việc tại tiệm cà phê này. Bởi vậy, tôi ngưng chiếc Buick trước tiệm, rồi cùng Paula đi vào để tìm Kerman.

Đã hơn 11 giờ rồi, nên ở quầy rượu chỉ còn vài người. Tôi nhìn thấy ngay Kerman ngồi ở góc phòng, cầm tờ báo ngang tầm mũi, một chai rượu Scotch ở trên bàn. Anh chàng ngược mắt lên, ra hiệu vẫy chúng tôi lại.

Khi qua phòng, tôi giơ tay chào Mike và anh ta cũng ngoác cái miệng rộng ra để cười và chào lại. Finnegan là loại người không thể nào đưa đi thi sắc đẹp được: người vạm vỡ, mặt sần sùi như là tác phẩm của sự kết hợp giữa đười ươi và người máy vậy. Nhưng anh được cái rất lạnh lợi.

Kerman bắt đầu trêu chọc Paula. Cậu ta đứng dậy, ngả người chào trịnh trọng và nói:

- Con gió nào đã đưa các vị đến cái tiệm bình dân này vậy. Hình như quý bà đã để quên nụ cười ở trong két cùng đồng hồ sơ ròi, phải không?

- Thôi đừng đùa nữa - tôi bảo Kerman - Sự việc đã tới hồi gay cấn rồi đây. Cậu đã làm được những việc gì nào?

Vừa lúc đó Finnegan đi tới nghiêng mình chào.

- Chào Malloy, chào bà. Các vị dùng gì?

Tôi trả lời và nhìn Paula:

- Cho tôi một ly ứt ki. Cà phê nhé?... Một cà phê cho cô Bensiger (quay sang Kerman, tôi hỏi tiếp). Nào Kerman, kể công việc cậu đã làm đi.

- Tôi đã gặp Joan Parmetta. Tuyệt mĩ! Thế này này (cậu ta đưa hai tay vẽ những đường cong từ trên xuống dưới). Nếu cái tay phục vụ không chạy ra chạy vô liên hồi, thì tôi đã đặt được chuyện tình cảm với cô nàng rồi. - Anh chàng thờ dài. Cái số tôi là như vậy, không hiểu tại sao tất cả các phụ nữ đều dễ mến tôi thế cơ chứ.

Paula chớp lấy cơ hội để vào một câu:

- Vì anh thiếu thông minh. Ở cạnh anh, họ thấy khoái vì thấy mình hơn người.

Tôi vội can thiệp:

- Thôi, tôi không cần chú ý tới việc Parmetta có xinh đẹp hay không, mà chỉ muốn biết cô ta đã nói gì về Janet.

Kerman lừ mắt với Paula rồi nói:

- Cô ta rất ngạc nhiên khi hay tin Janet bị chết vì bệnh tim. Hai ngày trước đó, Janet vẫn chơi quần vợt và khiêu vũ. Với một người đau tim thì việc đó quả là lạ.

- Còn gì nữa không?

- Tôi hỏi cô ta về Sherrill. Anh chàng này hiện không còn ở thành phố, nên tôi không thể tìm gặp được. Theo Parmetta thì Janet mê anh ta như điên. Hai người không rời nhau một bước. Đùng một cái, trước ngày ông bố nhà Crosby qua đời khoảng một tuần, anh chàng kia không tới thăm Janet nữa và cuộc hôn nhân của hai người được bãi bỏ. Joan Parmetta có gắng hỏi Janet nhưng cô ta chỉ im lặng hoặc bảo rằng họ đã cãi nhau, nhưng vì sao, thì cô ta không nói.

- Sherrill là người thế nào?

Kerman nhún vai và kể lại:

- Theo Joan thì anh chàng cũng có mẽ đấy, nhưng không biết làm nghề gì và có tiền hay không, có nhà riêng ở đường Rossmore, tuy nhỏ nhưng xinh xắn. Có một cô hầu người Tàu trông nom. - (Kerman chụm môi hôn một cái vào không khí). Trông cũng được lắm! Tôi có hỏi cô nàng, nhưng cũng chẳng thu thập được mấy tin tức. Cô ta không biết bao giờ Sherrill về và bảo ông chủ phóng khoáng lắm, như chim ấy, biết được ông ấy bay ở đâu? Trong ga ra có một chiếc Cadillac chắc chắn như xe bọc thép vậy. Vườn tược, bể bơi tất cả đều rất xôm. Việc duy trì bảo quản ắt phải tốn khối của.

- Hết chưa?

- Hết!

Tôi kể lại với Kerman những sự việc tôi đã gặp, chuyện cô Eudora Drew, cuộc họp gay cấn với Brandon. Kerman trợn mắt, há mồm nghe tôi nói quên cả ly rượu để trước mặt, tỏ vẻ thần phục bảo:

- Trời ơi! Vậy mà anh coi là chuyện thường? Bây giờ, chúng mình đành chịu bỏ cuộc hay sao?

- Tôi cũng chưa quyết định nên thế nào, nhưng phải trả lại tiền. Tuy vậy, trước tiên chúng ta phải rõ xem ai là người quản lý tài sản đấy. Tôi dám cuộc rằng không phải là cô Maureen rồi. Có thể cô ta có thuê một người nào đó. Chúng ta cần phải biết, nội dung chúc thư ông già Crosby để lại, cô Janet có cho Eudora hưởng cái gì sau khi cô chết không. Nếu không, tại sao Eudora có vẻ rùng rình thế? Tóm lại, chúng ta cần phải nắm được một số tài liệu và phải tiến hành thật khéo léo để Brandon không gây rắc rối cho chúng ta. Sau đó, tôi mới quyết định được là nên hay không nên tiếp tục công việc này.

Paula bảo:

- Nếu phải trả lại tiền thì thà chúng ta bỏ cuộc luôn cho nhẹ mình. Tội gì đi làm những việc không công.

- Kể thì đúng vậy. Nhưng tôi cảm thấy thích thú làm việc này. Vả lại, tôi không thích phải bắt buộc tuân lệnh của Brandon. - Tôi uống một ly rượu rồi uể oải đứng dậy. - Thôi, chúng ta nên về đi nằm một lát. Tôi cảm thấy cần phải làm một giấc đây.

Kerman ngáp và bảo:

- Tôi cũng có việc phải về nhà bây giờ.

- Sáng mai cậu phải có mặt tại đây đấy nhé.

- Rõ rồi, trừ phi tôi bị bọn chúng mang nấu cá. - Nhưng hãy đợi tôi một lát đã. Tôi muốn hỏi Finne điều này...

Tôi đi lại quây rượu. Finnegan đang lau mấy cái ly. Mặc đôi uyên ương sắp sửa rời tiệm. Cô gái tóc vàng khoác tay bồ, nhìn thấy tôi, nháy mắt một cái ra vẻ tinh nghịch. Khi họ đã đi khỏi, tôi nói với Finnegan:

- Tôi đang bị một thằng theo đuôi: loại tử đứng, tai mũi đều có thẹo hay đội mũ màu hồng nhạt và hút xì gà. Đáng người thiên về loại ác thú... Cậu có đoán ra ai không?

Finnegan vừa nghe tôi tả vừa tiếp tục lau cái bình đựng rượu, giờ nó ra chỗ sáng, nheo mắt lại ngắm nghía rồi đặt cẩn thận lên cái giá, trước khi trả lời:

- Tôi đoán chắc nó là Benny Dwan. Nếu miệng nó hôi mùi hành thì không có thể là ai khác.

- Tôi chưa đứng sát hán bao giờ. Vậy Benny Dwan là ai?

Finne lại cầm một cái ly khác lên để lau, làm tôi thêm sốt ruột.

Không phải anh ta chủ tâm làm như vậy để hành người khác, mà điệu bộ kẻ cà đó đã thành thói quen của anh rồi.

- Hán là một tay anh chị có hạng. Trước kia, chuyên kiếm tiền bằng nghề cờ bạc, đã bị tù 5 năm về tội ăn cướp có vũ khí. Hiện nay, không biết hán làm gì cho Salzer.

- Hán thì làm được việc gì nhỉ?

- Lau xe, làm vườn nói chung là mọi việc để ra vẻ lương thiện.

- Finne này, nếu đúng là Dwan thì nó sắp bị kết tội giết người đấy.

- Như vậy lại càng đúng với khả năng của hán. Đúng, đúng... hán thường ngậm xì gà, mũi và tai bên phải có thẹo. Đúng là Dwan rồi!

Tôi cảm thấy hơi xúc động, giờ tay bắt Finnegan để cảm ơn rồi đi lại cuối phòng nơi Kerman và Laura vẫn đứng chờ tôi. Tôi báo tin cho hai người biết.

- Finnegan nhận ra tên bám theo tôi và giết Eudora Drew rồi. Tên hán là Benny Dwan. Có tin này, đừng ngạc nhiên nhé: hán làm cho Salzer!

Kerman toét miệng cười:

- Tôi phục tài lòng tin của anh đấy. Vậy, làm gì bây giờ?

- Chúng ta sẽ báo cho Mifflin biết. Để tôi phôn cho anh ta ngay bây giờ.

Mifflin đã rời sở cảnh sát về nhà. Tôi tra cuốn danh bạ điện thoại, tìm thấy số máy riêng của Mifflin. Có giọng nói ngái ngủ và tức giận ở bên kia đầu dây. Tôi vội nói:

- Malloy đây. Rất tiếc đã quấy rầy anh, Tim ạ. Nhưng vì tôi vừa tìm ra tên đứa giết cô Eudora Drew.

Giọng Tim dịu hẳn đi, đầy vẻ sốt sắng:

- Hay quá! Ai vậy? Tên nó là gì?

- Benny Dwan. Nghe đây, Tim: nó làm cho Salzer! Bởi vậy, nếu anh tới luôn chỗ an dưỡng đường của Salzer, anh có thể tóm được hắn ngay bây giờ đấy.

Đầu dây bên kia bỗng im lặng. Tôi gượng cười và đoán nét mặt thay đổi của Mifflin. Sau cùng, anh ta cũng nói được thành tiếng:

- Salier, hả?

- Đúng vậy, đúng là ông bạn thân của Brandon.

- Chắc không?

- Chắc chứ. Việc này sẽ rắc rối cho Salzer đấy. Nhưng ngoài Brandon ra thì có ai lo dùm cho Salzer làm gì.

- Phiền đấy. Tôi buộc phải nói cho Brandon biết việc này.

- Cũng được. Nhưng anh hãy nói thêm cho ông ta rằng tôi sẽ công bố việc này cho báo chí biết. Để ông ta hết đường im chuyện này đi.

- Đừng làm vậy! - Mifflin hét vào máy - Brandon sẽ tức điên lên mất.

- Rất tiếc là tôi không nghe theo lời anh được. Tôi nhất định cho báo chí biết việc này, và nếu các anh không bắt tên Dwan ngay thì các anh sẽ bị mất mặt với họ đấy. Thôi nhé... chào Tim.

Tôi đặt máy xuống trong khi Mifflin vẫn cố nói thêm ở đầu dây bên kia. Paula cùng Kerman đứng gần điện thoại nghe tôi nói chuyện hỏi:

- Mifflin làm gì mà van xin dữ vậy?

- Hình như bọn họ đều sợ là mất lòng Salzer.

Tôi quay số tới tòa báo Herald xin nói chuyện với viên chủ bút. Tôi kể tóm tắt câu chuyện về Salzer cùng tên bộ hạ chỉ mất có hai phút. Tay chủ bút được tôi thông tin cho, cứ như mèo ngửi thấy hơi chuột. Tôi bảo ông ta:

- Brandon đã được Salzer đảm bảo. Rồi đây, ông đừng ngạc nhiên nếu thấy Brandon cố làm cho êm chuyện này đi.

- Cám ơn anh, Malloy, vì tin tức này. Anh cứ yên tâm đi. Tôi đã chờ đợi từ lâu những bằng chứng cụ thể để tấn công tên vô lại này. Lần này, tôi sẽ không để cho hắn thoát đâu.

Tôi đặt ống nghe xuống, nói với Paula và Kerman:

- Câu chuyện bắt đầu ầm ĩ làm cho Brandon đau đầu đấy. - Paula mỉm cười, còn Kerman thì ra vẻ đồng tình và bảo:

- Khoái thật!

Nếu bạn cứ theo đại lộ Orchid về phía Bắc, rồi đi quanh khu Santa Rosa Estate, bạn sẽ thấy một con đường nhỏ dẫn tới những ụ cát và ngôi nhà bằng gỗ của tôi. Căn nhà chẳng có gì đặc biệt nhưng cách xa hẳn các ngôi nhà khác khiến tôi có thể vừa tắm vừa hát hò mà chẳng gây phiền lụy tới ai. Cách nhà tôi chừng một trăm mét là bãi biển Thái Bình Dương. Chung quanh nhà có những bụi gai dại mọc trên cát và một vài cây cọ đứng chụm lại với nhau thành một nửa vòng tròn. Địa điểm được cái yên tĩnh, vắng vẻ. Tuy vậy, vì đã sống quen năm năm rồi, tôi đâm ra gắn bó với phong cảnh ở đây và không muốn rời đi nơi khác nữa.

Sau khi rời khỏi tiệm của Finnegan, tôi lái chiếc Buick đi về nhà qua con đường hai bờ cát trắng. Còn hai mươi phút nữa là tới nửa đêm. Mặt trăng đêm nay tròn vành vạnh, soi sáng từng bụi cây, đụn cát. Mặt biển như một tấm gương mờ, lấp lánh. Không gian thật yên tĩnh. Tôi chỉ còn thiếu có mỗi một cô gái tóc vàng nữa ở bên mình để tạo được ra phong cảnh mơ mộng, thần tiên.

Tôi nghĩ thầm - ngày mai sẽ vất vả đây. Paula phải ra tòa thị chính từ sớm để xin được biết về những chúc thư của ông già Crosby và cô con gái Janet. Tôi muốn đi gặp lại cô y tá Gurney, nói chuyện với luật sư phụ trách tài sản của Maureen và tìm hiểu thêm về chàng người yêu cũ của Janet, Douglas Sherrill. Nếu những chúc thư không có điều gì nghi vấn, viên phụ trách tài sản của Maureen quản lý mọi việc bình thường, Sherrill là một chàng trai đứng đắn thì tôi sẽ mang trả lại 500 đôla và coi như công việc này kết thúc. Nhưng đây chỉ là giả thiết “nếu”. Tôi linh cảm thấy mọi việc sẽ không xảy ra như vậy và tôi đã không uống công vì đã làm bao nhiêu việc.

Tôi ngừng chiếc Buick trước ga ra bằng gỗ rồi xuống xe để mở cửa. Đưa xe vào xong, tôi tắt máy. Trước khi châm điều thuốc, tôi vô tình liếc vào tấm kính chiếu hậu. Hình như có một vật gì làm cho bụi cây ở gần đó rung động.

Tôi vội tắt lửa, ngồi im không cử động, căng mắt nhìn vào những bụi gai cách ga ra, nơi tôi để xe chừng năm mươi mét. Những cành cây nhỏ vẫn động đậy như có người dè chừng xuống, vạch chúng ra rồi khép chúng lại. Trời không gió. Cũng không thể có một con chim nào đủ lớn để có thể khua động bụi cây mạnh như thế. Chỉ có thể là có người đàn ông hay đàn bà đang núp ở đấy. Hẳn đã vạch bụi cây ra để quan sát hoặc đã nín thở ngắm cảnh nhỏ khi bị vấp ngã.

Tôi thấy không yên tâm. Ngồi trong bụi rậm chỉ là những kẻ đang có âm mưu. Paula đã nói nhiều lần với tôi rằng nơi đây quá vắng vẻ, mà cái nghề của tôi thường tạo ra cho mình nhiều kẻ thù. Hơn nữa, đã có lần, tính mạng tôi bị đe dọa.

Tôi cúi đầu, di điều thuốc vào chỗ gạt tàn để dập tắt. Đúng là ở chỗ này bất lợi thật. Có thể xảy ra những cuộc chiến đấu ác liệt nơi đây mà chẳng ai hay biết. Tôi buồn rầu nghĩ tới khẩu 38 còn để lại trong ngăn tủ.

Đèn pha chiếc Buick đã tắt nên ga ra chìm trong bóng tối. Nếu quả có người định ám hại tôi, chắc hẳn đang chờ tôi ra đóng cửa ga ra. Dưới ánh trăng, ở khoảng cách từ đây tới bụi rậm, tôi sẽ là một mục tiêu tuyệt hảo khó mà bắn trượt.

Nếu muốn tặng cho đối thủ của tôi một sự bất ngờ, phải hành động mau lẹ. Càng ngồi ở đây lâu bao nhiêu, hẳn càng có nhiều thời gian để chuẩn bị. Còn nếu không ra khỏi ga ra, hẳn sẽ bắn luôn vào xe để trục tôi ra - đấy là dự đoán, còn trong thâm tâm tôi lúc này, chỉ mong hẳn không có súng.

Tôi khẽ mở cửa xe rồi nhẹ nhàng luồn ra ngoài. Chỗ tôi đang đứng có thể nhìn thấy rõ mồn một mọi vật chung quanh: các bụi cây, ánh nước biển, mấy cây cọ. Tôi chẳng đại gì mà phô người ra dưới ánh trăng sáng vàng rực lúc này.

Tôi lùi lại phía sau lấy tay sờ, lần theo những tấm gỗ ở cuối ga ra đã bị Kerman húc vỡ vào một buổi tối, chúng tôi đi chơi về khuya. Tôi tỳ vai vào một chỗ gỗ nứt, làm cho nó bật hẳn ra rồi chui ra ngoài. Bây giờ chỉ còn một việc là làm cách nào bỏ từ ga ra tới ngôi nhà mà không để cho kẻ đang rình tôi hay biết. Một khi đã vào được trong phòng, có khẩu súng trong tay, tôi sẽ bắn một phát vu vơ về phía các bụi rậm. Như thế cũng đủ làm cho hẳn nhụt trí rồi.

Nhưng cũng có thể, đối thủ của tôi chờ lâu không thấy tôi đã đoán ra được là hẳn đã bị lộ. Cho nên hẳn đang rình tôi, trên quãng đường từ ga ra đến căn nhà. Dù sao, thì tất cả những điều trên cũng chỉ là dự đoán của tôi mà thôi.

Tôi cúi gập người, bắt đầu bò từ từ về phía căn nhà, cố nép mình sau những bụi cây. Chừng nào còn những bụi cây này để lấp chỗ nấp thì tôi vẫn còn được an toàn. Nhưng bụi cây cuối cùng lại cách căn nhà chừng mười mét. Mười mét đất trống cách đối thủ bí mật của tôi chừng một trăm mét. Ở khoảng cách này thì có thể thử liều cũng được.

Tôi cầm vành mũ, lia vào bụi rậm ở phía bên để đánh lạc hướng đối phương, rồi bắt đầu cầm cổ chạy. Chạy trên đất cứng thật khác với việc chạy trên cát. Chân tôi bị ngập xuống cát, cố chạy nhanh mà không được. Tôi lao đảo, bị ngã sấp nhiều lần, lại nhồm dậy chạy, lại ngã. Khi gần tới được một bụi cây thì tiếng nổ của

một khẩu súng trường ở đâu đó vang lên trong đêm khuya. Tiếng đạn réo ngay trên đầu tôi. Nếu không có cái màn trò xiếc quảng mĩ thì có lẽ tính mạng tôi đã đi tong rồi. Tôi nhảy vọt vào một bụi rậm ở gần đó, lăn tròn mấy vòng. Lúc ngừng lại thấy mình nằm ngửa ngay trên vùng đất trống. Lại một tiếng súng nữa. Viên đạn ghim xuống đất, hất tung cát vào mặt tôi, rõ ràng tay súng không phải là loại tồi.

Tôi có trạng thái của một bà già sống độc thân đang ngồi nghe tiếng kẻ trộm cạy khóa cửa. Người đâm mồ hôi, tôi vừa chửi thề vừa cố chạy, hai chân thực xuống cát không kém gì những cặp giò của con tê giác trước sự lung sục của đám thợ săn. Tiếng nổ thứ ba vang dội. Tôi chợt thấy mu bàn tay rất bỏng như chạm vào miếng sắt nung đỏ. Viên đạn đã tuốt mất một mảng da. Tôi vội để người đổ xuống đất, nén chặt bàn tay bị thương vào người, lúng túng không phân biệt nổi chỗ nào là lá, là cành, là gai của đám bụi cây. Dù sao chẳng nữa tôi vẫn phải cố tới được căn nhà. Tôi chưa mất hết can đảm, nhưng quả thật người tôi đâm mồ hôi và máu, còn tim thì đập như trống làng. Tôi cố nhào người trên cát, càng nhanh càng tốt, chú ý không gây ra tiếng động. Tôi đã tiến thêm được quãng mười lăm mét thì nghe thấy có tiếng cành cây gãy, ngay gần bên nên giật mình và cảm thấy tóc gáy đang từ từ đứng cả dậy. Tiếng động trong bụi rậm cách tôi có vài mét. Lại có tiếng cành khô gãy, rồi im lặng. Đúng là có kẻ lạ mặt đang đứng ở phía trước tôi. Tuy nằm dán xuống mặt đất, nhưng tôi vẫn như nghe thấy từng hơi thở của hắn. Hành động tốt nhất của tôi bây giờ là nằm im và chờ đợi. Mỗi phút trôi qua tưởng một giờ. Có lẽ hắn cũng cảm thấy có người gần đầu đây, nên cũng chờ, mong sẽ phát hiện ra một tiếng động hay một dấu hiệu nào tố giác chỗ nấp của con mồi. Riêng tôi, tôi đã quyết định cứ nằm như thế, cho tới sáng, và lại cũng không thể làm khác được. Một lát sau tôi nghe thấy tiếng bước chân hắn đi ra phía xa, từ bụi rậm này qua bụi cây khác để tìm tôi. Tôi từ từ ngẩng đầu lên, từng căng-ti-mét một cho tới khi có thể nhìn thấy những cảnh vật trước mặt. Dưới ánh trăng tôi đã nhận ra hắn: mũ hồng nhạt, vai to bè, mũi tai biến dạng, nghĩa là bộ mặt của Benny Dwan, kẻ đã xiết cổ Eudora Drew. Hắn đứng cách xa tôi chừng ba mươi mét, tay cầm khẩu Colt 45, quay lưng lại tôi. Ở khoảng cách này, nếu có súng, tôi sẽ hạ hắn dễ dàng như săn thỏ. Đáng tiếc là tôi không có vũ khí nên điều tôi mong ước lúc này là hắn sẽ bỏ đi.

Nhưng hắn cứ đứng đấy, rình mồi. Một lúc sau hắn quay lại, đi từ từ về phía tôi.

Biết không thể tránh được, tôi quyết định nhảy chồm vào hắn. Cả hai bàn tay, khối óc và đà nhảy của tôi đều nhằm vào khẩu súng. Những ngón tay tôi thít lại quanh cổ, còn vai tôi huyếch mạnh vào sườn hắn. Hắn kêu lên vì ngạc nhiên và sợ hãi. Tôi vặn cổ tay hắn, cướp lấy khẩu súng. Trong khoảnh khắc, lợi dụng được thế bất ngờ tôi đã làm chủ được tình thế. Nhưng khi khẩu súng vừa nằm trong tay tôi thì hắn đã trấn tĩnh lại và lập tức, tôi bị một cú đâm trúng gáy mạnh đến nỗi ngã dúi ngay vào bụi rậm. Tôi vẫn đủ bình tĩnh để nắm chặt lấy khẩu súng và gơ về phía hắn. Hắn không để tôi kịp bóp cò. Một cú đá làm khẩu súng văng khỏi tay tôi về phía bụi cây xa. Dù sao thì bây giờ tình thế vẫn khá hơn: cả tôi cả hắn đều tay không.

Dwan vượt qua bụi rậm nhảy về phía tôi, không dè bị một cành gai nứu chân lại khiến hắn ngã sóng soài. Hắn khỏe hơn tôi và nhanh ra trò nên tôi nghĩ ngay rằng, nếu đánh nhau ở chỗ này thật bất lợi. Phải tìm cách ra chỗ nào rộng rãi để khi cần, có đường mà chạy. Hắn đã đứng dậy và xông vào tôi khi tôi vừa gỡ mình khỏi bụi cây gai. Tôi còn giữ nguyên cảm giác của hắn vừa rồi nên cố né không để hắn đánh trúng, thậm chí còn giáng được cho hắn một cú vào mũi. Nhưng hắn đã nắm được cổ áo tôi, kéo mặt tôi lại giáp với mặt hắn và xiết mạnh hai bên cổ áo lại. Ánh sáng trăng chiếu rõ mặt hắn và chỉ trong giây phút, tôi đủ nhận thấy ý định lạnh lùng, dã man hắn lên trên nét mặt của một con vật quyết định giết người.

Tôi thúc đầu gối lên. Nhưng vì đã dày dạn với việc đánh nhau nên hắn thừa kinh nghiệm, khẽ xoay người một chút là đầu gối của tôi chỉ gặp có cái bắp đùi. Tôi cố đâm hết sức vào hai bên sườn hắn. Hắn sẽ khẽ kêu ư ử, nhưng hai tay không ngừng dùng hai vạt áo của tôi để xiết chặt vào cổ tôi. Tôi hiểu rằng chỉ còn vài giây nữa thôi, chân tay tôi sẽ rời rã vì nghẹt thở và thế là hết. Tôi đành đi một nước cờ tuyệt vọng: cầm mạnh tất cả các ngón tay tôi về phía mặt hắn.

Hắn thét lên một tiếng rồi buông cổ tôi ra. Tôi hấp tấp tấn công bằng một loạt cú đâm, nhưng hình như hắn không thêm quan tâm mà cứ đứng ôm lấy mặt, thở hổn hển rồi ngã quỵ xuống. Tôi lùi lại một chút lấy đà, hơi cúi người xuống, rồi làm một quả đâm móc loại tuyệt hảo đúng vào cằm hắn. Dwan gơ hai tay lên trời như để lấy thăng bằng, ngã ngửa người ra phía sau, rên lên như con vật bị thương rồi nằm im không động đậy.

Tôi cúi xuống nhìn bộ mặt máu me đầm đìa của hắn. Tôi thực sự không muốn làm thế, nhưng vì đây là

một trận đấu sống còn. Vả lại cũng may mắn là hắn không chết. Tôi lật Dwan nằm sấp lại, lấy dây lưng của mình để trói hai chân hắn rồi lại chạy vào trong nhà.

Tôi nghỉ mấy phút để đánh thức Mifflin và nói qua điện thoại:

- Mifflin, tốt rồi, tốt rồi! Dwan đang ở đây này!
- Sao? Dwan ở chỗ anh hả?
- Đúng vậy. Tôi ngay đây với đám bộ sậu của cậu đi. Tôi mệt lắm rồi!
- Nhưng mà Brandon vừa bảo tôi rằng Dwan...
- Mặc kệ Brandon! Lại đây mà đón nó về, tên thủ phạm Benny Dwan ấy. Lẹ lên!
- Đừng nổi nóng như thế. Tới tới ngay đây mà.

Vừa lúc tôi đặt ống nghe xuống, có tiếng súng nổ bên ngoài. Tôi nhảy vội về phía tủ để lấy súng. Khi tôi mở cửa ra ngoài, ánh trăng chiếu sáng cả khu vườn quanh nhà. Tôi đưa mắt kiểm soát dọc hành lang, không thấy bóng ai. Bất chợt có tiếng máy khởi động rồi một chiếc xe hơi vụt ra khỏi bóng những cây cọ, chạy mất hút về phía xa.

Tôi nắm cẩn thận khẩu súng trong tay, đi qua vườn tới các ụ cát.

Dwan vẫn nằm đấy nhưng đã lạnh một viên đạn vào đầu. Vết bắn gần làm cháy da bên tai có thẹo và vỡ một mảng sọ.

Hình dáng một con người độc ác khi đã chết, cũng giống như xác một người bình thường, hiền lành và vô hại.

Tôi mở cửa bước vào văn phòng Công ty. Trên cửa bằng kính có mấy chữ mạ vàng lớn: Universal Services và bên dưới có dòng chữ nhỏ hơn: Giám đốc Victor Malloy - tức là tôi. Mới tới phòng thứ nhất một cô gái tóc vàng đã cười vẻ ngượng nghịu và chào:

- Chào ông Malloy.

Đấy là cô nhân viên phụ trách văn thư. Hai cô gái khác, cũng tóc vàng, ngồi sau bàn máy chữ cũng tưng tưng cất tiếng chào tôi. Cả ba đều vào quãng mười tám. Chỉ cần vỗ nhẹ vào lưng một cái, là họ cười như nắc nẻ, giọng cười vô tư của đám trẻ đang thời sung sức. Tôi ngắm nhìn những tài sản quý giá của mình rồi tuyên bố:

- Hôm nay đẹp trời quá!

Cô thứ nhất nhanh nhẩu lên tiếng:

- Thưa ông, hôm nay cô Bensiger ra tòa thị chính, có lẽ về chậm một chút.
- Cám ơn Trixy. Tôi ngồi trong phòng giấy, bao giờ cô ấy về cô bảo tôi cần gấp nhé.

Trixy khẽ gật đầu và liếc tôi một cái khiến tôi lập tức phải lẩm bầm như cầu kinh để nhắc nhở mình rằng cô ta còn quá trẻ và hiện đang là nhân viên của công ty.

Tôi vào phòng riêng, đóng cửa lại. Đồng hồ chỉ mười giờ năm, chưa tới lúc ăn trưa. Nhưng tôi nghĩ rằng cái chai có bao giờ biết giờ giấc. Bởi vậy tôi tự rót cho mình một li, châm điều thuốc, trước khi ngó qua đồng thư từ và giấy tờ. Không có gì quan trọng, tôi đặt tất cả vào ngăn tủ dành cho Paula rồi gác cả hai chân lên bàn, nhắm mắt lại. Sau một đêm náo động như đêm qua, tôi cảm thấy người đau ê ẩm. Hình như có tiếng muỗi bay quanh đầu tôi lẫn với tiếng máy chữ của các cô gái ở phòng bên. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết!

Vào quãng mười một giờ kém hai mươi, giọng nói của Paula vang lên ở phòng đánh máy làm tôi choàng tỉnh giấc. Tôi vừa kịp rút hai chân trên bàn xuống và xếp gọn mấy lá thư lại thì Paula xuất hiện. Tôi vội vã làm vẻ tươi cười, tỉnh táo:

- Kìa Paula, vào đi. Anh đang chờ em.

Nàng ngồi xuống và nói từ tốn:

- Nếu anh cần ngủ tại phòng làm việc thì đừng có ngại. Ảnh hưởng xấu tới các nhân viên.
- Thôi thì họ cũng đã bị ảnh hưởng thế mấy năm rồi - tôi vừa nói vừa cười. Tối qua, anh chỉ được ngủ có hai tiếng nên hôm nay mệt quá. Anh đang cần một vài lời úy lại dịu dàng đây.

Paula nhìn vào vết xước ở má tôi, hỏi:

- Có chuyện gì vậy?
- Một cuộc gặp mặt không hẹn trước, thế thôi.

Nói đoạn, tôi kể cho nàng nghe việc Benny Dwan phục kích tôi ở nhà như thế nào.

- Hắn chết rồi sao? Ai giết?
- Chưa biết, nhưng cũng có thể đoán được... mười phút sau cú điện thoại anh gọi cho Mifflin, có hai tay cảnh sát tới: hai tay mặt dữ dằn mà chúng ta đã gặp ở sở cảnh sát, em còn nhớ không? Chúng có vẻ vui mừng hơn là ngạc nhiên, khi thấy Dwan đã chết. Thế là cho anh đủ hiểu: cái chết này khiến cho Salzer đỡ bận tâm. Nếu bị chất vấn, hắn chỉ việc trả lời hiện nay Dwan không làm cho hắn nữa, thế là xong! Tại sao Dwan lấy cắp xe của Salzer, hạ sát Eudora, phục kích để ám hại anh? Cảnh sát phải có nhiệm vụ điều tra cho rõ các sự việc này, nhưng anh tin rằng họ sẽ không làm.
- Anh đoán được người nào đã bắn Dwan hay sao?
- Đúng. Sau khi hai tên cớm đi khỏi, anh đã nhìn vết bánh xe của chúng để lại. Những hình ảnh quả trám giống hệt các vết xe để lại sau nhà. Như vậy là chúng đã tới đây rình anh sớm hơn cả tên Dwan. Chúng núp một chỗ, chứng kiến trận đấu giữa anh và Dwan, không ngờ tới cái màn Dwan bị trói gô trên cát. Rồi, trong lúc anh vào gọi điện thoại cho Mifflin, chính hai đứa này đã hóa kiếp cho Dwan.

Paula tròn tròn đôi mắt:

- Vậy là chính các nhân viên cảnh sát đã giết Dwan à?
- Em cứ đặt vị trí của mình vào bọn họ mà coi. Dwan can tội giết người. Trước tòa án, hắn không ngần ngại gì mà không phun ra tất cả những điều hắn biết về Salzer. Salzer lại là chỗ hấu với Brandon. Cho nên để tránh phiền phức cho Salzer và rắc rối cho ngài sĩ quan cảnh sát, đơn giản nhất là tặng cho Dwan phát đạn vào đầu. Sự suy đoán của anh có thể là sai, nhưng anh không tin thế. Chúng ta cần phải dựa vào những sự việc này để tiến hành công việc sau này. Em đã đọc được những bản di chúc của nhà Crosby chưa?
- Janet không để lại di chúc gì cả. Còn theo di chúc của ông bố thì Janet được hưởng ba phần tư gia tài, một phần tư cho Maureen. Như vậy là ông bố tin yêu Janet hơn. Nếu Janet chết, Maureen được hưởng toàn bộ gia tài với điều kiện không được gây ra một việc gì tai tiếng. Nếu Maureen còn bị báo chí đưa tin về lối sống bừa bãi của mình thì toàn bộ gia tài này sẽ được tặng cho Trung tâm nghiên cứu khoa học của Orchid City. Còn Maureen chỉ được hưởng một món tiền là một ngàn đôla mỗi năm thôi. Hai luật sư phụ trách việc thi hành bản di chúc này là Glynn và Coppley.
- Những điều kiện của bản di chúc như thế khiến cho Maureen dễ bị đe dọa tống tiền, để khỏi bị tung tin xấu.

Một nghìn đô mỗi năm thật là quá ít ỏi đối với cô ta.

Paula nhún vai

- Ngoài xã hội có hàng đồng con gái phải sống với số tiền còn ít hơn nhiều.
- Đúng vậy. Nhưng họ đâu phải con những nhà triệu phú?
- Còn chuyện Janet? Cô ta không để di chúc lại, vậy Eudora lấy tiền đâu mà ăn tiêu rộng rãi vậy?

Tôi ngẩng nhìn Paula và vừa nói, vừa suy nghĩ:

- Chúng ta thử cho rằng Eudora biết chuyện Maureen phải đi cai ma túy. Maureen không muốn cô ta tiết lộ tin này nên phải tòi tiền ra. Vừa lúc ấy thì anh xuất hiện. Eudora liền điện thoại cho Maureen, hay một

người trung gian, Salzer chẳng hạn - để đặt giá cao hơn. Salzer cử Dwan đến điều đình, không đồng ý được với nhau, Dwan khừ luôn kẻ vôi tiền.

- Anh nói cũng có lý đấy, nhưng ấy là mình chỉ giả thiết thể thôi.

- Đúng vậy, nhưng giả thiết của anh cũng không tồi, phải không?

Ngừng một lát, tôi nói tiếp:

- Có lẽ anh phải đi gặp cô y tá Gurney một lần nữa. Cô ta không làm việc ban ngày. Em thử hỏi địa chỉ cô ta qua “Hiệp hội các y tá” coi. Phía ra một câu chuyện nào đó để có cơ sở mà hỏi.

Paula đi ra ngoài. Tôi lợi dụng ngay thời cơ để hỏi thăm sức khỏe chai rượu ứt ki dẩu ở hốc bàn, châm một liều thuốc rồi tự đề ra chương trình làm việc trong ngày cho mình: “Trước tiên là cô y tá Gurney, sau đó tới hai ông luật sư Glynn và Copley”.

Mấy phút trôi qua, Paula trở lại đặt lên bàn tôi một mẫu giấy có ghi: “Cư xá 246, 3882, Hollywood Avenue” và bảo:

- Anh có biết Gurney cũng là y tá cho Salzer không?

- Không. - Tôi đẩy lùi ghế ra xa bàn - Chà, tất cả mọi việc đều đổ về đầu mối Salzer. Lạ thật!

Tôi đưa tập hồ sơ cho Paula, bảo:

- Em giải quyết những công việc này cho anh.

- Cảm ơn sự tín nhiệm của giám đốc. Vậy anh vẫn theo đuổi việc đó à?

- Anh cũng chưa quyết định. Trưa nay, anh sẽ cho em biết. - Tôi cầm lấy cái mũ. Anh đi nhé.

Tôi mất nửa giờ để tới đại lộ Hollywood. Đã quá trưa, đường đông nghẹt xe cộ, nhưng tôi cũng không cần gì phải vội vàng.

Cư xá 3882 Hollywood Avenue là một căn nhà sáu tầng lầu, lối vào thiếu ánh sáng. Một hình bàn tay bằng kim loại chỉ vào cầu thang đi xuống tầng hầm với chữ: THƯỜNG TRỰC.

Tôi vào thang máy, ấn nút lên lầu hai. Qua một hành lang dài, hai bên có những cánh cửa cẩu bần, đóng kín, tôi đi tới căn hộ 246 ở cuối hành lang, bên phải. Tôi ấn ngón tay cái vào nút chuông, rồi châm một liều thuốc, nghĩ thầm: “Không biết cô y tá có chịu tiếp mình không đây”.

Tôi đợi mấy phút thì nghe tiếng chân, rồi mở cửa. Không mặc bộ đồ y tá, Gurney càng xinh hơn. Cái áo khoác mặc nhà dài tới mắt cá chân. Vậy mà tôi vẫn nhìn thấy đầu gối của cô để trần, chân đi đất. Cô nhìn tôi, tươi cười:

- Ôi, chào anh. Anh có vào không?

- Rất lấy làm sung sướng!

Cô đứng tránh sang bên, cho tôi vào phòng khách và hỏi:

- Anh làm thế nào để tìm được địa chỉ của tôi?

Anh làm tôi ngạc nhiên quá.

- Vậy hả? - Tôi đặt mũ xuống ghế. - Tôi vẫn thấy cô thờ bình thường. - Cô nàng cười lớn:

- Em đã nhìn thấy anh tới qua cửa sổ rồi, nên bây giờ đã bình tĩnh lại. Sao anh lại tìm được địa chỉ của em?

- Anh hỏi qua “Hiệp hội y tá”. Em sửa soạn ngủ trưa đấy à?

- Vâng. Nhưng đừng vì thế mà anh vội về nhé.

- Không đâu. Em cứ ngủ đi. Anh sẽ ngồi ở đầu giường, cầm tay em và ngắm nghía.

Cô nàng lắc đầu, cười:

- Cái tiết mục đó không có trong chương trình ngày hôm nay đâu. Anh lại đây có việc gì hay chỉ để thăm hỏi xã giao em thôi?

Tôi tựa người sâu vào ghế bành, bảo:

- Cả hai. Nhưng thăm em là chính. Anh không dùng uty ki đâu. Cả đêm qua anh không ngủ.

- Cập với ai vậy?

- Đâu phải thế, đừng nghi anh như vậy.

Tôi đỡ lấy uty ki từ tay nàng, giơ lên chúc sức khỏe rồi tợp luôn một ngụm. Cô ngồi xuống ghế dài, vạt áo khoác tụt xuống hai bên đùi làm tôi tỉnh cả người. Cô khép vạt áo lại, bảo:

- Em không ngờ gặp lại anh. Em nghĩ anh cũng chỉ là loại đàn ông được chẳng hay chớ thôi.

- Nghĩ về anh thế hả? Không đâu, anh thuộc loại si cỡ lớn đấy.

- Đàn ông các anh mà... - giọng cô đổi qua chán chường. Khi cảm giác mới đã qua đi... Rượu được không?

- Tuyệt!

Tôi duỗi chân và cố ghìm tiếng ngáp. Lúc này, nếu được bỏ vào một cái hang chuột có lẽ tôi cũng làm được một giấc ngon lành.

- Em còn phải làm cho cô Crosby bao lâu nữa?

Tôi đã ra vẻ hỏi một cách vô tình, nhưng vừa nghe, cô ta đã nhìn tôi dò xét rồi trả lời ồm ồm:

- Người y tá không bao giờ được tiết lộ việc gì liên quan tới người bệnh cả.

- Trừ phi có lý do xác đáng. Anh hỏi thật nhé: em có muốn đổi nghề hay không? Anh có thể giới thiệu cho em một chỗ làm.

- Lẽ dĩ nhiên là em muốn. Em chán việc này quá rồi. Gọi là việc cho ra vẻ chứ thật ra chỉ ngồi không.

- Tại sao lại buồn vậy?

Cô vừa mở miệng định nói nhưng lại ngừng lại rồi hỏi:

- Anh định giới thiệu em ở đâu? Người ta cần một nữ y tá à?

- Anh có một tay bạn có tiền, khỏe lắm, nhưng vẫn ước ao có một nữ y tá để được chăm sóc. Nhất là y tá đẹp. Nếu em muốn, anh sẽ giới thiệu cho em.

Cô nghĩ ngợi một lát rồi lắc đầu:

- Không được. Em muốn quá, nhưng không được.

- Sao vậy?

- Em đã ký giao kèo với bác sĩ Salzer. Ông ta điều hành một trung tâm an dưỡng ở Foothill Boulevard. Anh có nghe tiếng ông ta không?

Tôi gật đầu:

- Salzer, bác sĩ chăm sóc Maureen phải không?

- Cứ cho là phải đi vì thật ra ông ta chưa hề gặp Maureen.

- Vậy ai săn sóc cô ta, một nhân viên của ông ta chăng?

- Chẳng có ai cả.

- Lạ nhỉ. Sao vậy?

- Em thấy anh đã hỏi em cả đồng câu hỏi rồi đấy nhé.

Tôi cười xòa:

- Tính anh hơi tò mò... Vậy Maureen không cần tới bác sĩ hay sao?
 - Gurney nhìn tôi bảo:
 - Em nói thật với anh thôi đấy nhé. Em cũng chưa bao giờ gặp Maureen.
 - Tôi phun mất cả nửa ngụm ực ki ra sàn vì bị sốc.
 - Trời! Thế thì anh làm sao mà hiểu nổi!
 - Thật đấy. Y tá Flemming không bao giờ để em vào phòng Maureen. Công việc của em là đánh lạc hướng chú ý của những người khách tới nhà. Nhưng cũng chẳng có ai tới cả thành thử em chẳng có việc gì để làm. Em buồn quá nên cũng cần tâm sự. Anh không được hờ việc này ra với ai đấy nhé.
 - Anh có ai thân thiết đâu mà hỏi! Vậy buổi tối em ngủ ở đâu?
 - Ở nhà Crosby. Để trả lời điện thoại. Nhưng cũng chẳng có ai gọi bao giờ.
 - Anh đoán thế nào cũng có lần em nhìn trộm vào phòng Maureen.
 - Không thể được, vì phòng bao giờ cũng khóa. Em có cảm tưởng, Maureen không có ở nhà này.
 - Lại thế nữa. Vậy cô ta ở đâu?
 - Nếu Flemming nói thật thì cô ta hiện ở tại viện an dưỡng của bác sĩ Salzer.
 - Vậy Flemming nói gì?
 - Cô Maureen ở trong nhà an dưỡng thì việc gì phải bày ra nhiều trò thế? Nào y tá, nào phòng bệnh của Maureen?
 - Nếu biết, em đã nói cho anh nghe rồi. - Cô cạn ly rượu. - Lại thật, chúng mình gặp nhau, lại cứ phải nói chuyện về Maureen Crosby, hết cả thời giờ.
 - Đâu có hết. - Tôi lại gần cô. - Vậy em có lý do gì để thôi làm việc cho Salzer không?
 - Theo giao kèo, em còn phải làm cho ông ta hai năm nữa.
 - Ông ta thế nào? Anh nghe đồn rằng ông ta là một tay đại bịp, phải không?
- Cô đánh khẽ một cái, trúng vào đầu gối mình và cả bàn tay tôi nữa, và trả lời:
- Đối với em thì ông ta không có điều gì đáng trách. Còn đối với bệnh nhân, họ có thể trả tiền nặng một chút, nhưng chẳng ai kêu ca, vì toàn là những tay giàu sụ.
 - Em có thể bằng cách nào biết được Maureen có ở đó hay không? - Lần này thì bàn tay tôi bị một cú đánh thật mạnh làm đùi cô cũng bị rớt:
 - Lại Maureen!
- Tôi xoa tay bảo: - Em đề phòng dữ quá!
- Cô nói nghiêm trang:
- Người phụ nữ đẹp nào cũng tự ái và muốn dành trọn sự chú ý về phía mình.
- Vừa lúc đó, có tiếng chuông ngoài cửa. Tôi vội nói:
- Đứng mở, đứng mở! Lần này anh sẽ không nhắc Maureen nữa.
 - Thôi đi, đừng quấy. Người đưa bánh đó mà. Chẳng lẽ em phải nhịn đói để chiều lòng anh sao?
- Cô đi ra phòng ngoài. Tôi tranh thủ ngã lưng một lát trên đi văng. Những điều tôi vừa nghe và đã thấy hợp với nhau thành một dấu hỏi to tướng, nhảy múa trong đầu tôi: cái vườn hoang với bọn coi vườn đánh bạc, tay tài xế ngồi không, người quản gia phì phèo điếu thuốc. Tất cả nói lên sự vắng mặt của Maureen ở Crestways. Vậy cô ta ở đâu? Trong viện an dưỡng của Salzer chẳng? Nếu vậy, các luật sư Glynn và Coppley phải rõ. Nếu hai người này giúp tôi giải quyết công việc, chắc Brandon sẽ không dám ngăn cản tôi, vì họ là những người có uy tín ở California, có những chi nhánh dịch vụ về pháp luật ở San Francisco Hollywood,

New York và cả London nữa. Tôi nhắm mắt lại, mơ tưởng một ngày nào, ngành cảnh sát sẽ không có những kẻ như Brandon, mà chỉ có những người lương thiện như Mifflin. Như vậy, công việc của tôi sẽ dễ dàng biết bao nhiêu.

Tôi chợt nhận thấy Gurney ra ngoài đã lâu chưa vào. Chẳng lẽ mất nhiều thời gian thế để nhận có một vài cái bánh? Cũng không nghe thấy tiếng cô nói. Tôi lo ngại, đặt ly rượu xuống bàn đứng dậy đi ra phòng ngoài. Cửa ra vào chỉ khép hờ. Tôi ngó ra hành lang, không có bóng người. Cánh cửa trước phòng Gurney vẫn đóng im ỉm. Tôi ngó vào phòng tắm, quay lại phòng khách, ngồi xuống rồi lại đứng lên. Cái tủ lạnh hết thời gian mấy nghĩ, lại tiếp tục làm việc cũng làm tôi giật mình. Tôi lên tiếng gọi, không ai trả lời. Vào phòng ngủ, tôi cúi nhìn cả xuống gầm giường. Ra phòng bếp, vẫn chẳng gặp ai. Vậy là Gurney đã ra ngoài. Nhưng cô đi đâu mà chỉ mặc có cái áo khoác trong nhà, chân còn để trần như vậy? Bất chợt hình ảnh của Edora Drew cùng cái khăn quàng thít chặt quanh cổ hiện nhanh trong tâm trí, làm tôi rùng mình. Tôi mở cửa ra hành lang, nhìn xuống đất. Không có gì, không có vết máu! Tôi nhìn sang cánh cửa đối diện, đi tới nhấn ngón tay vào chuông. Cánh cửa mở ngay sau đó như thể người phụ nữ đã đứng sẵn ở đấy chờ tôi: một người quăng năm chục tuổi, người ngắn, béo phì, đôi mắt xanh hơi lồi có vẻ tinh ma một cách kỳ dị. Bà ta cười với tôi như muốn khoe những chiếc răng hàm trên vừa to vừa thô, vừa trắng như xương người chết chắc chắn là của giả một trăm phần trăm. Bà mặc loại váy đắt tiền và cầm trên tay một cái túi bằng giấy.

Lời chào của bà làm tôi giật bắn mình vì không ngờ gặp phải một hình thù quái dị như thế.

- Xin lỗi vì đã phiền bà. Có phải phòng cô Gurney ở đây không?

- Tôi chỉ tay lại phía sau.

Bà ta cho bàn tay vào trong túi lấy một trái mận, đưa lên ngắm nhìn, bỏ tọt vào mồm rồi cất giọng khàn khàn.

- Đúng rồi. Cô ta ở đó.

Nói xong, bà lại đưa tay lên miệng, lấy cái hột mận ra, bỏ vào túi.

- Bà có thấy cô ta ở đâu không?

- Ai cơ?

- Cô Gurney. Tôi vừa bấm chuông phòng cô ta. Không có ai trả lời mà cửa lại mở. Hay là cô ta qua bên bà?

- Bên tôi? Sao lại bên tôi? Có lẽ cô ta trong phòng tắm.

- Tôi đã coi rồi, nhưng không thấy.

Lại một trái mận nữa bị tống vào mồm. Bà vừa nhai vừa nhận xét:

- Thật là tự nhiên quá đáng!

- Tôi đã gõ cửa trước khi nhìn vào.

- Tôi đã thấy sốt ruột.

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Nếu tôi là anh tôi cũng thế. Anh có ăn mận không?

- Tôi không ăn mận bao giờ. Thôi, cảm ơn bà vì đã phiền bà quá lâu.

- Anh định đi đâu?

- Tôi xuống nhà hỏi người thường trực.

Bà ta nhìn tôi nhận xét và gật đầu:

- Phải đấy. Có thật là anh không thích ăn mận không?

Không để mất thêm thời giờ nói chuyện ngớ ngẩn với bà ta nữa, tôi quay vào phòng thang máy, ấn nút xuống tầng hầm. Một cầu thang nhỏ bụi bẩn dẫn tới căn phòng có đề hai chữ THƯỜNG TRỰC ở cửa. Tôi gõ cửa. Một ông già, cổ xương xẩu, mặc cái quần không rõ là màu gì, xuất hiện ở bậc cửa, nhìn tôi với đôi

mắt mệt mỏi, lơ đãng vì men rượu. Ông ta nhìn tôi cứ như nhìn một bức tường hay cái ghế vậy. Một tiếng khô khốc thoát khỏi cổ họng ông ta:

- Gì?

Tôi thấy cần phải làm cho ông tỉnh lại, nên tóm lấy ngực áo ông vừa lắc vừa bắt chước thái độ của mấy tay cảnh sát điều tra hay dọa nạt:

- Này ông già, nghe đây. Có chuyện gì mờ ám tại phòng 246 hả?

Ông già đáng thương cố nuốt cho trôi lượng không khí trong mồm xuống dưới bụng. Cái cục yết hầu ở cổ của ông hết chạy lên rồi lại chạy xuống. Có lúc tôi đã nghĩ sẽ ngừng luôn ở đấy cổ ông không ngoi lên được nữa. Ông hấp háy mắt hỏi lại:

- Hộ 246 hả. Có việc gì vậy?

- Tôi đang hỏi ông về việc đó. Cửa mở mà không có ai ở trong nhà. Nhiệm vụ của ông phải biết tại sao thế chứ?

- Cô Gurney ở trên đó cơ mà. Vào giờ này bao giờ cô ấy cũng có mặt ở nhà.

- Nhưng hôm nay không phải như vậy. Nào, ông cùng lên với tôi coi.

Ông già đi theo tôi ngoan ngoãn như một con cừu non theo mẹ. Ông nói như than vãn:

- Cô Gurney là một người phụ nữ đứng đắn. Cảnh sát cần gặp cô ta có việc gì?

- Có lẽ cô ấy đi ra ngoài và quên đóng cửa.

- Ông có trông thấy cô ấy đi ra ngoài không?

- Phòng tôi trông ra cửa ra vào, vậy mà tôi có thấy cô ấy đi đâu.

Tôi cùng ông ta lại đi dọc hành lang, vào các phòng trong nhà. Vẫn không thấy cô Gurney đâu cả. Đầu óc tôi như bị tê liệt vì thấy mình bất lực trước mọi hiện tượng thật là vô lý. Tôi nhìn vào bức tường phía trước, chỉ vào cánh cửa hỏi:

- Người đàn bà béo mập hay ăn mận ở phòng này là ai?

Cục yết hầu của ông già tưởng chừng như bị tụt luôn xuống bụng.

Ông ta trợn mắt nhìn tôi, rồi lại nhìn vào con số 248 trên cánh cửa.

- Đàn bà nào thưa ông?

- Trong phòng này.

Ông ta lắc đầu:

- Không có ai cả. Phòng này còn trống, chưa ai thuê.

Tôi cảm thấy như có dòng điện chạy dọc theo cột sống, vội tới nhấn chuông và xoắn nắm cửa. Không có ai trả lời.

Ông già thường trực lấy chiếc chìa khóa riêng cho vào lỗ khóa, rồi cùng tôi vào trong, nhìn tất cả các phòng, không có ai. Cánh cửa sổ phòng tắm mở toang. Phía ngoài, ngay sát cửa sổ là chiếc cầu thang dùng khi cấp cứu, dựa vào bên hông tòa nhà, phía đường Skyline Avenue. Một người đàn ông khỏe mạnh có thể vác trên vai dễ dàng một nạn nhân bất tỉnh từ trên tầng lầu cao xuống một chiếc xe hơi chờ sẵn ở chân thang.

Tôi nhòai người ra ngoài cửa sổ nhìn xuống đường. Ở một đoạn rẽ của cầu thang, có một vật nhỏ làm tôi chú ý: Cái hạt mận!

10. Chương 10

Đã từ lâu, tôi vẫn ước mơ có một văn phòng thật đầy đủ tiện nghi để gây ấn tượng với khách hàng, nghĩa là một văn phòng sang trọng tân kỳ. Paula đã phải bỏ ra những xấp tiền khó nhọc lắm chúng tôi mới kiếm được để mua sắm đồ đạc, từ tủ, bàn, kệ sách, thảm chân, rèm cửa cho đến cả dăm bức họa treo tường của mấy họa sĩ trẻ nhưng có nét vẽ có thể nhập nhằng với một họa sĩ danh tiếng thời xưa. Sau khi hoàn thành công việc trang trí nội thất xong, tôi cũng để ý đi tới một số văn phòng của các hãng đặt ở Orchid Building để nhận xét. Có vài nơi khá hơn trụ sở của chúng tôi, nhưng có nhiều nơi không bằng. Nói chung không có nơi nào làm cho tôi phải ganh tị thêm muốn. Cho tới hôm bước vào phòng của Mafrend Willet, chủ tịch hiệp hội luật sư Glynn và Coppoley tôi mới vỡ lẽ ra rằng, muốn có được một văn phòng lý tưởng, còn phải dày công kiếm nhiều đơla hơn nữa. So sánh nơi tôi vừa đến với văn phòng của công ty tôi như so sánh cái chòi lá với tòa lâu đài vậy.

Trong căn phòng rộng rãi có trần cao vút, một cái bàn giấy đặt ở cuối phòng phía xa xa, đối diện với ba cửa sổ lớn. Cái bàn chắc chắn, to bằng hai cái bàn bida ghép lại, còn có mấy cái cửa sổ có đáng thật thanh tú, vậy mà lại cao gần tới trần. Bốn năm chiếc ghế bành lớn và một chiếc ghế nệm dài được bố trí quây quần với nhau bên cạnh một lò sưởi đủ rộng, để cho mấy con voi chơi trò đi trốn tìm. Tầm thảm lớn trải trên sàn có những sợi lông như những lá cỏ đã tới ngày xén. Mặt lò sưởi và những bàn nhỏ đặt tại các góc, có rất nhiều pho tượng bằng ngọc thạch. Đồ dùng văn phòng để trên bàn làm việc đều bằng bạc chạm trổ tinh vi. Những mảnh kính mờ màu kem lẩn trong tường và trên trần tỏa ánh sáng êm dịu xuống căn phòng đã được điều hòa nhiệt độ. Các cánh cửa đều được viền cao su, đảm bảo việc cách âm được hoàn hảo. Trong phòng này, một tiếng đàng hắng nhỏ cũng vang lên như đá sỏi rơi xuống cái mái nhà lợp bằng tôn vậy.

Mafrend Willet ngồi trên chiếc ghế quay có nệm tựa lưng, sau cái bàn rộng lớn. Ông đang hút một điếu thuốc lá dẹt, đầu ngậm mạ vàng. Cao lớn và vạm vỡ, vào khoảng bốn mươi lăm tuổi, tóc màu xám, ông có bộ mặt có nhiều nét đẹp như tạc tượng. Trong bộ đồ cắt may theo đúng mốt Ønglê, chiếc áo sơ mi ông mặc có màu trắng như những bông tuyết đầu mùa. Mafrend Willet cứ để cho tôi nói. Hai mắt ông không rời lộ mực để trên bàn, nét mặt lạnh lùng, không biểu hiện một chút cảm xúc gì.

Tôi kể lại cho ông nghe, bắt đầu từ lá thư của Janet, tình trạng ngôi biệt thự của gia đình Crosby ở Crestways, cho tới lời đồn về Maureen đi cai nghiện, sự ngạc nhiên của tôi về cái chết của Janet về bệnh tim mà trước đó hai hôm cô vẫn chơi quần vợt và đi khiêu vũ. Tôi đề cập tới việc ông bác sĩ già Bewley chứng nhận cái chết của ông Crosby như thế nào, việc tôi chứng kiến cô người hầu Eudora Drew bị tên Dwan, tay chân của Salzer và Maureen, về việc hai trung sĩ cảnh sát Graw và Hartsell có mặt lúc Dawn thú nhận mưu hại tôi, nhưng kết cuộc lại là cái chết của Dwan có liên quan đến những vết xe để lại của hai người đó và cuối cùng là việc cô y tá Gurney bị bắt cóc. Dù có tóm tắt các sự việc xảy ra, tôi cũng phải mất một thời gian khá dài để trình bày. Vậy mà ông chỉ ngồi im lặng, không ngắt lời, không hỏi thêm một câu nào. Nhưng tôi biết, đằng sau bộ mặt bình thản ấy, bộ óc ông không ngừng ghi nhận và xét đoán. Tôi kết luận:

- Thưa ngài, tôi nghĩ rằng ở cương vị là người quản lý tài sản, những sự việc tôi vừa kể rất đáng để ngài quan tâm. Sau nữa, ông đại úy Brandon đã gợi ý cho tôi tới đây để trao trả năm trăm đô la tôi đã nhận được của cô Janet.

Tôi rút ví tiền đặt trước mặt Mafrend Willet rồi nói tiếp:

- Đúng ra, sau khi hoàn lại số tiền, tôi cũng chẳng còn nhiệm vụ gì về việc này nữa. Nhưng nếu ngài muốn công ty của tôi tiếp tục cuộc điều tra thì chúng tôi xin sẵn sàng phục vụ. Xin thú thật rằng, bản thân tôi sẽ rất thích thú.

Ông ta im lặng nhìn tôi. Nhiều phút trôi qua, tôi có cảm tưởng là tuy hai mắt hướng về tôi, nhưng ông không nghĩ tới sự hiện diện của tôi nữa. Bất chợt ông lên tiếng:

- Những sự việc đó quả thật là không bình thường. Tôi đã được nghe những người khách hàng của tôi nói tới công ty của ông với nhiều lời khen ngợi, sau khi nghe ông kể, tôi nghĩ rằng chúng ta có quyền mở một cuộc điều tra. Tôi muốn trao việc đó cho ông (ông ta đẩy lui ghế ra xa bàn) nhưng ông phải tiến hành thật kín đáo, không để cho ai biết tôi chủ trương làm việc này, vì nhiệm vụ của tôi rất tế nhị. Tôi chỉ được có ý kiến và quyết định sau khi có những bằng chứng xác đáng về những hành vi đáng chê trách của cô Maureen. Vậy mà chúng ta chưa có trong tay một điều gì rõ rệt cả.

- Như thế thật khó khăn cho tôi, vì tôi định nhờ vào uy thế của ngài để khỏi bị Brandon làm khó dễ.
- Tình thế phải xử sự như vậy và nghề nghiệp của ông cũng đòi hỏi cho cuộc điều tra. Còn nếu ông gặp khó khăn ở tòa án, tôi sẽ đảm nhiệm công việc của ông mà không lấy tiền thù lao.
- Ông ta nói một cách dứt khoát để cho tôi hiểu, không thể yêu cầu ông giúp đỡ thêm một điều gì nữa.
- Thôi được, tôi đồng ý nhận việc này. Nhưng tôi muốn hỏi ngài thêm một ít điều: ngài đã gặp cô Maureen lần cuối cùng vào lúc nào?
- Trong đám tang Janet. Từ ngày đó, tôi không gặp cô ta nữa mà chỉ tiếp xúc với cô ta qua thư từ.
- Ngài có biết gì về bệnh trạng hiện nay của cô ấy không?
- Ông ta lắc đầu.
- Ngài có tin chắc chắn rằng ông Crosby bị chết vì tai nạn rủi ro không?
- Ông ta ngạc nhiên, đưa mắt nhìn tôi:
- Ý ông định nói gì? Hiển nhiên đó là một tai nạn rồi.
- Có thể là một vụ tự sát lắm chứ?
- Ông ta cần gì phải hành động như vậy? Vả lại, người ta không tự tử bằng súng trường nếu có một khẩu súng lục.
- Nếu ông Crosby tự tử, chắc chắn món tiền bảo hiểm sinh mạng của ông ta sẽ bị cắt.
- Trời! Vậy mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều này. Món tiền bảo hiểm ấy lên tới một triệu rưỡi đô la đấy.
- Ai được hưởng món tiền đó?
- Maufrend Willet đứng lên, rồi lại ngồi xuống, nói:
- Tôi không biết ông định dẫn tôi tới đâu? Ông hãy nói ý nghĩ của ông như thế nào về việc này đi.
- Việc ông Salzer không phải là bác sĩ y khoa lại ký tên chứng nhận trong tờ giấy khai tử của ông Crosby với sự đồng tình của Brandon và người lập biên bản, khiến tôi nảy ra một giả thiết. Nếu ông Crosby vì lý do nào đó mà tự tử, thì việc giấu kín chuyện này sẽ có lợi cho người thừa kế một món tiền rất lớn: một triệu rưỡi đô la. Người đó là Janet. Khi Janet chết, người được hưởng lợi chính là Maureen.
- Đúng vậy, trước đây tôi có khuyên cô Janet dùng số tiền đó mua các cổ phiếu. Nhưng cô không nghe và vẫn gửi ở ngân hàng.
- Bây giờ món tiền đó còn ở ngân hàng không?
- Đấy là món tiền riêng của cô Maureen nên tôi không quản lý.
- Tôi nghĩ rằng, nếu cô Maureen phải rút lút cho ông Brandon và Franklin Lessways, người lập biên bản về cái chết của ông Crosby thì số tiền đó đã rơi đi đáng kể.
- Được, tôi có thể xem xét vấn đề này.
- Ngài có biết rõ về cô Janet không?
- Tôi chỉ gặp cô ta hai, ba lần.
- Ồ, tiếc quá. Tôi chưa gặp cô ta bao giờ, nhưng tôi cho rằng cô ta không thể chết vì bệnh tim được.
- Willet rướn lông mày, nhìn tôi như nhìn một vật lạ.
- Ông lại có ý kiến gì nữa đấy?
- Bây giờ thì tôi chưa thể nói ra. Nhưng một người yếu tim không thể thường xuyên chơi quần vợt và đi khiêu vũ. Đó là điều chắc chắn: Còn cô Maureen, theo cô y tá Gurney thì có lẽ cô ta không có mặt trong căn nhà ở Grestways. Vậy cô ta ở đâu?

- Đúng thế. Cô ta ở đâu nhỉ?

- Có thể cô ta bị giữ chân trong viện an dưỡng Salzer chẳng?

- Việc này thì ông tưởng tượng quá đáng đấy. Tôi vừa gửi cho cô ta một số giấy tờ để cô ta ký. Vừa tuần trước, tôi đã nhận đầy đủ số giấy tờ trên, có dấu bưu điện Crestways.

- Như vậy cũng không chứng minh được là cô ta có tự do hay không. - Willet suy nghĩ một lát, rồi bảo tôi:

- Được rồi, tôi sẽ nghĩ ra một công việc để mời cô ta đến văn phòng của tôi.

- Thật là một ý kiến hay, xin ngài báo cho tôi, khi nào cô ta đến. Tôi sẽ theo dõi, để coi cô ấy đi đâu. Bây giờ, tôi xin phép tạm biệt ngài để đi tìm cô Gurney. Tôi rất mong cô ấy còn sống, vì tôi rất mến cô ấy.

Khi tôi bắt tay từ biệt, Mafrend Willet không giữ được vẻ bình tĩnh lạnh lùng như trước nữa. Nét mặt của ông biểu hiện sự lo âu. Tôi hiểu, ông là một người cứng rắn nhưng vẫn còn nhiều tình người. II Viên trung sĩ ngồi sau bàn giấy báo cho tôi biết Mifflin đang đợi tôi. Tôi tới gần cầu thang lên lầu trên. Macgrau, gã cảnh sát có bộ tóc đỏ gặp tôi tới, lầm bầm:

- Vãn cái của nợ này! Có việc gì vậy? Liệu hồn đấy, biết không?

- Biết nhiều thứ lắm chứ!

Tôi đi qua bộ mặt ngơ ngác đầy ác cảm của hắn để tới phòng Mifflin:

- Lại anh! Anh không hiểu rằng Brandon không ưa anh lai vãng tới đây hay sao?

- Mặc xác Brandon. Tôi chính thức tới đây có việc.

Mifflin đẩy lui ghế lại phía sau, đặt hai tay lông lá lên trên bàn:

- Chính thức?

- Đúng. Để báo tin về một cô y tá sẵn sóc cho Maureen Crosby bị mất tích. Chắc Brandon sẽ chú ý tới việc này vì đây là một y tá của Salzer.

- Mất tích à? - Mifflin hỏi lại.

Tôi kể cho Mifflin chuyện Gurney đang ngồi với tôi, nghe thấy tiếng chuông, ra mở cửa, rồi không trở vào nữa, mụ đàn bà béo phì ăn mặn luôn mồm, cái thang cấp cứu ở sát cửa sổ phòng tắm của Gurney và sự suy đoán của tôi về việc Gurney có thể bị mang xuống đường bằng cái cầu thang ấy.

- Thế thì lạ thật đấy. Cách đây ít lâu, cũng có một cô y tá của Salzer bị mất tích rồi.

- Người ta có tìm thấy cô ta không?

- Không. Nhưng Salzer cho biết là cô ta có thể đã đi nơi khác cùng với người yêu. Vì người này không hợp với cô ta.

- Salzer đã báo cho anh biết về cô Gurney chưa? Mifflin lắc đầu, bảo:

- Cô ta có việc đi đâu thì sao?

- Đi đâu? Cô ta chỉ mặc cái áo choàng trong nhà, chân để trần đi đất.

- Được rồi, cậu đừng làm gì thêm nữa. Tôi sẽ tới người thường trực và báo Brandon là ông ta báo tin cho tôi.

Tôi nhún vai bảo:

- Tùy anh thôi. Này, cô y tá lần trước tên là gì?

- Anona Freedlander. - Mifflin rút một tập hồ sơ để lên bàn. - Bố là Geoges Freedlander, ở 257 California Street tại San Francisco. Mất tích ngày 15 tháng 5 năm ngoái. Khi ở viện an dưỡng của Salzer về, Brandon xác nhận là cô ta đã đi cùng một tay lính thủy đào ngu tên là Jack Brett và khuyên chúng tôi xếp việc này lại.

- Các anh có tìm được tung tích của Brett không?

- Không.

- Vậy liệu anh có cho tiến hành việc tìm cô Gurney không?

- Việc này còn tùy ở Brandon và lời khai của Salzer.

- Trời ơi! Hình như mọi việc ở cái thành phố này đều phải tùy thuộc vào Salzer cả!

- Đừng vội nổi giận như thế, Vic!

Tôi đứng dậy, bảo:

- Anh phải tìm bằng được cô ấy, nếu không tôi sẽ làm ầm lên cho anh coi.

- Cứ yên tâm đi. Nếu thật là cô ấy bị mất tích thì người ta sẽ cho tìm thôi. Này, theo cậu thì lần này có nên đặt tiền vào ngựa Apple không?

- Vứt chuyện ngựa nghèo của anh đi chừng nào chưa tìm thấy cô Gurney tôi sẽ không nói chuyện với anh nữa đâu.

Tôi đứng dậy, ra khỏi sở cảnh sát, lên xe về văn phòng công ty. Paula đang ngồi đợi tôi. Tôi ngồi xuống ghế bảo:

- Tiếp tục công việc! Anh đã gặp Willet. Ông ta sẽ trả tiền cho mọi phí tổn nhưng không được phô tên ông ta trong mọi công việc.

Paula tỏ vẻ khinh thường:

- Ông ta sợ rồi. Như vậy, mọi nguy hiểm sẽ đổ lên đầu anh.

- Ông ta sẽ phải chi cho việc đó - tôi cười và kể lại cuộc gặp gỡ với Mifflin - Hình như Salzer có một đội ngũ nữ y tá chuyên cho việc bị mất tích. Em hãy lưu ý điểm này: ngày 15 tháng 5, ngày cô y tá mất tích, cũng là ngày Janet chết. Đừng có hòng ai thuyết phục anh rằng đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Paula nhìn tôi, hỏi:

- Anh cho rằng Janet bị ám sát hay sao?

Tôi châm điếu thuốc, tắt lửa rồi trả lời:

- Có khả năng lắm chứ. Lý do: tiền! Janet không thể chết vì bệnh tim được trừ phi cô ta bị thuốc độc, như thạch tín chẳng hạn. Ông bác sĩ già Bewley chẳng qua chỉ là một nhân vật ngốc nghếch, dễ bị sở mũi.

- Đây mới là sự dự đoán thôi, chưa có bằng chứng. Để anh cho rằng chính Maureen ám sát cô chị, chưa biết chừng.

- Tìm ra nguyên nhân sự việc rất quan trọng. Ngoài khoản gia tài trị giá hai triệu đô la, lại còn khoản tiền bảo hiểm nữa. Ai làm việc đó thì anh chưa biết, nhưng nghi ngờ là chuyện cần thiết. Từ chuyện ông Crosby trở đi. Nếu chỉ là một tai nạn tại sao Salzer lại phải kén một ông bác sĩ lẩn thẩn như Bewley đến để làm chứng? Tại sao hẳn cũng vội ký tên vào biên bản? Rõ ràng là Brandon và viên thư lại lập biên bản đều đã được đút lót. Ông Crosby tự tử hay bị ám sát? Anh cũng chưa xác định được, nhưng anh tin rằng không phải là một tai nạn. Willet có nhận xét rằng, nếu người ta có sẵn một khẩu súng lục thì không ai lại đi tự tử bằng súng trường. Vậy nếu không phải là một vụ tự sát thì chỉ có thể là một vụ án mạng.

Paula nhìn tôi nửa đồng tình, nửa trách móc:

- Anh thường có nhược điểm là vội đi tới kết luận sớm quá!

Tôi nháy mắt, bảo:

- Vì anh tin có em bên cạnh để sửa sai cho anh đấy mà. IIIITôi thường chơi trò ghép hình để giải trí. Có khi tôi phải mất cả tháng trời mới ghép được hoàn chỉnh một cái hình nguyên trước đây là một áp phích quảng cáo. Kinh nghiệm của trò chơi cho tôi thấy những mảnh ghép rất nhỏ, nhiều khi lại rất quan trọng để tìm

thấy cách dựng lại toàn bộ tấm hình đã được cắt ra thành bao nhiêu mảnh. Bởi vậy, khi nghiên cứu công việc gì, tôi thường chú ý tới những chi tiết thoát đầu tưởng như không đáng chú ý tới.

Tôi ngồi trước bàn làm việc đã hơn một giờ. Văn phòng đóng cửa, mọi người đã ra về. Tôi đọc đi đọc lại danh sách những người có liên quan tới các sự việc xảy ra ở gia đình Crosby. Cái tên Sherill chợt làm tôi chú ý. Tôi tự hỏi: “Tại sao Janet cắt đứt quan hệ yêu đương với Sherill, một tuần trước khi ông Crosby chết?”. Việc này hình như chẳng có gì quan trọng, nhưng biết đâu lại chẳng có liên quan tới toàn bộ các sự việc xảy ra? Để biết rõ, cần phải tìm nguyên nhân của sự tan vỡ. Ai có thể giúp tôi trong việc này trong khi chưa biết Sherill là ai. Tôi lại nhìn vào danh sách: John Stevens người quản gia của gia đình Crosby. Bà giám đốc cơ quan tìm việc làm Martha Bendix có cho tôi biết Stevens bây giờ làm cho gia đình Wainwright. Tôi dở cuốn danh bạ điện thoại, tìm được dễ dàng số điện. Chỉ vài giây sau đã có tiếng nói ở bên kia đầu dây.

- Tư gia ngài Wainwright.

- Tôi xin gặp ông John Stevens.

Vài giây sau, một giọng nói khác qua máy:

- Tôi là Stevens. Xin cho biết ai cần gặp tôi.

- Tôi là Malloy. Tôi mong được gặp ông để hỏi về một chuyện cần thiết liên quan tới gia đình Crosby.

Im lặng. Một lát sau, lại có tiếng nói:

- Tôi không hiểu có cần thiết hay không. Vả lại, tôi chưa hề quen ông và việc bình luận hay cung cấp tin tức về người chủ của mình có lẽ là không nên.

- Tôi là giám đốc công ty Universal Services. Tôi muốn trình bày với ông những lí do thật đúng đắn về việc này, sau đó nói hay không là tùy ông quyết định.

Lần này, sự im lặng kéo dài hơn.

- Thôi được, tôi sẽ gặp ông nhưng không hứa trước với ông điều gì đâu.

- Thế là tốt rồi, thưa ông. Tôi sẽ đợi ông hồi chín giờ ở góc đường Jefferson và Felman. Tôi đội mũ và đọc tờ “Herald buổi chiều”.

Tôi đặt ống nói xuống bàn, đứng dậy đi đóng các cửa và tâm trí lại nghĩ tới cô y tá Gurney. Còn hai tiếng nữa mới tới giờ hẹn nên tôi có ý định tạt qua tiệm cà phê Finnegan. Tôi khóa cửa đi theo hành lang tới phòng thang máy. Một người thấp, to ngang, đứng tựa lưng vào tường đang chăm chú đọc báo. Gã có màu da hơi sẫm, mặc bộ đồ màu xanh nước biển. Chiếc áo vét tông đã nhả ở khuỷu tay còn chiếc sơ mi thì không còn giữ được màu trắng sạch nữa. Tôi nghĩ thầm có lẽ hẳn là dân gốc Ý.

Hắn bước vào phòng thang máy sau tôi. Tối lâu ba, phòng thang máy ngưng lại đón Willet. Ông ta phớt lờ tôi như chưa từng gặp mặt mà giờ một tờ báo lên chăm chú đọc. Tôi cười thầm nghĩ rằng, ông ta quá nhút nhát. Thôi cũng được, chủ yếu là ông ta chịu mọi tiền chi phí. Tối dưới nhà, tôi mở cửa đi ra, dừng lại ở quầy báo mua một tờ Harald Evening, cốt để Willet ra ngoài đường một mình không có tôi đi bên cạnh. Ông ta bước lên một chiếc xe hơi lớn, chắc chắn như xe bọc thép. Gã người Ý ngồi xuống một chiếc ghế đặt ở hành lang, trong khi đó tôi bước ra ngoài bằng lối cửa sau và đi tới tiệm Finnegan.

Tôi vào tiệm trong không khí ồn ào. Mới đi được hai bước thì Olaf Kruger người điều khiển lò quyền Anh ở Prince Street đã tới bắt tay tôi:

- Hê! Vic! Lâu quá không gặp nhau, hay anh giận gì tôi đấy. Ra quầy làm một chầu đi.

Tôi nháy mắt chào Finnegan trong khi Olaf đu người lên ngồi trên một chiếc ghế cao. Tôi nói với anh chàng huấn luyện viên đấm bốc:

- Tớ vừa coi mấy trận đấu mà không gặp cậu. Tay đấm Ohara có vẻ sung sức nhỉ?

Olaf hươ tay cho Finnegan nhìn thấy và gọi, giọng the thé:

- Ê, hai uýtki nhé!

- Rồi quay lại, nói tiếp - Ohara hả? Ừ, nó hăng lắm, nhưng không biết giữ sức. Thế nào cũng có ngày gặp một tay biết phòng thủ, thế là hết đời! Tớ đã bảo nó nhiều rồi mà nó không chịu nghe.

Chúng tôi đã ăn xong hai cái bánh mì kẹp thịt thì Hughson, phóng viên tờ Herald lại ngồi cùng chúng tôi và gạ uống thêm một chầu nữa. Anh chàng này người cao, mảnh, tóc hói và đôi mắt lúc nào cũng như một mối. Vạt áo trước của anh lộ chỗ vết cháy của tàn thuốc và nặng mùi những mẩu xì gà “bắt được” ở những nơi công cộng. Anh đã góp cùng chúng tôi đàm ba câu chuyện về đám bốc thì Olaf chợt hỏi:

- Này, anh có biết cái vụ Dixie Kid không? Hẳn đánh nhau hả?

Hughson nheo mắt, bảo:

- Tôi cũng chưa rõ, vì hỏi hẳn không chịu nói. Chỉ biết qua một tay tài xế đậu ở cảng Kid đã bơi từ ngoài xa vào bờ và tới hôm nay, một mắt hẳn thâm quầng vì cú đâm.

- Nếu hẳn bị ném từ trên tàu “Mộng Mơ” xuống, thì cũng là một bài học cho hẳn thôi - Olaf tỏ ra không có cảm tình với Kid.

Hughson thọc mấy ngón tay vàng vì khói thuốc vào túi, bảo:

- Hôm qua Kid đã lớn tiếng với Sherill trên tàu “Mộng Mơ”. Sau đó bị bốn người quăng xuống nước. Nghe nói rằng, nếu phen này Sherill thúc bách thì Kid đến tiêu mất vì anh ta nợ nần quá rồi.

Olaf gật đầu tán thành và nói thêm:

- Tôi nghĩ rằng, Sherill có thể dùng vũ lực nữa đấy.

Hughson không tán thành, lắc đầu nói:

- Tôi đã bảo Kid, không việc gì phải sợ. Tay Sherill không dám gây chuyện to ra đâu.

Tôi ra hiệu cho Finnegan mang thêm rượu lại và hỏi Hughson:

- Sherill là ai vậy?

- Không phải chỉ có anh mới hỏi, mà rất nhiều người muốn biết rõ về hẳn. Nghe đâu trước kia hẳn cộng tác kinh doanh với hãng Selby, bòn rút được một món tiền để tậu một cái nhà hàng nhỏ ở đường Rossmore. Sau đó, không biết làm sao đã hứa hôn được với con nhà triệu phú Crosby, rồi tự nhiên mất tăm. Gần đây, hẳn trở thành chủ nhân của con tàu “Mộng Mơ”, loại tàu ba trăm tấn, bỏ neo ngoài khơi, nơi giáp ranh thành phố này với địa phương bên cạnh. Quanh chiếc tàu của hẳn là cả một đội tàu tắc xi nhỏ, đưa đón khách, toàn là loại sộp cả.

Olaf góp ý thêm:

- Trên tàu không chỉ là trò đỏ đen đâu nhé. Có cả một tá con gái phục vụ nữa. Ở ngoài khơi, hẳn tránh được sự kiểm soát của địa phương và thả sức thu tiền.

Tôi cố giữ nét mặt không thay đổi, nhưng trong lòng thì thật vui, vì chẳng tốn công sức gì mà lại vớ được nguồn tin đang khao khát. Tôi làm bộ ước ao:

- Khoái nhỉ. Ước gì mình có cơ hội để lên tàu.

Hughson cười mũi:

- Khó lắm, đừng hòng, Sherill tổ chức tàu của hẳn theo kiểu một câu lạc bộ. Mỗi hội viên phải đóng hai trăm rưỡi đô la tiền nhập hội, năm trăm đô la mỗi năm tiền sinh hoạt và chọn lựa rất kĩ. Đây là tổ chức chỉ dành cho bọn giàu sụ thôi.

- Vậy tay Sherill này xuất hiện ở tầng lớp nào?

- Một tay ma cô có mẽ, điển trai, tinh ranh và độc ác. Loại mắt xanh tóc quăn, cơ bắp được đàn bà mê.

- Tại sao Janet Crosby lại cắt đứt với một tay như thế nhỉ?

- Cô ta như vậy là khôn đấy. Tôi chắc cô ta đã thấy rõ con người của hẳn, hẳn chỉ yêu món tiền của cô ta thôi, và cô ta đã kịp rút lui.

Olaf lại nói xen vào câu chuyện, trở lại tình hình đánh đấm ở các võ đài. Tôi giơ ly rượu, uống cạn và tạm biệt mọi người.

- Tôi phải đi có việc. Hẹn gặp lại các cậu, một châu sau này nhé. Vừa quay người lại tôi thấy ngay gã người Ý mặc bộ đồ màu tím than đang ngồi đọc báo ở bàn kế cửa ra vào. Khi tôi đẩy cửa bước ra ngoài, hắn thông thả gấp tờ báo lại bỏ vào túi và đứng dậy.

Tôi leo nhanh lên chiếc Buick mở máy cho xe ra đường. Một chiếc xe khác cũng khởi động, chiếu ánh sáng đèn pha vào chiếc kính hậu của xe tôi.

Tôi cho xe rẽ vào Prince Street. Chiếc xe bám theo tôi là một chiếc Lincoln. Không nhìn rõ người lái, nhưng tôi cũng đoán được hắn là ai. Khi vào đường Felman, lượng xe thưa thớt hơn nên tôi chạy nhanh. Nhưng chiếc Lincoln vẫn bám đuôi xe tôi, không khó khăn gì. Gần tới tiệm cà phê, nơi tôi hẹn Stevens, tôi bất chợt lái xe đi sát vỉa hè và đỗ lại. Chiếc Lincoln bị bất ngờ, đi thẳng nhưng hãm tốc độ và dừng cách xe tôi chừng năm chục mét.

Tôi vội vã rời khỏi xe, núp vào bóng tối một hiên nhà. Phía xa tên người Ý từ từ xuống xe, nhìn quanh một lát rồi đi về phía xe tôi.

Hắn đi đường hoàng, hai tay thọc túi, cúi người ngó vào trong chiếc Buick tỏ ra không ngạc nhiên vì không thấy tôi và đi về phía cuối phố.

Tôi nhìn theo hắn một lát rồi xuống đường xe điện ngầm để đi qua hè bên kia vào tiệm cà phê. Cái đồng hồ treo trên tường chỉ chín giờ kém năm. Trong tiệm chỉ có vài khách uống: một cặp trai gái còn trẻ, hai người đứng tuổi bên một bàn cờ, hai người phụ nữ đi chợ về, để giỏ thức ăn bên chân và một cô gái ngồi một mình ở góc phòng uống sữa.

Tôi ngồi xuống ghế ở xa cửa ra vào, mở tờ Evening Herald để trên bàn, châm thuốc hút và suy nghĩ. Tên người Ý đó có ý đồ gì? Phải chăng hắn là tay chân của Salzer? Hắn theo dõi tôi gần như công khai, tôi cũng đã ghi được số biển xe của hắn để Mifflin có việc làm thêm. Tuần vừa rồi, con ngựa Apple về nhất, không biết Mifflin có ăn thua gì không. Đồng hồ chỉ đúng chín giờ. Một ông già dáng cao cao, mở cửa bước vào, nhìn quanh một lát rồi trịnh trọng tiến lại bàn tôi, dáng như đi rửa tội cho con chiên vậy. Tôi đứng dậy chào:

- Ông là Stevens? - Ông ta gật đầu.

- Tôi là Malloy. Mời ông ngồi, ông dùng cà phê nhé.

Ông đặt cái mũ kiểu quả dưa xuống một chiếc ghế, gạt đầu và ngồi xuống.

Để khỏi mất thời gian, tôi ra quầy lấy hai ly cà phê rồi tự mang lại bàn. Đôi trai gái nhìn ông già rồi lại nhìn nhau cười. Họ đang chứng kiến hình ảnh một con người của thế hệ trước. Tôi mời ông hút thuốc và nói:

- Tôi rất cảm động vì ông đã nhận lời gặp tôi.

Trong lúc ông châm thuốc, tôi nhìn kỹ ông để nhận xét, quả đúng, đây là một lão bợc có lương tâm, cần mẫn và trung thành, tôi tiếp:

- Xin thú thật với ông điều này: Tôi có nhiệm vụ điều tra về cái chết của cô Janet Crosby. Có một số người không tin rằng cô ta chết vì bệnh tim.

Ông già nhồm người dậy hỏi:

- Ai vậy? Bây giờ mới điều tra liệu có quá trễ hay không?

- Tôi chưa được công bố tên những người đó. Tuy cuộc điều tra hơi trễ nhưng chúng tôi đã thu thập được một số chứng cứ. Vậy ông có tin là Janet bị chết vì bệnh ăng-đô-các-đít không?

Ông già do dự trước khi trả lời:

- Việc đó tuy không liên quan tới tôi cũng xin nói thật. Cái chết của cô Janet làm tôi hết sức bàng hoàng vì Janet là một cô gái tràn trề sức khỏe. Chỉ có bác sĩ Salzer là cho rằng người như cô ta vẫn có thể bị đứt mạch máu bất ngờ.

- Ông có biết nguyên nhân tại sao cô ta cắt đứt quan hệ với Sherill không?

- Tôi chưa rõ ai giao cho ông điều tra vụ này. Dù tôi đã nghe tiếng về công ty Universal Services của ông là một tổ chức đứng đắn, nhưng tôi vẫn không muốn tiết lộ những điều riêng tư của những người tôi đã phục vụ, nếu chưa biết rõ về trách nhiệm của mình.

Tôi chưa biết làm cách nào để hỏi thêm ông già, thì không khí trong tiệm bỗng im lặng khác thường, cánh cửa ra vào bật mở. Bốn tên có màu da và dáng điệu là dân gốc Ý bước vào phòng, hai tên cầm súng tiểu liên trên tay và hai tên cầm súng ngắn, trong đó có tên mặc bộ đồ tím than đã theo dõi tôi. Những tên cầm tiểu liên trấn giữ ở hai góc phòng còn hai tên cầm súng ngắn đi lại phía bàn tôi ngồi. Ông già Stevens kêu ú ớ vì sợ hãi, định đứng dậy. Tôi nắm tay ông, thầm thì:

- Ông nên bình tĩnh, ngồi yên.

Một tay cầm súng tiểu liên quát:

- Không được ai nói! Nếu không ta sẽ bắn hết!

Mọi người sợ hãi, ai cũng cứng đờ người như tượng. Người chủ tiệm đứng ở quầy rượu, tay nắm chặt cái ly, mắt mở to. Ông khách đánh cờ đang chỉ tay vào con tướng. Cô gái trẻ mặt tái mét, hai tay bưng mặt, mắt nhắm nghiền, miệng rên rĩ. Tên cướp lại gần dùng báng súng đánh vào mặt cô làm cô ta ngã sấp xuống.

Tôi biết, trong tình thế này, bọn chúng chỉ chờ có cơ hội để nổ súng. Nếu tôi có mang khẩu súng ngắn theo người, có lẽ cũng đành bó tay vì dùng súng ngắn để đối đầu với liên thanh có khác gì mang bàn chải đánh răng đi đấu kiếm.

Hai gã người Ý lăm lè đi về phía bàn tôi. Một đứa lên tiếng nạt nộ:

- Không được động đây!

Một đứa nắm cánh tay ông già Stevens xóc dậy, bảo:

- Nào, cùng nhau đi dạo một lát, đi!

- Hãy để ông ta lại...

Tôi vừa lên tiếng thì bị một tên dùng báng súng đánh vào cằm và quát:

- Câm miệng lại!

Ông già Stevens đáng thương năn nỉ bọn chúng đừng bắt mình đi, liền bị một tên hành hung rồi kéo ra khỏi tiệm. Hai tay cướp chĩa tiểu liên vào mọi người, đi giật lùi ra ngoài đường. Bọn chúng đẩy ông già lên xe, nổ máy.

Khi chiếc xe vừa chồm lên phía trước, tôi vội nằm xoài ra sàn, vừa lúc một tràng đạn nổ về phía tôi ngồi làm vỡ tan cửa kính. Viên đạn cuối cùng làm bằng mắt của tôi một cái để giày

IV

Tiếng nói từ cái máy thu thanh vọng tới tai tôi như những tiếng vang trong một đường hầm. Ánh đèn trên bàn hắt ánh sáng xuống tấm thảm thành một mảng màu vàng. Tôi ngồi gần chai rượu mạnh. Sau một buổi tối như tôi đã qua, thì uống nhiều hay uống ít không thành vấn đề. Cái chính là làm sao cho quên đi, cho thần kinh trở lại bình thường.

Vì sự thật, chẳng có ai thích thú gì khi thấy một tràng đạn đi lướt qua đầu mình, cả tôi cũng vậy. Trí nhớ của tôi còn bị ám ảnh bởi hình ảnh bọn cướp kéo lết ông già Stevens từ trong tiệm lên xe và sự hối hận rằng chính vì tôi mà ông đã bị tai họa, mà tôi chẳng làm được gì để cứu ông. Tiếng nói từ chiếc loa vẫn cứ như rót vào tai tôi:

“Vào chín giờ tối nay, một bọn sáu tên có vẻ là người gốc Ý đã vào tiệm cà phê ”Chim xanh”, dùng súng đe dọa mọi người và bắt cóc ông John Stevens đi theo bọn chúng.

Ông già Stevens hiện đang làm quản gia cho nhà doanh nghiệp Gregory Wainwright, vua sắt thép mà mọi người đều biết tiếng ở Orchid City. Bị hành hung khi tuổi đã cao nên ông bị chết vì quá sợ hãi. Bọn cướp thấy vậy, đã ném ông ra khỏi xe.

Sở cảnh sát cũng đang tìm kiếm người cùng ngồi với ông Stevens trong tiệm cà phê. Người này cao, vạm vỡ, da sạm nắng, có vết xước ở mặt vì bọn cướp đánh. Ai gặp hay biết người này ở đâu, phải báo ngay về ngài chỉ huy cảnh sát Brandon, quận Graham -ba-bốn-bốn-bốn...”

Tôi đứng dậy tất đài, khi quay người lại đã thấy hai gã trung sĩ cảnh sát Mac và Hartsell đứng ở cửa ra vào. Tôi nhảy bổ tới định đóng cửa lại nhưng không kịp. Tôi hỏi họ:

- Ai mời các anh vào đây?

Graw bảo Hartsell:

- Hẳn hỏi ai mời chúng mình tới đây, kìa. Có cần phải nói cho hẳn rõ không?

- Nói đi - Hartsell bảo đồng nghiệp - Mac Graw nhìn tôi rồi đi đóng cửa sổ lại. Xong, hẳn cười đểu giả:

- Con chim xanh nó mời tụi này đây. Có phải đằng ấy vừa ngồi nói chuyện với Stevens không, hả?

Tôi thấy mồ hôi toát ra. Có thể vì tối nay trời nóng mà cũng có thể vì đoán được ý định của cả hai đứa này. Brandon đã dọa sẽ cho người sửa tôi một trận. Tôi gật đầu nhận:

- Đúng, tôi vừa gặp Stevens.

-Ồ, thật là khóp! - Mac Graw cười thích thú và chỉ vào tôi, giọng châm chọc - Lần đầu tiên, cái “đồ bỏ” này nói thật. Vậy tại sao “đồ bỏ” không tới cảnh sát để tụi này đỡ tốn công đi tìm?

- Tôi nghĩ rằng cũng không làm hơn được điều gì. Tôi đã gọi điện đến báo cho viên sĩ quan trực mô tả hình dạng của bọn cướp và cái xe của chúng. Tôi đã làm hết phận sự. Bản thân tôi cũng vừa thoát chết nên tôi muốn về nhà để cho cơn hoảng hốt dịu đi.

Mac Graw ngồi sâu trong ghế bành, dặng hai chân rộng, rút một điếu xì gà trong túi, cắn đầu bọc nhỏ vào tường rồi châm thuốc, phả một luồng khói lên cao. Hấn nói với bạn để giễu tôi:

- Nghe không, hấn muốn quên đi nỗi hoảng sợ! Khổ thân chưa! Này “đồ bỏ”, tất cả chuyện vừa rồi mới chỉ là sự bắt đầu thôi đấy. - Tôi giữ im lặng. Hartsell bảo đồng bọn:

- Thôi, làm mau lên. Còn một giờ nữa là tới phiên tao trực rồi.

Mac Graw cau mày, phản đối:

- Việc gì phải vội. Thế này không phải là đang làm việc sao? - Quay sang tôi, hấn hỏi: - Đằng ấy nói những gì với Stevens mặt mệ?

- Tôi hỏi ông ta về cái chết không bình thường của Janet Crosby.

- Thấy chưa, thấy chưa... - Mac Graw reo lên. - Đại úy đúng không phải là thằng đàn, ông ấy đã nói với tao như thế này: “Tôi dám cá rằng cái tên vô lại đó muốn truy Stevens, để lấy tin tức về gia đình Crosby”. Đúng cái toách!

Hartsell lừ lừ mắt nhìn tôi, bảo bạn.

- Ủ, đúng thật.

- Còn gì nữa không? - Mac Graw lại hỏi tôi.

- Tôi cũng chỉ cần biết có thể thôi. Stevens cũng nhận là cái chết vô lí.

- Đại úy đã bảo rằng “đằng ấy” hãy để cho gia đình Crosby yên. Nhớ không?

- Tôi nhớ mang máng.

- Vậy đảng ấy tưởng đại úy nói chơi đấy à? Đồ bỏ!

Tôi nhìn hai đứa và trả lời:

- Tôi không biết. Các anh hãy hỏi ngài Brandon ấy.

- Này, đừng ú ớ. Chúng tao không ưa thế đâu.

Hartsell có vẻ sốt ruột:

- Thôi, làm đi.

Mac Graw nhỏ vào tường, vút điều thuốc xuống sàn, bảo tôi:

- Này, đồ bỏ, đại úy có vẻ không bằng lòng đảng ấy đấy. Mà mỗi lần như thế là ông ta lại trút giận dữ xuống đầu tội này. Bởi vậy chúng tớ cần phải làm cho ông ấy tươi lên một chút bằng cách cho đảng ấy một bài học tỷ như: xin đảng ấy đôi tai và phá phách bớt đồ đạc ở đây đi. Nghe được không?

Hartsell liếm môi, mắt sáng lên như thêm muốn điều gì. Hắn rút trong túi áo ra một cái gậy bằng cao su, và nói:

- Phải đấy.

- Các anh có nghĩ tới hậu quả của những việc làm như thế rồi sẽ ra sao không? Tôi có thể đưa các anh ra tòa vì tội tấn công công dân bằng vũ khí. Luật sư Mafrend Willet sẽ không để các anh yên thân đâu.

Mac Graw nghiêng người, dụi điều xì gà vào mặt bàn vécnì rồi ngược mắt lên nhìn tôi, cười xỏ:

- Đảng ấy cũng chưa phải là đứa cuối cùng được cho một bài học đâu. Chúng tao cũng chẳng sợ gì Willet cả. Chúng tao đến đây để điều tra về vụ Stevens, thế rồi gặp một thằng bướng bỉnh, không biết điều, chống cự lại pháp luật, thành ra chúng tao phải ra tay bảo vệ pháp luật. Vì mày chống trả hăng quá nên cuộc xô xát ngoài ý muốn của chúng tao có ảnh hưởng chút ít tới môi trường. Để rồi coi ở ngoài tòa. Willet sẽ cân nhắc nên chọn lời khai của hai sĩ quan đáng kính như bọn tao hơn, hay lời kia của một thằng đồ bỏ như mày hơn. Hơn nữa, sau đây, chúng tao sẽ điệu mày về sở. Vì mày nguy hiểm, nên phải nhốt vào xà lim và các bạn tao sẽ lấy cái mặt mày làm chỗ chùi giày để mày hiểu, sự thật pháp luật là cái gì. Hiểu không? Đồ bỏ!

Tôi cảm thấy trong lòng thót lại. Có lẽ đây là cảm tưởng của sự thất vọng, của một buổi chiều không hứa hẹn điều gì tốt đẹp. Nhưng tôi vẫn bình tĩnh bảo chúng:

- Xem chừng các ngài đã sắp xếp đầu vào đây cả rồi nhỉ.

Mac Graw cười đều giả:

- Phải thế chứ! Xã hội này còn nhiều đứa ngang bướng như mày, nhà tù đã chật nên thỉnh thoảng tại tao lại phải đi biểu diễn chuyên môn ở ngoài công sở. Như vậy, đỡ tốn kém cho nhà nước.

Tôi mãi nghe những lời khiêu khích của Mac Graw mà không chú ý tới Hartsell. Hắn lùi lại phía sau tôi một chút. Khi tôi nhận ra sự sơ suất của mình thì đã quá muộn: cái gậy cao su đã giáng xuống đỉnh đầu tôi. Tôi khụy hai đầu gối, ngã về phía trước. Như chỉ chờ có thế, Mac Graw nhè cổ họng tôi, đá ngược lên. Tôi há miệng cố dớp dớp ít không khí và lăn lộn trên sàn nhà, những cú đánh và đá từ trên cao rơi xuống khuỷu tay, gáy, đầu gối, và hai bên sườn làm cho cảm giác đau đớn từ mọi nơi trên cơ thể dồn về óc rồi lại lan tỏa khắp mọi nơi. Vừa chống tay nhồm người dậy tôi đã phải né một cú đá. Nhưng cái dùi cao su lại bổ trúng đầu. Tôi gục xuống. Mac Graw tóm áo xốc tôi đứng dậy. Mọi vật quanh tôi như bị bao phủ bởi một lớp sương màu đỏ. Hình dáng của kẻ đang hành hung tôi bỗng to lớn khác thường. Mac Graw buông áo tôi ra. Người tôi đổ về phía trước để nhận một cú đấm hất mặt tôi về phía sau. Tôi ngã ngửa và nằm im không động đậy. Cái trần nhà sắp lại gần tôi, lùi ra xa rồi lại sắp gần lại. Tôi nửa mê nửa tỉnh nhưng còn nhận định được rằng hai tên hung bạo này chưa mệt và tôi còn phải trải qua tình trạng này một vài giờ nữa. Tới lúc đó, có lẽ tay thám tử tư Vic Malloy này cũng chẳng còn là cái quái gì nữa!

Tôi chợt nghĩ thầm: “Tại sao chúng ngừng tay lâu thế?”.

Tôi cố nằm bất động vì cảm thấy nếu quay người mạnh, đầu tôi sẽ lia khỏi cổ. Mọi cử động đều làm tôi đau đớn. Bỗng có tiếng nói như từ một cõi xa xôi:

- Hừ, các anh giải trí kiểu này đó hả?

Một tiếng nói của phụ nữ! Tôi mê chẳng?

- Thưa bà, tên này rất nguy hiểm!

- Đừng quanh co! Tôi đã nhìn thấy hết qua cửa kính rồi!

Không thể nén được sự tò mò, tôi ngẩng đầu lên. Hình như tất cả các mạch máu, thớ thịt, đường gân trong đầu tôi đều bị sưng phồng, rất bồng đến độ sắp bị đứt rời. Những tia sáng lao vào mắt tôi như những mũi tên. Tôi vội giơ tay ôm lấy mặt và hé mắt nhìn qua những kẽ tay. Mac Graw và Hartsell có vẻ như đang đứng trên than hồng. Graw cổ gượng cười, cái miệng sệch ra như người mếu, còn Hartsell thì luôn vắn vẹo người cứ như có con chuột nhắt đang bò trong ống quần. Một cô gái đứng giữa hai tấm màn che cửa sổ. Bộ đồ mặc buổi chiều màu trắng bắt đầu từ dưới đôi vai trần để lộ rõ một đường hẻm nhỏ nơi giữa ngực. Mái tóc đen xõa xuống bờ vai màu sữa khiến cô có vẻ một thiếu nữ trong độ tuổi ngây thơ. Mắt tôi chưa nhìn được rõ nên những nét của cô gái cứ hiện ra từ từ như những hình được chiếu trên màn ảnh qua một cái máy chiếu loại tồi. Cô có khuôn mặt trái xoan với những đường nét thanh tú, đôi môi mọng đỏ, đôi mắt to đen có những ánh sắc và lạnh của kim cương.

Mạch máu hai thái dương tôi rần rật, cổ đau nhức, toàn thân như vừa ra khỏi cái máy nghiền. Vậy mà khi nhận thức được đầy đủ sắc đẹp của cô gái, tôi bỗng cảm thấy tắc thở, hết như lúc nhận được cú đá vừa rồi vào cuống họng. Cô không chỉ đẹp, mà còn có một sức thu hút lạ lùng như những dòng chữ màu chạy trên tấm hình quảng cáo khiến cho mọi người không thể bỏ qua cơ hội ngắm nhìn, mong tìm thấy một cái gì đó khác thường trong đôi mắt, mái tóc, dáng điệu, đường cong của một thân hình rực lửa.

- Tại sao các anh dám cả gan đánh người này? Brandon ra lệnh hả? - Hình như giọng cô có sức mạnh của cái ống phun lửa.

Mac Graw khúm núm:

- Trình cô Crosby... chính tên này đã thọc vào công việc của cô. Đại úy Brandon nghĩ rằng làm như thế cho nó ngán. Thực sự là như vậy, thưa cô.

Cô gái quay lại nhìn tôi. Chắc chắn là mặt mũi tôi lúc này chẳng có gì là xinh đẹp vì toàn khối u và vết rách. Vết thương do tên cướp người Ý để lại trên má tôi nay chảy máu lại. Dù vậy, tôi cũng cố mỉm cười.

Không biết có giống cười không nhưng thực sự là tôi đã hết sức cố gắng.

Cô ta nhìn tôi như nhìn một con ruồi trong đĩa súp và ra lệnh:

- Đứng dậy! Đã có gì đâu nào!

Chắc cô chưa hề có dịp thống kê tổng số những cú đánh tôi đã nhận được trên đầu trên cổ, trên cằm và cả hai bên sườn nữa. Nên cô chẳng có gì đáng trách. Phần tôi, tôi đã đứng dậy được. Không thể hiểu do sức mạnh nào, có lẽ đấy là do sắc đẹp của cô cộng với lòng tự ái của dòng giống Malloy: không thể để cho phụ nữ coi thường. Tôi phải nắm lấy chỗ tựa của chiếc ghế để không khỏi ngã và ngất xỉu.

Tuy khắp người còn đau nhức, nhưng sức lực tôi dần dần trở lại.

Mac Graw và Hartsell nhìn tôi triu mến, kiểu con thú dữ bị cướp mất mồi. Chúng giật thót người khi bị mắng:

- Những loại người như các anh thật đáng tởm! Rồi tôi sẽ cho các anh biết tay. Nếu bọn Brandon cứ tiếp tục điều khiển các anh như thế thì cho ông ta về vườn càng sớm càng tốt!

Trong khi Mac Graw lúng búng xin lỗi, tôi loạng choạng tới gần chai Whisky để trên bàn. Hơi ngã người ra phía trước cũng làm tôi đau, nhưng rồi tôi cũng đưa được chai rượu lên miệng, tu một ngụm. Hai viên cảnh sát vừa định xin phép ra ngoài thì cô gái chặn lại:

- Khoan! Có vay thì phải có trả, đợi đấy!

Cô đi lại phía tôi, đưa cho tôi cái gậy cao su của Hartsell và bảo:

- Đập cho chúng một trận! Trả thù đi, có tôi đây, chúng không dám chống cự đâu.

Mac Graw và Hartsell nhìn tôi như hai con heo sữa nhìn đồ tể. Tôi vứt cái gậy xuống đi vắng, nói:

- Cám ơn cô, tôi không muốn làm thế.

Giọng tôi rề rề như tiếng loa gỏi. Cô gái nổi giận, quát:

- Sao vậy? Anh sợ à? Chúng sẽ không dám đụng đến người anh đâu. Đập vỡ mặt chúng ra, đi!

- Rất tiếc là tôi không thích làm việc đó. Cô cho bọn chúng đi đi, để không khí nơi đây đỡ nặng mùi.

Cô gái quay lại, vớ cái gậy cao su, đi lại gần hai viên cảnh sát. Mặt Mac Graw tái nhợt. Hắn đứng im nhận cái gậy giáng xuống giữa mặt thành một vết lằn đỏ và khê rên lên thành tiếng.

Cô vừa giơ cái gậy lên lần nữa thì tôi nắm cổ tay cô. Hành động này làm các đường gân ở cổ tay tôi đau nhói, lại thêm một cái tát nảy đom đóm mắt. Tôi vẫn nắm tay cô gái, dù cô có lồng lên. Tôi hét to:

- Cút đi, đồ khốn nạn. Nếu không cô ta đập vỡ đầu bây giờ.

Mac Graw và Hartsell vội chạy bổ ra ngoài, thiếu chút nữa thì đập mặt vào cái cầu thang. Khi nghe thấy xe chúng nổ máy ngoài đường, tôi buông tay cô gái, vừa thở hổn hển, vừa can:

- Thôi, thôi mà... chúng đi rồi.

Miệng cô còn hé mở, mặt đỏ bừng, đôi mắt long lên. Nhìn cô trong cơn tức giận lại càng đẹp. Rồi ngọn lửa trong đôi mắt cô tắt ngấm. Cô ngửa ra phía sau cất tiếng cười, nằm vật ra chiếc đi vắng, bảo tôi:

- Mình đã làm cho chúng sợ hết hồn, thật là đồ rác rưởi. Lấy cho tôi uống cái gì đi.

Tôi với tay lại chai rượu, và hỏi:

- Cô là Maureen Crosby, phải không?

- Đúng. - Cô xoa cổ tay và nhăn nhó. - Anh làm tôi đau đây này.

- Tôi rất lấy làm tiếc. Xin lỗi cô.

- Cũng may mà tôi tới đúng lúc. Nếu không, anh đã hết đời rồi.

- Đúng vậy. - Tôi rót urytki vào ly. Bàn tay tôi vẫn còn run nên để rượu đổ cả xuống sàn. Tôi hỏi cô:

- Cô muốn pha thêm nước khoáng hay nước thường?

Cô đỡ lấy ly rượu trong tay tôi và bảo:

- Khỏi pha gì hết. Không nên pha trộn sự vui thú vào công việc cũng như không nên cho lẫn rượu vào nước. Đúng không?

- Cũng tùy công việc gì và loại rượu nào, thưa cô.

Tôi vịn vào thành ghế để ngồi xuống. Hai chân tôi lúc này như được chế tạo bằng bông. Tôi nói:

- Ra cô là Maureen Crosby. Thế đây, cô là nhân vật cuối cùng tôi mong được gặp mặt tại đây.

- Sự xuất hiện của tôi làm anh sững sốt lắm phải không?

Đôi mắt, nụ cười của cô vẫn có ý giễu cợt. Tôi hỏi bất chợt và chú ý theo dõi nét mặt Maureen:

- Cô đã cai nghiện xong chưa? Tôi nghe nói những người nghiện không nên uống rượu mà.

Cô vẫn tiếp tục cười, nhưng đôi mắt đen có vẻ nghiêm nghị:

- Không nên tin vào những lời đồn! Tôi nhấp một tí rượu. Chất lỏng trôi qua họng tôi nóng bỏng, khiến tôi phải rung mình và đặt ly xuống bàn. Tôi bảo:

- Đúng thế!

Chúng tôi nhìn vào mắt nhau, cùng chờ một lát, xem ai nói trước. Đôi mắt cô lúc này thật là lạnh lùng. Cô lên tiếng:

- Không nên làm mọi việc thêm rắc rối! Tôi đến đây để nói với anh rằng, đi chỗ khác mà bới móc chuyện cũ, đừng có sục vào gia đình tôi.

Tôi làm ra vẻ suy nghĩ, rồi hỏi:

- Cô nói thế cho vui hay đây là một lời đề nghị?

Cô mím môi lại làm cho nụ cười biến mất và hỏi:

- Liệu có mua được anh không? Người ta nói với tôi rằng anh là loại người sạch sẽ, không mua được bằng tiền.

Tôi rút hai điều thuốc, một cho tôi và một cho cô.

- Tôi cũng nghĩ như cô, không nên quá tin vào những lời đồn.

Tôi đưa thuốc cho cô. Khi ngả người châm lửa, gáy tôi buốt như bị kim châm, nên tôi không cười nữa.

- Thì cứ cho là tôi đang trả giá với anh đi. Bao nhiêu?

- Bao nhiêu gì?

Cô nhìn chăm chú vào điều thuốc như chưa nhìn thấy bao giờ và bảo:

- Tôi không muốn gặp thêm rắc rối nên sẵn sàng trả tiền để được yên. Anh làm tôi thất vọng. Có lẽ anh cũng giống như bao nhiêu đứa tống tiền khác thôi.

- Cô hiểu bọn chúng quá rồi, còn gì.

- Đúng vậy. Cho nên khi tôi hỏi, anh muốn bao nhiêu tiền để khỏi quấy rầy tôi nữa, tôi biết là anh sẽ cười và càng bắt bí tôi hơn. Vậy anh cứ nói thẳng ra đi. Bao nhiêu tiền nào? Để đến lượt tôi cười.

Tôi chợt thấy ngán ngẩm chẳng muốn kéo dài thêm cái trò chơi này nữa. Có lẽ tôi đã mãi vui chuyện với một cô gái đẹp nhưng lại để cô ta đánh giá mình là một thằng tồi. Tôi bảo cô:

- Thôi đủ rồi, không đùa nữa. Cô không thể mua được tôi đâu. Nhưng, xin đừng lo. Tôi không phải là người sinh ra để quấy rầy người khác. Hãy cho tôi biết về cô đi. Nếu cô là người đáng hoàng, tôi sẽ bỏ hết mọi chuyện và để cho cô yên.

Cô nhìn tôi chăm chú, vẻ suy nghĩ đắn đo:

- Đừng khoác lác, và đừng để tôi coi thường anh hơn nữa.

- Xin cảm ơn lời khuyên của cô. Nhưng cô nói thật thà hay muốn kéo dài thời gian đây?

- Người ta đã cho tôi biết tính nết anh rất khó chịu nhưng lại có khiếu nói chuyện với đàn bà. Kể cũng đúng đấy.

- Có thể là như vậy, về cái phần cuối ấy, thưa cô.

Bỗng chuông điện thoại reo làm cả tôi và Maureen giật mình. Tôi vừa giơ tay định nhắc ống nghe lên - vì máy ở gần tôi hơn thì Maureen đã rút trong chiếc túi xách tay của cô ra một khẩu 25, ấn nòng vào gáy tôi, lạnh lùng bảo:

- Đứng im, không được nhắc máy!

Cô nàng bắt tôi đứng thế cho tới khi chuông điện thoại ngừng reo. Tôi hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Im, đi ra khỏi đây ngay, nếu không tôi sẽ cho anh một phát vào đùi đấy.

Tôi tuân lệnh cô không phải vì sợ, mà vì tò mò.

Tại sao Maureen bỗng hốt hoảng như vậy? Tôi nhìn thấy sự sợ hãi thể hiện rõ trong ánh mắt cô. Khi chúng tôi bước xuống cầu thang, ra đường đi vào chỗ đậu xe, thì tiếng chuông điện thoại lại reo vang. Chiếc Rolls màu đen, có bộ nhún thủy động, máy khỏe chạy nhanh không chệ vào đâu được. Trong lúc xe chạy, trong

xe không hề thấy xóc, rung hoặc xô trước, xô sau. Tôi chỉ biết tốc độ của xe đang ở một trăm hai mươi cây số/giờ do liếc nhìn đồng hồ báo tốc độ ở bảng xe và nghe tiếng gió rít ngoài cửa kính hai bên. Tôi ngồi bên cạnh Maureen, trên chiếc ghế lông mềm, nhìn ánh đèn chiếu của các ngọn đèn pha lướt trên mặt đường đang trôi vun vút về phía sau như có ma đuổi.

Maureen nhấn còi xin đường cho xe chạy qua đám đông vừa tan buổi biểu diễn văn nghệ ở đường Orchid Boulevard. Chiếc Rolls chạy sát cái xe đi ngược chiều trên đường phố Mount Verde rồi quẹo qua xa lộ San Diego rộng rãi, đủ chỗ cho sáu xe chạy song song. Xe chạy với tốc độ tối đa, vượt tất cả các loại xe cộ đang trước, làm một đám chạy mô tô xanh mắt. Không biết xe chạy về đâu, tôi hỏi thì Maureen gắt:

- Im đi nào, để tôi còn suy nghĩ!

Bởi vậy tôi đành trao số phận cho khả năng lái xe như điên của cô gái trong đêm tối, thầm mong chiếc xe không gặp trở ngại gì.

Xa lộ San Diego men theo những dải cát đầy gai để tới một vùng bờ biển. Maureen cho xe giảm tốc độ, rồi xa lộ, men theo đỉnh một ngọn đồi có tầm biển dề: Đất của tư nhân. Cấm vào! Chiếc Rolls chạy qua mặt tầm biển vào sâu bên trong đi theo những đường nhỏ ngoằn ngoèo, lắt léo, một lát thì tới trước một cánh cửa sắt cao chừng bốn mét mang trên mình đầy dây thép gai. Maureen nhấn ba tiếng còi ngắn. Tầm cửa từ từ mở rộng để xe đi vào bên trong. Tôi cười, bảo:

- Kỹ thuật quá!

Cô không nhìn tôi cũng không đáp lại. Đằng sau xe, cánh cửa lại từ từ đóng lại. Tôi bỗng cảm tưởng mình đang bị bắt cóc, giống như trường hợp cô y tá Gurney. Tuy nghĩ vậy nhưng tôi chẳng hề sợ hãi: một phần vì men rượu bốc trong đầu tôi, phần nữa là tôi buồn ngủ quá. Đồng hồ trên bảng xe đã chỉ mười hai giờ kém hai phút mà tôi lại có thói quen thật xấu là chỉ thức được muộn nhất là tới nửa đêm.

Con đường nhỏ rộng dần, đưa xe tới một cái cổng cao và rộng như cổng trước. Lại còi, cổng lại mở và đóng lại tự động. Dưới ánh sáng chói của đèn xe, tôi thấy mình dừng lại trước một biệt thự xinh xắn giữa một vườn hoa và cây cảnh. Những chiếc đèn điện treo bên trong các cửa sổ căn nhà tầng dưới, tỏa ánh sáng êm dịu lên các bậc thềm bằng đá hoa cương. Maureen mở cửa xe bước ra ngoài. Tôi đứng bên cạnh nài nỉ ngấm khu vườn trải dài ra tận sườn đồi dưới ánh trăng khuya. Gần đấy, sóng nước trên mặt cái bể bơi rộng lớn lấp lánh như hàng ngàn con rắn bạc hòa nhập với phong cảnh và hương hoa của khu vườn tạo thành một bức tranh tuyệt đẹp. Tôi khẽ lên tiếng hỏi:

- Căn nhà này của cô?

- Vâng.

Maureen im lặng một lát rồi nói tiếp:

- Tôi rất tiếc phải hành động như vừa rồi, nhưng tôi phải đưa anh về ngay đây bằng mọi giá.

- Nếu thấy cần thiết, tôi sẽ tự mình đi theo cô cơ mà.

- Đúng vậy, nhưng anh có thể trả lời điện thoại. Như vậy sẽ hết sức nguy hiểm.

- Cô nghe đây: tôi bị đau đầu và còn rất mệt vì trận đòn vừa qua. Bởi vậy tôi mong cô đừng mập mờ nữa. Tại sao tôi không được trả lời điện thoại? Cô muốn bắt tôi giữ vai trò gì thế này?

- Tôi sẽ nói để anh rõ. Nhưng vào nhà đã, tôi pha cho anh một ly cốc tay nhé. Chúng ta sẽ uống ở ngoài trời.

Chúng tôi bước lên thềm qua hành lang tới một phòng khách rộng và dài theo hết kích thước của tòa nhà. Tường sơn màu kem, đồ đạc và thiết bị trong nhà không cầu kì nhưng sang trọng và được chọn lọc xứng đáng với căn phòng của một nhà triệu phú.

- Cô ở đây một mình ư?

- Còn một người hầu gái.

Tôi đi qua một cửa lớn bước ra cái sân rộng có lan can chung quanh, nhìn ra biển. Dưới mái che sát tường nhà, có một cái ghế dài, rộng và nhiều chiếc gối nệm bằng da. Tôi buông người xuống một tấm nệm và ngắm nhìn mặt biển.

Một lát sau, Maureen đẩy một chiếc bàn nhỏ có bánh xe, trên để các loại rượu và một xô nước đá. Cô ngồi xuống ghế cách tôi chừng hai mét. Thế là tôi lại quên hết một nhọc: quả nhiên cô gái đang ngồi gần tôi là một người rất đẹp mà tôi chưa từng được thấy. Cử chỉ của cô thật duyên dáng qua những động tác cô pha rượu để mời tôi.

Chúng tôi im lặng nhấm nháp. Cô mời tôi hút thuốc, tôi châm thuốc cho cô. Cả hai người đều sẵn sàng vào cuộc giải đáp, nhưng hình như cô còn có điều gì do dự cho nên chúng tôi cứ ngồi thế ngắm vườn, ngắm trăng và ngắm biển. Đã mấy phút trôi qua. Sau cùng thì cô cũng lên tiếng:

- Tôi rất ân hận vì đã cư xử vụng về với anh như vừa rồi... nghĩa là định mang tiền ra để thương lượng với anh. Thật đáng chê trách, nhưng quả thật tôi chưa biết anh là người thế nào, mà lại rất cần anh giúp đỡ để thoát khỏi tình thế hiện nay. Hơn nữa, tôi rất sợ... - Cô tiếp tục, như nói với chính mình:
- Không biết “hắn” có biết căn nhà này không, chắc chắn là có. Nhất định hắn sẽ đến.

Tôi ngắt lời cô:

- Chúng ta không còn nhiều thời gian nên xin cô hãy trả lời cho tôi câu hỏi thứ nhất: tại sao tôi không được trả lời điện thoại?
 - Vì như vậy hắn sẽ biết anh đang ở đâu và mò tới.
 - Tôi không biết cô muốn ám chỉ ai. Sherrill chẳng?
 - Đúng hắn.
 - Sherrill tìm tôi làm gì?
 - Vì anh chen ngang vào công chuyện của hắn. Tôi nghe tiếng hắn ra lệnh cho tên Francini khử anh.
 - Francini là tên người Ý hay mặc bộ đồ tím phải không?
 - Đúng.
 - Có lẽ Sherrill cũng nhúng tay vào việc bắt cóc quần gia Stevens?
 - Đúng vậy. Khi hay tin ông già chết, tôi vội đi tìm anh ngay.
 - Sherrill có biết căn nhà này không?
 - Tôi chưa bao giờ nói với hắn và hắn cũng chưa tới đây bao giờ. Nhưng có thể tôi đã nghĩ lầm rằng như thế là giấu được hắn.
 - Thôi, bây giờ cô kể lại mọi sự việc từ đầu đi.
 - Nhưng trước tiên tôi cũng muốn hỏi anh vài điều: tại sao anh tới Crestways để tìm tôi? Tại sao anh đi gặp bác sĩ Bewley? Có người nhờ anh rình mò tôi chẳng?
 - Có đấy.
 - Ai?
 - Chị cô, cô Janet.
- Giả thử tôi có đánh cô một cái vào mặt, có lẽ cũng không làm cô sững sốt như vậy. Cô giật mình, bật ngửa lại đằng sau cứ như vừa dẫm phải con rắn. Tiếng cô thốt ra nghe như một tiếng rên:
- Janet? Nhưng Janet chết rồi cơ mà?

Tôi mở ví lấy lá thư của Janet gửi cho tôi và nói:

- Cô đọc lá thư này đi.

- Thế này là thế nào? (hình như cô sợ không dám mó vào lá thư).

- Cô hãy nhìn ngày cô Janet viết cho tôi thì sẽ rõ. Lá thư này bị thất lạc mười bốn tháng rồi. Tôi mới biết tới nó được có hai ngày. - Maureen cầm lá thư, nét mặt trầm hẳn lại. Đọc xong, cô im lặng, có vẻ lo ngại. Cô hỏi tôi:

- Chính lá thư này đã khiến anh mở cuộc điều tra sao?

- Chị cô đã gửi cho tôi năm trăm đô la. Bởi vậy tôi có nhiệm vụ phải tiến hành công việc cho xứng với món tiền đó. Tôi định tới tìm cô ở Crestways để hỏi cô về chuyện này. Nếu thấy mọi việc êm xuôi thì tôi đã bỏ qua, nhưng cô không có mặt ở đây và bao nhiêu sự việc cứ dồn dập xảy ra với tôi buộc tôi phải nghỉ ngơi và tiếp tục cuộc điều tra.

Maureen im lặng nghe tôi nói, nét mặt không vui. Tôi hỏi:

- Cô bị phao tin xấu phải không?

- Không. Janet đặt chuyện ra để làm tôi rắc rối. Chị ấy thù ghét tôi.

- Sao vậy?

Cô ta thần thờ ngắm nhìn khu vườn. Tôi nhấp một chút rượu và châm điếu thuốc để cô có thời gian suy nghĩ trước khi thổ lộ hết mọi điều tâm sự.

- Tôi không biết làm thế nào bây giờ. Nếu để anh biết câu chuyện xảy ra giữa hai chị em chúng tôi, có nghĩa là để anh nắm số phận của tôi trong tay. Anh có thể làm cho tôi thành kẻ đi ăn xin cũng được... (Cô nắm hai bàn tay lại, tỏ vẻ bối rối bất lực). Nhưng không nói ra, thì không thoát khỏi tình trạng bế tắc này.

- Cô không có ai giúp để điều hành công việc hay sao?

- Có nhưng lại như không. Đó là luật sư theo dõi việc thực hiện chúc thư của cha tôi. Nếu tôi bị dính dáng vào một vụ xì căng đan nào, tôi sẽ bị mất hết quyền lợi. Câu chuyện giữa Janet và tôi cũng đủ làm tôi bị chìm tới cổ rồi. Vậy mà còn... (Cô ngập ngừng và thôi không nói tiếp nữa).

Tôi tiếp lời cô:

- Còn chuyện với Sherrill phải không? Có phải cô đã bỏ vốn ra mua chiếc tàu “Mộng Mơ”?

Cô đỏ người, quay về phía tôi hỏi:

- Anh biết việc đó sao?

- Không, nhưng tôi đoán vậy. Nếu mọi người biết việc này, chắc cô sẽ rầy rà đấy.

Cô ngồi gần lại phía tôi, nói khẽ:

- Đúng thế... Trước kia Janet đã yêu Sherrill và cả tôi cũng vậy. Nhưng mặc dù tới sau, tôi lại thành công hơn, nên Sherrill đi với tôi. Bởi vậy, Janet đã không ngần ngại định giết tôi. Cha tôi chạy lại định can ngăn hai người, không ngờ bị trúng đạn.

Nói tới đây, cô gơ hai tay che mặt.

Đến lượt tôi sững sốt. Tôi không ngờ sự việc lại xảy ra như vậy. Sau một hồi im lặng, Maureen kể tiếp:

- Chúng tôi cố giấu mọi người, nhưng Janet luôn bị lương tâm giày vò đến mức đã uống thuốc độc tự tử. Chúng tôi lại phải giấu kín chuyện này nữa. Cũng may, viên bác sĩ già khụ chứng nhận nên dễ tin ngay là Janet chết vì bệnh tim. Sau khi đã qua được mọi chuyện rồi, Sherrill mới lộ bộ mặt thật của hắn ra. Hắn dọa, nếu tôi không cung cấp tiền để hắn mua chiếc tàu “Mộng Mơ” thì hắn sẽ loan tin cho mọi người biết việc Janet cùng tôi đều mê hắn, cha tôi chết vì viên đạn do Janet bắn tôi rồi tự tử bằng thuốc độc. Tất cả đều do tôi gây ra. Anh hãy tưởng tượng báo chí

11. Chương 11

Tôi từ từ mở mắt. Căn phòng có vẻ rộng và thoáng, tường và trần đều sơn màu trắng ngà. Những tấm màn che cửa bằng chất dẻo, dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn nhìn như màu nước đục. Trên cái giường ở cuối phòng, một người có bộ mặt xương xẩu, trán cao, có dáng sinh viên, đang ở tư thế nửa nằm nửa ngồi chăm chú đọc sách.

Tôi lim dim mắt nhìn anh ta đọc, hình như có điều gì khác thường. Khi anh ta giở trang sách có in chữ to, tôi mới hiểu. Thì ra từ nãy tới giờ, anh ta đọc sách ngược!

Tại sao tôi không ngạc nhiên khi nhận thấy mình đang nằm trong căn phòng lạ này nhỉ? Tôi có cảm tưởng đã ở đây được mấy ngày, hay mấy tuần rồi cũng nên, vì hình như cái lưng của tôi đã làm quen với cái giường này từ lâu rồi.

Linh tính cho tôi biết đây là một bệnh viện. Tôi cố nhớ lại việc gì xảy ra với tôi. Tôi bị tai nạn xe hơi chẳng?

Không phải. Bộ não của tôi hình như có điều gì trục trặc khiến tôi không tập trung suy nghĩ được. Tôi đành nhận xét anh chàng thanh niên nằm ở giường gần kề với giường tôi. Anh ta chừng hai mươi bốn tuổi có bộ tóc vàng phủ dài kín cả đôi vai. Tuy không có vẻ ốm yếu lắm, nhưng anh có đôi mắt sâu lõm xuống như hai cái hố nhỏ.

Tôi chợt nhận ra, anh chàng này cũng đang nhìn tôi chăm chú. Từ nãy, các động tác xem sách chỉ là hình thức nguỵ trang. Thật ra, đôi lông mày anh đang cau lại chứng tỏ anh vẫn theo dõi tôi như kiểu mèo rình chuột. Tôi bảo:

- Này, quay quyển sách lại mà đọc, có dễ hơn không?

Tôi lấy làm lạ khi thấy tiếng mình nói cứ như ở trên trời vọng xuống.

Cậu sinh viên trẻ ngừng đầu, mỉm cười với tôi, nói:

- Tôi khoái đọc ngược hơn. Dễ ợt ấy mà. Thế nào, ông thấy đỡ đau đầu chưa, ông Seabright?

Lạ thật, nhờ cậu ta nhắc, tôi mới nhớ tới cái đầu của tôi. Nó vẫn còn đau ê ẩm, các mạch máu hai bên thái dương tôi cứ rần rật.

- Còn đau. Đây là bệnh viện hả?

- Không. Viện an dưỡng, khu biệt lập!

- An dưỡng hay tâm thần mà cần khu biệt lập?

Anh chàng trẻ tuổi cười và gật đầu xác nhận:

- Khu điên mà!

Tôi nhắm mắt lại để cố sức suy nghĩ. Mấy phút sau tôi mới nhớ mang máng được tiếng réo của chiếc gậy cao su bổ xuống đầu tôi và tiếng la hét rùng rợn của Maureen. Tôi cố trấn tĩnh và nhận thấy một cơn sợ hãi như một con rắn lạnh đang trườn theo suốt dọc cột sống. Tôi đang nằm trong một viện tâm thần, ở khu điên!

Tôi nhồm người dậy, nhưng không được. Một tay tôi bị cột chặt vào thành giường bằng cái vòng sắt bọc cao su.

Chàng thanh niên tóc vàng nhìn tôi, không tỏ vẻ ngạc nhiên bảo:

- Họ cột như thế cho bảo đảm. Vì lợi ích của chúng mình thôi.

- Đúng vậy. (Tôi đành ngửa đầu trên gối và hỏi tiếp) - Ai điều khiển bệnh viện này thế?

- Bác sĩ Salzer chứ còn ai? Ở đây ai cũng mến ông ta cả.

Tôi bỗng nhớ lại câu nói của người mặc chiếc áo ngắn tay sặc sỡ. Hắn đe sẽ tìm cho tôi và Maureen một chỗ kín đáo không ai có thể tìm được. Tôi hỏi:

- Bác sĩ Salzer có một bệnh viện điều dưỡng chuyên trị bệnh nhân bằng phương pháp tiết chế ăn uống cơ mà.

- Đúng vậy, nhưng trong viện có một khu riêng trị bệnh tâm thần và những người điên. Tuy vậy, ở ngoài vẫn dễ chịu hơn là trong những phòng kín này.

- Đây là phòng kín hay sao?

- Đúng. Tường đều lót cao su. Anh thử dẫm vào tường mà coi. Rất êm, không có tiếng động. Khoái lắm! Anh ta ngả người ra thành giường, dẫm một cái vào tường và nói:

- Êm thật, đúng là cao su! Tên tôi là Ducan Hopper. Anh có biết tiếng tăm của cha tôi, ông Dwigt Hopper không?

Hình như tôi có nghe tới gia đình nhà Hopper, chuyên kinh doanh về phẩm màu, nhưng không thấy ai dẫm động tới người con. Tôi tự giới thiệu:

- Tôi là Malloy, Victor Malloy.

Anh ta quay lại tôi, hỏi:

- Tên gì?

- Malloy.

Anh ta cười bảo:

- Anh có chắc không? Người ta giới thiệu với tôi tên anh là Edmund Seabright cơ mà.

- Không. Tên tôi là Malloy!

Anh ta gõ gõ ngón tay xuống bàn ra vẻ thích thú. Còn tôi lại thấy tóc gáy mình đang dựng đứng lên.

- Tôi sẽ gọi anh là Seabright thôi vì tay y tá Blan và bác sĩ Salzer đều gọi anh như thế. Họ đã cho tôi coi hồ sơ bệnh án của anh rồi. Edmund Seabright: mất trí, loại không tưởng. Anh rõ bệnh của anh chưa? - Tôi trả lời khó khăn vì miệng bỗng khô không khốc. Anh ta lại giằng gãi:

- Tôi bảo Bland rằng tôi không tin anh mắc bệnh đó, nhưng hắn không nghe, hắn là một thằng mất dạy! Hắn cũng bảo, tôi mắc bệnh điên khoái sát loại paranoia. Nghĩa là lên cơn thì mới thích sát thôi. Tôi không chịu, hắn liền cho tôi mượn cuốn sách để nghiên cứu lấy. Trong cuốn sách cũng nói tới bệnh của anh. Anh có hay nằm mơ hay tưởng tượng không?

- Không.

- Thế thì tốt. Nhưng tôi lấy làm lạ vì anh không chịu nhận tên mình là Seabright. Vậy có bao giờ anh nghĩ là người khác không?

- Không! Không có gì lạ cả. Vì tên tôi từ xưa tới nay vẫn là Malloy!

Anh ta gật gù, bảo:

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Nhưng nếu anh không phải là Seabright thì anh vào đây làm gì?

- Đây là cả một câu chuyện dài.

Tôi bỗng thấy nhu cầu giải thích để người thanh niên này hiểu tôi là ai, dù có phải mất nhiều công đi nữa.

- Tôi là một loại thám tử anh hiểu không? Tôi tiến hành một cuộc điều tra khám phá thấy bác sĩ Salzer có liên quan tới cái chết của một phụ nữ tên là Eudura Dew. Chuyện thì dài, bây giờ thì tôi chưa thể nói hết với anh được. Vì tôi biết nhiều việc quá nên người ta bắt có tôi tới đây. Anh hiểu chưa?

Tôi nghẹn ngào nói mấy câu cuối cùng và cố theo dõi nét mặt của Hopper xem anh ta có tin tôi không. Anh ta vừa cười vừa bảo:

- Bác sĩ Salzer dính líu vào một vụ án à? Hay đấy. Anh là thám tử tư à? Có chắc chắn như vậy không?

- Hãy nghe tôi, tôi biết anh đang nghĩ gì về tôi, anh tưởng tôi điên hả?

Hopper lắc đầu và cố nói nhẹ nhàng:

- Đâu có, đâu có. Trái lại nữa là đằng khác, ông Seabright ạ. Tôi biết ông đang bệnh, nhưng không phải là điên. Chắc chắn không phải là điên đâu.

Tôi đưa lưỡi liếm đôi môi khô, cố hỏi thêm:

- Anh tin thế chứ?

- Đảm bảo là tin mà.

Nhưng, khi nhìn vào nét mặt và đôi mắt tinh quái của Hopper, tôi biết, anh ta đang nói dối.

II

Hopper cho tôi biết vào khoảng chín giờ, Blan sẽ tới để tắt đèn.

- Còn độ năm phút nữa thôi - anh ta vừa coi đồng hồ đeo tay vừa nói. - Blan đã cho tôi chiếc đồng hồ này để đổi lấy chừng một trăm bao thuốc mỗi tuần. Tôi không được hút nhưng cha tôi vẫn gửi đến. Thật ra, ở đây họ chỉ sợ đốt cháy cái khăn trải giường thôi. Vô lí thật!

Tôi đang cố rút tay khỏi cái khóa ở dưới tấm mền và nghĩ thầm: “Nếu rút ra được, mình sẽ cố thoát khỏi nơi đây dù chúng có canh phòng bằng cả súng đại liên đi chăng nữa”. Nhưng cái khóa vừa khít vào cổ tay, không thể làm gì được, trừ phi có chìa khóa hoặc nhờ người chặt đứt cổ tay. Tôi hỏi Hopper:

- Hôm nay mừng mấy?

- 29 tháng 9. Ông không có báo hử. Ngày mai là ngày sinh nhật của tôi và cũng là tròn ba năm tôi ở đây.

Tôi nhớ Maureen đưa tôi về căn nhà cô ta ngày 24. Vậy là tôi đã ở đây năm ngày. Nhất định là Paula và Kerman đang ra công tìm kiếm tôi, nhưng liệu họ có thể nghĩ rằng tôi đang bị nhốt ở đây không? Hoặc dù có biết, thì họ làm thế nào để lọt vào được. Salzer được Brandon che chở cho nên ông ta sẽ bỏ ngoài tai những lời khiếu nại về việc tôi mất tích. Sở dĩ Sherrill không cho tôi một phát đạn vào đầu - tôi cam đoan gã mặc áo ngăn tay màu sắc sỡ chính là Sherrill - là vì hẳn chắc tôi không thể thoát khỏi nơi đây. Hơn nữa, có lẽ hẳn cũng muốn tránh không nhúng tay vào một vụ giết người. Vụ ông già Stevens là chuyện không định trước, ông ta chết vì quá sợ hãi hay vì tên thủ hạ Dwan chót hành động quá tay thôi. Nhưng còn Salzer? Có lẽ hẳn không ngăn chuyện gây án mạng, nhất là trong điều kiện như thế này, nhiều khi các nạn nhân của hẳn lại mong mỗi được chết ngay hơn là phải kéo dài sự hấp hối trong những căn buồng bị bịt kín qua nhiều năm tháng.

Tôi tự nhủ: “Can đảm lên Malloy! Chú mày đã bị nện vào đầu, bị trích thuốc mê nhưng đừng vì thế mà nản chí. Thế ào rồi Paula và Kerman cũng cứu được chú mày ra khỏi đây. Phải vững tâm vào, Malloy!”.

Bỗng cửa phòng mở ra không một tiếng động. Một người da ngăm đen, vạm vỡ, có đôi vai như vai đười ươi bước vào. Bộ mặt tròn của hẳn lăm lăm chăm tẩn nhang luôn nở một nụ cười không thể hiện một điều gì vui vẻ cả. Hẳn mặc áo choàng trắng, quần trắng, đi giày đế cao su mang trên tay một cái khay phủ tấm khăn trắng. Hẳn xê dịch nhẹ nhàng trong im lặng cứ như một cái lông chim trong gió vậy.

Hẳn đặt cái khay lên bàn gần cửa và nói với Hopper:

- Hê, khá không Hopper? Cuốn sách có nhiều điều thú vị đấy chứ? Nào, bây giờ thì làm một giấc nào.

Hopper chỉ tay sang giường tôi, bảo: - Phòng này bây giờ lại thêm ông Seabright.

Gã y tá, chắc hẳn là Bland, lại gần đứng nhìn tôi và cười. Mắt hẳn màu xanh có vẻ lạnh lùng, cứng rắn, sẵn sàng hành động bạo lực. Hẳn cất giọng khàn khàn the thé như thể cổ họng vừa bị nạo, bảo tôi:

- Này, bé. Tên tôi là Bland, tôi được phân công săn sóc anh đấy.

Những ngón tay tôi tự nhiên co chặt lại tạo thành nắm đấm làm tôi phải cố nén và tự bảo: “Hãy bình tĩnh, bình tĩnh! Không được hành động sơ suất!”. Tôi bảo hẳn:

- Chào anh. Anh khỏi phải săn sóc tôi. Salzer đâu? Cho tôi gặp.

- Bác sĩ Salzer chứ! Không được gọi quá thân mật như thế. Bé sẽ được gặp bác sĩ ngày mai.

- Tôi muốn gặp ông ngay bây giờ!

- Bé! Phải để bác sĩ có thời gian nghỉ ngơi chứ. Nếu bé cần gì cứ bảo tôi. Tôi phụ trách ở đây nên tôi bảo gì cũng phải tuân lệnh.

Tôi cố giữ bình tĩnh hạ thấp giọng, nhưng vẫn cương quyết:

- Tôi cần gặp ngay Salzer!

- Ngày mai. Thôi nào, bây giờ bé nằm im đi để tôi trích cho một liều. Sẽ ngủ liền ấy mà.

Hopper cau mày nhìn tôi, rồi bảo Blan:

- Ông ta nghĩ rằng mình là thám tử tư và đã phát hiện thấy bác sĩ Salzer giết người.

Bland thản nhiên lấy ống tiêm ra, nói:

- Nói vậy là không tốt đâu. Dù sao thì cũng chẳng hệ trọng gì.

Hopper phản đối:

- Có chứ. Trong sách nói tới điều này cơ mà. Tôi không hiểu tại sao người ta lại đưa hấn vào xà lim này. (Hopper cau mày nhìn tôi). Tôi không thích đùa thế. Hấn có thể nguy hiểm.

Blan cười lên một tiếng như chó sủa rồi vừa hút loại thuốc trong suốt vào ống trích vừa bảo:

- Hôm nay cậu nói có vẻ hung hăng đấy. Thôi nào, để tôi làm việc.

- Tôi sẽ phản đối vụ này với ông Salzer. Ba tôi cũng sẽ không bằng lòng đâu.

- Ba anh và cả anh nữa cứ lên trời mà kiện. (Bland nổi cáu đi lại giường tôi). Nào, còn anh này, đưa tay đây, tay phải!

Tôi nhੌm người dậy:

- Anh không được tổng thuốc độc của bọn anh vào người tôi!

- Nào, bé. Đừng lắm chuyện, như thế có ích gì đâu. Nằm xuống nào!

- Đừng mó vào người tôi!

Blan chộp lấy tay tôi. Những ngón tay to và ngắn của hấn giữ chặt lấy cổ tay tôi như cái gọng kìm. Hấn cúi sát bộ mặt đầy tàn nhang vào mặt tôi và nói qua kẽ răng:

- Nếu anh thích đối xử bằng vũ lực thì tôi rất khoái được phục vụ, hiểu không?

Tôi lên gân giằng tay ra và đưa lên vai định huých vào ngực hấn mà không được. Hấn dè tay tôi xuống, dùng ngón tay bóp chặt vào cổ tay tôi và nhìn trừng trừng vào mắt tôi để dò xét và đánh giá các phản ứng. Tôi muốn co chân lên để đạp, nhưng cái chân vừa là cái túi vừa là một nhà tù nữa đối với nửa thân phía dưới của tôi.

- Chịu chưa, bé (Bland nói với vẻ thích thú). Bây giờ ta sẽ cắm mũi tiêm vào tay anh, nếu gãy, mũi kim có thể bị gãy và ở luôn đấy mãi. Hiểu không?

Tôi nghiêng rắg, húc đầu vào hấn làm hấn loạng choạng lùi về phía sau. Nhưng rồi hấn chững lại được và nụ cười tắt hấn trên môi hấn. Hấn lắm bắm:

- Hừ, anh tưởng mình khỏe lắm đấy hả? Để rồi coi!

Hấn nắm lấy tay tôi, vặn ra đằng sau. Tôi cưỡng lại, nhưng bất lực. Quả thật, hấn khỏe như một cái máy nén. Mồ hôi toát ra chảy dọc sống lưng tôi. Blan bẻ hấn tay phải tôi quặt ra sau lưng rồi dè người tôi xuống. Các bắp thịt của tôi căng ra, nhưng tôi không thấy đau mà chỉ muốn vùng lên để giết chết kẻ đàn áp mình.

Nhưng, một tay bị khóa vào thành giường, hai chân bị tù trong túi, tôi làm sao chống cự lại được với cả một khối thịt như Bland. Tôi cong người lên, rồi lại bị dè xuống từng cen-ti-met một. Bồng cánh tay tôi đau nhói, cảm giác một mũi kim đâm vào da thịt.

- Xong rồi, bé! Tại bé cả nhé! Nếu tôi có ý định xấu thì bây giờ bé đã gãy tay rồi!

Tôi muốn tống một quả vào giữa mặt hắn, nhưng tay tôi không cử động được nữa. Không biết hắn đã trích thuốc gì cho tôi mà hiệu quả tức thì. Tôi thấy bộ mặt rỗ của hắn mờ đi, các bức tường trong phòng thì lùi dần ra để mặc tôi từ từ chìm xuống một đường hầm tối tăm và rất rộng.

III

Tôi mở mắt.

Những tia nắng nhạt chiếu qua khe những chấn song cửa sổ nhắc nhở tôi nhớ tới hoàn cảnh mình bị giam giữ. Bland đi nhẹ nhàng lau chùi, quét dọn. Hopper nét mặt cau có, đang ngồi đọc sách trên giường.

Bland lại gần giường tôi, lau bàn và toét miệng cười:

- Thế nào, bé, khá chứ?

Tôi nhòm người dậy, tì tay vào gối, bảo:

- Khá!

Thật ra cánh tay và bả vai tôi vẫn còn đau. Cổ tay tôi thì vẫn còn vết hằn của những ngón tay vừa to vừa ngắn của hắn.

- Thế là tốt. Tôi sẽ mang đồ cạo râu lại và bé có thể đi tắm.

Tôi nghĩ ngay rằng Blan bắt buộc phải mở khóa tay cho tôi, nhưng hắn đã chặn trước:

- Này bé, đừng có làm dữ như hôm qua nhé, nhất là đừng có mơ ước thoát khỏi nơi đây. Ngoài kia, mỗi góc nhà đều có một người trực khỏe như ta. Các cửa đều khóa, cửa sổ đều có chấn song. Hãy hỏi Hopper coi. Những ngày đầu anh ta cũng có ý định thế, cũng đã thử, nhưng bây giờ thì biết là thua rồi.

Tôi nhìn hắn không tỏ thái độ và cũng không trả lời. Hắn lại tiếp:

- Hỏi Hopper đi. Cậu ta sẽ nói cho mà nghe. Hopper cau mặt bảo Blan:

- Đừng nói động đến ta, đồ rác rưởi! Chỉ nhìn thấy mặt anh, ta cũng thấy muốn bệnh rồi.

Bland cười bảo:

- Không sao. Tôi đã nghe quen những lời như thế rồi. Bình tĩnh nào. Bây giờ cậu đi cạo râu, tắm, rồi ăn sáng. Để xem tôi có thể gọi cho cậu món trứng đặc biệt nào.

Bland vừa giữu cọt vừa đi ra. Hopper bảo tôi:

- Đừng trốn làm gì, không thoát được đâu. Khi bắt được, chúng sẽ chụp vào anh một cái áo cứng khiến anh không cử động được rồi đem ngâm nước lạnh mấy ngày liền. Còn các cửa thì Bland nói thật đấy. Không có khóa không thể ra được, các chấn song thì rất chắc.

Lát sau, Bland trở lại đưa cho tôi và Hopper mỗi người một dao cạo râu điện và bảo:

- Nào, các bé, mau lên. Bác sĩ Salzer bao giờ cũng muốn gặp những bệnh nhân của mình sạch sẽ.

Vậy là tôi sắp gặp Salzer. Tôi không mong làm cho Salzer vui lòng vì hoàn cảnh của tôi, nhưng hy vọng làm cho ông ta sợ. Sherrill đã nhốt tôi vào đây. Nếu tôi thuyết phục được Salzer là cái trò bất cộc người như thế này là một trọng tội, nếu bị đưa ra xét xử trước pháp luật, có thể ông ta sẽ chùn tay chẳng.

Tôi vừa cạo mặt xong thì Blan mang cho một cái áo ngủ bằng vải bông trắng vào. Hắn lại gần giường, mở còng tay cho tôi và bảo:

- Nằm im đã. Ngoan ngoãn nhé!

Sau đó, hắn đứng lùi lại và ra lệnh:

- Đứng dậy, nào.

Tôi chú ý thấy Hopper đang theo dõi các cử chỉ của tôi. Tôi co chân khỏi cái túi chần, tụt xuống giường, đứng dậy và bỗng nhận thấy không còn sức để chống đối nữa. Hai chân tôi như làm bằng bông. Nếu bị bỏ rùng đuối lúc này thì tôi cũng đành chịu, không thể nào chạy được.

Tôi loạng choạng bước một bước rồi ngã xuống sàn. Đứng ra thì tôi cũng không đến nỗi yếu đến thế nhưng muốn làm cho Blan tưởng là tôi đã kiệt sức.

Tôi chống hai tay hai chân để đứng dậy. Blan vẫn không động đậy. Hắn nhìn tôi cảnh giác. Kể cũng khó đánh lừa được hắn. Tôi quát:

- Anh không giúp được tôi đứng lên hay sao? Hay là để tôi đi nằm lại vậy.

Hắn nói nhẹ:

- Này bé, đừng hòng đỡ trò lừa dối ra với tôi đâu nhé. Báo trước rồi đấy.

- Thôi, đừng lảm nhảm nữa. Anh sợ tôi à?

Bị đùng vào tự ái, hắn bảo ngay:

- Tôi chẳng sợ cái gì cả, bé ạ! Được, nào đứng lên!

Hắn lại giúp tôi mặc áo xong, mở cửa ra ngoài hành lang. Tôi đi mấy bước rồi đứng lại, làm ra bộ chóng mặt. Trong thời gian đó, tôi đưa mắt nhìn quanh. Phía cuối hành lang có một cửa ra vào lớn, còn ở phía đầu hành lang có một cửa sổ có chấn song chắc chắn.

Blan cười, bảo:

- Đấy, bé đã nhìn kỹ chưa? Tôi đã nói cho bé biết rồi và đâu có nói sai!

Đúng, nếu muốn thoát, tôi phải tìm cách lấy được hai chìa khóa: một cái cho khóa cửa và một cái để mở còng tay. Nếu không, tôi sẽ phải chết dần chết mòn trong khu diên này trừ phi người ta định tâm khử tôi sớm hơn.

Bỗng một cánh cửa bật mở và một cô gái chạy ủa ra ngoài. Chắc cô vừa tắm xong nên vẫn còn những dòng nước chảy trên thân hình trần truồng màu sữa. Trên một cánh tay nhỏ nhắn của cô còn vương một đám bọt nhỏ xà phòng. Mớ tóc quăn ôm lấy khuôn mặt cô gái không đẹp, cũng không xấu nhưng tôi nghĩ rằng, khi cô không mặc gì cả, có lẽ là dễ coi nhất. Cô vào quãng hai mươi lăm tuổi, ngực cao, chân dài, nước da trắng mịn.

Blan nuốt nước miếng, lảm bảm:

- Lạy Chúa! - Rồi vội vàng gơ hai tay về phía cô gái mắt long lên những ánh mắt thèm khát man dại.

Hắn vồ lấy cô gái làm cô ta hét lên vì hoảng sợ và nhảy lùi về phía tường. Hai bàn tay của Blan trượt dài trên cánh tay cô khi cô quay người lại để bỏ chạy về phía cuối hành lang. Blan gơ ngang hai tay từ từ tiến lại, biết chắc chắn lần này con mồi không thể thoát, trong khi cô gái đập tay thình thình vào cánh cửa một cách tuyệt vọng.

Tất cả sự việc chỉ xảy ra trong vòng mấy phút.

Chợt một nữ y tá ở trong phòng tắm chạy ra. Bà ta vào loại to lớn, mập khỏe mặt tái đi vì lo ngại và tức giận. Nhìn qua chúng tôi, bà đã nhận thấy cái lưng trần của cô gái nên quát to với Blan:

- Để cô ta đấy. Mang bệnh nhân của anh đi đi. Đồ đười ươi!

- Đừng có to tiếng thế.- Blan cãi lại - Chính bà đã để cô ta xông, lỗi tại bà chứ tại ai.

- Đưa ngay người này ra chỗ khác, nếu không tôi sẽ báo cho ban giám đốc bây giờ.

Blan vẫn không rời mắt khỏi cô gái, nắm lấy tay tôi bảo:

- Thôi đi nào. Hết biểu diễn rồi. Bé coi đấy, ở đây có đến nỗi nào đâu. Bé được ru ngủ, lại được coi thoát y vũ tại nhà, còn muốn gì hơn nữa!

Hắn đẩy tôi vào một phòng tắm đối diện ngay với phòng cô gái ban nãy. Người nữ y tá chắc chắn đã tới gần cô ta nên cô lại la hét. Tiếng hét của cô đình tai, nên tôi chỉ đỡ nhưc đầu khi Blan đóng cửa lại. Hắn vẫn chưa qua được cơn kích thích nên cứ liềm môi liên tục. Hắn bảo:

- Bé có thấy rõ cô nàng không? Thật hiếm có! Nào mau lên, cởi quần áo ra! Nhìn nơi khác thì khoái thế, còn canh các anh thật chán bỏ mẹ!

- Coi bộ anh thích cô ta lắm hả. Cô ta là ai vậy? - Bé biết thế nào được. Trước kia cô ta cũng là y tá ở đây. Hình như bị thất tình nên mới ra như thế. Tôi không thể hiểu được tại sao chỉ có thể thôi mà các cô nàng cũng lắm chuyện. Tôi có thể giúp cô ta nhiều việc lắm, nếu cô ta muốn...

Tôi ngồi im trong bồn tắm. Một nữ y tá của Salzer à? - Tôi hỏi. Có thể đây là cô y tá bị mất tích mà Mifflin đã kể cho tôi chăng

Tôi hỏi Blan bất chợt:

- Tên cô ấy là Anona Freedlander có phải không?

Blan giật mình sững sốt:

- Sao bé biết?

- Tôi là thám tử mà - Tôi trả lời nghiêm chỉnh.

Blan cười, rồi giục tôi:

- Mau lên. Không phải lúc làm trò trinh thám đâu, tôi đang bận đây... Tôi vừa tắm vừa hỏi hắn:

- Vậy Hopper là ai? Tại sao anh ta lại ở đây?

- Hopper là một trường hợp đặc biệt. Có lúc chính tôi cũng phải sợ đấy. Đừng chỉ trông bề ngoài của anh ta nhé. Nếu bố anh ta không phải là người giàu, có tiếng tăm thì anh ta đã rũ tù rồi: anh ta cắn đứt mạch máu cổ của một cô gái đấy. Không thể biết được anh ta thế nào đâu, lúc bình thường thì như vậy nhưng lên cơn thì không khác gì thú dữ.

Tôi nghĩ có thể moi được tin tức ở anh chàng này.

- Anh cho tôi một liều thuốc có được không?

- Được. Nếu cậu cứ ngoan ngoãn như thế này, tớ sẽ đối xử với cậu như anh em. (Anh ta cho tôi một liều thuốc và bật lửa cho tôi châm). Khi mới tới đây, thường ai cũng chống đối, nhưng tớ cho cậu biết nhé: ban giám đốc đã trừ liệu mọi trường hợp có thể xảy ra rồi. Đừng có hành động một cách vô ích. Nhớ nhé.

Tôi hít một hơi thuốc, và không ngờ lại thấy khoan khoái như thế.

- Tôi còn phải ở đây bao nhiêu lâu?

- Theo hồ sơ thì cậu phải chữa trị suốt đời.

Tôi liền thử vận may của mình liền bảo:

- Này Blan, anh có muốn kiếm được một trăm đôla không?

- Sao?

- Đơn giản thôi. Gọi điện cho người bạn tôi.

- Phải nói với họ thế nào?

Bland hưởng ứng rất nhanh và sốt sắng quá. Tôi quan sát nét mặt anh ta và nụ cười giấu cợt của anh ta nghĩ thầm có lẽ mình bị hố rồi. Tôi nói lảng ra:

- Thôi cũng chẳng cần. Bỏ qua đi. Đưa cho tôi cái khăn nào.

Blan đưa khăn cho tôi, giọng khẩn khoản:

- Đừng vội giận như thế. Trăm đô! Nghe cũng được đấy. Anh bạn kia tên là gì nhỉ? Nhưng này, năm trăm đô dễ được việc hơn.

- Đã bảo xếp chuyện đó lại mà. Lúc khác mình sẽ bàn.

- Thôi được, tùy bé thôi. Đi nào, tôi còn phải cho Hopper tắm nữa.

Bland mở cửa phòng tắm, ngó ra hành lang. Phòng cô gái lúc này bây giờ đã im lặng. Trên đường đi về phòng, tôi không nghĩ cách thoát thân. Làm thế nào mở được cái cửa ở cuối hành lang? Nhất định phải liều một phen, nhưng cũng phải kiên trì chờ cơ hội. Tôi vịn vào tay Blan, vừa đi loạng choạng vừa suy nghĩ. Làm cho Blan tin rằng tôi yếu sức cũng là một điểm trong kế hoạch vượt ngục của tôi.

Tôi nằm xuống và ngoan ngoãn đưa tay cho Blan còng vào thành giường. Hopper phản đối, không chịu tắm khiến Blan phải dỗ dành.

- Đi nào, thế là không ngoan đâu. Mười một giờ mai, các quan chức của thành phố cùng ngài thẩm phán Lessways sẽ đến thăm viện. Các bé phải sạch sẽ, gọn gàng, biết không?

Quay lại phía tôi, hắn nói tiếp:

- Tháng nào, các ngài ấy cũng tới. Tuy rằng các ngài ấy chẳng tin gì lời kể lể của các anh đâu, nhưng cũng đừng có lôi các chuyện thâm tử và vụ án của anh ra làm mất thời giờ của mọi người đấy.

Blan đã dỗ được Hopper đi tắm. Cả hai người ra ngoài. Tôi nằm một mình, ngắm nhìn sáu thanh sắt trên cửa sổ và nhủ thầm: vậy là thẩm phán Lessways sẽ tới đây. Theo Blan, nếu tôi nói với họ rằng Salzer có trách nhiệm về cái chết của Eudora Drew thì cũng vô ích. Chẳng ai tin kẻ tâm thần! Nhưng nếu tôi nói với Lessway về trường hợp của chính tôi, liệu họ có tin không? Có thể lắm chứ! Thế là tôi bắt đầu hy vọng.

Cánh cửa phòng từ từ mở ra làm tôi chú ý theo dõi. Không có ai vào. Ngạc nhiên, tôi cố nghiêng người nhìn ra ngoài hành lang. Hay tại gió? Không phải, vừa rồi tôi có nghe thấy tiếng mở khóa, sau khi Blan và Hopper đi khỏi.

Tôi căng mắt nhìn vào cánh cửa. Có ai nấp ở phía sau không? Bỗng có tiếng sột soạt làm tôi rợn người. Không ai có thể ngờ được những tờ giấy khi cong lại hoặc đung vào nhau ở một nơi tuyệt đối im lặng như cái phòng bọc cao su này, lại có tiếng vang rùng rợn như thế. Bỗng một bóng đen xuất hiện bên khung cửa:

một người đàn bà. Mụ ta đứng đấy nhìn tôi như đang nhìn vào một vật gì đó - cái bàn hay cái chổi chẳng hạn - luôn tay thọc vào cái túi giấy, rồi lại đưa lên miệng khiến tôi dễ dàng nhớ ra: mụ béo ăn mặn, kẻ đã tham dự vào vụ bắt cóc nữ y tá Gurney!

Kể nằm, người đứng, chúng tôi im lặng nhìn nhau một lúc. Hết trái này đến trái khác, mụ ăn mặn như bò ăn cỏ vậy. Tôi lên tiếng chào và tự giận mình đã để cho giọng hơi run vì căm giận:

- Mạnh giỏi chứ?

Mụ thọc tay vào túi giấy, lấy một trái mận giơ lên ánh sáng ngắm nghía rồi hỏi lại:

- Có phải ngài Malloy đấy không?

- Chính tôi đây. Lần gặp nhau vừa qua chúng ta chưa có thời giờ tự giới thiệu. Vậy bà là ai?

Mụ phả một hạt mận ra tay, thả vào túi rồi mới trả lời: - Tôi là Salzer! - Tôi không ngạc nhiên một chút nào, vì như vậy thật là hợp lý.

- Xin lỗi bà vì tôi hơi tò mò, không biết bà có yêu ông nhà không?

- Bác sĩ Salzer là một người có tài, đáng kính, ít người có khả năng so sánh với chồng tôi.

- Rất tiếc là rồi đây, ông bà phải xa cách nhau là chuyện không thể tránh được vì ngay trong các nhà tù hiện đại bây giờ người ta vẫn giam nam riêng, nữ riêng.

Mụ vẫn giữ vẻ bình thản, hỏi:

- Tôi không hiểu ông định nói gì. - Bà thừa hiểu rằng nếu ông ta thoát khỏi án vào phòng hơi ngạt thì cũng phải nhận ít ra là hai mươi năm tù khổ sai vì tội bắt cóc và giết người.

- Giết ai? - Chồng bà đã chủ mưu giết một phụ nữ tên là Eudora Drew. Tôi và một cô gái nữa là những nạn nhân bị bắt cóc và giam giữ ở đây. Ngoài cô y tá Anona còn cả cô Gurney nữa.

Mụ ta mỉm cười tinh quái:

- Bác sĩ Salzer không hay biết gì về những việc này cả. Ông ta vẫn nghĩ rằng Anona Freedlander là một cô bạn của tôi bị bệnh mất ngủ.

- Có lẽ ông ta cũng nghĩ tôi là bạn của bà chẳng?

- Không đúng hẳn như thế. Anh là bạn của bạn tôi.

- Còn Eudora Drew?

Mụ nhún vai:

- Thật đáng tiếc cô ta tham quá muốn đòi tiền. Tôi đã cho Benny đến để khuyên bảo cô ta, nhưng hẳn hơi quá tay.

Tôi nhận xét nét mặt của mụ và thấy mụ có thể đã nói thật.

- Còn cô Gurney, hiện giờ ở đây?

Nét mặt mụ vẫn bình thản:

- Khi xuống cầu thang, cô ta trượt chân nên bị gãy cổ. Không biết sao, cô ta lại sợ tôi thế.

Tôi ghen ngào hỏi tiếp:

- Bây giờ cô ta ra sao?

- Tôi đã vực cô ta lên xe mang bỏ vào đám bụi cây vùng sa mạc. Anh nên hiểu cho tôi, tôi không còn cách nào hơn.

Tôi vò đầu không hiểu mụ điên hay tôi điên.

Tôi hỏi mụ:

- Chính bà là người chủ mưu giam tôi ở đây phải không?

Mụ đứng tựa vào tường, chậm rãi trả lời không cần giấu giếm:

- Đúng. Ông Salzer chẳng biết gì về khoa tâm thần cả. Trước đây, đã có thời tôi điều khiển một bệnh viện lớn ra trò. Nhưng vì có một vài việc lỗi thôi nên tôi phải đóng cửa. Ông Salzer sau đó đã tậu cho tôi bệnh viện này. Bởi vậy, giờ đây, phần chuyên môn là do tôi nắm, còn ông ấy chỉ có cái tên mà thôi.

Tôi không đồng ý với lời bênh vực Salzer của mụ. Tôi nói:

- Bà nói sai rồi. Trên tờ giấy biên bản khai tử của ông Donald Crosby có chữ ký chứng nhận của bác sĩ Salzer dù khả năng ông ta không được phép làm việc đó.

- Đây là chữ ký của tôi. Tôi mang tên chồng tôi.

- Ông bác sĩ già Bewley nói với tôi, chính ông Salzer đã chữa trị cho cô Janet và cho rằng cô đã chết vì bệnh ăng-đô-ca-đit. Mụ vẫn bình thản bác bỏ những lời buộc tội của tôi.

- Lại sai rồi! Khi cô Janet chết, Salzer vừa có công việc qua đây. Ông ta chỉ bình phẩm căn bệnh với địa vị của người quen tới thăm thôi. Ông Bewley quá già nên nghe không rõ.

- Vậy nếu bà sẵn sóc thuốc thang cho cô Janet, tại sao bà không có mặt ngay khi cô Janet gặp nguy hiểm.

- Lúc đó tôi có việc phải đi xa. Bởi vậy ông Salzer đã cho mời bác sĩ Bewley tới là đúng.

- Lí lẽ của bà cứng lắm. Vậy bây giờ đề nghị bà để tôi ra viện. - Mụ lại thọc tay vào túi mạn và bảo:

- Chuyện này thì không được, bởi vì ông đã trở thành một người quá nguy hiểm đối với chúng tôi. Ông đã nghĩ thấy nhiều chuyện riêng của chúng tôi quá. Tôi nghĩ rằng ông nên yên chí ở đây tới khi chết. Chẳng bao lâu nữa đâu, ông sẽ không còn trí nhớ nữa, tác dụng của phương pháp trị liệu ở đây là thế mà.

- Bà có chắc thực hiện được việc đó không?
- Chắc. Trước tiên, ông đừng hy vọng gì thoát khỏi nơi đây. - Thấy mẹ định đi ra, tôi nhੌm người lên, nói vội:
- Ờ, cô Maureen Crosby trả bà bao nhiêu về việc giam giữ tôi? - Mẹ nhੌn đôi mày tỏ vẻ ngạc nhiên:
- Cô ta đâu có biết rằng ông đang ở đây! Tôi tưởng ông thừa hiểu việc này rồi. Cô Maureen có liên quan gì đâu. Nói xong mẹ ta biến mất, cứ như là một bóng ma!

IV

Sau khi tắm, Hopper có vẻ tỉnh táo, vui vẻ hơn. Trong lúc ăn sáng, tôi hỏi Hopper có định vượt ngục không - chúng tôi đều tự cho mình là tù nhân - Hopper nhún vai:

- Tôi biết đi đâu bây giờ? Chúng luôn cùm chân tôi vào giường. Giường thì lại gắn chặt vào sàn nhà. Không thể thì tôi đã thoát rồi.

- Như vậy thì thoát được sao?

Hopper chỉ vào một tủ nhỏ ở sát tường đối diện với cái giường:

- Họ vẫn để một cái chìa khóa cồng dự phòng ở trong ngăn kéo tủ kia. Để phòng khi cháy nhà. Nếu giường không bị gắn xuống sàn, tôi có thể với tay tới ngăn kéo.

Tôi sững sờ:

- Trong ngăn kéo kia à?

- Ừ, có lần tôi trông thấy Blan lấy ở đấy ra.

Tôi ước lượng khoảng cách từ giường tôi tới cái tủ. Nếu Blan không cồng tay mà chỉ cùm chân thôi, thì tôi hy vọng có thể với tới ngăn kéo. Tôi hỏi Hopper:

- Tại sao cậu không bị cồng tay như tôi? - Hopper đẩy khay cơm ra, bảo:

- Trước kia tôi cũng bị cồng tay. Như vậy đỡ sách rất khó nên Blan đã thay đổi cách cồng. Thay vì cồng tay cồng chân hắt. Nếu anh nói với hắt, có lẽ hắt sẽ làm như vậy với anh. Thôi, bây giờ tôi muốn đọc, đừng hỏi nữa.

Hopper không yêu cầu, tôi cũng im. Im để suy nghĩ tính toán. Cả giờ tiếp theo đó, tim tôi đập khác thường vì hy vọng.

Tối gần mười một giờ, Bland mang một bình hoa lay-ơn vào phòng. Hắt để bình lên bàn, đứng lù lại ngắm nghía, vẻ mặt hí hửng.

- Đẹp đấy chứ, hắt! Cũng lạ thật các quan chức và chính khách nào cũng thích hoa. Lần trước cũng có một đoàn tới đây. Họ có để ý gì tới bệnh nhân đâu. Họ chỉ ngắm hoa thôi.

Bland dọn khay thức ăn đi, quan sát căn phòng, kéo khăn giường Hopper cho thẳng, vỗ vỗ vào chiếc gối giường tôi và bảo:

- Phải ngồi cho nghiêm túc đấy. Liệu đừng có lộn xộn! Bé không có gì đọc à?

- Anh có cho tôi mượn sách báo gì đâu?

Bland vội đi ra rồi hấp tấp trở vào, đặt một cuốn sách dày cộm lên đùi tôi, bảo:

- Coi tạm cuốn này đi. Khi nào các đại biểu về rồi, tôi sẽ kiếm cho bé một cuốn khác hay hơn.

- Tôi bị cồng một tay thế này thì đỡ sách sao được?

- Được rồi, tôi sẽ chuyển cồng cho bé xuống chân. Như vậy cũng tiện vì có thể lấy chân đạp lên che nó đi. Các quan chức dễ mủi lòng lắm. - Nói đoạn, Bland làm ngay. Tôi không ngờ mong ước của mình lại thực hiện dễ dàng thế. Tôi nhìn xuống đùi có cuốn sách khoa học mang tên: “Giải phẫu sinh lý phụ nữ”. Mới mở mấy trang đầu tôi đã trợn tròn đôi mắt. Tôi gọi Bland:

- Này, liệu anh có cho rằng lứa tuổi của tôi đã thích hợp với những tấm hình này không?

Bland nghiêng cổ nhìn qua vai tôi rồi chum miệng huýt gió:

- Trời ơi! Vội quá, tôi ngờ đâu lại lấy trúng phải quyển sách chuyên về cái của nợ này!

Hắn vội giật lấy quyển sách trong tay tôi - chắc sợ tôi nhìn thêm chút nữa sẽ lên cơn!

- Chạy vội ra phòng ngoài rồi trở lại đưa cho tôi cuốn sách thần học nhan đề “Địa ngục” của Dante. Tôi cầm cuốn sách mới tự trách mình đã không im tiếng để giữ cuốn kia, coi hấp dẫn và đỡ đau đầu hơn.

Gần mười một giờ, có tiếng người xôn xao ngoài hành lang. Bland đứng chầu sẵn ở cửa. Sốc lại áo, đưa tay lên vuốt tóc rồi quay lại chúng tôi báo:

- Họ đến đây.

Bốn người đi vào trong phòng. Người đi đầu chắc là bác sĩ Salzer người dong dong cao, tóc màu bạc, chừng hơn năm chục tuổi. Đôi mắt ông ta lạnh lùng, lơ lơ trong hố mắt sâu. Ông mặc cái áo bó sát người màu đen với cái quần kẻ sọc nhìn rất chững chạc. Đặc biệt đôi bàn tay ông trắng có những ngón dài, múp rất đẹp: đó là đôi bàn tay của những nhà phẫu thuật có tài hoặc bọn giết người có kỹ thuật.

Thẩm phán Lessways đi tiếp theo. Tôi nhận ra ông ngay vì đã thấy hình ông trên báo chí: người hơi thấp, trán hói, môi dày, đôi mắt sâu sắc với bộ lông mày chổi xể rất thích hợp với con người mẫu thường có mặt tại các phiên tòa.

Người thứ ba đi kèm bên ông có dáng đứng là một quan chức: mặt mỡ, bụng phệ chứng tỏ có sự ăn uống dư thừa. Người thứ tư còn đứng thập thò ở ngoài cửa nên tôi không nhìn rõ, Salzer lên tiếng:

- Chào các bạn, mong các bạn luôn khỏe mạnh. Xin giới thiệu, hôm nay có ngài thẩm phán Lessways và Linkheimer cùng nhà văn quen biết M. Strang đến thăm viện. Các ngài sẽ nêu một số câu hỏi để các bạn trả lời.

Nói đoạn, Salzer quay lại bảo Lessways:

- Ngài có muốn nói gì với cậu Hopper không?

Trong khi Lessways tròn mắt nhìn Hopper và chú ý cẩn thận đứng xa anh ta cho an toàn, tôi quay lại quan sát người thứ tư vừa được giới thiệu là “nhà văn nổi tiếng”.

Thoạt đầu tôi tưởng mắt mình hoa hay đúng là tôi điên thật rồi. Jack Kerman mặc bộ đồ trắng với cái khăn lụa nhỏ màu vàng đỏ cài ở túi trên, đeo kính trắng gọng đồi mồi, đang đứng tựa lưng vào cửa, nét mặt tỏ vẻ ưu tư. Tôi giật mình đến thót làm cái giường rung lên. Rất may là Salzer mãi nhìn tờ giấy ghi căn bệnh của tôi ở đầu giường không chú ý tới sự cảm xúc của tôi.

Kerman, bộ mặt phớt tỉnh, chỉ vào tôi hỏi Salzer:

- Người này là ai mà có vẻ không có bệnh.

- Tên anh ta là Edmund Seabright, vừa nhập viện.

Khi nói, bộ mặt Salzer hiền lành như ông già Noel sắp sửa phát quà cho trẻ em. Salzer đưa tờ phiếu bệnh án của tôi ra nói tiếp:

- Ngài cứ coi tờ bệnh này của anh ta thì sẽ hiểu. Kerman chau lông mày, đưa hai tay lên sửa gọng kính. Tôi hiểu anh chàng chắc mượn tạm kính của ai để ra vẻ văn sĩ nên bây giờ, khó mà đọc nổi chữ nào.

Kerman gạt gù, mím môi lại rồi nói:

- Đúng thật! Tôi có thể hỏi bệnh nhân mấy câu không?

Salzer lại gần giường tôi, bảo:

- Được chứ.

Hai người đứng quan sát tôi trong khi tôi chỉ dám nhìn vào mặt Salzer vì sợ nhìn Kerman sẽ lộ mặt. Salzer chỉ Kerman, rồi nói với tôi:

- Đây là nhà văn Strang. Ông muốn viết sách về các bệnh tâm thần (hắn lại quay sang Kerman, nói tiếp). Ông Seabright luôn tưởng tượng mình là một thám tử danh tiếng. Phải không ông Seabright.

Tôi gật đầu, bảo:

- Đúng vậy. Tôi đã phát hiện thấy cô Anona Freedlander đang bị nhốt ở đây, còn y tá Gurney thì đã chết và bị vợ ông Salzer vứt xác ở vùng bãi cát. Vậy, cũng khá đầy chứ!

Salzer nhìn Kerman mỉm cười buồn rầu, rồi lắc đầu nói:

- Những dấu hiệu bệnh lý rất rõ nét. Hai phụ nữ vừa rồi đều bị mất tích, một người đã hai năm, người thứ hai thì mới đây. Báo chí đều có đăng tử không biết vì lý do gì, những tin tức ấy lại ảnh hưởng lớn tới trí nhớ và tâm thần của bệnh nhân này.

Kerman gật gù, xác nhận và hình như đã nháy tôi một cái trước khi nói:

- Tôi hiểu.

Tôi nhồm dậm tung chăn, nói thêm:

- Các ngài cũng nên biết thêm là, tôi bị cùm chân vào giường đây này. - Lessways và Linkheimer lúc này cùng đến gần giường tôi. Kerman buồn rầu, dương đôi lông mày hỏi trống không:

- Thật vậy sao?

Salzer cúi đầu, cười đau khổ như muốn chia buồn cùng nhân loại, nói:

- Bệnh nhân này đôi khi vẫn lên cơn. Chắc các ngài cũng hiểu cho. - Kerman lại gật đầu ra vẻ ưu tư, nói:

- Tôi hiểu.

Anh chàng đóng vai văn sĩ đạt quá làm tôi lộn tiết chỉ muốn đá cho cậu ta một cái.

Bland nhẹ nhàng lại gần giường tôi bảo:

- Bé! Ngoan nào, đừng lộn xộn!

Tôi nói với Lessways:

- Nơi đây thật đáng sợ! Tôi phản đối việc người ta chích ma túy vào người tôi, mỗi chiều. Cửa ra vào lúc nào cũng khóa kín, cửa sổ thì rào kỹ bằng lưới thép và chấn song. Đây không phải là một nơi an dưỡng mà đúng là một nhà tù!

Salzer vội cướp lời tôi, cố nói thật dịu dàng:

- Anh bạn thân mến, hãy cố chịu khó thuốc thang đi cho khỏi bệnh. Chúng tôi giữ anh làm gì?

Tôi liếc nhìn Bland. Hắn đang nắm chặt tay lại thành nắm đấm để dọa tôi, nhưng bây giờ, Kerman đã tìm thấy tôi, tôi rất yên tâm, chẳng sợ gì nữa.

Thẩm phán Lessways nói với Kerman:

- Nào tiếp tục đi phòng khác. Ông Strang, ông thấy thế nào, có những điều thú vị đấy chứ?

- Rất nhiều điều đáng ghi nhận, ông Salzer ạ, nếu được phép, tôi muốn sẽ quay lại đây một lần nữa.

Salzer vội chối từ:

- Tôi e rằng nội quy của viện chúng tôi rất kỳ sự có mặt của những người lạ, trừ trường hợp đặc biệt như hôm nay. Vì ảnh hưởng không tốt tới bệnh nhân. Mong ông thông cảm.

Kerman nhìn tôi, vẻ mặt lơ đãng nhưng nhiều ý nghĩ, rồi trả lời Salzer:

- Ông nói rất có lý. Vậy mà tôi không nghĩ tới, thưa ông.

Cả đoàn nối tiếp nhau đi ra. Salzer ra sau cùng đóng cửa lại. Tôi còn kịp nghe tiếng Kerman hỏi: “Còn ai ở những phòng gần đây không?” Tiếng Salzer trả lời: “Hiện giờ không có ai”. Khi những tiếng trao đổi ngoài

hành lang xa dần rồi tắt hẳn, Bland thở ra một hơi thật dài như vừa thoát được một món nợ, hẳn sẽ sộ bảo tôi:

- Bé, thế là không tốt đâu đấy nhé. Nên nhớ, đối với họ, bé cũng chỉ là một trong cả đám khùng mà thôi.

Làm cho người khác tưởng mình ngớ ngẩn, biết hối lỗi thật không phải là dễ. Nhưng rồi tôi cũng làm cho Bland tin như vậy.

V

Về ảnh hưởng của các cuộc viếng thăm tới tâm thần bệnh nhân thì Salzer đã nói đúng. Sau khi đoàn đại biểu ra về, thái độ của Hopper tỏ vẻ khác thường, mặt mày ủ rũ, hai mắt không rời cái trần nhà. Tối bữa cơm, tôi hỏi, cậu ta cũng chẳng thèm trả lời. Tôi cho là Hopper mãi suy nghĩ điều gì nên cũng không để ý. Cho tới lúc Bland mang bữa trưa lại thì mới rõ cậu ta lên cơn. Hopper vớ lấy cái khay, trợn mắt ném xuống đất làm đĩa vỡ và thức ăn bắn tung tóe.

Hopper vùng ngồi dậy trên giường. Bộ mặt anh bỗng khác hẳn, gầy sòm, đầy vết nhăn. Hai con mắt như mắt thú dữ bị nhốt trong chuồng. Bland vội nhảy lùi lại đằng sau, cú nhảy nhanh nhẹn hệt như con ếch. Hopper vặn vẹo người tỏ vẻ khó chịu và nhìn Bland như muốn hấn lại gần giúp đỡ như mọi khi. Nhưng hấn không lại, đề phòng sự việc không hay có thể xảy ra. Hấn rên rĩ:

- Khổ chưa! Hôm nay là ngày nghỉ của tôi, vậy mà bố lại dở chứng thế này. Thôi, thôi, cố nguôi giận đi nào, bé! - Bland thu dọn các thức ăn vương vãi trên sàn, trong khi Hopper đưa mắt theo dõi hấn từng cử chỉ như một con thú sửa soạn vồ mồi. Bland bảo tôi:

- Tôi đi đây. Hôm nay, tôi có hẹn không thể bỏ lỡ. Rồi đây, cơn của anh cũng qua thôi. Vả lại cậu ta không với tới được giường của anh đâu. Nếu cậu ta muốn bò lên trần thì cứ kéo dây chuông, đã có Quell thường trực. Nhưng cũng đừng quấy rầy anh ta vô cớ nhé.

- Tôi sẽ cố gắng. Nhưng, anh vắng mặt trong bao lâu?

Bland bảo:

- Ngày mai tôi mới về. Cậu y tá trực sẽ thỉnh thoảng vào đây. Khổ quá, cái của nợ này lại cứ phải tay tôi mới trị được cơ chứ.

Tuy việc Bland vắng mặt, để tôi ở lại một mình với Hopper đang lúc lên cơn cũng là điều đáng ngại, nhưng tôi lại đang có một dự định mong có cơ hội để thực hiện: cái chìa khóa cùm trong ngăn kéo tủ! Tôi nói với Bland:

- Nếu có thể gọi người trực khi cần thiết thì tôi cũng yên tâm. Nhưng thú thật tôi vẫn muốn đi với anh hơn.

Bland cười:

- Trời ơi! Nhìn thấy bộ mặt của tôi đây, cô ấy chưa chắc đã cười được, nữa là lại còn kèm theo chú em!

Bland mang khay thức ăn đi ra và tôi bắt đầu dùng bữa trưa. Nhưng, tiếng thở hổn hển của Hopper và cách cậu ta nhìn trừng trừng vào bức tường đối diện làm tôi nuốt không trôi. Tôi đành đẩy khay thức ăn ra vừa lúc Bland vào. Anh ta diện bộ comple với cái ca vát có hình trang trí vẽ tay sắc sảo, khiến tôi không nhận ra nữa. Nhìn thấy bữa ăn gần như còn nguyên, anh ta hỏi tôi:

- Sao vậy? Bé sợ bị đầu độc hả?

- Tôi không thấy đói.

Thấy Hopper vặn vẹo mình trên giường, hai mắt gườm gườm như con thú thèm ăn thịt, Bland cười, bảo tôi:

- Đừng chú ý quá nhiều tới hấn - rồi nói với Hopper - Chú mày không phá được cuộc hẹn hò ngày chủ nhật của anh đâu.

Tôi bảo:

- Tôi muốn hút thuốc lá! Nếu anh không cho tôi, tôi sẽ gọi người thường trực ngay bây giờ. Nhìn thấy cảnh này, anh ta sẽ không để cho anh đi đâu.

- Không thể để chú mày chơi với lửa được.
- Tôi không cần lửa. Anh cho tôi mấy điếu và châm cho tôi một. Nào, nếu không, tôi cũng lên cơn bây giờ.
Bland đành rút mấy điếu thuốc ra, châm cho tôi hút và bảo:

- Quell có vào, bảo hẩn hộ tôi phải cẩn thận đề phòng Hopper. Để tôi đi năm phút rồi hãy giật chuông nhé.
Bất thành linh Hopper nhảy chồm lên định ôm lấy Bland làm anh ta giật bắn người. Cả tôi cũng vậy.

Không có buổi trưa nào dài như trưa nay. Tôi không biết bao giờ Quell vào phòng, vả lại Hopper luôn đưa mắt sang tôi nên tôi không dám thử rút ngắn kéo để tìm chiếc chìa khóa cùm. Tôi định chờ tới buổi tối, lúc mọi người đều ngủ say. Nhưng phải nghĩ cách nào để khỏi phải tiêm thuốc ngủ buổi chiều này.

Bland đi rồi, cơn của Hopper có vẻ dịu dần. Cậu ta không liếc sang giường tôi nữa nhưng cứ nhìn chăm chăm vào tường lẩm bẩm một mình. Tôi cố không gây tiếng động để Hopper khỏi chú ý đến tôi. Về phần mình, tôi nằm nghĩ tới Kerman, không biết anh chàng đồng nghiệp của mình có mưu kế gì để cứu mình không. Anh chàng không thể nào nghĩ được cái trò giả vờ sĩ. Mưu mẹo này đúng của Paula. Bây giờ hai người đều biết cô y tá Anona Freedlander cũng bị giam ở đây như tôi. Khu này có cánh cửa khóa ở cuối hành lang và một cửa sổ có chấn song ở phía đầu. Thế nào họ cũng lo cứu tôi, nhưng bằng cách nào thì tôi không đoán được.

Quãng bốn giờ rưỡi, cửa phòng mở. Một người mặc đồ hộ lí màu trắng như Bland bước vào, trên tay có một khay nước trà. Anh ta cao, gầy, có bộ mặt như ngựa vì cái môi trên hơi nhô với hàm răng cửa vừa to vừa thô. Anh ta tự giới thiệu:

- Tên tôi là Quell. Anh có phải là Seabright không?

- Không. Tôi là thám tử trứ danh Sherlock Holmes. Nếu anh tin tưởng lời tôi nói thì đừng đứng gần cái giường kia. Anh ta đang lên cơn đấy.

Anh ta ngược mắt nhìn tôi có vẻ thương hại. Tôi đoán Quell là một y tá mới vào nghề. Anh ta nói:

-Ồ, đây là cậu Hopper đây mà.

Hopper ngồi trên giường ngắm nhìn Quell với ánh mắt của một con mồi. Còn anh ta thì đang nói tới một con hổ cứ như là đề cập tới một cậu bé con. Thấy Quell mang khay nước trà vào tôi bảo anh ta:

- Tôi nghĩ là Hopper không dùng trà đâu. Anh nên để cậu ta yên đến khi Bland về:

- Chẳng lẽ bỏ mặc cậu ta thế này sao? Bác sĩ Salzer đi vắng, đêm nay anh Bland không về. Lẽ ra, anh ấy chẳng nên đi như vậy.

- Thôi, việc gì đã xảy ra rồi có nói thì cũng không sửa chữa được. Anh đi ra đi, và nếu có lòng tốt, cho tôi một li rượu Scốt.

- Tôi nghĩ rằng nội quy cấm cho bệnh nhân ở đây uống rượu.

- Thế thì đi uống đi rồi trở lại đây cho tôi ngửi hơi từ miệng anh cũng được. - Quell thú thật với tôi là anh ta chưa bao giờ uống rượu. Hopper quay người nhìn tôi nói chuyện. Ánh mắt điên dại của cậu khiến tôi lo sợ, thầm mong sao cho cái cùm chân cậu đủ chắc chắn để cho cậu khỏi sống. Tôi lựa nói với Hopper:

- Tôi nghĩ kĩ rồi. Hopper ạ. Chúng ta phải chờ cho Bland về, rồi sẽ thịt hẩn.

Hopper lẩm bẩm, ánh mắt nhìn tôi có vẻ dịu đi một chút:

- Đúng! Phải như vậy!

Tôi suy tính, không biết có nên lấy chiếc chìa khóa lúc này hay chưa và nhận định không nên nóng vội. Quell có thể vào trong phòng bất cứ lúc nào. Nếu anh ta biết ý định của tôi, thì bao nhiêu dự tính của tôi sẽ ra tro hết. Tôi bảo Hopper: - Bland tinh quái lắm. Tôi đã có một kế hoạch để cho hẩn vào tròng. - Hopper có vẻ hài lòng, tuy những đường gân trên mắt vẫn tiếp tục rần rật. Cậu ta bảo:

- Tôi cũng có kế hoạch rồi!

Tôi nằm dài trên giường suy tính: nếu có chìa khóa, để mở cùm, tôi cũng khó thoát khỏi nơi đây. Nhưng tôi có thể tìm xem phòng của Anona ở đâu và báo cho cô ta biết rằng có thể có người tới cứu. Tôi tin rằng, sớm hay muộn, thể nào Kerman cũng tới giải thoát cho tôi.

Thỉnh thoảng Quell lại mở cửa thò đầu vào phòng nghiêng ngó. Tôi chỉ vào Hopper rồi để ngón tay lên miệng ra hiệu cho Quell giữ im lặng. Mồi trên hếch lên để hở mấy cái răng to, anh gật gật đầu, càng nhìn càng giống mặt ngựa.

Quãng tám giờ, anh vào phòng mang bữa chiều tới cho tôi rồi lại gần giường Hopper, mỉm cười hỏi:

- Cậu Hopper, cậu có muốn ăn một chút không?

Cả người Hopper bật lên như một cái lò xo, hai cánh tay hình như dài ra như vượn, các ngón tay quặp lại lướt trên chiếc áo chèn của Quell làm anh ta bật ngựa ra sau, mặt xám xanh lại.

Tôi bảo:

- Tôi nghĩ rằng cậu Hopper không muốn ăn chiều, cả tôi cũng vậy.

Thật ra thì tôi đang nhai miếng thịt gà, nhưng bỗng nhiên thấy miệng nhạt và đắng đến nỗi không thể nuốt được. Quell không nghe tôi nói, chạy bổ ra ngoài và đóng sầm cửa lại.

Hopper hất tung chăn mền xuống đất định vùng ra tóm lấy Quell nhưng vướng còng ở cổ chân nên ngã ngựa người xuống sàn. Anh ta la hét, cố sức rút chân ra khỏi còng làm cho cổ chân bị xước đỏ lôm mầu máu. Để phá chiếc còng mỏng manh, anh bò lên lấy sức đập vào những cột giường, cố giật đứt đoạn xích nối cột giường và chiếc còng. Ý nghĩ về một kẻ điên đang lên cơn, phá được đoạn xích kia ở ngay bên cạnh, trong khi mình lại bị cột vào giường không thể chạy đi đâu được, làm tôi sồn tóc gáy. Tôi giờ tay ấn vào nút chuông.

Hai tay nắm sợi dây xích, hai chân đập vào thành giường, mặt đỏ dừ, mắt long lên, Hopper cố giải thoát cho cái cổ chân. Nhưng rồi thấy không thực hiện được, anh ta nằm ngựa ra, thở hổn hển. Tôi hiểu rằng cơn nguy biến đã qua. Mồ hôi chảy thành dòng trên mặt, quả là tôi vừa trải qua những giây phút căng thẳng nhất trong cuộc đời tôi.

Mặt Hopper xanh rờn, anh ta nằm im, mắt nhắm nghiền và một lát sau lại cất tiếng ngáy làm cho tôi rất ngạc nhiên. Vừa lúc đó thì Quell mang bộ áo đặc biệt để cố định chân tay bệnh nhân lúc lên cơn phá phách, bước vào phòng. Mặt anh ta tái nhợt nhưng có vẻ hăm hở kiên quyết.

Tôi bảo:

- Thôi, qua rồi. Bây giờ hấn đã ngủ, anh nên xem lại đoạn dây xích và chỗ thành giường coi còn chắc không.

Quell đặt tấm áo đặc biệt xuống, lại gần Hopper quan sát và nói:

- Xích và còng đều làm bằng kim loại đặc biệt, nhìn vậy nhưng không thể nào phá được đâu. Tuy vậy, tốt nhất là chích cho cậu ta một liều thuốc an thần.

- Đừng có đại dột. Bland đã nhờ tôi nói lại với anh không được lại gần Hopper lúc này.

- Không được. Một cơn khác như thế nữa có thể làm cậu ta chết. Bốn phen tôi phải ngăn ngừa sự nguy hiểm cho bệnh nhân. - Tôi cố can:

- Bốn phen à? Nhưng nên nhớ lúc này hấn còn nguy hiểm hơn cả rắn độc đấy. Nên để cho hấn nằm yên là tốt nhất.

Quell thận trọng tiến lên một bước, nghiêng người nhìn Hopper đang ngủ và ngáy. Thấy yên tâm, anh ta còn kéo lại cái khăn trải giường cho thẳng làm tôi phải nín thở để theo dõi. Hopper ngủ thật hay vớ? Quell là một tên gốc hay là một nhân viên dưng cảm?

Căng xong cái khăn trải giường, Quell lui lại phía sau. Tôi thấy trán anh đầm mồ hôi nên biết rằng anh không hề là một người gốc.

Quell bảo tôi, giọng phấn khởi:

- Bây giờ, cậu ta đã khá. Tôi sẽ chích cho cậu ấy một mũi thuốc. Ngày mai khi ngủ dậy, cậu ta sẽ trở lại bình thường.

Tôi nói ngay:

- Làm như vậy rất nguy hiểm cho anh. Khi bị kim chích hẳn sẽ tỉnh dậy. Nếu hẳn vô được anh lúc này thì anh hết đời đấy.

Quell quay lại nhìn tôi vẻ ngờ vực, nói:

- Anh làm tôi lạ quá, vì anh suy xét rất tốt và không có những phản ứng như những bệnh nhân khác.

- Thì tôi vẫn nói rằng tôi có bệnh gì đâu. Tôi là Sherlock Holmes mà, anh quên rồi sao?

Bộ mặt Quell có vẻ thất vọng. Anh ta ra ngoài rồi trở lại tay cầm một cái khay phủ chiếc khăn trắng. Hopper vẫn nằm im ngáy to.

Tôi ngồi tựa vào đầu giường, bảo:

- Anh có thể mở khóa còng ở chân tôi ra không? Để nếu Hopper lại lên cơn, tôi có thể phụ anh. Giả dụ bất chợt hẳn tỉnh dậy và túm lấy anh thì tôi có thể lại cứu anh được.

Quell đứng nhìn tôi giống như con ngựa ngấm trước cái túi đựng thóc có vẻ khả nghi vậy. Anh bảo:

- Không, tôi không làm như thế được, vì trái với nội quy.

Tôi đã cố gắng góp ý, giúp đỡ anh ta hết mình rồi. Biết làm thế nào hơn được. Tôi nhún vai bảo:

- Tùy anh thôi. Tôi sẽ cầu nguyện, mong anh gặp may mắn. - Quell hút thuốc vào ống chích rồi lại gần Hopper. Tôi theo dõi hành động của anh mà thấy tóc gáy dựng lên và tim đập loạn xạ. Quell cũng có vẻ hồi hộp nhưng cố giữ bình tĩnh. Anh sẽ sàng vén tay áo Hopper lên, giơ cao ống chích để coi lại mức thuốc, từng cử chỉ đều cẩn thận tỉ mỉ như một người lính đang chỉnh ngòi nổ của một trái bom vậy. Tôi nhìn anh làm mà người cứ run bắn lên, mong cho chóng xong để anh có thể lùi xa khỏi cái giường khủng khiếp ấy.

Tuy có đeo kính, nhưng hình như Quell vẫn không nhìn được rõ. Anh sờ nắn mãi tay Hopper để tìm mạch, mặt anh dần dần cúi sát xuống người bệnh.

Tôi nín thở, hai tay nắm chặt lấy khăn trải giường. Đúng lúc tưởng Quell đưa mũi kim vào mạch máu của Hopper thì lại thấy anh ngửa cổ lên, than vãn câu gì đó, rồi đứng dậy đi lại phía tủ. Tôi hỏi lạc cả giọng:

- Sa... o vậy?

- Quên mất miếng bông tắm ête. Thật là vô ý, trước khi chích thuốc, bao giờ cũng phải sát trùng chỗ da mình chích.

Khi Quell lau miếng bông lên da của Hopper, hẳn hơi cựa quậy. Tôi hồi hộp quá nên nhòm cả người ra khỏi giường. Quell vẫn trở mắt, cúi sát mặt vào cánh tay của Hopper để nhìn cho rõ đường nổi của mạch máu.

Bỗng Hopper mở mắt. Tôi vội kêu:

- Ôi! Cẩn thận!

Nhưng không kịp rồi!

Khi Quell hoảng hốt định đứng lên thì hai bàn tay của Hopper, nhanh như cắt, đã chẹn lấy cổ anh và từ từ bóp lại.

VI

Tôi bật người dậy, tung chăn và nhảy ra khỏi giường, nhưng chiếc còng nịt chân tôi lại khiến tôi ngã đập mặt xuống sàn.

Những tiếng thét thất vọng của Quell âm vang trong phòng, xoáy vào đầu tôi như những mũi kim châm. Bỗng tiếng la thét đổi thành tiếng sắc nước, rồi tắt hẳn khiến căn phòng thêm ghê rợn: Hopper đã bóp chết con mồi.

Tôi không dám nhìn về phía giường của hắn nữa. Quả là những tiếng vật lộn và la hét vừa rồi đã làm cho tôi sợ. Tôi lê người ra khỏi thành giường và đặt được một chân còn tự do xuống đất. Con sợ hãi khiến cho tôi khó thở và người run lên như một ông già vừa tham dự buổi khiêu vũ tự do. Tôi vươn người lại cái tủ, mấy ngón tay đã chạm được vào miếng tay cầm của ô kéo trên, thì nghe như có tiếng gầm gừ ngay sau lưng. Tôi mong ước suốt đời mình sẽ không bao giờ nghe thấy những tiếng như thế nữa. Tôi căng người ra để cổ kéo được cái ngăn ra, khiến cổ chân còn bị giữ trong còng trầy hết cả lớp da. Cái ô kéo rơi xuống đất chứa đầy băng và gạch. Tôi cúi xuống, đưa tay run lấy bẫy gạt đám bông băng ra để tìm cái chìa khóa.

Có tiếng ầm ừ sau lưng tôi. Tôi cảm thấy như các mạch máu trong người bỗng bị đông cứng, nhưng cố gắng không quay lại. Cái chìa khóa nằm giữa một chồng gạch làm mất tôi sáng lên tia hy vọng. Tôi nhảy lên giường tra chiếc chìa khóa vào khe nhỏ của cái còng và quay nhẹ. Có tiếng động nhỏ, chiếc còng mở ra. Cổ chân tôi vừa được tự do nhưng bị trầy da chảy máu. Vậy mà tôi không cảm thấy đau đớn gì cả.

Tôi sung sướng nhảy một cái ra giữa nhà, nhưng vội đứng sững ngay lại. Hopper đang giương mắt nhìn tôi chằm chằm qua cái xác của Quell. Cảnh tượng thật khủng khiếp. Hopper đã cắn đứt mạch máu cổ của anh ta nên phần vai và ngực anh bê bết máu. Hai mắt anh lơ lơ nhìn tôi vẫn còn thể hiện sự hoảng hốt và tuyệt vọng của những giây phút vừa qua.

Hopper nói giọng thì thào:

- Đưa cho tao cái chìa khóa. Chiều nay còn nhiều đứa chết! - Tôi nhảy lùi lại phía sau. Tới lúc này tôi mới rõ thực chất của con người tôi. Tôi vẫn tự hào, cái thằng Malloy to con này là con người thép, chẳng chịu khuất phục ai, chẳng sợ cái gì. Vậy mà bây giờ mặt tôi xanh như tàu lá, mồ hôi chảy ròng ròng từ trên trán xuống mặt, bụng thì đau thắt lại như có cả khối chì bên trong.

Hopper lại nói như ra lệnh:

- Đưa chìa khóa đây, nếu không ta cũng giết mi luôn.

Hắn gạt xác của Quell xuống rồi nhào người ra sàn, bò lại phía tôi mặt méo đi vì những cơn co giật. Dưới ánh đèn mờ dịu trong phòng, tôi thấy mép hắn bóng lên màu đỏ máu.

Tôi chú ý đi theo đường vòng ra cửa để tránh Hopper. Hắn hét to:

- Seabright! Không được ra, đưa chìa khóa đây!

Nhưng tôi đã vịn được quả dầm cửa. Vừa lúc tôi lùi lại để mở cửa ra thì Hopper hét to lên một tiếng và nhảy chồm lại phía tôi.

Cái giường rung lên nhưng không xô dịch, Hopper đổ người xuống, các móng tay của hắn cào xuống mặt sàn cách tôi không đầy một mét.

Người tôi run bắn lên và tôi gần như ngã chúi xuống ngoài hành lang. Khi tôi đóng cửa phòng lại, Hopper còn hú lên một tiếng hú man rợ. Tôi đứng như trời trồng một lát, chân run lấy bẫy, ngực đập theo trống làng. Mãi sau mới lấy lại can đảm, men theo tường đi qua cửa bốn căn phòng để tới cuối hành lang. Bàn tay tôi dẫm mồ hôi vẽ thành một vệt trên tấm cao su lát tường trước khi nắm được vào quả dầm. Nhưng giật mãi không đ

12. Chương 12

Có tiếng chuông reo nhẹ nhàng. Cô gái tóc bạch kim uyển chuyển đi lại báo cho tôi biết ngài M. Willet sẵn sàng tiếp tôi. Tiếng cô nhỏ nhẹ thì thầm như tiếng tụng kinh trong nhà thờ, trong khi người cô lại có dáng bốc lửa như những cô gái thượng hạng nơi quán rượu. Tôi đi theo cô từng bước, rồi dừng lại, nhìn ngón tay tô son của cô nắm lấy cái núm ở cửa, mở ra sẽ sàng lên giọng báo vào trong: “Ngài Malloy đã tới!”.

Willet ngồi sau cái bàn rộng đang chăm chú đọc tờ đầu của một tập hồ sơ để trước mặt, một điều thuốc đầu bọc vàng tỏa khói giữa hai ngón bên tay trái.

Tôi ngồi xuống ghế, ngắm nghía phần bên trong cái mũ tôi cầm ở tay. Những nét chữ của nhãn hiệu đã quá mờ nhắc nhở tôi cần phải can đảm trong việc chi tiêu hơn nữa. Một lúc sau, Willet mới như sực tỉnh, nhận ra sự có mặt của tôi trong phòng. Ông ta đẩy gói thuốc lá bọc giấy bạc về phía tôi và nói giọng thờ ơ:

- Xin mời.

Tôi rút một điếu và tự châm thuốc hút. Điếu thuốc nhìn thì có mẽ nhưng thực chất lại chẳng ra gì. Willet xếp tập hồ sơ vào ngăn rồi bảo tôi:

- Nào, ông Malloy, tôi sẵn sàng nghe ông nói đây. Nhưng xin báo, mười phút nữa, tôi có hẹn với người khác rồi đây.

- Nếu thế tôi sẽ lại đây lần khác vậy. Mười phút không đủ để tôi nói với ngài hết mọi chuyện. Tôi không biết ngài có ước lượng được tổng số gia sản gia đình Crosby là bao nhiêu không? Tôi e rằng, rồi đây người ta sẽ không cần ngài quản lý nữa đâu.

Có lẽ tôi đã điếm trúng vào một huyết chính của Willet. Ông ta dụi điếu thuốc mới hút một nửa vào cái gạt tàn bằng bạc và hỏi tôi:

- Ý ông định nói gì?

- Ngài muốn nghe chi tiết hay tóm tắt?

- Ông cần bao nhiêu thời gian?

- Độ nửa giờ. Nếu ngài còn đặt thêm những câu hỏi, thì có lẽ phải mất một giờ.

Willet cau mày cắn môi rồi nhắc điện thoại thoai thoái thác ba cuộc họp sắp tới. Tôi tính, chắc mỗi cuộc tiếp kiến vào quãng mười phút, khách hàng phải trả ông ta ít nhất cũng là một trăm đô la. Ngồi sâu vào trong ghế đệm, ông ta lên tiếng:

- Nào, tại sao tới hôm nay anh mới tới gặp tôi?

- Tôi vừa qua năm ngày tại một nơi trị bệnh điên.

Willet âm ừ trong họng nét mặt vẫn lạnh lùng. Tôi hỏi:

- Trước khi kể tiếp, tôi muốn biết tổng số giá trị tài sản của gia đình Crosby là bao nhiêu.

- Ngài giám đốc ngân hàng đã từ chối không cho tôi biết rõ. Họ có quyền sử dụng những nguyên tắc chuyên môn của ngành họ. Tôi chỉ biết rõ số tiền bảo hiểm đã được rút ra rồi.

- Bao giờ?

- Sau ngày bản chúc thư được thực hiện.

- Ngài đã gửi thư triệu tập cô Maureen chưa?

- Tôi đã cho gửi đi cách đây năm ngày và trưa mai, cô ta sẽ có mặt ở đây.

- Tôi e rằng cô ta sẽ không tới được. Nhưng để rồi xem sao. Bây giờ, tôi xin kể lại những sự việc đã xảy ra với tôi từ lúc hai trung sĩ cảnh sát Hartsell và Mac Graw đến thăm tôi tới lúc có Maureen can thiệp.

Tôi kể chi tiết rồi hỏi:

- Ngài có biết địa điểm căn nhà Maureen đã đưa tôi đến ở phía tây xa lộ San Diego không?

Ông ta lắc đầu.

- Cô Maureen muốn biết lý do tại sao tôi để ý tới những chuyện riêng tư của gia đình cô. Khi tôi cho cô ta coi bức thư của Janet viết cho tôi, cô ta tỏ vẻ rất sợ và nói cho tôi nghe về cuộc tình tay ba giữa hai chị em và Sherrill. Trong khi ngăn cản hai con gái xô xát, ông Crosby đã bị trúng đạn từ miệng súng của Janet bắn ra.

Willet giật mình, sửng sốt hỏi:

- Maureen đã thổ lộ với anh như thế hay sao?

- Đúng vậy. Sau đó, người ta muốn bịt kín chuyện này. Chính bà Salzer chứ không phải ông chồng, đã ký vào tờ biên bản khai tử.

Thẩm phán Lessways và cảnh sát trưởng Brandon vì mối lợi vật chất, đã góp công sức vào việc che giấu sự thật này.

Willet châm thuốc hút và bảo tôi:

- Anh kể tiếp đi.

- Một nữ y tá tên là Anona Freedlander, vì chứng kiến tấn thảm kịch đã bị Salzer bắt nhốt vào một phòng kín và chích thuốc cho mất trí nhớ trong hơn hai năm.

- Anh có nghĩ rằng cô Maureen đã dính dáng tới vụ này hay không?

- Tôi chưa biết.

Ý nghĩ một khách hàng triệu phú như Maureen Crosby có thể bị buộc tội dính dáng tới việc bắt cóc, làm cho Willet lo ngại. Ông ta không hề dă động tới nạn nhân. Tôi bảo:

- Chiều qua, chúng tôi đã cứu được Anona ra khỏi nơi giam giữ. - Ông ta có vẻ lúng túng, hỏi:

- Liệu cô ta có định đưa đơn kiện cáo gì không?

- Có thể lắm chứ! Không ai có thể bỏ qua việc người ta bắt cóc và giam giữ mình tại nơi dành cho người điên trong thời gian hai năm như thế. - Willet xoa cằm, nghĩ ngợi rồi bảo:

- Cô ta có thể bằng lòng với một sự đền bù. Có thể tôi nên tới gặp cô ta.

- Bây giờ, không ai có thể gặp cô ấy được vì cô ta chưa được tỉnh táo lắm.

Việc bắt cóc này cần phải báo cho sở cảnh sát biết và khi báo chí làm rùm beng lên thì ngài buộc phải trao tài sản hàng triệu đô la của gia đình Crosby cho ban giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học, theo như chúc thư. Và rất có thể, người ta không cần tới vai trò quản lý của ngài nữa.

- Đấy lại là một lý do nữa để tôi cần gặp cô Freedlander. Việc gì mà không thỏa thuận được với nhau?

- Không đúng vậy đâu. Vả lại còn chuyện của tôi nữa. Tôi cũng bị bắt cóc, và bị đầu độc trong năm ngày. Cũng đáng báo cho cảnh sát lắm chứ? - Từ nãy giờ tôi mới thấy Willet nhếch miệng cười. Ông ta đứng dậy, ra tủ lấy chai uýtki nhãn hiệu "Haigh and Haigh", mang lại rót ra hai ly, đẩy một ly lại phía tôi, bảo:

- Xin mời... Tôi muốn chi cho anh một món chừng năm trăm đô la để đền bù những việc không may đã xảy ra, được không?

- Không biết chúng ta có nên bỏ qua chuyện cô Freedlander đi không. Riêng tôi, tôi còn do dự về việc tin hay không tin cô Maureen. Nếu cô Janet nhỡ nổ súng vào bố, và sau đó đã uống thuốc độc tự tử vì hối hận thì tại sao trước ngày chết cô ta vẫn thảnh thơi chơi quần vợt và dự các buổi khiêu vũ?

Willet để rót rượu từ cái ly cầm trên tay xuống tám giấy xộp lốt tay ở mặt bàn và rửa thăm qua kẽ răng. Tôi nói tiếp:

- Chuyện cô Janet tự tử cũng được bịt kín nhưng cô gái hầu phòng Eudora Drew đã nghe thấy những lời trao đổi giữa bác sĩ Salzer và cô Maureen. Cũng vì vậy mà cô ta bị chết theo lệnh của bà bác sĩ tâm thần Salzer.

Willet nghẹn ngào, nốc thêm một ly uýtki nữa như để tự an thần. Tôi lại tiếp:

- Vẫn chưa hết. Ông già quản gia John Stevens có những nghi vấn về cái chết của cô Janet, đã bị những tên tay chân của Sherrill bắt cóc và đối xử thô bạo đến nỗi bỏ mạng. Tiếp theo là vụ bắt cóc nữ y tá Gurney do bà Salzer thực hiện. Bà ta đã giấu xác cô Gurney ở vùng đồi cát dù rằng cô ta chết do trượt chân ngã.

Willet rên rỉ:

- Thật quá sức tưởng tượng!

- Theo tôi, có thể suy ra rằng: bà vợ ông Salzer và Sherrill đã nhúng tay vào ba vụ án mạng không kể hai vụ bắt cóc Anona và tôi, chẳng lẽ chỉ để tránh cho báo chí khỏi đụng đến tên của một cô gái?

- Báo chí đã làm họ lo sợ họ cô Maureen. Sợ cô sẽ bị mất hàng triệu đô la!

- Còn việc này nữa. Sau khi ông Crosby chết, Sherrill đã lộ bộ mặt thật, dọa tố cáo mọi việc để tống tiền Maureen. Do đó, cô ta đã phải tậu cho hẳn con tàu “Mộng Mơ”.

Mặt Willet xanh như tàu lá.

- Maureen mua tàu “Mộng Mơ” à?

Cô ta thú thật với tôi như vậy. Giữa lúc cô ta đang nói chuyện với tôi thì Sherrill xuất hiện. Hắn dùng vũ lực đưa tôi vào khu điên trong viện an dưỡng của nữ bác sĩ Salzer và dọa đưa Maureen tới một địa điểm không ai có thể tìm thấy. Tôi đã được bạn đồng nghiệp giải thoát khỏi nơi giam giữ cùng cô Freedlander. Nhưng còn cô Maureen. Nếu ngày mai cô ta không tới, tức là cô ta đã bị Sherrill giam giữ trên tàu “Mộng Mơ”. Còn nếu cô ấy tới đây có nghĩa là cô ấy đã âm mưu đưa tôi đến nhà để trao cho đồng bọn.

Willet rót thêm rượu vào ly. Tay ông ta run run. Ông nói như than vãn:

- Chẳng có lẽ lại như thế?

- Nếu cô ta bị giam giữ, ông có thể hãm lại mọi việc chỉ ở ngân hàng không?

- Không. Tôi chỉ có khả năng báo việc này với các ông chủ chính của công ty chúng tôi là các ngài Glynn và Coppley thôi.

- Có lẽ nên hỏi ý kiến họ.

Willet lại xoa cằm, rồi nói với tôi:

- Ông Malloy ạ, chúng ta bàn thành thật với nhau nhé. Những ông sếp của tôi ấy mà, họ chỉ chăm chăm muốn thực hiện một cách máy móc những điều trong chúc thư của ông Crosby, không cần nghĩ đến việc cô Maureen có thể bị oan ức hay không. Theo ý tôi, thì cái chúc thư ấy cũng chứa đựng nhiều điều vô lý. Đành rằng, khi còn sống ông Crosby cũng bị phiền lòng về lối sống của Maureen, nhưng ông ta cũng đã không dự đoán trước được cách đặt điều kiện với Maureen trong chúc thư của ông đã làm nảy sinh ra bao nhiêu kẻ muốn đặt điều ra để tống tiền cô gái.

- Nhưng còn ba vụ án mạng kia. Lí gì mà chúng ta phải giấu giếm chúng?

- Vai trò của Maureen trong những vụ án đó không có gì rõ rệt. Chúng ta không nên làm cô ta mất hàng đồng của như thế một cách oan ức. Còn cô Freedlander thì sao? Theo anh, chừng bao lâu nữa cô ta có thể tỉnh?

- Tôi không biết. Có thể phải rất nhiều ngày nữa. Hiện tại cô ta không nhớ cả tên mình.

- Cô ta nằm ở bệnh viện à?

Tôi lắc đầu:

- Không. Cô ta được cô thư ký của tôi săn sóc. Tôi cũng nhờ thêm một bác sĩ. Ông ta bảo phải qua một thời gian. Hôm nay, tôi sẽ lại thăm ông bố cô ta ở San Francisco. Khi nhìn thấy bố, có thể cô ta sẽ khôi phục lại một phần trí nhớ.

Willet châm thêm một điếu thuốc và bảo:

- Tôi sẽ chịu mọi phí tổn về đi lại cho anh. Sắp tới anh sẽ làm gì?

- Để coi Maureen có tới hay không đã. Nếu cô ta không tới, tôi sẽ tìm cách lên tàu “Mộng Mơ” một chuyến xem sao. Cũng còn nhiều việc phải làm khác nữa. Hiện nay, tôi cũng chưa rõ phải làm gì trước, sau. - Có tiếng gõ cửa. Cô gái tóc bạch kim xuất hiện, uốn éo đi lại phía bàn Willet, đưa cho ông ta một tờ giấy nhỏ và nói:

- Bà Pollard đang mong được gặp ngài. Còn đây là nội dung lời nhắn qua điện thoại của một người khác.

Willet nhìn vào tờ giấy cô thư ký vừa đưa rồi nói với cô:

- Nói với bà Pollard là tôi sẽ tiếp bà sau năm phút nữa. Quay sang tôi, ông ta nói tiếp:
- Ngày mai cô Maureen không tới được. Cô ta có việc đi Mexicô.

Tôi hỏi cô thư ký:

- Ai đã gọi điện lại? - Thưa ông, người gọi không nói tên, chỉ nói phải đưa tin này ngay cho các ngài biết.

Willet bảo cô thư ký: - Được rồi, cô có thể lui ra.

Tôi cũng cầm mũ, đứng lên và nói: - Như vậy, tôi chỉ còn cách phải xuống tàu “Mộng Mơ”.

- Tùy anh thôi. Nhưng phải hết sức thận trọng mới được.

- Ngài cứ yên tâm. - Cũng có thể cô ta ở Mexicô thật thì sao?

Tôi không trả lời, chỉ cười lạt chào ông ta và ra ngoài. Một bà khách người đầy đà, đeo ở cổ chuỗi hạt ngọc, có hạt to như trứng chim bồ câu đang ngồi chờ được Willet tiếp kiến. Tôi đi qua mặt bà ta tới gần bàn cô thư ký tóc bạch kim và nở một nụ cười thật tươi. Cô ta ngẩng đầu lên nhìn vào cái mũ cũ tôi cầm ở tay và bộ quần áo tôi mặc, rồi lại lơ đãng cúi xuống tiếp tục ghi chép.

Tôi tắt nụ cười, đi ra đường, trong lòng thấy hơi buồn cho nhân tình thế thái.

Khi tôi bước vào văn phòng thì Kerman đang biểu diễn cho cô thư ký đánh máy của tôi biết tài tử Gregory Peck hôn các cô đào trên màn ảnh như thế nào. Thấy tôi, anh chàng vội buông cô Trixy ra, cắt hứng, đi theo tôi vào phòng làm việc.

Tôi mở ngăn kéo bàn lấy khẩu 38 cho vào túi rồi bảo Kerman:

- Cậu không thấy Trixy còn trẻ quá hay sao? Vả lại đây là chỗ làm việc.

Kerman bao giờ cũng có kiểu cười toe toét để làm lành.

- Tôi chỉ trao đổi nghệ thuật trong giờ giải lao một lát thôi. Tôi có tin tức mới cho anh đây.
- Lát nữa, ra xe sẽ nói sau. Cậu đi San Franciscô với tôi ngay bây giờ. Có súng trong người chưa?

Trong lúc Kerman đi lấy súng, tôi điện thoại cho Paula:

- Anona thế nào?

- Vẫn thế, Bác sĩ Mansell vừa ở đây về. Ông ta bảo việc chữa chạy cần phải một thời gian dài đấy.

- Bây giờ anh đi San Franciscô cùng Kerman. Nếu ông bố cô ấy nhận con gái về, thì công việc của chúng ta sẽ nhẹ hơn.

- Chúc anh đi may mắn. Sẽ gặp nhau lúc về. Tôi đặt máy xuống, ra gặp Kerman cùng xuống nhà, lên xe và bảo:

- Chiều nay, chúng ta phải làm thế nào để xuống được tàu “Mộng Mơ”.

- Đàng hoàng hay bí mật?

- Bí mật. Có thể phải bơi đến tàu.

- Lát nữa có lẽ tôi phải viết chúc thư để lại, vì vùng đó rất nhiều cá mập.

Tôi mỉm cười, lái xe ra đường Fairview Boulevard, bảo Kerman:

- Có tin mới gì thì nói đi. - Anh phải cầm tay lái cho vững nhé. Vùng này cảnh đẹp, dễ xúc động lòng người thành ra cũng nguy hiểm đấy. Tôi phải đi lung tin cả ngày hôm qua. Anh có biết mẹ Salzer là ai không?

- Không.

- Vợ kế của ông Donald Crosby, mẹ của Maureen.

Tôi suýt đụng vào chiếc camiong đi ngược chiều, vội giảm tốc độ và cho xe chạy né thêm sang phải. Kerman bảo:

- Tôi nói rồi mà. Đi đường này nghe tin giạt gân rất chi là nguy hiểm!

- Nói tiếp đi. Cậu biết thêm được những gì nữa?

- Cách đây hai mươi ba năm, mẹ là bác sĩ chuyên tai - mũi - họng ở San Francisco. Vì chữa cho Janet nên quen và lấy ông Crosby. Cuộc sống chung không thành công, hai người ly dị và mẹ lấy người thứ hai là Salzer. Khi ông Crosby mở văn phòng ở Orchid City, mẹ cũng tới ở cùng khu vực để gần Maureen. Anh thấy thế nào?

- Điều này lý giải được nhiều sự việc. Lẽ dĩ nhiên, mẹ Salzer muốn Maureen hưởng phần lớn gia tài. Nhưng cần gì phải gây ra bao nhiêu án mạng?

- Đúng vậy. Tôi đã hỏi thăm ở Liên đoàn các bác sĩ. Họ cũng giữ kín để bảo vệ cho nhau ghê lắm. Vậy mà tôi cũng biết được hai chuyện: Mẹ ta có lần đã bị hoảng loạn tâm thần khi đang tiến hành một ca phẫu thuật. Một lần khác, mẹ đã làm đứt cổ họng một bệnh nhân.

- Ông Salzer có tiền không?

- Không có tới một đồng!

- Vậy tiền đâu để tậu viện an dưỡng? Dù sao mẹ sẽ không thể ngồi yên được.

Sau khi tìm thấy xác của cô Gurney, tôi sẽ bàn việc này với Mifflin.

Tôi im lặng lái xe được chừng mười phút. Kerman lại nói:

- Lẽ ra mình chỉ việc gọi điện thoại đến chỗ bố cô Freedlander. Như vậy đỡ mất thời giờ.

- Qua điện thoại không thể bàn kĩ vấn đề tình cảm và biết được liệu ông Freedlander có điều kiện nhận con gái về ở với mình để chữa bệnh hay không. Nói chuyện trực tiếp với ông ta vẫn hơn.

Chúng tôi qua cầu Oakland Bay để đi tới California Street.

Căn hộ của gia đình Freedlander ở phía phải, xa ngã tư, trong khu đông dân nghèo, trên lầu năm một cư xá. Kerman theo tôi ạch leo cầu thang vì không có thang máy. Chúng tôi đứng lại thở một lát ở hành lang, rồi đi tới cánh cửa căn hộ mang số hai mươi lăm. Không có chuông, Kerman giơ tay định gõ cửa. Bỗng nghe thấy tiếng “bụp”! Cái tai đã nghe nhiều tiếng nổ của chúng tôi nhận ra ngay đó là tiếng súng có bộ phận giảm thanh. Kerman nói khẽ:

- Tiếng súng?

Tôi vặn nắm cửa. Cửa không khóa. Chúng tôi rón rén vào một phòng khách rộng. Phía cuối có hai cửa đóng của hai phòng kế bên. Tôi lại áp tai vào cánh cửa bên phải, ra hiệu Kerman đứng né vào một bên, rồi mở cửa, đứng sát vào tường. Tôi cúi người nhìn vào bên trong. Dưới sàn, một người nằm sõng sượt, một tay co quắp để trên ngực. Máu chảy thành dòng rỉ qua những kẽ tay. Nạn nhân khoảng sáu chục tuổi. Tôi đoán ngay đây là bố của cô Freedlander. Trong khi tôi quan sát, ông già thở hắt ra một hơi dài rồi bàn tay trên ngực từ từ tuột xuống sàn. Tôi đứng im phán đoán, kẻ sát nhân chưa thể rời khỏi nơi đây. Kerman quỳ xuống bên cạnh cửa ra vào, tay cầm sẵn khẩu súng. Tôi hướng về một cái rèm cửa, quát to:

- Ra đi! Giơ tay lên!

Liền sau đó, một tiếng nổ, viên đạn bay sượt trán tôi. Kerman nâng súng, nổ luôn hai phát, làm rung kính các cửa. Tôi làm hiệu cho Kerman đứng tại chỗ, vén nhanh bức màn ra cửa. Cánh cửa sổ này hơn một mét là một cửa sổ phòng bên. Dưới hai cái khung cửa chỉ có một cái gờ tường nhỏ. Tôi đoán tên sát nhân đã lọt vào cửa sổ kế bên nên đưa chân ra ngoài, đứng lên gờ tường, tìm cách trèo sang cửa sổ phòng bên. Kerman nhìn xuống đường cách cửa sổ chừng ba chục mét, lắc đầu rồi chạy ra ngoài hành lang.

Khi tôi sắp bước được lên khung cửa sổ kế bên thì có một tiếng nổ từ đám đông đứng dưới đường vọng lên. Bụi vôi bắn mù mịt quanh tôi. Tôi bước qua cửa sổ nhảy vội vào phòng và nhìn ngay thấy một bóng người đứng ở đầu giường, tay cầm sẵn súng. Lại một tiếng nổ lớn, cây súng bỗng biến mất. Tên Ý vẫn theo dõi

tôi mấy ngày trước đây, ôm tay loạn choạng chạy ra ngoài hành lang. Hắn định bắn tôi nhưng lại bị trúng đạn của Kerman. Thấy Kerman đuổi theo tôi vội gọi:

- Kerman! Đứng lại! Có cảnh sát ở dưới đường. Họ đang lên đây.

Quả nhiên có tiếng nổ liên thanh lẫn với tiếng hét của một người đàn bà. Có một vật gì đó đổ xuống sàn.

Tôi từng biết cảnh sát San Francisco phản ứng rất mau lẹ khi nghe thấy tiếng súng. Có tiếng quát:

- Đi ra hết ngoài này. Ai còn cầm súng, sẽ bị bắn hạ!

Tôi nói vọng ra:

- Đủ rồi, đủ rồi! Chúng tôi ra đây.

Tên người Ý nằm sấp xuống mặt đất, trên đầu có một vết đạn nhỏ đang rỉ máu.

Tôi bảo viên cảnh sát:

- Trong phòng còn có một xác chết nữa. Chúng tôi đến quá chậm nên không kịp ngăn chặn bọn giết người! Lần sau, xin ngài đừng bắn từ dưới lên thế. Đã biết ai là kẻ gian đầu?

Viên cảnh sát điềm tĩnh trả lời:

- Xin ghi nhận... để lần sau sẽ nghiêm kỷ hơn!

13. Chương 13

Chúng tôi trở lại Orchid City vào quãng năm giờ, sau khi phải đối đáp với cảnh sát trưởng Dunnigan mười lăm phút. Câu chuyện tôi khai với Dunnigan không phải là sai hoàn toàn: ông Freedlander có cô con gái đã bị mất tích hai năm. Cảnh sát điện hỏi phòng ghi nhận những người mất tích, được xác nhận là đúng. Tôi đã bắt gặp cô lang thang ngoài phố, bị mất trí nhớ nên đã trao cho cô thư ký của tôi sản sóc, rồi tới báo cho bố cô ta biết.

Dunnigan hỏi tại sao biết người con gái đó là Freedlander? Tôi trả lời đã đọc tin và coi hình ở tờ báo chuyên về các vụ mất tích nên còn nhớ hình dáng của cô gái.

Dunnigan nhìn tôi, nửa tin nửa ngờ rồi buông một câu: Tôi nghĩ rằng anh nên tìm những việc khác có ích mà làm hơn là đi dặt các cô gái lạc về gia đình!

Tôi kể tiếp khi chúng tôi tới nhà Freedlander, nghe tiếng súng nổ phát hiện ra người bị giết rồi bị tên sát nhân nhằm bắn nên phải chống trả để tự vệ. Tôi trình Dunnigan giấy phép mang súng của tôi và Kerman và khai là không hề biết gì về tên hung thủ, chỉ đoán hắn là tên cướp.

Qua nét mặt của cảnh sát trưởng, tôi biết ông ta không hề tin là tôi hoàn toàn nói thật. Nhưng kéo dài cuộc thẩm vấn, chỉ mất thời giờ cả hai bên, nên cuối cùng Dunnigan đành cho chúng tôi về, chỉ nói thêm:

- Cứ mỗi lần có mặt các anh là thành phố này lại có thêm chuyện rắc rối, phiền nhiễu tới mọi người và cả cho tôi nữa. Tại sao các anh không chịu ở yên một chỗ? Không có các anh, tôi cũng quá đủ việc để làm rồi!

Chúng tôi mỉm cười kiểu ngoan ngoãn, hiền lành và lễ phép, rồi xin cáo lui. Khi xe chạy tới Oakland Bay, Kerman mới nói khẽ:

- Nếu ông ta biết tên này là một trong những tên bất cóc quân gia Stewes thì chắc chắn chúng mình đã bị mất nhiều thời giờ hơn.

- Thế là bây giờ chúng ta lại phải thêm một gánh nặng phải vác: Đó là cô Anona. Lạ thật, trong vụ án này tất cả những ai hơi có liên quan đều lần lượt bị hại. Từ người hầu, lão quân gia, cô y tá ... Tôi có cảm tưởng Anona cũng dính líu vào chuyện này, như vậy có nghĩa là tính mạng cô ấy cũng bị đe dọa. Kerman giật mình:

- Có thể bọn chúng sẽ âm mưu bắt cóc cô ấy chăng?

- Có thể lắm. Chúng ta phải tìm cho cô ấy một chỗ kín đáo. Tôi sẽ đề nghị bác sĩ Mansell để cô ấy nằm tại Bệnh viện tư của ông ta và nhờ một số người canh gác.

Như có linh tính báo trước những điều không hay sắp xảy ra, Tối San Lucac tôi đậu xe lại trước một cửa tiệm. Kerman ngạc nhiên, hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Cần điện thoại cho Paula. Đáng lẽ chúng ta phải lo chuyện này trước khi đi. Tôi như có linh tính báo trước ... - Kerman trấn an tôi:

- Anh giàu tưởng tượng quá đấy thôi!

Tôi vừa định bước vào phòng điện thoại, thì Kerman nắm cánh tay tôi, chỉ một chồng báo ở quầy, nói: “Trông kìa!”.

Ngay trang đầu một tờ báo, có dòng tít lớn:

Vợ bác sĩ Salzer tự sát.

Tôi chạy vội vào phòng điện thoại, miệng bảo Kerman: “Mua đi”.

Tôi quay số của Paula, nghe tiếng chuông reo trong máy nhưng không có ai trả lời. Tôi đứng im, thấy nhói trong tim, ấn sát ống nghe vào tai. Mấy phút trôi qua, vẫn không có người nhấc máy phía bên kia đầu dây. Kerman lại gần, nhìn tôi qua cửa kính. Tôi lắc đầu, đặt máy xuống rồi lại nhấc lên quay số lại. Vẫn thế.

Tôi nhảy bổ ra ngoài, nhảy lên xe. Kerman bảo:

- Nhanh cũng phải một giờ nữa chúng ta mới tới nhà. - Tôi ấn bàn đạp sát xuống sàn xe, nói thầm:

- Không lâu đến thế đâu!

Trong khi lái, Kerman giở tờ báo, cho tôi biết tin tức:

- Sáng nay Salzer đã cho cảnh sát biết tin về cái chết của y tá Quell. Tối trưa, bà vợ Salzer đã tự tử. Không có một câu nào dă động tới hai cô y tá Gurney và Freedlander.

Tôi bảo:

- Mụ Salzer thấy động, biết không thoát được cái tội trạng nên đã mất tinh thần. Nhưng mặc xác bọn chúng. Việc trước tiên của chúng ta bây giờ là: Paula!

Tôi chạy xe với tốc độ một trăm bốn mươi lăm. Suốt chặng đường dài đồng hồ đo cứ quanh quẩn ở con số đó. Một xe tuần hành của cảnh sát giao thông bám đuổi xe chúng tôi một lát rồi bỏ. Chắc họ sẽ báo cho các trạm tiếp theo, tôi rẽ xuống đường tắt vào Orchid City và dừng trước nhà Paula, nhanh hơn dự kiến mười lăm phút. Paula ở lầu ba. Thang máy rì rì lên quá chậm. Chúng tôi nhảy qua cửa phòng thang máy chạy tới trước cửa căn hộ Paula và nhấn chuông. Không có ai mở cửa. Mồ hôi người tôi toát ra như tắm. Tôi bảo Kerman: “Huých”. Cái cửa rất chắc, nhưng hai vai chúng tôi khỏe hơn. Khóa cửa bật tung, Kerman và tôi, sừng trong tay, chạy bổ vào phòng của Paula.

Khăn trải giường và chăn vứt bừa bãi dưới đất. Phòng bên và buồng tắm không có ai: Paula và Anona đã mất tích!

Tôi chạy đến bàn điện thoại gọi về văn phòng. Có tiếng Trixy trả lời từ sáng không thấy Paula tới, cũng không có điện thoại của cô. Chỉ có một người đàn ông, không cho biết tên, đã gọi tới văn phòng hai lần.

Kerman đưa cho tôi một liều thuốc, tôi châm lửa tự nhận thấy tay mình run, và ngồi xuống cạnh giường như người mất hồn. Kerman bảo:

- Phải tới ngay tàu “Mộng Mơ”. Đi gấp mới được!

Tôi gật đầu, xác nhận:

- Nhất định chúng đã đưa Paula xuống tàu. Nhưng phải bình tĩnh mới hành động được. Cậu có thể nghĩ rằng mình xuống tàu như thế này, giữa ban ngày hay sao?

Kerman vùng tay:

- Tôi đi ngay đây. Nếu chờ, sẽ muộn mất!

- Thôi, cậu kiểm cái gì uống đi, rồi ra đây, chúng ta bàn với nhau một lát. - Kerman vào phòng bếp mang ra một chai Scôt, một xô nước đá và hai ly, chờ Kerman ngồi xuống tôi mới nói:

- Nếu bọn chúng định hại Paula thì chúng đã làm rồi. Mà nếu chưa hành động được, khi bọn ta tới, chúng lại càng phải làm gấp. Bởi vậy, chúng ta buộc phải chờ đến tối.

Kerman không trả lời, nốc cạn ly rượu. Chúng tôi còn phải ngồi như thế này để nhìn sàn nhà trong bốn giờ nữa.

Tối sáu rưỡi, cái gạt thuốc lá đầy tàn. Bỗng có tiếng chuông điện thoại. Tôi tới nhắc ống nghe. Có tiếng đàn ông hỏi:

- Malloy phải không?

- Đúng.

- Sherrill đây! Cô Paula của anh hiện đang ở dưới tàu.

Giọng nói của hắn nhẹ nhàng, thăm thì.

- Tôi biết rồi.

- Anh nên tới đón cô ta về, vào quãng chín giờ. Đừng tới sớm hơn. Một cái thuyền máy sẽ đợi anh ở bờ. Anh phải đi một mình và không được báo cho ai biết, nếu không cô ta sẽ bị xử trí và quẳng xuống nước. Anh hiểu chứ?

Tôi trả lời: “Rất hiểu” rồi buông máy. II Trung úy cảnh sát Bradley ở “Phòng chuyên về các vụ mất tích” đã đứng tuổi, hơi phệ, nét mặt đượm vẻ mệt mỏi của những người đã ngồi một thời gian quá lâu ở văn phòng. Suốt ngày kể cả đêm ông thường nhận toàn những cú điện thoại khẩn cấp báo tin người này, người nọ tự nhiên mất tăm hơi và người gọi điện cùng họ hàng gia quyến chỉ còn biết mong chờ vào khả năng của Sở cảnh sát để tìm thấy vết tích người thân của họ. Nhiệm vụ không dễ dàng gì. Nhiều khi chỉ là một người chồng hay người vợ, quá ngán ngẩm cảnh gia đình, muốn vỗ cánh tung bay cho nhẹ nợ. Trước khi đi, họ đã nghĩ chán tới vấn đề đi đâu, ở đâu để khó có ai tìm thấy được. Nếu bây giờ người ta trả cho tôi lương cao hơn Bradley và trao cho tôi chức vụ của ông, chắc tôi cũng xin kiếu. Nhìn thấy ánh đèn qua tấm kính mờ của phòng Bradley, tôi gõ cửa rồi bước vào sau khi nghe thấy tiếng mời có vẻ nồng nhiệt và lịch thiệp. Nhưng vừa nhìn thấy tôi, Bradley đã sùng sộ:

- Thôi, cút đi! Đang bù đầu lên đây này. Không có thì giờ nghe cậu kể con cà con kê đầu đuôi nhé!

Tôi đóng cửa lại, rồi đứng tựa lưng vào tường nói:

- Tôi cần được anh giúp đỡ. Tôi đang vội đây. Có được không hay tôi lại đành phải đi gặp Brandon vậy?

Đôi mắt màu xám của ông ta ánh lên vẻ thông minh và giễu cợt.

- Này, làm gì mà quan trọng thế? Cần gì nào?

- Đơn giản thôi. Tôi muốn có những tài liệu chi tiết về cô Anona Freedlander mất tích ngày 15 tháng năm, cách đây hai năm, khi còn làm y tá trong viện an dưỡng của bác sĩ Salzer. - Đôi lông mày chổi xể của ông trợn lên nhìn tôi:

- Vừa rồi cũng có một người tới yêu cầu tôi cho coi hồ sơ của con bé này. Lạ thật, để mục đấy thì không sao, tới ngày linh ứng rồi xếp hàng theo đuôi nhau, đòi xem!

- Ai đã tới đây vậy?

- Việc đó không can gì tới anh. Ngồi xuống đi.

Tôi vừa ngồi xuống thì một nhân viên lại gần bàn. Brandley bảo:

- Lấy lại cho tôi tập hồ sơ về cô Freedlander. Mau lên, anh chàng này đang vội. - Người viên chức đi ra, Brandley châm thuốc hút và hỏi tôi:

- Cậu vẫn cắm mũi vào công việc của gia đình Crosby đấy à?

- Vâng, - tôi trả lời ngắn gọn. Ông ta lắc đầu bảo:

- Bọn trẻ các anh lắm chuyện lắm. Nghe nói anh đã bị bọn Mac Graw lại thăm. Không ngại à?

- Không. Ông ta đang suy nghĩ về trạng thái nói năng hà tiện của tôi, nên tôi đành phải ra một câu hỏi có lời văn hơi dài một chút.

- Ông đã được báo tin về vụ cô y tá Gurney mất tích chưa? Cô ta làm cho bác sĩ Salzer.

- Chưa. Một cô y tá của Salzer à? - Đúng vậy. Một cô gái đẹp. Nhưng ở tuổi ngoài, chắc ngài chẳng quan tâm.

Brandley đang lờ mờ tôi, không dám đính chính rằng tôi nói sai, thì tôi lại tiếp:

- Vả lại, bây giờ cô ta đã chết và bị bà Salzer vứt xác ở khu đồi cát.

- Ai báo cho biết?

- Một mục thầy bói!

Brandley châm lửa vào píp thuốc, thở dài bảo:

- Các anh chúa là rắc rối. Đáng lẽ việc này phải báo cho Phòng hình sự. Nhưng được rồi, để đấy.

- Tôi báo cho ông để ông là người đầu tiên có thể nêu vấn đề trong Sở: “Tại sao bà Salzer tự tử”. Hai việc có liên quan với nhau đấy. - Nhân viên giữ hồ sơ mang một cặp giấy vào. Brandley mở các dây buộc. Bên trong hai tấm bìa dày là một tờ giấy trắng tinh. Mặt Brandley đỏ bừng lên như người nghẹt thở. Ông ta nhấn chuông trên bàn. Nhân viên hồ sơ vội quay lại, đứng nghiêm, miệng há hốc nghe sếp chỉ vào tập hồ sơ, hỏi:

- Thế này là thế nào?

- Thưa sếp, tôi không biết. Vừa rồi tôi đã nhận lại tập hồ sơ này từ bàn của sếp, buộc dây kỹ càng như vừa rồi.

- Thôi, ra đi!

Khi anh nhân viên ra rồi, Brandley buồn rầu bảo tôi:

- Việc tuy nhỏ, nhưng nếu ở trên biết cũng có thể bị mất chức. Đúng là thằng buổi sáng nay đã lấy rồi thay vào đây mấy tờ giấy trắng. - Tôi suy nghĩ một lát rồi bảo:

- Thằng đó cao, da sạm, điển trai kiểu tài tử xê-nê phải không?

- Anh quen nó hay sao?

- Không, nhưng tôi đã gặp nó. Tôi sẽ mang tập hồ sơ về cho ông.

- Anh lấy ở đâu?

Tôi đứng dậy bảo:

- Tôi hẹn ông tới chín giờ sáng mai là cùng. Hoặc tôi lấy được cho ông tập hồ sơ về, hoặc là cái thằng điển trai ấy. Tôi đang muốn điều tra một vụ nhưng lại không muốn cho Brandon biết. Ông đừng thông báo với việc mất tập hồ sơ này.

- Thế là thế nào?

- Thế là tôi sẽ tìm thấy nó. Xin chào ông.

Brandley định giữ tôi lại. Nhưng tôi vội ra xe, anh chàng Kerman đang chờ tôi. III Chúng tôi gồm bốn người đang ngồi tận cuối phòng của tiệm uống Delmonico: Mike Finnegan, Kerman, tôi và một anh chàng người

nhỏ bé, đôi mắt có vẻ sợ sệt, đội cái mũ cà tàng màu đen. Quần và áo sơ mi của anh đều có màu trắng loại cần-giặt-ngay.

Tên anh chàng là Joe Dexter, chuyên kéo tàu thuyền vào bến và mang đồ tiếp tế cho các tàu thuyền neo ở xa bờ. Finnegan giới thiệu với tôi Dexter là bạn thân, nhưng xét thái độ của anh ta, tôi dự đoán có thể anh ta là chỗ thân tiền hơn thân tình.

Nghe dự tính của chúng tôi nhờ anh giúp đỡ xong, anh trở mặt nhìn tôi như thể tôi là thằng điên và bảo:

- Thưa ông, rất tiếc là tôi không làm được việc này. Vì nếu làm thế thì các mối lợi làm ăn của tôi sẽ bay hết lên trời mất! - Anh ta quay lại Finnegan, khẩn khoản:

- Quả thật là khó quá. Tàu “Mộng Mơ” là mối làm ăn béo bở nhất của tôi.

Tôi cố giải thích cho anh ta rõ:

- Con tàu đó không sống được bao lâu nữa đâu. Giúp chúng tôi vụ này, anh kiếm được một trăm đô la thật dễ dàng.

Dexter cãi ngay:

- Một trăm đô la thì nước gì! Hàng tháng tôi vẫn nhận được đều của Sherrill một món tiền lớn hơn thế. - Tôi cố năn nỉ:

- Anh Dexter này. Công việc của anh chỉ là giao hàng như thường lệ. Trong số hàng có thùng thức ăn đó, thế thôi, có gì đâu.

- Nhưng trong thùng hàng lại có ông ngồi trong đó. Ông thừa biết không ai được lên tàu ngoài tổ chức của họ. Nhất định họ sẽ phát hiện ra ông. Thế là tôi mất việc, hơn nữa Sherrill dám cho thủ hạ, diệt tôi đi, không biết chừng. Thôi, tôi xin chịu đấy.

Tôi với chai rượu, rót đầy bốn ly và liếc nhìn đồng hồ. Đã bảy giờ rưỡi. Mike đổi giọng:

- Nghe đây Joe. Tay này cũng là bạn của tớ. Hắn đã muốn lên tàu thì rồi thế nào hắn cũng lên được. Còn sự tính toán sợ hãi của cậu ấy mà, đâu phải chỉ có Sherrill mới đáng sợ. Cậu mà không giúp chúng tớ, thì rồi cũng phiền cho cậu đấy.

Kerman rút ngay khẩu súng để lên bàn, bảo:

- Nay, Mike không khuyên bảo được cậu thì tới lượt tớ.

Dexter liếc nhìn khẩu Colt rồi quay lại Mike giọng nói yếu ớt.

- Các anh có quyền gì mà đe dọa tôi?

Kerman vẫn ra vẻ căng:

- Chẳng có quyền gì cả. Nhưng tôi chỉ cho anh mười giây để suy nghĩ. - Tôi làm bộ can thiệp:

- Thôi, không nên đối xử với nhau như thế làm gì. Tôi rút túi lấy ra một xấp bạc, đếm mười tờ mười đô la để ra bàn, đẩy về phía Dexter và tiếp:

- Cầm lấy đi. Nên nhớ Sherrill sắp hết đời rồi. Từ nay tới sáng mai là cùng, bọn chúng tớ sẽ tới đón hắn vào khám. Cậu nên tranh thủ dịp may này đi.

Dexter do dự một lát rồi cầm tiền lên, nói với Finnegan:

- Thế này là tôi chiều anh hết sức rồi đấy.

Chúng tôi cạ ly, cùng đứng dậy đi ra cảng. Tối nay trời tĩnh và ẩm, mây thấp. Phía xa, tàu “Mộng Mơ” lấp lánh ánh đèn. Bốn người nối gót nhau đi về phía nhà kho của Dexter.

Căn nhà sơ sài nhưng cao rộng chất đầy thùng gỗ, dây thừng, các kiện hàng bọc trong giấy nhựa. Giữa kho có một thùng gỗ lớn. Dexter buồn rầu, bảo:

- Nó đấy.

Tôi yêu cầu Dexter cho mượn kim búa. Trong khi Dexter đi ra, Kerman hỏi:

- Anh có chắc đây là cách tốt nhất không?

Tôi gật đầu:

- Bằng cách này, tớ lên tàu trước giờ hẹn một nửa giờ. Trong nửa giờ đó, tớ có thể làm được khối việc để đón các cậu đúng giờ quy định. Sau đó, mỗi người tùy cơ ứng biến.

Dexter mang các dụng cụ lại, tôi bảo:

- Đừng đóng chặt quá để lúc cần, tôi ra được dễ dàng.

Mike bảo Dexter:

- Bây giờ anh cứ ngồi kia. Để tụi này làm hết cho. Trong lúc nói, Finnegan đứng che mặt Dexter để Kerman nhanh nhẹn đặt khẩu tiểu liên Sten vào thùng trước khi tôi chui vào. Kerman nói:

- Anh có muốn tôi đi cùng không? Hay sợ chật?

Tôi bảo.

- Đúng chín giờ, cậu với Mike đến chỗ hẹn. Nếu bọn Sherrill có nhiều người, để chúng khỏi nghi ngờ, cậu cứ lên tàu một mình. Cũng phải để ý Dexter. Nếu hắn có ý phản, để lộ chuyện thì phải liệu mà xử thôi. - Khi Kerman đóng thùng lại, tôi phải ngồi xổm, đầu cúi xuống, cầm tựa vào hai đầu gối, cố thở không khí qua các khe hở. Tôi mong, lúc cần thiết chỉ mất độ một phút để chui ra.

Kerman đóng mấy cái đinh cuối cùng, rồi ba người dùng xe nâng đưa tôi ra cảng, đưa xuống chiếc canô của Dexter. Chỉ có đoạn đường nhỏ như vậy mà người tôi đã ê ẩm.

Máy tàu bắt đầu nổ, đưa chiếc canô ra xa bờ. Gió lạnh thổi qua khe, tôi bị lắc lư theo cái thùng nên thấy người hơi nôn nao. Mấy phút trôi qua, Mike thì thầm báo cho tôi biết sắp ghé vào sườn tàu “Mộng Mơ”.

Có tiếng la hét ở trên boong tàu lớn, tiếp theo những lời trao đổi tục tĩu phản đối giờ giấc giao hàng vào thời gian không thuận tiện. Dexter lấy cớ hôm sau phải đi thăm người anh bị bệnh nên cuối cùng cái thùng cũng được trục lên.

Lát sau, tôi cảm thấy đang ở thế lửng lơ trên không và thầm mong giây phút “hạ thùng” được an toàn. Tôi lo như vậy không phải là thừa vì ngay sau đó, tôi có cảm giác ném mạnh xuống đất, lặn long lóc một vòng. Khi ngừng lại, tôi vui mừng thấy cột sống vẫn còn nguyên vẹn.

Lại có tiếng người nặng lời với Dexter - chắc là tên điều khiển cần cẩu - sau đó là cửa đóng mạnh. Tôi đã nằm trong kho tàu một mình. Tôi áp tai vào thùng nghe ngóng. Không có một tiếng động. Cảm thấy an toàn, tôi luồn thanh sắt nhỏ dính vào nắp thùng. Chưa đầy một phút, tôi đã ra được bên ngoài. Kho tàu “Mộng Mơ” tối như mực. Tôi lấy đèn bấm ra soi chung quanh. Kho đầy thức ăn, thùng rượu và bia. Cuối kho có một cánh cửa dẫn lên một hành lang hẹp, có đèn sáng.

Tôi cầm sát khẩu tiểu liên vào người. Trong lúc bàn kế để lên được tàu tôi không muốn mang theo vũ khí, nhưng Kerman nhất định thuyết phục tôi mang theo khẩu súng này. Anh chàng đảm bảo nó có thể giúp tôi bắt cả nửa số nhân viên trên tàu đứng im theo lệnh tôi. Tôi cũng không tin tưởng lắm, nên mang nó theo, chủ yếu là chiều theo ý của Kerman hơn là để tự vệ.

Tôi bắt đầu di chuyển thận trọng, dọc theo hành lang tàu để tới chân một cái thang sắt. Chắc cái thang này sẽ đưa tôi lên trên boong tàu. Mới trèo lên được nửa chừng, tôi vội ngưng lại. Trên đầu tôi, nghĩa là phía trên thang, có hai cái chân, rồi đến hai cái cẳng trong hai ống quần rộng bằng vải trắng. Chỉ một giây sau đó, tay thủy thủ nhìn thấy tôi, hốt hoảng há hốc miệng. Tôi dí miệng súng về phía bụng hắn. Hắn nhanh nhẹn giơ hai tay lên trời. Tôi nói khề qua kẻ rằng:

- Nếu mi kêu một tiếng, ta sẽ cho cả bằng này vào bụng đấy. Quay lại! - Hắn ngoan ngoãn nghe theo. Tôi bước lên thêm mấy bậc, lấy miệng súng đánh vào gáy hắn rồi nhanh tay, đỡ hắn cho trượt nhẹ nhàng xuống dưới sàn. Có thể mà người tôi đã đầm mồ hôi, lại còn phải kéo hắn vào một cabin ở gần đây để giấu nữa.

Tôi vội vàng đổi quần áo của hắn cho mình. May mắn hắn cũng to ngang và cao bằng tôi. Đầu hắn hơi to hơn đầu tôi một chút nên cái mũ lính thủy hơi rộng. Tuy vậy cái lưỡi trai lại có tác dụng để che giấu nét mặt người đội trong bóng tối.

Tôi quần tay thủy thủ vào khăn trải giường, lấy dây lưng trói lại, dùng thêm một sợi dây thừng nhặt được dưới sàn kéo hắn lên tầng trên của chiếc giường hai tầng rồi để lại khẩu tiểu liên, chỉ giắt vào túi khẩu súng ngắn.

Tôi tắt đèn trong cabin rồi nhẹ nhàng ra ngoài, khóa cửa lại.

Đồng hồ chỉ tám giờ hai mươi lăm. Tôi còn ba mươi lăm phút nữa để hành động trước khi đón Kerman lên tàu.

14. Chương 14

Tôi đứng dưới một mái che, ngắm toàn bộ phần trên mặt của con tàu. Dưới cánh buồm lớn sơn màu đỏ và kem đang phấp phồng trong làn gió nhẹ, boong tàu được trang trí hàng trăm ngọn đèn xanh đỏ như những hạt ngọc lỏng lách trong đêm khuya. Hai bên cầu tàu phần trên, những ngọn đèn nông uốn cong theo hình cửa cho biết lối vào của cầu lạc bộ. Mỗi bên cửa có một thủy thủ mặc đồ trắng đứng canh gác. Hai người đàn ông mặc lễ phục màu đen đi kèm một phụ nữ trong bộ y phục buổi chiều, vừa từ canô bước lên, được các thủy thủ đứng chào trang trọng. Họ đi qua cầu vào trong phòng rượu. Qua những cửa sổ hình tò vò, bóng các cặp nam nữ đang khiêu vũ trong âm thanh du dương của tiếng kèn sắc xô và nhịp điệu của bộ trống, luôn thay đổi theo màu sắc ánh đèn.

Ở cầu tàu, trên chỗ tôi đứng có ba bóng người đang tựa lan can nhìn xuống nước, theo dõi các khách mới tới. Thấy không có ai để ý, tôi bước ra khỏi bóng tối lại gần một chiếc canô cấp cứu nằm ở bên sườn tàu, ước đoán khoảng cách giữa sàn tàu và canô. Những giọng nói ở cầu tàu trên vọng xuống.

- Họ tới từng đám một. Tối nay nhộn nhịp lắm đấy.

- Ừ... nhìn coi, cô gái mặc áo đỏ kia, thân hình thật bốc lửa. - Tôi không để ý tới những lời họ trao đổi nữa, mở cánh cửa ở gần chỗ đứng. Thấy có một cầu thang bên trong, tôi liền vào đi xuống tầng dưới. Có ba cô gái cùng ba người đàn ông vừa lên tàu. Một cô quá say đi không vững. Họ dìu nhau lên cầu trên, vào phòng uống rượu. Qua sân boong rộng rãi và yên tĩnh, dưới ánh trăng, tôi bỗng để ý tới ánh sáng của ngọn đèn trong một cabin chiếu ra qua một ổ kính nhỏ. Toàn cảnh nhìn giống như một vết rượu nhỏ trên chiếc áo cưới trắng của cô dâu ngày hôn lễ. Ánh sáng màu rượu đỏ tự nhiên thu hút tôi đi tới.

Tôi đi nhẹ nhàng, từng bước chậm. Được nửa đường tôi phải ngừng lại, tựa mình vào lan can tàu. Một bóng người mặc áo trắng tiến thẳng lại chỗ tôi đứng. Tôi đã cho tay vào túi nắm chặt khẩu súng. May mắn thay người đó đi thẳng tới cầu thang lên tầng trên. Tôi tới ô cửa kính, nhìn vào trong và muốn kêu lên vì sung sướng. Paula đang ngồi đọc báo trên chiếc ghế bành. Nàng có dáng một cô gái nhỏ lạc gia đình, nét mặt ưu tư nhưng thật đẹp. Tôi có linh tính tìm thấy nàng ở chỗ này vì cả tàu không có nơi nào nhiều cabin có thể giam giữ người như phần này. Nhưng tôi không ngờ lại tìm thấy nàng nhanh như vậy.

Tôi đi vòng lại phía cửa cabin. Cánh cửa bị chốt bên ngoài. Tôi kéo chốt, vặn nắm cửa mở ra. Không khí trong cabin nóng và ngọt ngào ùa vào mặt tôi.

Paula giật mình khi thấy tôi. Thoạt đầu cô không nhận ra tôi trong bộ đồ thủy thủ. Một phút sau, cô mới tựa lưng vào ghế ngã đầu ra phía sau mà cười. Thái độ vui mừng của Paula làm tôi quên hết mọi sự nguy hiểm và nhọc nhằn vừa trải qua. Tôi hỏi nàng:

- Em khỏe không?

Nếu Paula không có vẻ can trường và bình tĩnh như thế, nhất định tôi đã ôm hôn nàng rồi. Cô bảo:

- Em vẫn khỏe. Anh vất vả lắm mới tới đây được, phải không? - Cô cố giữ giọng nói bình thường mà nó vẫn hơi run run. Tôi bảo:

- Ừ, em coi đây, anh đã cố gắng xoay sở và đã thành công. Hiện nay, bọn chúng vẫn chưa biết anh lên được trên tàu. Tối chín giờ Kerman và Mike sẽ tới đây. Có lẽ chúng mình phải bơi tay vào bờ mất.

Paula thở một hơi dài rồi đứng ngay dậy, bảo:

- Em biết là thế nào anh cũng tới. Vic...

Tôi tưởng cô sắp để mình trôi theo đà tình cảm, nhưng cô đã chững lại:

- Lẽ ra anh không nên tới một mình như thế này. Tại sao không phối hợp với cảnh sát?

- Hy vọng gì họ ủng hộ chúng ta. Anona đâu?

- Em không biết, nhưng nghĩ rằng hiện giờ cô ta không ở đây. - Không khí trong cabin mỗi lúc một nóng thêm. Tôi bảo:

- Việc gì đã xảy ra với em vậy?

- Nghe có tiếng gõ cửa, em nghĩ là anh, nên ra mở. Bốn tên có màu da hơi sẫm ủa vào. Hai tên vào phòng Anona, em nghe thấy tiếng cô ta la hét. Hai tên bắt em đi theo, đưa thẳng tới đây. Chúng giơ dao ra dọa, em nhận thấy chúng sẽ không ngần ngại gì, nếu em chống cự. Khi bị chúng đẩy ra đường, lên một chiếc xe chờ sẵn, em nhìn thấy một chiếc Rolls màu đen, lớn cũng đậu ngay trước cửa nhà. Một đứa vác cô ấy trên vai, tống vào chiếc Rolls. Tất cả xảy ra giữa ban ngày trước mắt nhiều người mà không ai dám can thiệp. Bọn ở đây dọa em, nếu kêu to chúng sẽ cắt cổ. Chúng đều là một lũ dã man.

- Anh đã biết rõ bọn chúng rồi. Chiếc Rolls là xe của Maureen. Như vậy thì chúng đã mang Anona về căn nhà của cô ấy trên vực đá rồi.

Tôi suy nghĩ một lát rồi bảo:

- Anh muốn tìm hiểu tàu này trước khi chúng mình lên bờ tìm Maureen. Em cùng đi với anh có được không?

- Nếu không thấy em ở đây, bọn chúng sẽ báo động. Tốt nhất là cứ để em ngồi đây cho tới phút cuối. Cẩn thận nhé, Vic!

Tôi do dự không biết có nên cùng Paula thoát khỏi tàu ngay hay đi tìm thêm tung tích của Maureen và Anona. Không khí trong cabin nóng quá, tôi nói với Paula:

- Nếu không tìm thấy họ ở các cabin tầng dưới, thì chúng ta sẽ rời tàu ngay. - Tôi lấy khăn tay, lau mặt - Không biết có phải anh bị cảm không, nóng quá.

- Không phải đâu. Từ lúc này, cabin cứ nóng dần lên như vậy đấy.

- Có lẽ chúng đốt lò sưởi ở phần này. Em chịu khó chờ anh độ mười phút.

- Được rồi, anh đi đi. Thận trọng nhé.

Tôi đập khê vào cánh tay Paula, gạt đầu cười để cô an tâm rồi mở cửa đi ra phía sau tàu. Mới đi được mấy bước tôi đã giật bắn mình vì tiếng quát.

- Làm gì ở đây thế, đồ chó chết!

Một người thấp nhưng to ngang ra khỏi bóng tối. Cả tôi lẫn hắn, đều không ai nhìn thấy mặt nhau vì cái lưới trai ở mũ in bóng xuống mặt.

- Ta nhắc lại bao nhiêu lần là không đưa nào được lãng vãng tới cầu này. Mà không nhớ sao?

Hắn vừa quát vừa đi thẳng lại chỗ tôi. Như có linh tính tôi vừa kịp nghiêng đầu thì hắn đâm một cú về phía tôi. Trước khi hắn thu tay lại, tôi đã dồn hết sức, tống cho hắn một quả vào giữa bụng. Không để hắn kịp thở, tôi cho hắn xơi luôn một cú nữa giữa hàm làm hắn khụy gối, lăn xuống đất. Tôi kéo hắn về phía cabin của Paula, mở cửa và nói:

- Anh vừa đâm sầm vào hắn!

Paula mở một cái tủ, bảo:

- Cho hắn vào đây. Để em canh cho, không sợ nó bị chết ngạt đâu.

Trong tủ còn nóng hơn ở ngoài nhiều, làm Paula nghi ngờ:

- Lạ quá. Sàn cũng rất nóng. Hay là cháy ở tầng dưới?

Tôi đặt tay xuống thăm, mở cửa rồi sờ tay xuống sàn.

- Đúng rồi. Có lẽ cháy dưới hầm tàu. Tôi nắm tay Paula, cùng chạy lên trên bảo:

- Thôi, không cần ở lại nữa. Đi theo anh, chúng ta quan sát tàu một chút rồi cùng nhau lên tầng trên.

Đồng hồ tôi chỉ chín giờ kém năm. Còn năm phút nữa là Kerman sẽ có mặt trên tàu. Paula bảo:

- Nên báo động cho mọi người biết. Trên tàu đông người lắm.

- Lát nữa!

Ở phía cuối boong có một cánh cửa. Tôi lại gần, áp tai vào tường ngăn bằng gỗ. Thấy im lặng. Cửa không khóa, tôi đẩy cửa bước vào. Nhiệt độ trong phòng như một cái lò. Phòng này rộng, sáng, đồ đạc và trang trí bên trong sang trọng, nửa là bàn giấy, nửa là phòng khách, có hai cửa sổ một trông lên bờ, một về phía Thái Bình Dương. Một ngọn đèn tỏa ánh sáng êm dịu xuống mặt bàn. Phần còn lại của gian phòng chìm trong bóng tối. Có tiếng nhạc của một cái loa ẩn trong vách trên cao. Tôi cầm lăm lăm khẩu súng trong tay. Paula bước qua cửa sổ theo tôi. Chúng tôi đều nhận xét thấy trong phòng có mùi khét làm cả hai khó thở. Hình như lớp sơn quét trên tường đang chảy thành dòng xuống dưới sàn. Tôi lại gần cái bàn, cúi xuống nhìn tấm thảm bốc khói, rồi quay lại bảo Paula:

- Thôi, đừng vào nữa. Có lẽ lửa đang cháy ở phía dưới chân chúng ta rồi. Sàn phòng này có thể sập xuống bất cứ lúc nào. Chắc đây là bàn làm việc của Sherrill.

Tôi rút ngăn kéo bàn, lục các giấy tờ xem có gì quan trọng không, chợt bỗng để ý tới một phong bì lớn đề tên: Anona Freedlander. Tôi gấp lại, bỏ vội vào túi rồi giục Paula:

- Thôi, ra đi em!

Nhưng Paula chỉ vào sau bàn, nói:

- Vic! Coi kia, đằng sau bàn!

Tôi quay lại, thấy một khối màu trắng, một người đàn ông, nằm ngửa, dang tay ra trên sàn nhà nóng bỏng. Tôi bấm đèn vào mặt người đó làm Paula không ngăn được tiếng kêu vì ngạc nhiên và sợ hãi. Tôi nói nhỏ:

- Sherrill!

Sherrill bị bắn vào đầu. Viên đạn bắn gần nên một phần sọ bị vỡ trông thật khủng khiếp.

Khi tôi vừa cúi xuống nhìn thì thể hấn, thì hai ngọn lửa như hai cái lưỡi rắn từ khe sàn vọt lên, liếm vào bộ mặt của người chết. Gã người Ý bé nhỏ đứng ngay ở trước cửa ra vào để đón tôi với nụ cười hiểm độc. Nòng khẩu tự động chĩa thẳng vào ngực tôi. Gã chìa tay ra, bảo:

- Đưa đây, cái gì mà vừa cho vào túi đó, mau lên! Tôi còn cầm súng trong tay nhưng biết chắc chắn rằng gã không để cho tôi đủ thời giờ để nâng súng lên và ngắm bắn. Tôi dùng tay trái đưa cho gã túi hồ sơ về Anona Freedlander. Đôi mắt gã ánh lên sự thích thú độc ác, ngón tay trở của gã đặt lên cò súng đang co lại để bóp cò. Tôi cảm nhận rõ ràng các sự việc đó, thoáng trong một giây đồng hồ trước khi chết.

Nhưng không. Một cái ghế bồng bay ngang phòng làm cho gã phải nhìn theo. Súng gã vẫn nổ ngay lúc đó nhưng chỉ sát gần da cổ tôi. Còn viên đạn từ khẩu súng của tôi bắn ra lại găm vào ngực gã. Chính Paula đã quăng cái ghế kịp thời để cho tôi có thể chuyển bại thành thắng trong khoảnh khắc. Gã đổ người xuống, nét mặt nhăn lại vì đau. Tôi bảo:

- Ra mau, Paula!

Paula còn cúi xuống, nhặt khẩu súng của tên Ý rồi mới chạy ra cửa. Tôi chạy theo cô, thấy sàn rung lên theo mỗi bước chân. Khi tôi ra khỏi cửa thì đồ đạc trong phòng bắt đầu bốc cháy và tụt xuống tầng dưới, lửa đỏ như một cái lò nung. Paula nắm cánh tay tôi và cùng chạy lên trên boong tàu.

Có kẻ nổ súng vào chúng tôi, nhưng viên đạn chỉ làm vỡ ô kính ở cánh cửa một cabin. Lại có một tiếng súng nữa. Tôi đành phải dừng lại quan sát vì bộ đồ thủy thủ trắng của tôi chẳng khác gì một tấm bia di động

để các tay xạ thủ tập bắn. Nhận thấy có bóng người núp trong bóng tối, tôi nã luôn hai phát. Phải nhận rằng lúc nào tôi cũng gặp may. Phát súng thứ hai đã trúng kẻ định hại chúng tôi. Hấn loạn choạng bước ra từ bóng tối rồi nằm vật ra sàn.

Chúng tôi tiếp tục chạy. Lúc này ở tầng dưới mọi chỗ đều nóng bỏng khiến chúng tôi không dám nắm vào tay vịn cầu thang đi lên tầng trên. Buổi dạ hội đêm nay thật sự là náo nhiệt. Tiếng la hét kêu cứu lẫn với tiếng gió lửa và kính vỡ tạo thành những âm thanh khác hẳn tiếng kèn sắc xô vừa rên rỉ lúc nào. Các vị khách đặc biệt của tàu trong những bộ quần áo dạ hội giơ tay, giơ chân hò hét như những kẻ mất trí. Ba, bốn sĩ quan chỉ huy tàu ra sức vãn hồi trật tự nhưng chỉ mất công toi. Tôi bảo Paula:

- Kerman sắp tới rồi. Hãy đi sát bên anh. Chúng mình phải cố tới được cái thang bên sườn tàu.

Chúng tôi phải chen lấn để lấy đường đi giữa một đám người hoảng loạn. Một người đàn ông bỗng túm lấy Paula, đẩy cô ra xa rồi túm lấy áo tôi. Chẳng có nguyên nhân gì cả. Tôi đành phải tặng ông ta một cú đấm để thoát thân. Lại một cô gái, váy, áo rách toạc thành hai mảnh ôm lấy cổ tôi mà hét. Mùi ụytki từ miệng cô ta phả vào mũi tôi. Paula phải hết sức mới giằng được cô gái ra và tát cô mấy cái thật mạnh cho cô tỉnh.

Bỗng có tiếng gọi:

- Ê, Vic!

Tiếng của Kerman cất lên giữa cảnh náo loạn. Tôi đẩy Paula về phía trước trong khi chiếc áo rách của cô vẫn mắc lại phía sau. Cuối cùng, cả hai người chúng tôi cũng tới được chỗ Kerman. Cậu ta hét to:

- Anh buộc phải nổi lửa, hả?

- Canô của cậu đâu?

Kerman giơ tay chỉ cho tôi một chiếc canô đang bập bênh trên sóng, cạnh sườn tàu “Mộng Mơ”, đỡ Paula trèo qua lan can, rồi thả một thang dây từ chỗ đứng xuống canô. Paula nhanh nhẹn trèo xuống như một con mèo biển.

Bỗng anh chàng kêu to:

- Trời ơi! Bỏ tôi ra nào, không được, đây chỉ có mấy chỗ dành cho cuộc họp gia đình thôi!

Một phụ nữ đang lặn xả vào ôm lấy chân Kerman, khiến anh chàng không làm thế nào rút được ra. Tôi đã nhảy được xuống canô cùng Paula, nói vọng lên:

- Cậu vẫn khoái những cuộc gặp gỡ bất ngờ mà. Mang bà ta theo luôn đi! - Nhưng không biết bằng cách nào, Kerman đã tuột được xuống canô theo cái thang dây nhanh đến nỗi, thiếu chút nữa là hất tôi xuống nước.

Kerman cho canô chạy vào bờ. Tôi ngoảnh lại nhìn khói và lửa bắt đầu bốc mạnh lên từ con tàu “Mộng Mơ” bảo:

- Không biết con tàu này được bảo hiểm bao nhiêu?

- Anh đốt tàu này, hả?

- Không, ngốc ạ. Có kẻ đã bắn chết Sherrill và đốt tàu. Nếu tôi và Paula không nhìn thấy thì sẽ chẳng ai biết việc này.

- Rồi đây, nhất định đám tang của hắn sẽ rất tốn kém.

- Cũng tùy vào số tiền bảo hiểm con tàu. Tôi rút tập hồ sơ của Anona Freedlander ở trong túi ra. Kerman đưa cho tôi cái đèn pin. Mới nhìn thấy trang đầu, tôi đã há to miệng ra và sững sờ. Kerman hỏi tôi:

- Sao thế?

Paula thì hỏi:

- Sau đây, chúng ta phải làm gì?

Tôi trả lời Paula:

- Anh và Kerman phải đi tìm Anona ngay. Em hãy tới báo tin cho Mifflin và nói sao để ông ta tới ngay căn nhà của Maureen bên vực đá. Màn kịch sẽ hạ ngay tối hôm nay. - Paula hỏi tôi:

- Anh đi báo cho Mifflin có tiện hơn không? - Không kịp. Vì hiện nay, nếu Anona ở trong nhà Maureen thì tính mạng cô ta đang bị đe dọa.

Kerman hỏi:

- Tại sao?

Tôi giờ tập hồ sơ lên báo:

- Có thể mà Mifflin cũng không phát hiện ra và cho mình biết. Anona bị ăng-đô-các-đít từ hơn năm nay rồi!

Kerman lại hỏi:

- Anona cũng bị bệnh tim giống Janet à?

- Hãy nghe tớ đọc các tài liệu trong hồ sơ Anona đây: cao một mét năm mươi, tóc nâu sẫm, mắt nâu. Các bạn thấy thế nào? Kerman vội trả lời:

- Sai! Cô ta cao hơn, tóc vàng. Thế này thì chẳng hiểu gì cả.

Paula bây giờ mới lên tiếng:

- Như vậy có nghĩa là người con gái chúng ta giải thoát không phải là Anona Freedlander!

- Đúng rồi! Cậu hiểu chưa Kerman? Cô gái bị chết vì ăng-đô-các-đít ở Crestways là Anona. Còn cô gái bị giam giữ và đánh thuốc mê chính là Janet Crosby! Chúng tôi đứng dưới chân vực đá, cùng căng mắt nhìn vào bóng đêm. Đằng xa trên mặt biển, con tàu “Mộng Mơ” vẫn đang cháy như một bó đuốc nhỏ giữa đêm đen. Kerman chỉ vào bờ dốc đá gần như thẳng đứng, hỏi:

- Anh định bắt tôi trèo lên đỉnh hả? Tôi có phải loài khỉ đâu?

- Chuyện đó sẽ bàn sau. Nhưng việc trèo lên là bắt buộc vì không thể làm cách nào khác. Đường vào biệt thự này có hai cổng sắt lớn, mở đóng tự động cùng cả một hệ thống dây thép gai. Bởi vậy, nếu muốn lọt vào trong, chỉ còn có đường này. Kerman ngửa cổ lên, hỏi:

- Dễ thường tới một trăm mét!

- Chúng ta cũng phải thử thôi! Nào! - Vượt năm mươi mét đầu tiên cũng không khó khăn gì, vì các tầng đá mấp mô như các bậc thang để chúng tôi trèo lên cao. Tôi bám đèn vào vách đá. Từ chỗ này trở đi, con đường gần như thẳng đứng, Kerman chỉ vào một hốc đá:

- Coi chỗ kia kìa. Có lẽ phải bám cả móng lẫn răng vào đấy mới khỏi tuột.

- Nhìn xa thì vậy, nhưng tới gần, thế nào cũng có chỗ lồi lõm. Đừng vội nản!

Tôi nói vậy để khuyến khích anh bạn cùng có máu liều như tôi trong đêm nay, chứ thật ra tôi cũng đang nghĩ thầm, nếu nhờ tuột tay một cái thì chẳng có chỗ nào bám vịn cả. Chắc chắn là đi đứt!

Trèo thêm được hai chục mét, tôi ngưng lại để lấy hơi nhưng không dám quay lại nhìn xuống dưới. Tôi cứ cắm mặt vào vách mà hỏi:

- Kerman! Tới đâu rồi?

Anh chàng lẩm bẩm:

- Gần thiên đàng rồi! Tôi đang tự hỏi: “còn sống cơ à?”

Bỗng có tiếng đá rơi. Tóc gáy tôi rủ nhau đứng cả dậy. Tôi lại gọi:

- Kerman!

- Đây, đây. Có hòn đá, vừa đụng tới, đã rớt xuống rồi.

- Cẩn thận đấy nhé.

- Yên trí!

Chúng tôi trèo tới một chỗ lõm rộng, lại nghỉ. Trên đầu chúng tôi bây giờ là một tảng đá lớn, nhô nửa mình ra ngoài. Chỉ có cách biến thành mối mọt qua được đoạn này. Một dòng mồ hôi lạnh chảy từ gáy tôi tới dọc sống lưng. Nếu biết vực đá quá nguy hiểm như thế, có lẽ tôi đành chọn đường trèo qua hai cổng sắt! Nhưng bây giờ xuống còn nguy hiểm hơn. Tôi bấm đèn soi chung quanh hòn đá, phát hiện thấy chân ống lò sưởi của biệt thự bắt đầu từ chỗ này. Tôi bảo Kerman:

- Hai bên ống khói có các gờ bằng gạch. Có thể dang tay bám vào đấy rồi dùng chân đạp vào những mạch vữa trên xuống.

- Không có cách nào khác. Lại phải thử liều thôi.

Tôi bắt đầu bám vào bờ ống khói, nhích người lên từng centimét. Bỗng tôi đạp bật một mảnh vữa ra khỏi tường, hai chân thông xuống trong không khí, Kerman bấm đèn theo tôi, vội kêu:

- Cố bám lấy! Có tôi ở dưới rồi.

Tôi chưa kịp hiểu ý của Kerman và nghĩ, nếu tôi rơi xuống đụng vào anh ta thì lẽ dĩ nhiên, cả hai chúng tôi cùng lao xuống vực. Chợt một bàn chân tôi đụng vào một bên vai Kerman. Tôi bảo:

- Không làm thế được đâu. Có thể tôi sẽ đạp cậu rớt xuống đấy.

- Cứ bình tĩnh. Bây giờ, cứ việc đạp vào tôi mà trèo lên. - Cũng may là càng lên cao, bờ gạch hai bên càng hẹp lại khiến cho tôi dễ bám hơn. Tôi phải dùng sức hai vai, cánh tay, đùi, đầu gối, chân để nhích từng đoạn cho tới khi đặt được một chân lên một hòn gạch bệch. Tôi cố sức lần cuối, đu người lên một mặt phẳng rồi nằm ngửa người ra, thở. Có tiếng gọi:

- Vic, tới chưa?

Tiếng gọi của Kerman vọng lên từ một quãng rất xa. Tôi thò cổ ra ngoài, nhìn thấy ánh đèn mờ của cậu ta nhấp nháy tím mãi phía dưới mà thấy chóng mặt. Tôi gọi xuống:

- Jack! Cứ đứng đấy, đợi tớ đi tìm đây. - Dây ở đâu?

- Không biết. Còn phải đi tìm.

Từ chỗ tôi vừa nằm, đi tới bể bơi của biệt thự chỉ còn quãng một chục mét. Có ánh đèn sáng tỏa ra từ một cửa sổ.

Tôi đứng dậy, từ từ đi tới đó. Hàng hiên biệt thự vắng tanh. Dưới mái hiên có một cái ghế dài. Tôi ao ước được duỗi người trên ghế và ngủ một mạch tới trưa mai. Cái đèn chụp có chân cao tỏa ánh sáng xanh xuống một phòng khách rộng. Những cửa sổ đều mở về phía hành lang.

Tôi đang đếm từng bậc thềm khi bước lên hành lang vào phòng khách, bỗng đứng sững lại vì nghe thấy một tiếng nói vừa quen, vừa lạ. Giọng nói của một phụ nữ, phá vỡ cái đẹp của đêm khuya tĩnh mịch, của hương hoa và của vầng trăng tròn đang tỏa sáng. Cô nói như hét vào ống nghe, giọng nói the thé, cau có tức giận của người đàn bà trên bờ sự điên cuồng.

- Thôi! Biết rồi, biết rồi, biết rồi! Anh chỉ nói là giỏi! Lại đây! Im đi, lại đây ngay!

Cô gái quỳ trên cái divăng rộng, nắm chặt tay cầm điện thoại. Tôi chỉ nhìn thấy lưng cô. Ánh sáng nhẹ chiếu xuống cái gáy nõn nà và mái tóc xanh đen. Cô mặc quần bó vào người, ống ngắn, màu xanh lá cây và cái áo mỏng cùng màu. Cô đẹp như những người đẹp trong tranh: đùi dài, thân tròn lẳn, ngực cao, là loại người khó có thể sở hữu được cũng như không ai sở hữu được ánh trăng.

Cô lại hét vào trong máy:

- Thôi đủ rồi. Tại sao anh cứ nhắc lại mãi chuyện ấy? Lại đây, anh không còn đường nào khác cả!

Cô đặt mạnh ống điện thoại xuống. Không phải là lúc giữ lịch sự, vả lại, tôi đang mỗi nhừ khắp người, và một muốn dứt hơi nên cứ tự nhiên vào nhà chẳng cần đi cho nhẹ nhàng.

Tôi thấy những thớ thịt ở lưng cô giật nhẹ rồi cô từ từ quay lại, nhìn qua bờ vai. Đôi mắt đen mở to ra. Cô ngồi như vậy nửa phút mà không nhận ra tôi. Cũng phải, vì trước mặt cô là một tay thủy thủ cao to, quần áo rách nát, bộ mặt đầy bụi bẩn lẫn mồ hôi.

Tôi bình tĩnh nói:

- Xin chào! Em không nhận ra anh sao? Người bạn của em, Malloy đây mà!

- Nhớ rồi! - Cô há miệng ra để hớp một ngụm không khí rồi đứng dậy hỏi:

- Anh vào đây bằng lối nào?

- Bằng lối vực đá. Em nên thử đi xuống bằng lối này một lần cho biết. Rất lạ, đối với những ai mê cảm giác mạnh.

Cô đưa móng ngón tay cái lên miệng nhấm, rồi lại hỏi:

- Anh chưa nhìn thấy chứ?

Tại sao cô hỏi thế, tôi cũng không biết. Bởi vậy tôi chỉ trả lời cho qua:

- Tại sao lại “chưa” nhỉ?

Tôi cũng nhấn mạnh ở âm “chưa”.

- Cũng có thể. Nhưng cũng tùy ở anh. - Vậy sao?

Tôi ngồi xuống ghế. - Anh hơi mệt. Nếu em có gì cho anh uống thì hay quá!

Cô đi lại phía tủ rượu rồi quay lại hỏi:

- Anh lên bằng đường vực thật sao? Cô mang lại cho tôi một ly urytki lớn và đá. Ly rượu làm cho tôi ấm lên thật dễ chịu. Tôi nghĩ thầm “nếu phải chọn cô gái này và ly rượu, tôi sẽ chọn ly rượu hơn”. Nhưng tôi chỉ nói:

- Đúng! Anh đã lên đến đây từ đáy vực để uống, chúc mừng đôi mắt đẹp của em!

Cô đứng sát tôi, nhìn tôi uống, châm một điếu thuốc, để vào cặp môi mọng đỏ hít một hơi dài. Nhả khói rồi kẹp điếu thuốc giữa hai búp măng, móng hồng tươi, đưa cho tôi.

Những ngón tay của tôi khi cầm điếu thuốc, chạm vào ngón tay cô và thấy da thịt cô ươn ướt. Tôi hỏi giọng chán chường.

- Chị ở đây chứ?

Cô bỏ tay xuống và liếc nhìn tôi:

- Janet chết rồi! Đã hai năm.

- Từ khi chúng ta xa cách nhau, anh đã phát hiện được nhiều việc lắm. Anh biết cô gái mà mẹ em, bà Salzer đã nhốt ở trong viện hai năm là chị em. Có cần phải nói thêm những sự việc khác nữa không?

Cô cai mặt lại và ngồi xuống.

- Tùy anh.

- Có một vài việc do anh suy luận ra thôi. Em có thể góp ý kiến thêm cho anh được không?

Tôi ngồi sâu vào chiếc ghế rộng cho đỡ mỏi rồi nói tiếp:

- Cha em tín nhiệm Janet hơn nên đã để phần lớn gia tài lại cho Janet. Janet yêu Sherrill nhưng khi biết Sherrill có quan hệ với em đã quyết định cắt đứt cuộc hôn nhân. Trong cuộc xô xát giữa em và Janet, một trong hai người đã tức giận cầm súng và lên đạn. Giữa lúc đó, cha em chạy vào can thiệp. Vậy người nào bắn phải ông Crosby? Em hay Janet?

Cô châm một điếu thuốc, đặt xuống gạt tàn rồi mới nói:

- Việc đó quan hệ gì tới anh? Người bắn là em đấy. Anh đã thỏa sự tò mò chưa?

- Hồi đó, cô y tá Anona Freedlander phục vụ trong nhà em. Em sử dụng cô ta vào việc gì?
- Mẹ em cứ nghĩ là em cũng bị bệnh thần kinh nên trao nhiệm vụ cho cô ta săn sóc em.
- Cô Freedlander nhìn thấy tai nạn của cha em định báo cho cảnh sát, phải không?

Cô gật đầu, xác nhận:

- Mẹ em đã tìm cách giữ cô ta trong bệnh viện. Đây là cách duy nhất để giữ kín việc này. Janet muốn em phải vào viện nằm, và em giả vờ nghe theo. Nhưng về sau vì không thấy em trong viện, lại không biết em ở đâu nên Janet đã viết thư nhờ anh giúp. Trong thời gian đó, y tá Freedlander bị chết vì bệnh tim. Mẹ em lừa Janet vào viện nói là để gặp em, rồi giữ luôn lại ở trong phòng Freedlander, còn xác Freedlander thì tìm cách mang về Crestways chôn cất. Ông bác sĩ già Bewley xác nhận bệnh là đúng vì người chết không phải là Janet. Lẽ dĩ nhiên, toàn bộ gia sản nhà Crosby sau đó thuộc về em.
- Tại sao em cho người giết bố Freedlander?
- Ông sẽ cho anh biết về con gái và như vậy, mọi chuyện sẽ bị lộ.
- Còn Janet? Chị em đang ở đây chứ?
- Đúng thế.
- Việc này làm em lúng túng phải không?
- Dĩ nhiên.
- Em đã nghĩ ra cách giải quyết chưa?
- Có thể.
- Vậy em cũng chủ mưu giết Sherrill và đốt tàu “Mộng Mơ” hay sao?
- Em thấy rõ là anh biết nhiều quá!
- Đúng không?
- Đúng. Vì hắn sẽ là một cái lưỡi nguy hiểm, một khi hắn bị cảnh sát tra hỏi. Vả lại, thực chất hắn thật đáng ghét.

Chúng tôi ngồi im lặng một lát. Bỗng Maureen đặt vấn đề:

- Em nghĩ, không biết chúng ta có liên kết được với nhau không. Thật ngu dại nếu người ta chuyển số tiền lớn thế này cho mấy tay lăm chằm, đi bới những đồng gạch từ cổ xưa ở dưới đất lên, để chi tiêu cho hết hai triệu đô la.
- Liên kết là thế nào?
- Anh thừa hiểu, nếu người ta tìm được Janet còn sống ở đây thì em sẽ mất hết. Tốt nhất là chị ấy chết. - Tôi ngồi im, không đáp.
- Em đã cầm súng lại gần chị ấy nhiều lần, nhưng lại không nỡ... - Cô ta nhìn tôi.
- Em sẽ cho anh nửa gia tài.

Tôi di điều thuốc vào gạt tàn.

- Có nghĩa là em nhờ anh giết Janet?

Cô mỉm cười, nụ cười thật nhiều ý nghĩa.

- Anh thử nghĩ coi, chúng mình sẽ được những gì với những món tiền lớn đó.
- Tôi cũng nghĩ thế, nhưng chưa có tiền!
- Em sẽ viết cho anh một tấm ngân phiếu ngay bây giờ. - Tôi làm ra bộ ngô nghê:
- Nhưng rồi em có thể báo hủy tấm ngân phiếu, rồi sai người hạ anh như Sherrill thì sao?

- Em không nói sai đâu, nhất là khi đã hứa. Vả lại, rồi đây em có thể là của anh, nếu anh muốn.

- Thật thế sao? Tôi cố nén tình cảm. Tuyệt quá! Đâu, Janet đâu?

Cô ta chăm chú nhìn tôi vẻ mặt bình thản và lạnh nhạt, nhưng mạch máu hai bên thái dương giật giật. Cô hỏi tôi:

- Anh bằng lòng giết Janet chứ?

- Tại sao không? Đưa súng đây và chỉ cho anh cô ta ở đâu.

- Anh không cần tấm ngân phiếu trước hay sao?

Tôi lắc đầu bảo:

- Không cần. Anh tin ở em rồi.

Cô chỉ vào một cánh cửa ở cuối phòng và nói:

- Trong đó.

Tôi đứng dậy bảo:

- Đưa súng đây, phải bố trí thành một vụ tự tử.

Cô gật đầu, nói:

- Em cũng đã nghĩ như vậy. Đừng để... Chị ấy phải đau đớn lâu nhé.

Tôi chìa tay, bảo:

- Súng!

Cô ta giật mình, nhìn quanh và nói:

- Ủa nhỉ. Đâu rồi... Có lẽ trong túi của em.

Cái túi xách nằm trên một chiếc ghế. Cô đi tới, nhưng tôi nhanh hơn, xua tay bảo:

- Để đây, để anh lấy cho. Em cứ ngồi xuống đi.

Tôi cầm chiếc túi lên, mở khóa.

- Để túi xuống, Malloy!

Tôi quay người lại.

Manfred Willet đứng ở ngưỡng cửa, chìa khẩu súng tự động vào phía tôi. Maureen gào lên:

- Đồ con lừa! Anh không chờ được một lát hay sao? Hắn sắp giết chị ấy!

Willet quay lại nhìn cô, mặt lạnh lùng:

- Không, hắn không giết ai cả. Hắn chỉ muốn giữ được khẩu súng của cô thôi. Im đi, để hắn cho tôi.

Người cô như cứng lại. Cô hỏi tôi dồn dập:

- Đúng thế không, đúng thế không? - Tôi gật đầu, mỉm cười và trả lời:

- Đúng!

Willet đi vào, đứng ở giữa phòng, nói to:

- Thôi đủ rồi. Ngồi xuống đi, Malloy. Cả cô nữa.

Tôi ngồi xuống ghế còn Maureen vẫn đứng. Cô lại bắt đầu cắn móng tay. Willet cầm súng, chỉ vào cô:

- Ngồi xuống! Cô cũng có máu điên như mẹ cô ấy. Đã đến lúc phải đưa cô vào viện tâm thần rồi!

Cô ngồi xuống ghế, bắt chéo đôi chân, Willet tựa lưng vào tấm đá cẩm thạch bên lò sưởi, khẩu súng vẫn chìa vào phía tôi và Maureen, nét mặt mệt mỏi. Ông ta đưa mắt hết nhìn tôi lại nhìn sang cô gái, và hỏi:

- Janet đâu? - Maureen không nói. Tôi chỉ tay về phía cuối phòng.

- Vẫn khỏe chứ?

- Chắc vậy - Tôi trả lời.

Ông ta có vẻ yên tâm, nhưng vẫn không hạ nòng súng xuống và nói với tôi: Nếu anh chịu hợp tác với tôi, anh sẽ được món tiền lớn. Tôi đã sai lầm để cho Maureen tự do hành động, cứ tưởng rằng cô ta không dám hại ai. Nhưng mà cô ấy cũng có máu diên như mẹ. Trước đây, chỉ có Sherrill gây khó khăn cho tôi, nhưng bây giờ hắn đã chết. Tôi sẽ đưa cho anh năm chục ngàn đô la. - Tôi nhướn lông mày:

- Cô ta vừa đề nghị biếu tôi một triệu.

Ông ta tỏ vẻ sốt ruột:

- Nghe đây, không nên mất thời gian. Maureen không có triệu nào cả. Mà nếu có chẳng nữa, anh cũng đừng mơ lấy được của cô ta. Cô ta không được hưởng số tiền bảo hiểm con tàu. Người có quyền hưởng là tôi!

- Vậy ông sẽ để cô ta làm gì bây giờ?

- Cô ta sẽ vào bệnh viện nếu không muốn vào tù! Chúng ta có thể thu xếp việc này. Janet sẽ hưởng gia tài còn chúng ta sẽ chia nhau số tiền bảo hiểm.

- Xin hỏi. Có phải chính ông đã bày ra mọi chuyện này không?

- Câu hỏi đó không có lợi ích gì - Willet nói dần giọng.

Maureen tức giận, lên tiếng:

- Đúng thế đấy. Ông ta đã mưu mô ngay từ đầu để có thể sử dụng món tiền được quản lý. Bị Janet tố cáo, ông ta đã bắt mẹ tôi giam giữ chị ấy tại bệnh viện. Nếu không có Sherrill, ông ta đã hại cả tôi rồi.

- Thôi, im đi! - Willet quát.

Tôi nói với ông ta:

- Tôi đã nghĩ xấu về ông ngay khi ông tìm cách thoái thác không cho các đồng nghiệp của mình hay biết gì về cô Maureen. Khi cô thư ký của tôi bị bắt đi thì tôi đã rõ. Vì lúc đó chỉ có tôi, Paula và ông biết chỗ ở của Janet.

- Thôi, nói làm gì. Nếu không có con bé diên này và tay Sherrill thì mọi việc vẫn trôi chảy. Tôi không đồng ý với việc sát hại nhau. Khi mọi việc xảy ra như vậy, tôi quyết định phải cho Maureen vào nằm viện. Bây giờ, vẫn còn kịp, và chúng ta vẫn còn có thể chia nhau.

- Nếu tôi không đồng ý?

- Tôi sẽ rời bỏ nước này để sống ở nước khác. Nhưng tôi bắt buộc phải giữ anh ở đây tới khi tôi rút được hết số tiền bảo hiểm ra.

- Em nghĩ thế nào? - Tôi hỏi Maureen.

- Cô ta không có gì để nói cả

- Willet nói chen vào. Bệnh viện hay vào tù! Thế thôi. Để cô ta ở ngoài, nguy hiểm lắm.

Maureen phản đối:

- Tôi không nói, nhưng có thể làm đấy.

Chắc Maureen đã cố ý giấu sẵn khẩu súng thứ hai ở dưới nệm ghế. Tiếng nổ vang lên trong phòng làm cháy sém vải nệm. Willet buông rơi khẩu súng, ôm ngực loạng choạng mấy bước rồi ngã khuỵu xuống sàn. Tôi vội nhảy lên phía cô gái, nắm lấy tay cô. Phát đạn thứ hai chỉ đi sạt cạnh tôi. Chúng tôi ôm nhau, lăn mình trên thảm. Tôi vờ được khẩu súng, đẩy cô ta ra, rồi đứng dậy, - Khá lắm! Khá lắm! - Có tiếng nói của Mifflin ở ngoài cửa.

- Không sao chứ?

- Kerman hỏi tôi.

Tôi hỏi lại:

- Các cậu nghe thấy hết mọi chuyện rồi sao? Làm thế nào lên được đây?

- Dừng dây leo núi!

Mifflin hỏi:

- Willet bị nặng không?

Tôi chưa kịp trả lời nhưng kêu to với Kerman:

- Chú ý tới cô ta. Kìa!

- Trong thâm tâm tôi lại không muốn ngăn cô lại.

Maureen chạy băng băng từ khoảng sân trên, xuống sân dưới, qua khu vực bể bơi, thẳng tới vực đá. Mifflin và Kerman đuổi theo sau.

Nhưng cô đã lao mình vào khoảng trống. Chúng tôi đứng lại, lắng nghe...

Tôi biết rằng, ở sâu dưới đáy vực, có nhiều bông hoa dại chen nhau mọc rất dày. Chắc bây giờ, Maureen đang nằm ở đó như nằm trên một tấm nệm hoa. Đáng tiếc rằng, dưới lớp hoa dại lại còn lớp đá cục cằn nhám nhở.

Lớp đá nâng niu một thân hình tuyệt mỹ, đồng thời cũng làm giập nát cả một cuộc đời hoa...

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/hay-dat-nang-len-tam-tham-hoa>